

HỌC PHẬT VĂN TẬP

Tác giả: Pháp sư Sướng Hoài

Phụ tá Tác Giả chọn lọc

Phù Quang nhiếp ảnh

Viết dịch Thích Thắng Hoan

MỤC LỤC

° Lời Tựa

° Tự Tựa

I.- CHÁNH TÍN ĐÍCH THỰC LÀ PHẬT GIÁO.

1. Phật Giáo Phải Chăng là Mê Tín?
2. Tông Giáo Đều Có Ba Phần Ngây Dại.
3. Cái Gì Là Tứ Đại Giai Không.
4. Giải Thích Sơ Lược Sáu Căn Thanh Tịnh
5. Mạn Đàm Đạo Nhẫn Nhục.
6. Chân Nghĩa Của Lễ Bái.
7. Quy Y Tam Bảo Thân Tâm An Thối.
8. Vì Người Sơ Cơ Học Phật Góp Ý Kiến.

II.- NHÂN SANH CÙNG PHẬT GIÁO.

1. Nhân Sanh Quan Của Phật Giáo.

2. Phước Huệ Cùng Nhân Sanh.
3. Phước Huệ Cùng Thiện Ác.
4. Phiền Nảo Cùng Thống Khổ.
5. Bàn Luận Về Khổ Cùng Không.
6. Điều Vui Không Thích Nghi Nhu Cầu Của Người Thế Gian.
7. Pháp Của Thế Gian Và Xuất Thế Gian.
8. Vũ Trụ Vạn Hữu Từ Đâu Đến.

III.- QUÁN TỬ BI CỦA PHẬT GIÁO.-

- 1.- Chân Nghĩa Của Hộ Sanh.
- 2.- Giới Sát Cùng Phóng Sanh.
- 3.- Con Người Làm Gì Cần Giới Sát Và Phóng Sanh.-
- 4.- Trì Trai Cùng Ăn Rau Cải Có Không Giống Nhau Những Gì.-

IV.- PHẬT GIÁO VÀ TIỀN ĐỒ CÙNG XÃ HỘI.-

- 1.- PHẬT GIÁO CÙNG VẬN MẠNG VÀ TIỀN ĐỒ.-
- 2.- Phật Giáo Chọn Công Thức Mâu Nhiệm Gì?
- 3.- Luận Sự Lợi Hại Của Dùng Nghi Thức Phật Giáo Kết Hôn.
- 4.- Tông Giáo Đối Với Xã Hội Đã Cống Hiến.
- 5.- Quan Niệm Đối Với Thanh Thiếu Niên Phạm Tội.-
- 6]- Cảm Tưởng Bốn Phép Tắc.-

V.- ĐÀM LUẬN VỀ TẶNG GIÀ.-

1.- TĂNG GIÀ ẢNH HƯỞNG CHẠY THEO KINH SÁM

2.- ĐỐI VỚI TĂNG GIÀ ĐỔI MỚI

3.-TĂNG GIÀ LÀ KHÔNG TIÊU CỰC.-

LỜI NGƯỜI DỊCH

Kính Pháp Sư Sướng Hoài, tôi tu sĩ Thích Thắng Hoan đọc qua tác phẩm PHẬT HỌC VĂN TẬP của ngài viết nhận thấy ngài một nhà bác học uyên thâm Phật giáo nắm vững mọi tư tưởng cao siêu của các phái, các tông giáo cả trong đạo lẫn ngoài đời. Toàn bộ tác phẩm của ngài đều xây dựng vững chắc trên lãnh vực biện chứng pháp của Nhân Minh Luật. Nội dung tác phẩm trong đó, mỗi một chủ đề ngài biện chứng bằng những lãnh vực mặt phải mặt trái, chiều sâu chiều cạn, mặt phủ định, mặt xác định, cuối cùng để làm sáng tỏ vấn đề bằng kết luận. Tôi vô cùng kính nể kiến thức của ngài.

Tôi rất tiếc nội dung tác phẩm tàng trữ những tư tưởng cao thâm như thế lại nằm yên trong thư viện Hán Học không được phổ biến sâu rộng ra tiếng ngoại quốc. Hôm nay xin ngài cho phép tôi chuyển ra tiếng nước tôi là Việt Ngữ để phổ biến. Vì mục đích hoằng pháp, phát huy quang đại tư tưởng giá trị này, việc làm này của tôi không có tánh cách buôn bán xin ngài mở rộng lòng tha thứ.

Trong tác phẩm này, chỗ nào có chữ nằm nghiêng trong dấu (...) là lời tôi giải thêm cho rõ nghĩa. Tôi dịch tác phẩm này, xin các đọc giả xét thấy có chỗ nào sai sót chỉ bảo cho, để tôi tu chỉnh cho hoàn bị hơn. Thành kính cảm tạ.

Ngày 28. 04. 2021

Thích Thắng Hoan

Chùa Phật Quang

Trung Tâm Phiên Dịch và Trước Tác

LỜI TỰA

Pháp sư xuất gia tuổi còn nhỏ, theo học Đại Đức Từ Châu Lão Hòa Thượng đang còn tại thế, Đại Đức là một trứ danh nổi tiếng Luật Tông của thời Trung Quốc cận đại, nhân vì Pháp sư Sướng Hoài đối với giới luật không phải thường chú trọng xuất sắc, cũng là pháp sư có cảm tưởng sau chiến tranh Hương Cảng sụp đổ phong thái giới luật Phật giáo ngày càng hưng thịnh nhờ nỗ lực dẫn đạo xương minh, việc mong cầu thiện tính nương theo pháp môn tam học giới, định, tuệ để tu trì.

Pháp sư bình thời sinh hoạt, y áo sơ sài, ăn uống đạm bạc, chỗ ở đơn giản, ăn giản dị, tự mình tiết kiệm, độ người tiếp chúng, rảnh việc lễ Phật, tọa thiền, kiểm duyệt kinh tạng, nghiên cứu kinh luật, đọc tụng kinh điển, quét dọn, giặt áo, trồng hoa, nấu nướng rau cải vân vân, giở tay động chân đều là thiền.

Cá tánh Pháp sư hoà nhã khả kính, bình dị dễ gần, bình thân lợi danh. Cổ nhân nói: “Chí hướng bình thân rõ ràng, yên tĩnh dẫn đến từ xa”. Như thế, các thứ Pháp sư dùng để trọng phước, tích phước, tu phước, tạo phước, vì chúng sanh mà tạo các phước cho họ.

Thời gian bắt đầu từ năm 1975 đến năm 1995, Pháp sư ở Phật Giáo Thanh Niên Hiệp Hội đã xây dựng 72 khóa truyền thọ Tam Quy Ngũ Giới. Truyền Tam Đàn đại giới Tại Gia Bồ Tát Giới, Du Già Bồ Tát Giới cũng cố định tổ chức xây dựng, nhân vì Thiên Thai Tinh Hội đã xưng tán của Trứ Danh Giới Đàn.

Lại nữa Pháp sư cảm thấy nơi Phật học có tiến tu và tĩnh tọa chính là pháp môn tu hành nhưng Pháp sư phải quản lý, cho nên mỗi năm định kỳ khai mở xây dựng lớp Phật Học Sơ Cấp và lớp Tiến Tu, lớp Tĩnh Tọa, đều do Ngài đích thân trách nhiệm đạo sư, đã tạo không ít giới nhân tài cho Phật giáo.

Pháp sư từ bi thương xót chúng sanh huệ căn còn kém, cho nên bắt đầu năm 1977 diễn thuyết chuyên ngành pháp môn Tông Lăng Nghiêm. Lại nữa, lúc bấy giờ cần nên cung thỉnh lên pháp tòa giảng kinh, khai thị, nhưng không lựa hội trường, không tính nhân số, không luận tư chất, có thể độ liền độ. Không luận giảng diễn Phật pháp hoặc soạn viết văn chương Phật giáo, Pháp sư đều vào sâu ra cạn, biện tài không ngại; Pháp sư đối với học viên Phật giáo, pháp khí, quy tắc nghi lễ cũng rất tinh thông. Pháp sư đối với thiện tín sơ cơ trực tiếp hướng dẫn, thừa sức không mất, mỗi người liên tiếp vẫn không thấy mệt, ân cần khéo léo, mong mỗi có thể khiến chúng sanh quy y Tam Bảo, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển. Lại nữa,

Pháp sư thường lễ thỉnh cao tăng hải ngoại như Đại đức Lệ Cảnh Tuyên giảng Phật pháp, công việc khiến đồ chúng có thể thành bác học đa văn, theo văn, tư, tu, đặng tiến tới Phật đạo.

Pháp sư đến năm đề xướng in sách Phật giáo nhiều cả trăm thứ, số cho là nhiều cả trăm vạn quyển. Bao gồm sáng lập xuất bản tiếng Phật bằng “Điện Âm”, đều giúp các nhân sĩ mới vào Phật môn, in sản xuất để kết duyên, theo để nhận thức Phật giáo, tự tu tham khảo, khởi tin Tam Bảo, số này rất nhiều không ít. Pháp sư khéo dùng văn tự Bát Nhã rộng độ chúng sanh, Pháp sư trước tác có “Tĩnh Tọa Giảng Nghĩa” “Học Phật Văn Tập”.

Chỗ thực hiện của Tổng Quan Pháp sư là phạm có người đệ tử quy y đều nhận thức Pháp sư, đều tôn vinh là đạo sư khả kính, có thể xem như từ phụ. Pháp sư thật là người dẫn đạo của triết học nhân sanh, là địa vị Tinh Tấn Lực hành Bồ Tát Đạo, có thể xưng là người khuôn mẫu của kẻ học Phật.

Năm 1995 Trương Phỉ La cẩn thận xếp theo thứ tự nơi Hương Giang.

TỰ TỰA

Phật pháp mầu nhiệm sâu xa, không phải dựa vào sự giải thích của các bậc hiền triết đã trải qua thời đại trước, nguyên vì lý của nó tất nhiên chìm mất không lộ diện, “Kinh Hoa Nghiêm” nói: [Dụ như bảo vật trong đêm tối, không đèn không thể thấy, Phật pháp không người nói, tuy có huệ mà không thể thấy rõ.] Cho nên thuật lại sự tín giải của người khác cũng là một con đường hoằng pháp, tôi tự cảm thấy mình không có trí huệ thật xấu hổ tài sơ, lại chơi chữ, xếp bừa bãi vào cho đủ số, tuy có tâm phát huy, nhưng việc làm vẫn không có tinh thần phấn khởi, mỗi một niệm mặt mày mồ hôi chảy không thôi, lại còn nguyên nhân làm văn qua loa, cú pháp chưa kịp trau chuốt, chữ chưa được cân nhắc, hoặc thuật lại lời cổ đức mà giải bày cũng đã chưa hết ý, hoặc chỉ nói một phương diện mà còn sót nhiều, lẽ tất nhiên nó làm trò cười cho thiên hạ, hôm nay gom góp lại thành trang, in đóng thành

sách, mục đích cùng kết thiện duyên, để được thành tựu chính nhờ nơi những người có đạo, giả sử các giới thiện tín, thưởng cho tôi bằng cách chỉ bảo thì tôi không gì hơn cảm kích vô hạn.

Mùa thu năm 1995 Sa Môn Sống Hoài kính cẩn đề tựa nơi Tịnh Xá Thiên Đài.

I.- CHÁNH TÍN ĐÍCH THỰC LÀ PHẬT GIÁO.-

1.- Phật Giáo Phải Chẳng Là Mê Tín ?.

[Phật] hoặc [Phật Đà], tiếng Ấn Độ là Buddha, dịch âm là xuất lai (ra đời) là danh từ. Ý nghĩa của nó có ba: (1) Tự Giác, (2) Giác Tha, (3) Giác Hạnh Viên Mãn.

(1). Tự Giác: là nói tự mình đã giác ngộ,

(2). Giác Tha: là nói không riêng mình đã giác ngộ, lại còn dẫn dắt người khác, khiến họ giác ngộ.

(3). Giác Hạnh Viên Mãn: là nói tự mình đã giác ngộ, lại giác ngộ cho người khác, hai thứ đức hạnh giác ngộ đây chỗ nơi hoàn toàn viên mãn không thiếu.

Phật giáo đã có lịch sử hai ngàn năm, nhưng truyền vào Trung Quốc rất muộn sau văn hóa tây dương, bị rất nhiều người nhận lầm cho là tông giáo mê tín. Chúng nó thấy tượng Phật trang điểm bằng vàng, nghe đến tiếng cá bằng cây, tiếng chuông khánh, liền nói Phật giáo thì sùng bái thần tượng. Phía bên trong, biết Phật giáo nhất sự nhất vật đều có căn cứ lý luận, chỉ là thứ lý luận đây không phải trải qua một phen nghiên cứu, cho nên không dễ rõ ràng. Tiên sanh Lương Khải Siêu nói: “Phật giáo là trí tín, mà không phải là mê tín.” Tín ngưỡng của Phật giáo là chỉ tín ngưỡng chân lý của vũ trụ nhân sanh.

Phật đà đối với chúng ta mà nói: [Người người đều có đức tướng trí huệ của Phật, nhân vì bị dục niệm che đậy, không thể chứng đắc, cho nên bị sống lâu các khổ, không chịu theo giải thoát.] Lại nói : [Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.] [Tất cả

chúng sanh xưa nay là Phật.] Chính là nói không chỉ khoảng cách giữa con người cùng con người đều bình đẳng, khoảng cách giữa Phật cùng Phật đều bình đẳng, cho đến con người cùng động vật cũng là bình đẳng. Mà lại [Là các pháp đều bình đẳng không có cao thấp.] Không chỉ hữu tình bình đẳng, tất cả tâm pháp, tất cả sắc pháp, tâm pháp cùng sắc pháp, nhân pháp cùng quả pháp, tất cả đều bình đẳng. Chúng sanh sở dĩ có tướng sai biệt, nhân vì hoàn toàn mê mất bản tánh, thật thì bản tánh mỗi mỗi vẫn bình đẳng, chưa từng cải biến. Vạn sự vạn vật đều do nhân duyên

hòa hợp, hư vọng nên có sanh, nhân duyên ly biệt hư vọng gọi là diệt, bản thể của nó vốn không tự tánh. Cho nên gọi: [Duy tâm chỗ hiện, Duy thức chỗ biến].

Sao gọi là khoa học? Nói giản đơn, khoa học là học vấn phân khoa. Là đối với sự quan hệ hỗ tương của mỗi một thứ sự vật, thực hiện nghiên cứu có hệ thống, trải qua thực nghiệm, tạo thành công thức, từ công thức đưa đến kết luận, chính không phải là suy đoán chủ quan. Phương pháp nghiên cứu của khoa học, ở chỗ không ngoài hai thứ, nghiên cứu thảo luận và quy nạp. Nghiên cứu thảo luận thì từ nơi công lý đã biết, hoặc quy luật đã chứng thật, trở lại tìm cầu lý luận chưa biết. Quy nạp là từ nơi sự biến hóa của các sự vật, cầu dựng quy luật của cộng đồng tuân thủ.

Nhân minh của Phật giáo, nhận cho chân tướng của sự vật, tất phải viển ly hai chương sở tri và phiền não, mới có thể hiển hiện. Cho nên, ba chi thức của nhân minh học cùng với tam đoạn luận pháp của khoa học, tuy nhiên thứ tự có tương phản, nhưng kết quả thì tương đồng.

*- Tam Đoạn Luận Pháp:

- [Đại Tiền Đề]

- [Tiểu Tiền Đề]

- Sau cùng được đến [Kết Luận]

*- Nhân Minh thì trước ra:

- [Tông]

- Thứ đến ra [Nhân]

- Sau cùng ra [Dụ]

*- So sánh:

- Tam Đoạn Luận Pháp: [Kết Luận], tức Nhân Minh : [Tông]

- Tiểu Tiền Đề.....: [Nhân]

- Đại Tiền Đề.....: [Dụ]

*Dụ của Nhân Minh phân làm hai thứ:..... [Đồng] và [Dị Dụ]

*So sánh Đại Tiền Đề của Chu Đáo trong Dụ dùng hai chữ [Hiện Kiến] so sánh Đại Tiền Đề cũng linh hoạt. Có thể thấy phương pháp nghiên cứu của

Phật giáo sử dụng so với phương pháp của khoa học thì hoàn thiện hơn.

Lập trường của khoa học là khách quan; lập trường của Phật giáo, cũng là bài trừ [ngã chấp] của chủ quan. Khoa học thì sản vật của lý trí, phá trừ kiến chấp sai lầm đối với trên vật lý của nhân loại; Phật pháp thì thấu triệt chứng đắc của lý trí, phá trừ mê chấp trên tâm lý của nhân loại. Đối tượng nghiên cứu của nhà khoa học là sự cấu tạo của vật chất, sự biến hóa của vật chất, và trong sự biến hóa đó chỗ phát sanh các thứ số lượng quan hệ, đây chỉ mới nghiên cứu đến “Bách Pháp Minh Môn Luận” chỗ trình bày [sắc], [thời], [phương] và [thứ đệ] vân vân mấy thứ trong Bát Tướng Ứng Hành Pháp, đồng thời chưa nghiên cứu đến tâm pháp là [tâm vương] và [tâm sở] vân vân. So sánh sắc pháp cùng tâm pháp, không linh động bỏ sót sắc pháp so sánh tâm pháp, tâm pháp so sánh sắc pháp thì linh hoạt hơn.

Thế kỷ gần đây, khoa học đối với nhận thức vũ trụ của phương diện thật tướng, phát hiện trọng đại không nghi là có tột cùng, đối với sự cấu thành của vũ trụ, cũng lại có nhận thức cụ thể. Nhưng sự phát triển của khoa học, không chỉ không đủ để luận lý phủ định Phật giáo, mà lại còn giúp đỡ Phật giáo luận lý tiến hành chứng minh có năng lực. Hơn hai ngàn năm trước, trong Kinh Phật có dùng [Hạt cải kết nạp núi Tu Di], lại thuyết minh một thứ lực lượng, khi thứ lực lượng này thu hẹp nhỏ lại có thể chứa trong hạt cải, khi phát ra có thể vượt qua núi Tu Di lớn. Sự phân tích nguyên tử của khoa học cận đại, vật chất quá cực nhỏ, có thể thành lực lượng quá cực lớn, đây không phải là so sánh với Phật giáo luận lý giống nhau hay sao?

Sự phát triển của khoa học, không ngại đã rung động lay chuyển hoàn toàn luận lý của một số tông giáo nọ, lung lay một số tín ngưỡng của con người kia, hoàn toàn mất tinh thần đã gởi gắm mình

trên thần quyền, đã tạo thành tinh thần hoàn toàn trống rỗng trên thần quyền. Nhưng đối với Phật giáo, khoa học càng phát triển rục rờ thì giáo nghĩa của Phật giáo lại càng phát cao ánh sáng to lớn. Phật giáo không những không giống lý luận như các tông giáo khác, không trải qua sự khảo nghiệm của khoa học, mà phản nhau với khoa học, khoa học đã vì Phật giáo lý luận, thực hiện chú giải hoàn toàn có lực, chứng minh Phật giáo vĩ đại. Năm gần đây trong Phật giáo đồ của Trung Quốc, lại có không ít nhà khoa học trừ danh. Đối với khoa học, họ tạo trình độ kỹ thuật càng thâm sâu, cho nên họ càng có thể giải thích trong kinh Phật mà trước nay không thể giải thích hoặc nghĩa lý không dễ giải thích, Cho nên Phật giáo có thể nói là trí huệ của nhân loại, là tượng trưng của ánh sáng, ở ngày nay là thời đại khoa học phát triển rục rờ, nó hoàn toàn chiếu phá ngu si mê ám của thế giới, giải trừ hoàn toàn mê chấp của nhân loại, khiến trí huệ của nhân loại, đạt đến chỗ phát triển cảnh giới không ngừng.

Bác sĩ Bảo La nước Anh nói: [Phật giáo là cứu tinh của nhân loại ngày nay, gần đây trên thế giới người nghiên cứu Phật giáo mỗi ngày lần lần càng tăng nhiều, thật tế nguyên nhân Phật giáo xuất hiện cao thâm hơn tất cả tông giáo. Khoa học vươn lên có sở trường tiến bộ, chỗ phát minh của nó, cũng chỉ và ẩn chứng sự hổ tương của Phật pháp. Mà Phật pháp chỗ rất tinh thâm, chỗ rất vĩ đại, thì không phải học thuật hiện đại của các tông giáo khác có thể mong đuổi kịp.] Tiên sanh Tôn Trung Sơn cũng nói: [Phật giáo chính là lòng thương yêu của cứu thế, Phật giáo chính là mẹ của triết học. Tông giáo thì tạo thành dân tộc và giữ gìn dân tộc, một thứ lực lượng tự nhiên rất to lớn, nhân dân không thể không có tư tưởng của tông giáo. Nghiên cứu Phật học, riêng có thể bổ khuyết cho khoa học.] Nguyễn các nhân sĩ trong xã hội, đoạn trừ nghi hoặc sanh tín tâm, y giáo phụng hành.

2.- Tông Giáo Đồ Có Ba Phần Ngây Dại.

Nhiều năm về trước tôi có đọc qua một bản trước tác, hiện tại đã trải qua nhiều năm quên ghi tên của quyển sách, chỉ ghi được trong đó có một câu nói: [Phàm người có Tông giáo tín ngưỡng, đều có

ba phần ngây dại.] Nếu như vị trí của tác giả đây đối với nhân sĩ của tông giáo có ba phần ngây dại, chưa thấu suốt đầu đuôi mà đi phê phán, đó chính là có vấn đề. Phàm phê bình một sự một vật, đầu tiên cần phải minh bạch đầu đuôi của sự kiện đây và sau đó xét kỹ đúng sự thật, rồi mới phê phán, như thế mới là thích hợp, bằng không, nên dùng lập trường của Môn Ngoại Hán, để khỏi mang tiếng múa rìu qua mắt thợ.

Nướng nơi trên mà nói câu đây, chứng tỏ tác giả đối với giáo nghĩa của Phật giáo và sự sinh hoạt hành trì thường ngày của Phật giáo đồ, nhất nhất không chút hiểu biết, mà tin nơi cái miệng lại phát ngôn cho chúng nó đều có ba phần ngây dại, đâu không phải không thỏa đáng rất lớn hay sao? Tác giả có thể thấy đến rất nhiều nhân sĩ tông giáo cùng thế gian không tranh luận, nơi người đời không mong cầu, đối với vinh nhục đặng mất tâm không bị trói buộc, đã không vừa lòng cho là phàm người tín ngưỡng tông giáo, nhất định đều mê muội hão huyền, thất vọng chán chường, chất phát vô tình, sinh hoạt quá cố chấp tiêu cực, thứ quan niệm đây mười phần sai trái hết mười. Phải biết người có tín ngưỡng tông giáo và người không có tín ngưỡng tông giáo, tánh chất sinh hoạt cùng quan điểm đều có chỗ không giống nhau, người trước thì chú trọng xem sự tu trì trên linh tánh là tu tâm dưỡng tánh, nhưng người sau thì đại đa số chỉ tìm cầu hưởng thụ trên vật chất làm mục đích.

Người đời nguyên nhân nam thì kết hôn, nữ thì lấy chồng, sanh con trai, đẻ con gái, gia đình gánh vác hệ trọng, không đặng không vì duy trì sanh kế mà chạy trốn. Nếu như y phục lương thực trụ lại sự lưu hành chưa đạt lý tưởng, rồi lại nhờ Hội Xương Hiêm đi tạo một số sự việc hại người lợi mình, một sớm được an cư lạc nghiệp, lại tưởng đến cầu danh, nói chung chính là mãi mãi không dừng nghỉ cứ đi tranh danh trục lợi. Có lúc làm người thủ lãnh, vẫn còn quản lý thường đề thấp người khác, khoe khoang khắp nơi, tự mình dương oai, suốt ngày cái ngã càng dài, nhà người ta càng ngắn, tranh cường háo thắng. Bất ngờ công thành danh toại, lại ý đặng đòi dào, tự cao tự đại, mắt không tất cả, Cho đến quan niệm đạo đức Tông giáo, chân lý vũ tr

ho là đồng nhau hý luận. Phật giáo gọi là [Phú quý tu đạo khó.] tức là lý đây vậy.

Lại nữa, hoặc nếu có chỗ mất việc làm, hoặc gia đình nghèo lại có thân nhân già cả, liền hiểu được nẻo trước mịt mù, mất hết tinh thần, tự cảm thấy thấp hèn nhỏ bé, lời nói chấp nhận chất phác, đây là mối ngộ nhân sanh thống khổ, phải cầu sự trợ giúp nơi Tông giáo. Tục ngữ có câu: [Gặp lúc cấp bách mới ôm chân Phật].

Trong như loại đây chỉ ngoảnh mắt trước quang cảnh, người không có lo xa, người như thế có thể thương xót.

Nếu gặp phải sanh con trai đẻ con gái, con gái thuận tiện nấu nướng nhưng khó giết con vịt con gà, thân bằng đầy nhà, chúc mừng long trọng, dùng tàn sát thân mạng động vật khiến đầy đủ vui vẻ cá nhân, như thế đâu phải sự việc công bằng? Phật giáo gọi là: [Kẻ hại người thì hại mình, lợi người thì lợi mình.] Nếu khiến chúng sanh đoan mạng, nay lại mong cầu mình được trường mạng, không những cầu không thể được, ngược lại, tất nhiên tự mình sẽ gặp tai ương.

Người ta một sớm sanh ly tử biệt thì kêu trời giậm đất, sớm tối buồn thương, quên ăn bỏ ngủ, thậm chí hoặc bị thương thành bệnh tật, tuy nhiên như thế lại có giúp ích được gì? Người đời ai cũng không khỏi phải chạy trên con đường này, chỉ tranh nhau đến sớm cùng đến chậm mà thôi. Cổ đức Trang Tử để tang vợ, đánh trống mà ca. Người khác nói [Phàm người chết, nhất định phải buồn thương, ta cũng là người, sao không khổ tâm, do vì ta đã sáng tỏ con người do khí mà sanh, người chết sẽ trở về nơi khí, nhân đây ta chẳng buồn thương.] Do đây có thể biết con người sáng tỏ chân lý nhân sanh là cũng giống như chỗ cảm thọ của con người có chỗ không giống nhau.

Giáo đồ có tín ngưỡng thì không nổi trôi theo thế tục, chúng nó sẽ nương theo tinh thần nơi tín ngưỡng của Tông giáo, hoàn toàn loại bỏ thế tục ra ngoài, lại không dứt chỗ trên tu trì dưới công phu, từng bước dần dần trừ bỏ thất tình lục dục, cho nên người đời đối với tri thức thế gian nhanh trí cho là quý, mà đối với Phật giáo đồ những màu

nhiệm của phàm tình thế gian đều cho là mơ hồ. Nơi chỗ đây, tác giả nói [Nhân sĩ Tông giáo có ba điều ngậy đại]. Trên sự thật, chỉ có ba phần thì lại không thể với tới được, có thể có bảy phần thì mới gần đạo, nếu cần tương hợp thâm sâu mục đích của Phật, lại đâu cần thật hành đủ bảy phần này? Thật ra, phiền não cùng khổ đau của con người mỗi khi phát khởi nguyên nhân liền tự cho là đủ trí để biện minh. Tục ngữ nói: [Chính không phải là mở miệng nhiều, phiền não nhân đây xuất đầu rất mạnh.] Mà lại tất cả vạn sự vạn vật trong thế gian, không một thứ nào không phải là huyền vọng tạo thành, lại đâu nhất định chấp cho là thật có, đâu nhất định sanh ra phân biệt?

Giáo nghĩa của tất cả Tông giáo cứu cánh như thế nào? Nếu nghiên cứu nghĩa sâu xa của nó, các nhà quan tâm để xu hướng thì không giống nhau. Nhưng nhìn nông cạn mà nói, vẫn khác đường nhưng cùng về một chỗ, tức là điều thiện vui tốt cùng. Thí dụ như, Nho giáo thì có [Khắc kỷ phục lễ] (Kiềm chế lòng ham muốn của mình để khôi phục lại lễ nghĩa). Đạo giáo thì có [Ninh tĩnh đạm bạc] Yên tĩnh đơn sơ), Phật giáo thì có [Ngũ giới thập thiện], Cơ Đốc giáo thì có [Ngũ giới], những đây đều là dạy người [Các điều ác chớ làm, các điều thiện vâng làm]. Người có tín ngưỡng Tông giáo nên cần phải quay về giáo nghĩa của nó mà nói nên khởi hành. Chỗ gọi [Không vì tự thân cầu an lạc, chỉ nguyện chúng sanh được lìa khổ]. Có thể nguyện vọng đây mới là một tín đồ chân chánh. Nhân đây người sử dụng làm ngược lại, ta ứng thuận thọ nhận, nghe bị giết mà không tức giận; người sử dụng làm thuận theo, ta sử dụng thừa nhận, nghe khen tặng mà không vui mừng, tuyệt đối không cùng người tranh dài luận ngắn.

“Kinh Hoa Nghiêm” nói: [Trên mặt không sân là cúng dường đầy đủ, trong miệng không sân là nhả mùi hương màu nhiệm, trong tâm không giận là trân bảo, không dơ không nhiễm là chân thường.] Là cái gì gặp mẫu mực của nó phải đi làm? Nguyên vì nhân sanh sự vật đều hư vọng không thật. Chỗ gọi là [Đây có nên kia có, đây không nên kia không, đây sanh nên kia sanh, đây diệt nên kia diệt], nay tụ mai tán, bãi bể ruộng dâu, vô thường biến hoá, sát na không dừng, không trụ thì lại không. Như người đến sau, do tuổi nhỏ đến trai tráng,

do trai tráng đến tuổi già, do tuổi già cho đến chết; vũ trụ vạn hữu, từ sanh cho đến trụ, do hoại cho đến diệt, không một ai chẳng phải là từ nơi không sanh ra có, từ nơi có lại trở về không, trước là không của chưa sanh, sau cũng là không của đương diệt, nơi trung gian của nó nào từng có vật? Nhân sanh trong thế gian số chỗ đầy đủ tuổi thọ nếu so sánh cùng ngày tháng thì không khác gì con thiêu thân? Lớn như vũ trụ, chứa đựng phẩm vật, so nhau cùng con người, nó khác nào nhỏ bé! Thế mà con người suốt ngày sáng sớm cứ mãi tranh danh, nơi chợ buôn bán thì cũng tranh lợi, còn người trí thì chỗ đó không chọn lấy. Cổ đức nói: [Phú quý của nhân gian cũng như sương trên hoa, công danh của thế gian cũng như bong bóng trên nước.] Nhân đây nhà Tông giáo không có nắm bắt vinh nhục đặt mắt bỏ mặc nơi trong con mắt, đây không phải ngu si ngây dại không biết, đây chính là [Đại trí không ngu] cùng [Đại biện tài không nói] mà thôi.

Phật giáo đều không cho địa vị cao, đa tài mà lại tự cho mình là nhất đời, rồi kêu ngạo, xem thường tất cả. Nếu gặp phải thất nghiệp, cũng chẳng biết ưu sầu bi

thương, rồi lại đấm ngực giậm chân, tự thẹn mình như bần. Cổ nhân đề cử Hòa Thượng là vì [Trên cùng Đế Vương đồng ngồi, dưới cùng kẻ ăn xin đồng đi.] Đây là nói, mặc dù trên cùng Đế Vương đồng ngồi không cho là vinh, mặc dù dưới cùng kẻ ăn xin đồng đi không cho là nhục, đây là sự việc ngàn chân vạn thật. Nay ta trong nước tuy nhiên chẳng dễ thấy nhiều, chỉ ở Tích Lan Thái Quốc, đều là Phật Giáo Quốc Gia, vẫn có thể thấy đến.

Nếu luận vinh nhục đặng mất xoay vần, phàm có chỗ được, tất nhiên có chỗ mất, có chỗ nào được trực tiếp có thể mừng mà cũng có thể buồn chăng? Tất cả thế gian đều là pháp nhân duyên sanh, không luận họ hàng bằng hữu, gia đình thân thuộc, nhân duyên tụ họp thì có tụ hội, nhân duyên biệt ly thì kia đây phân tán. Nhân sanh như ở trên sân khấu, có đóng vai cha mẹ, có đóng vai con gái, dưới đài ở phía sau, có cha mẹ không có cha mẹ, có con gái không có con gái, khác tất cả, không một ai không phải là chỗ gặp nhau mua vui.

Lại nữa kẻ sống lâu bằng trời rồi cuối cùng cũng thông, hoàn toàn là do nghiệp lực nhân quả chi phối, trước kia dùng thứ nhân gì thì hiện nay kết thành quả đó. Tục ngữ nói : [Thiện có thiện báo, ác có ác báo, nếu như chưa báo, rồi sẽ đến báo.] Nếu như trước đã gieo nhân thuộc giống nhiều bệnh đoản mạng, nay sanh lại cần yếu tưởng phòng bệnh được sống lâu, tuyệt đối không có lý này. Hiện nay muốn phước thọ lâu dài, liền khiến gieo xuống giống nhân của giới sát và phóng sanh, nhưng cần yếu phải chờ đợi duyên chín mùi mới đặng quả trường thọ. Thành công hay thất bại của con người, tuyệt đối không phải chỗ của trời ban xuống, tất cả chính do con người tự làm tự chịu. Nho gia chỗ nói: [Trời làm tội ác còn có thể tránh; tự làm tội ác không thể sống], cũng thuộc ý đây.

Cho nên nhân sĩ Phật giáo chúng ta nên mừng không nên kiêu, gặp đau khổ không nên bi ai. Cổ đức nói: [Không mừng cũng không lo, tùy duyên vượt qua xuân thu]. Thứ cảm thọ đây, đều không phải giống như có thể lãnh hội.

“Đạo Đức Kinh” nói: [Kẻ sĩ bậc thượng nghe đạo, chuyên cần thi hành, kẻ sĩ bậc trung nghe đạo, nửa còn nửa quên, kẻ sĩ bậc hạ nghe đạo, cười to, không cười không đủ cho là đạo.] Do đây có thể biết. Con người chọn ngày luôn luôn tìm cầu trên vật chất, mục đích nhân sĩ Tông giáo sao có thể biết đạo ung dung ngoài vật chất, mà không khỏi hiểu đặng bọn họ có ba phần ngậy đại!

3.- Cái Gì Là Tứ Đại Giai Không.-

Tôi sẽ tin rất nhiều người đối với [Tứ đại giai không] danh từ đây đều được nghe qua, rất tiếc có thể ít người không thể hiểu rõ hàm nghĩa chân chánh của vấn đề này. Tức là khiến phần tử trí thức, nếu như chưa từng nghiên cứu qua Phật học, cũng có thể chưa rành mạch mà đùa nghịch nói nghe đồn dọc đường, hùa theo phụ họa râu ông nọ cắm cằm bà kia. Nếu như khi có người hỏi tứ đại là gì đều cho là không? Không mượn chỗ suy nghĩ lại có thể nói: [Tứ đại đều không tức là tài sắc tử khí đều không cần đến.] Lại cho người đặc biệt kia

giải thích đạo lý trong đây, đó thật là râu ông nọ cắm cằm bà kia, trộn giả loạn chân, sai lầm rất lớn.

Chỗ gọi Tứ Đại của Phật giáo tức là: (1) Địa Đại, (2) Thủy Đại, (3) Hỏa Đại, (4) Phong Đại. Chỗ gọi Đại này, thân thể bên trong, vạn hữu vũ trụ bên ngoài không có giống nhau không là Tứ Đại tổ hợp tạo thành. Thí dụ như Địa Đại, tánh của nó cứng rắn, có thể chống đỡ duy trì vạn vật; Thủy Đại, tánh của nó ẩm ướt, có thể bổ dưỡng vạn vật; Hỏa Đại, tánh của nó nhiệt độ ấm áp, có thể điều hòa quen thuộc vạn vật; Phong Đại, tánh của nó lưu động, có thể sanh trưởng vạn vật. Mà lại Tứ Đại này có loại khi tạo vạn vật tất nhiên cần thành phần nhu yếu thích nghi vạn vật thì mới có thể sanh trưởng, nếu như lửa tăng thanh hoặc nước thối lui giảm dần, chia đều sự trái ngược thăng bằng, mà vạn vật lại không thể tự nhiên trưởng thành. Nhân vì Tứ Đại là loại làm căn nguyên của vạn vật sanh trưởng, cho nên gọi là [Đại].

Giai Không đây là nói [Ngã] là loại ở trung gian của Tứ Đại, chính không có tên của nó, mà nó cũng không có thật thể, cũng có thể cho Tứ Đại là thứ không phải [Ngã] và [Ngã] cũng không phải là thứ Tứ Đại. Nhân vì thân thể này là do Tứ Đại tổ hợp thành hình, giả sử đem thứ Tứ Đại này mỗi mỗi phân tán, thì cái [Ngã] chính hoàn toàn không có pháp tồn tại. Thí dụ như, tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân cốt, là thuộc Địa Đại; nước mắt nước mũi, máu mủ, đại, tiểu tiện lợi, là thuộc Thủy Đại; nhiệt độ ấm áp khô ráo, là thuộc Hỏa Đại; hô hấp động chuyển, là thuộc Phong Đại. Thử so sánh, đem Tứ Đại phân tích, nếu như Địa Đại là [Ngã], đó chính là cần phải dùng bùn đất làm [Ngã], nhân vì sau khi chết mai táng, da thịt gân cốt, toàn bộ biến thành bùn đất; giả sử nếu như Thủy Đại là [Ngã], đó chính là cần phải dùng nước biển làm [Ngã], nhân vì nước dãi máu mủ ở trong thân, toàn bộ thuộc nơi phần nước; giả sử nếu như Hỏa Đại là [Ngã], đó chính là cần phải dùng lò lửa làm [Ngã], nhân vì ấm áp khô ráo trong thân, toàn bộ thuộc nơi hơi ấm; giả sử nếu như Phong Đại là [Ngã] đó chính là cần phải dùng không khí lưu thông làm [Ngã],

nhân vì hô hấp chuyển động, chia đều thuộc nơi sự hoạt động của Phong Đại lưu chuyển. Thử hỏi bùn đất, nước biển, lò lửa cùng không khí, có

phải là không phải [Ngã]? Đã vậy nếu là không phải [Ngã] thì đất, nước, lửa, gió, của nội thân sao lại không phải là [Ngã]? Nhân vì thứ Tứ Đại bên trong cùng loại Tứ Đại bên ngoài chia đều là đạo lý giống nhau, nếu như thứ Tứ Đại bên ngoài không có [Ngã], thì thứ Tứ Đại bên trong đương nhiên cũng không có [Ngã], cho nên nói Tứ Đại Giai Không.

Xin đề cử trở lại lần nữa, đem một gốc cây làm thí dụ, sự sanh trưởng của cây, sự việc trước hết cần có đất bùn, lại thêm vào nước làm tươi tốt, có thể là, nếu không có ánh sáng mặt trời để hấp thụ và phát triển cùng Phong Đại để lưu thông thì gốc cây đây cũng là không có pháp để sanh trưởng, mà lại cần yếu Tứ Đại để điều chỉnh cho thích đáng thì mầm của gốc cây đây mới có thể sanh trưởng, mầm cây đây phải trải qua thời gian nếu liên quan đến ngày giờ rồi sau đó mặc dù đã lớn lên trở thành đại thọ, chỉ cần yếu truy cứu đến bản thân của cây thì cũng không có tên của nó, vì tên của nó không có thật thể. Nhân vì da và thân của cây, gốc cây, nhánh, lá, đều thuộc về Địa Đại; chất lưu nhuận của cây là thuộc về Thủy Đại; khí ấm của cây là thuộc về Hỏa Đại; vận hành của cây là thuộc về Phong Đại. Nếu như đem đất, nước, lửa, gió, trên cái cây mỗi mỗi phân tích ra, lại đem chúng nó quy nạp nơi ngoài thứ Tứ Đại, thử hỏi bản thân của cây ở chỗ nào? Đương thể tức là hoàn toàn bất khả đắc (Không thể tìm được), cho nên bản thân của cây cũng là không có [Ngã]. Từ loại đây suy ra, vũ trụ vạn hữu đều là giả danh, mà không có thật thể, nhân vì nơi trong thân cùng trên ngoại cảnh, hoàn toàn trừ ngoài đất, nước, lửa, gió, ra lại không có vật riêng biệt, cho nên nói thân thể cùng thế giới, chia đều ra giống như hoa trong gương, mặt trăng trong nước, đều không, hoàn toàn không chỗ có.

Người đời không biết đến, nhân vì Phật giáo giảng Tứ Đại đều không mà hiểu lầm cái gì đều không có. Phật giáo chỗ gọi đều không đây, chính là không vì nó thuộc hư vọng, đều không phải là không chính là chân tâm của nó, nhân vì vạn vật trong thiên hạ, hoàn toàn là do Tứ Đại giả hợp thành hình, nếu cần tìm cầu thật thể, rất ráo là không đều không chỗ có, cho nên nói nó là không là vọng.

Đúng là chỗ tương phản, ta có thể tìm cầu cùng có thể thấy nghe của tánh tri giác, nó chính là không không thể hiểu được, mà lại từ xưa đến nay nó không biến cùng sống lâu đồng với thái hư, phạm phu chỉ nhận giả tướng ngoài tâm, không nhận

chân ngã trong tâm, mê mình cho là vật, nhận vật cho là mình, cho nên vạn vật có sanh thì ta cũng sanh theo, vạn vật có chết thì ta cũng chết theo. Nếu có thể ánh sáng chiếu dội trở lại, nhận thức chân ngã, không mê giả tướng, tự nhiên có thể đủ thâm hoạch được chân tâm thường trụ, vĩnh viễn không bị sanh tử luân hồi, đặng đại giải thoát!

4.- Giải Thích Sơ Lược Sáu Căn Thanh Tịnh.

[Sáu căn thanh tịnh], đây là danh từ, đại gia sẽ tin là đều do lỗi lai mới có thể hiểu rõ tường tận, lại càng hoặc gặp thời thêm dần dục. Nhưng mà đối với ý nghĩa chân chánh của nó, có thể đủ hiểu rõ ràng mạch, lo sợ không nhiều.

Cái gì là sáu căn? Nhà Phật lại cho là do nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sáu thứ có nhiệm vụ là sáu căn, dùng căn đều có thể sanh trưởng tác dụng. Một số nhiệm vụ đây trải qua thường nương nơi sáu thứ đối tượng của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, gọi là sáu trần, nơi trong sanh ra sáu thức của thấy, nghe, ngửi, nếm, hiểu biết và nhận thức, nhà Phật gọi là 18 giới.

Phật học nói căn là nghĩa khả năng sanh khởi, nhãn căn khi đối với sắc cảnh, tức thì khả năng sanh khởi nhận thức của nhãn, cho đến ý căn khi đối với pháp cảnh tức thì sanh khởi nhận thức của ý, như có thứ căn của thực vật thì khả năng sanh mầm non, thân cây, chi nhánh cây, cho nên gọi là căn. Căn cùng cảnh chia đều là [Nhân duyên hòa hợp, hư vọng có sanh, nhân duyên biệt ly, hư vọng gọi diệt]. Dụ như hoa trong gương, mặt trăng trong nước. Phạm phu không ngộ lý này, nơi căn trên cảnh, hư vọng tạo nghiệp, hư vọng thọ khổ, ba độc, tham, sân, si, bùng phát, các thứ vọng niệm phẩn khởi, nguyên nhân từ vô thủy đến nay, chìm vào biển khổ sanh tử, không có kỳ ra khỏi. Càng quá đáng, thanh niên nam nữ thời nay tự mình tạo lấy thông minh,

nhận làm vật chất cùng hưởng lạc là thứ nhất, dùng tha hồ buông lung giải lằm cho là tự do, nơi đó hô cao cho là bình đẳng, hình thành cha không ra cha, con không ra con, phóng túng tha hồ hưởng lạc, biến đây thành xã hội như thế nào, chính cùng cảm thú nào khác!

Sáu căn thanh tịnh cùng với năm giác quan của nhục thể có khác, năm giác quan nối kết tâm ý dựa vào nó để sanh hoạt. Do đây chúng ta từ trước đến nay nơi đời cũng vì nó theo nhiều sanh ra nhiều, tức vô minh là chỗ ô nhiễm, cho nên từ nhỏ đến lớn, cứ chạy theo sự vật bên ngoài, mà tự mình thì không chút giác ngộ.

Sáu căn không thể thanh tịnh là do nơi chúng ta đầu tiên khởi lên một niệm bất giác, gây tạo vô minh vọng động và nhân vì vô minh vọng động đem che lấp chân tâm vốn sẵn có, chạy trốn theo sắc, nhận vọng cho là chân. “Kinh Viên Giác” nói rằng: [Vọng nhận tứ đại làm thân tướng của mình, sáu trần duyên ảnh làm tâm tướng của mình.] Liền đem chân ngã bỏ mất, riêng nhận thân tâm hư vọng làm ngã. “Kinh Lăng Nghiêm” nói rằng: [Duy nhất chọn mê làm tâm, bên trong quyết định chọn hoặc làm sắc thân, không biết sắc thân bên ngoài và sơn hà đại địa, đều là vật trong chân tâm diệu minh, thí dụ như nước lã trong, trăm ngàn đại hải bỏ đi, chỉ chọn một bọt nước nổi trên làm thể.], đây là nói, tâm lượng của con người lớn như hư không, thần thông diệu dụng, rộng lớn vô biên, nhưng vì tâm người mê muội mà không tự biết.

Nhưng giống như con người mỗi mỗi chấp mê không ngộ, quay lưng lại giác ngộ, hợp chung lại với bụi trần, do tự tâm nắm lấy tự tâm, không phải giả trở thành pháp giả. Nơi con mắt chỉ có thể thấy sắc, nơi lỗ tai chỉ có thể nghe tiếng, nơi lỗ mũi chỉ có thể ngửi mùi hương, nơi thân chỉ có thể giác xúc, nơi ý chỉ có thể biết pháp, cho nên, trong sáu căn nơi trên vận dụng không thể vượt thoát ra ngoài phạm vi sáu trần; tại trong pháp bình đẳng, sanh khởi tướng mình và người; ở nơi trong không có đồng và khác, do đốt cháy trở thành hoàn toàn có khác. Khi đương gặp thiện duyên tiếp làm việc thiện, nhưng nếu gặp ác duyên lại không tránh khỏi làm việc ác, tất cả chúng sanh, từ vô

thỉ đến nay, thiện tăng trưởng thì ác tiêu tan, thiện tiêu tan thì ác tăng trưởng, thiên đường địa ngục, địa ngục thiên đường, sanh sanh tử tử, trầm luân khổ hải, không có giờ ra khỏi.

Ta là phàm phu ngu si cùng sanh cùng đến để làm ít tâm thiện, làm nhiều tâm ác. Duy Thức gia nói, tâm sở thiện của con người chỉ có 11 loại, tâm sở ác vẫn chiếm 26 loại. Giả sử nếu người tôi không giả mạo mình lại công phu tu dưỡng của lễ nghĩa, lại ngăn cấm dục vọng cá nhân của chính mình, nhưng ở đây không phải vậy, tôi lại dựa vào tâm tôi, buông lung không hạn chế, vậy thuận tiện có thể tạo thành trời nghiêng đất ngã, tình hình của con người và thú vật khó phân biệt. Tâm tạo ác mỗi ngày chạy theo ác càng xấu, tam độc tham, sân, si, khó khắc chế, là do càng cầu tự do, tức là càng làm cho ba độc có cơ hội tăng lên, đâu chẳng phải cùng tự do quay long lại với đạo mà đi nhanh? Giả sử thật ra có thể đạt đến sáu căn thanh tịnh, sáu căn khi đối với sáu cảnh, liền không trở lại sanh khởi phiền não mê hoặc của tham sân si, mà lại có thể biết hai thứ căn cảnh, không phải không không

phải có, khác nào hoa trong gương trắng dưới nước. Có chỗ gọi: [Không vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.], xem mà không tham sắc của nó, nghe mà không tham tiếng của nó, ngửi mà không tham hương của nó, thưởng thức mà không tham vị của nó. Đại đức Thiên Tông nói: [Chọn ngày ăn cơm mà chưa nhai một miếng gạo, chọn ngày mặc áo mà chưa cột một sợi giây]. Từ đây đi ngủ mà chưa lên giường, chạy bộ mà chưa đạp đất, bên trong không thấy thân tâm, bên ngoài không thấy thế giới. Nếu từ tâm nguyên mà luận làm gì có phần nhiễm tịnh? Nói sáu căn thanh tịnh đây, chẳng qua là đối với phàm phu ngu si mà nói bãi miễn. Lục Tổ nói:

[Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhá trần ai] (Xưa nay không một vật, làm gì chuốc lấy bụi trần.). Đến đây mới có thể chân chánh đạt đến tự do cùng bình đẳng cho nhân loại, độc lập cùng đại vô úy, vạn vật cùng ta là bạn bè, chốn ra ngoài nhà tù tam giới, đặng đại tự tại vậy!

Đức Phật xuất hiện ở đời, nói pháp 49 năm, chỉ có mục đích là khiến người đời hiểu rõ tất cả đều là hư huyền, bao gồm chỉ đạo người đời như thế nào mới có thể quay lưng lại bụi trần, hợp nhất giác

ngộ, lật lại nguồn gốc trở về chân nguyên, nếu người không chấp thân tâm cho là thật có, hiểu thấu thân tâm là như huyền, sáu căn phản chiếu tự tánh, không theo sáu trần chỗ phát khởi tri kiến, tu tập lâu ngày, tự có thể căn trần nung chảy tiêu tan, có thể cả hai đều mất, ba độc tham sân si tiêu trừ, sáu căn cũng đồng thời thanh tịnh. Kinh nói: [Một căn đã trở lại nguồn gốc thì sáu căn trở thành giải thoát.] Quả có thể theo chỉ thị của Phật, nương theo thứ tự tu hành, tất nhiên nhất định có thể thành công.

Tu đặng sáu căn thanh tịnh, cứu cánh có chỗ tốt nào? Đáp án là [Vượt ra khỏi tam giới, hoàn toàn giải thoát sanh tử]. Chính là hiện tại, thân của cha mẹ sanh ra, cũng có thể thấu hoạch được vô lượng diệu dụng. Như con mắt có thể thấy núi rừng sông biển của trăm ngàn thế giới, trên đến thiên đường, dưới đến địa ngục, thiện ác nhân duyên của tất cả chúng sanh và chỗ sanh quả báo, ai cũng đều thấy rõ thần không thể thấy; nhĩ cũng có thể nghe xa tất cả tiếng trong và ngoài của trăm ngàn thế giới; mà tỷ có thể ngửi tất cả hương; mà thiệt thường ăn uống đến của trăm ngàn thế giới; cho đến chua, ngọt, đắng, cay, tất cả vị đều biến thành thượng vị; thân như tịnh lưu ly, nội ngoại đều sáng thấu triệt. Trăm ngàn thế giới chúng sanh khi sống khi chết, hoặc sanh chỗ thiện chỗ ác, chư Phật chư Bồ Tát độ thuyết pháp độ chúng sanh, vô lượng người trời đi nhiễu chung quanh nghe pháp vân vân, không một

không có thể nơi trong tự thân thấy các sắc tượng. Mà tâm niệm ý hướng của tất cả thế giới chúng sanh, cho đến tất cả tâm niệm chân và ngụy, cũng đồng thời nhất định hiểu biết, không có sai lầm.

Sau khi tu được cảnh giới [sáu căn thanh tịnh], tuy nhiên chưa đặng vô lậu giải thoát, nhưng đã hoàn toàn đạt đến thật tánh các pháp, nơi tất cả pháp không nhiễm trước, sáu căn đều có thể vận dụng lẫn nhau, nhãn có thể nghe tiếng, nhĩ có thể thấy sắc, lẫn nhau không ngăn ngại nhau. Thời đây có giống như gương đại quang minh, treo cao trên không, không chỗ nào không chiếu đến, không chỗ nào không hiện ra, khởi tâm động niệm, chỉ một viên minh, kinh Phật gọi là [Trí vô phân biệt], tức là nghĩa đây.

Lý của Phật cùng tri kiến của phàm phu, tự nhiên có chỗ khoảng cách, chúng ta thử tưởng đến hiện thời chỗ dùng điện thị (điện chiếu hình) cùng điện thoại, đều có các thứ điều kiện cùng dụng cụ thiết bị, mới có thể thấy nghe, riêng ở đây chúng ta chỉ tu đạo mà thâm hoạch được sau khi thắng cảnh của [sáu căn thanh tịnh], từ chối không cần các thứ điều kiện dụng cụ trang bị, tức là có thể nhìn thấu vạn sự vạn vật. Đương nhiên, cần phải đạt đến thắng cảnh sáu căn thanh tịnh, cũng tuyệt đối không phải sự việc dễ dàng!

5.- Mạn Đàm Đạo Nhẫn Nhục.-

“Kinh A Hàm” nói: [Nếu người có đại lực, có thể nhẫn kẻ vô lực, đây chính là đệ nhất, là tối thượng nơi trong nhẫn.]

Thiền sư Đạo Nhu nói: [Lui một bước tự nhiên êm ả, nhường ba bước thanh nhàn biết bao, nhẫn bao nhiêu cú pháp tự tại không lo, nhẫn nại một thời khoái lạc thân tiên.]

Hàn Sơn Vấn Thập Đắc nói: [Người nhà nói xấu ta, hận ta, mạ nhục ta, cười ta, khinh ta, ghét ta, mạ lỵ ta, lừa dối ta, khi đó như thế nào?]

Thu xếp được trở lại cười nói: [Chỉ có nhẫn họ, từ họ, tránh họ, nhịn họ, kính họ, không cần nói lý với họ, chờ bao nhiêu năm xem họ như thế nào?]

Phật nói: [Dao bén hại thân thể có vết xẹo dễ lành, ác ngữ hại người hận khó tiêu.]

Cổ đức nói: [Giết sân thì an ổn, giết sân thì không lo, sân là căn nguyên của độc hại, sân diệt thì tất cả an lành’]

“Kinh Tứ Thập Nhị Chương” nói: [Kẻ ác hại người hiền, dụ như ngửa mặt lên trời mà khắc đàm, đàm không đến trời, trở lại rơi nơi mình, ngược gió phủ bụi trần, bụi trần không đến người kia, bụi trần quay trở lại tấp vào mình, kẻ hiền không thể hại, họa tất nhiên hại mình.]

“Phẩm Phổ Môn” nói: [Niệm bĩ Quan Âm lực, hoàn trước ư bản nhân.] (Niệm năng lực Quan Âm kia, trở lại nương tựa nơi chính mình).

Có người mắng chửi Phật, Phật không lý luận với họ, Phật đối với đệ tử nói: [Nhu có người đem lễ vật giúp cho nhà người, nhà người

nếu như không nhận, họ để ở chỗ nào?] Đệ tử đáp: [Họ chính cần thâu lại.]

Cổ nhân nói: [Thế sự mỗi lần theo chỗ suy nghĩ mà nhường nhịn, nhân luân thường hoàn toàn ở trong nhẫn.]

Như Đường triều Trương Công Nghệ chín đời đều ở nhà lớn, sống một trăm tuổi, thơ của ông viết trong đó một trăm chữ nhẫn đem dâng lên Hoàng Đế Cao Tông, cho nên có một câu thành ngữ [Trương Công Bá Nhẫn].

Lão Tử nói: [Trăm chiến trăm thắng, không bằng một chữ nhẫn, vạn lời vạn khuyên can, không bằng [Im lặng], Phật giáo cho rằng không biện bạch là giải thoát. “Kinh Phật Di Giáo” nói: [Nhẫn là đạo đệ nhất, cũng gọi là Ma Ha Diễn.]

Nhẫn của Phật gia không giống như Nho gia nói: [Nhẫn nhịn là sĩ nhục, mưu đồ từ từ báo phục.] hoặc [Tâm nhẫn hại lý, kẻ sĩ có thể giết, nhưng không thể chịu nhục.] Lại không giống như người có chỗ sợ hãi, can đảm tức giận, khí nhẫn nuốt trửng tiếng, nhưng không can đảm nói ra, buồn lo lâu ngày ứ đọng thành bệnh.

Đại sư Vĩnh Gia nói: [Theo họ nói xấu, mặc tình họ không phải, đem lửa thiêu trời chỉ có mình một mỗi, ta nghe vừa đúng giống như uống nước cam lồ, rồi tiêu tan liền vào chỗ bất khả tư nghì, quán ác ngôn là công đức thì ta đây thì trở thành thiện tri thức, nhân không chê trách nói xấu thì điều gì biểu hiện lực vô sanh từ nhẫn.]

“Kinh Kim Cang” nói: [Người nếu thấp hèn, là người đó đời trước gây nghiệp tội bị đọa vào ác đạo, người đời nay vì thấp hèn, do nghiệp tội đời trước nếu không bị tiêu diệt.]

“Kinh Hoa Nghiêm” nói: [Trên mặt không sân cúng dường đầy đủ, trong miệng không sân nhả ra diêu hương, trong tâm không sân là trần bảo, không dơ không nhiễm là chân thường.]

Cổ Đức nói: [Thiện đã từ nơi tâm sanh, ác đâu lìa nơi tâm mà có, thiện ác là ngoài duyên, nơi tâm thật không có.]

Câu đối nơi cửa chùa Phật nói: [Đại đố năng dung dung thiên hạ nan dung chi sự, Từ Nhan thường tiểu tiểu thế gian khả tiểu chi nhân.] (Tắm lòng sâu rộng năng bao dung, chỉ bao dung những việc thiên hạ khó bao dung, Đức Phật thường cười, chỉ cười người thế gian có thể cười).

Sau thời Ngũ Đại Tiều Đại nhà Lương có Bồ Đại Hòa Thượng, Hòa Thượng này nói: [Ta có một bao vải, hư không vào không chướng ngại, phân tán ra biến khắp mười phương, thấu hồi thấy tự tại.] Nơi nhà Lương Trinh Nguyên năm thứ 3, ngồi ngay ngắn nơi Nhạc Lâm Tự trên tảng đá to, nói bài kệ: [Di Lạc chơn Di Lạc, phân thân thiên bá ức, thời thời thị thế nhân, thời nhân tự bất thức.] (Di Lạc chân thật là Di Lạc, phân thân ngàn trăm ức, thời gian lúc nào cũng báo cho biết, lúc bấy giờ người đời tự không biết), nói xong liền nhập diệt.

Ở trong sách có nói về ông Di Lạc: [Lão tăng mặc áo cà sa và áo tràng, ăn cơm no bụng, có người chửi mắng ông là ông lão điên động, ông lão điên động tự nói rất tốt, có người đánh lão điên động, lão điên động lại ngủ say, ông ta ngủ chảy nước miếng lên trên mặt, ông ta để tự nó khô khan, riêng tôi tiết giảm khí lực, còn ông ta cũng không phiền não, đó là hạnh ba la mật, lại cũng là ngọc báu màu nhiệm ở trong, nếu biết đây mất đi và tăng lên, sao lại buồn đạo không được hoàn toàn.]

Cuối nhà Minh Đại sư Hám Sơn nói: [Là không phải không chắc đấu tranh nhân và ngã, bỉ và thử sao lại phải luận ngắn và dài, chịu đựng một số thiệt thòi chỗ căn nguyên không chướng ngại, thoái lui nhượng bộ một bước ba phần cũng không ngại.]

Triều đại nhà Thanh Trịnh Bản Kiêu nói: [Khó được mơ hồ, xin thiếu là phước.], sở dĩ nói: [Từ xưa người thường thì nhiều phước.] Phải biết sân hận đối với người chổ

hại rất lớn, căn cứ giới y học chứng minh: [Nếu người tức giận dữ tợn năm giây đồng hồ, trong thân độc tố tụ tập phát khởi, có thể do độc tố sát hại 12 con chuột sơ sanh, ác niệm sanh khởi, thần kinh toàn thân bày tiết ra chất độc, đối với sức khỏe tạo thành tổn thương rất lớn.]

Phật giáo có sanh nhẫn, pháp nhẫn, vô sanh pháp nhẫn. (1) Sanh Nhẫn: nghĩa là chứng lý ngã không, có người khen ngợi, có người hủy báng đều có thể dùng nhẫn. (2) Pháp Nhẫn: nghĩa là chứng lý pháp không, đối với đói, khát, lạnh, nóng của thân thể, đối với lo, buồn, khổ não đều có thể dùng nhẫn. (3) Vô Sanh Pháp Nhẫn: nghĩa là chứng đầy đủ lý không, không thấy sự sanh diệt của tam giới, tự tâm tĩnh lặng.

Giống như loại người không thể nhẫn, cho nên có khổ, có chỗ khó, nhân vì chưa rõ lý của nó, nếu người có thể sáng suốt đạo lý của nhẫn, chính gặp được đạo tu nhẫn nhục, cái khổ của nó có thể tiêu trừ. Lý đây có ba:

1,- Là vì có thể thân cận người không biết cần nhẫn. Giả sử ta làm một sự việc sai lầm, người kia nói xấu ta, chửi mắng ta và phê bình ta đần độn, ta nên đem tâm ngọt ngào tình nguyện lãnh thọ. Còn nếu như ta không có làm một việc sai lầm, người kia đối với ta không lý đầu tranh, ta cũng nên cần phải có thể thương tiếc họ không biết. Cần yếu kẻ trí hiểu biết không cùng kẻ ngu đầu tranh, việc lớn không bằng hóa thành việc nhỏ, họ chọn đầu tranh chính là ta thực hành Bồ Tát nghịch hạnh, người thông minh tự mình nên hành đạo nhẫn nhục.

2,- Vì tu phước bồi đức cần yếu nên nhẫn. Trong Kinh Phật nói: [Người tu phước trọng đại, chớ nên qua tu nhẫn nhục.] Chỗ nói tu một phần nhẫn, tức có một phần phước, có một phần phước, tức có một phần tướng, tu mười phần nhẫn, chính có mười phần phước, có mười phần phước, tức có mười phần tướng, nhân vì tướng từ tâm sanh. Trong Kinh Phật nói: [Nay sanh tướng mạo đoan chánh trang nghiêm, là trong đời trước tu nhẫn nhục mà được.] Kỳ thật có người nói xấu ta chửi mắng ta, ta đều không có xin lỗi quay mặt và ngược lại, ta đạt đến tiệp nghi. Đại sư Vĩnh Gia nói: [Xem lời nói ác, là công đức.] Nếu như thứ tướng đây, lại có việc gì không thể nhẫn chịu?

3,- Vì trả công đời trước nên cần phải nhẫn, đời nay người họ nói xấu ta và phê bình cho ta đần độn, ta có thể đời trước nói xấu lỗi của họ, chửi mắng lỗi của họ và phê bình lỗi đần độn của họ, cho nên hiện tại là lúc ta phải trả nợ đó, cần gì nhất định

phải trở lại cùng họ tranh luận, nếu như ta trở lại chửi mắng họ, oán cừu như thế ngày nào mới chấm dứt. Lại nói, họ làm gì mà không bị người kia chửi mắng, trở lại chửi mắng ta, không phải đời trước ta mắc nợ họ, nhất định là ngày nay phước đức của ta rất mỏng, chỉ dựa vào cơ hội, nên cần phải tu phước bồi đức, nếu như ta có hoàn toàn phước đức,

họ cung kính tán thán ta không kịp, làm sao hảm hại phỉ báng ta. Nếu họ đến nói xấu chửi mắng ta, chính là tăng trưởng phước đức cho ta, sao lại dùng não hận đến cho họ? Nếu người nào sáng tỏ ba thứ nguyên nhân trên, chính là người hành đạo nhẫn nhục, thì làm sao khổ nạn không bị tiêu diệt hoàn toàn!

6.- Chân Nghĩa Của Lễ Bái.-

Phật nói: [Thân là nguồn gốc của các khổ, không thân thì không khổ].

Lão Tử nói: [Ta sợ dĩ có đại họa là vì ta có thân, nếu ta không thân, ta có

họa gì?] Dục vọng con người do thân mà phát khởi. Tham ái tài sắc, tranh danh đoạt lợi, đều là thân hưởng thọ mà thôi. Nếu không có thân, tài sắc các vật liền không có chỗ nhu cầu. Người đã có thân không thể không cầu, có cầu thì có thống khổ. Chỗ gọi: [Con người vì tiền mà chết, chim vì ăn mà tử vong.] Cầu không đặt, dốc hết toàn lực, hi sinh mạng sống tìm cầu, tất nhiên đạt được mục đích mới thôi, cho nên cầu đây, chính là nhân của cái khổ.

Cầu đã được, họa nạn cũng đã được đã mất, vì tài sắc ràng buộc, không thể giải thoát, giống như con tằm xây tổ kén con tằm, tự ràng buộc trói buộc, tài sắc cùng sanh mạng hợp làm một, như keo cao su tự nước sơn, không thể phân ly, đi đứng ngồi nằm, không thể tự do, vốn cầu khoái lạc, ngược lại chuốc lấy thống khổ, đâu không thể hối tiếc! Phật nói: [Chư hành vô thường, thị sanh diệt pháp. (Các pháp hành vô thường là pháp sanh diệt). Một ngày nào đó tài sắc tan mất, mạng căn cũng theo đó diệt vong, do đây có thể thấy, cầu không được cố nhiên là khổ, cầu được lại cũng khổ. Cố nhiên nếu không cầu, mới là thoát ly thống khổ chân chánh. Tiên Hiền có nói: [Người đến không cầu thì phẩm hạnh cao.] Có thể thấy đức không cầu, đến cao không gì trên.

Nguyên nhân chính người tôi không thể không cầu, chỗ ở chọn ngày bị khổ chính là nước xoáy, không pháp giải thoát. Lại có kẻ tận

lực, ban đầu cầu tài sắc, mê vọng tạo nghiệp sát, sát sanh con vịt, cúng tế quỷ thần, chỗ hướng đông đốt hương, chỗ hướng tây lạy rạp đầu xuống đất, dựa vào đây cầu đảo, tưởng lìa khỏi thống khổ. Mà trên sự thật, cầu thần bái quỷ chẳng những không có công, mà ngược lại có lỗi, nguyên nhân ở chỗ cộng thêm ác nghiệp, dễ vào tam đồ. Vì thế nhân loại tưởng cần yếu chân chánh là thoát ly thống khổ, chỉ có nương nơi cúng bái Phật Đà nhờ khai thị cùng chỉ đạo, mới có thể thâm hoạch được chân đế vô cầu, được đến chân khoái lạc của vô thượng tịch diệt.

Pháp môn cúng bái của người đời, thật không thể đạt đến chân chánh lìa khổ được vui, đều nguyên nhân Thần và Phật không phân biệt, mê tối nơi chân đế của Phật giáo. Thậm chí có người quy y Tam Bảo nhiều năm, chạy đến chùa viện lễ Phật, còn xưng lễ Thần, đã không biết Phật là người nào, lại không rõ lý luận của Phật giáo, sao có thể nương nơi pháp để tu trì, thoát ly khỏi khổ não sanh tử? Ở đây vì thương tiếc bọn chúng sanh ngu muội khổ não, đem sự cúng bái phân làm sáu thứ nói rõ như dưới đây:

[1] Lạy Quỷ Thần.

Quỷ ở trong sáu đường, thuộc nơi ba đường ác. Nhân vì có tội ác, bị trầm luân nơi cõi quỷ, quỷ nên kính trọng người, sao lại người cần lạy quỷ. Như nói người kia lạy quỷ, người đó nhất định không chỉ thừa nhận, thậm chí còn cùng người tranh luận, nhân vì họ lạy quỷ, chính họ không tự biết. Như lạy thành hoàng, thổ địa, đen trắng vô thường, một khi thấy phát tài, tiểu quỷ Phán Quan (Phán Quan là ông quan toàn quyền xét xử), thập điện diêm vương vân vân, đều là lạy quỷ. Kinh nói quỷ có ba loại, (1) Đa tài, (2) Thiếu tài, (3) Vô tài. Những loại đây không có lỗi, đều thuộc nơi hai loại quỷ Đa tài cùng Thiếu tài.

[2] Lạy Súc Sanh.

Như nói người kia lạy súc sanh, người kia cũng nguyện không nghe và không tin, nếu đem lý của nó thì nghĩ không cần giải thích thêm, tự nó

có thể minh bạch. Như lạy hồ tiên (hồ ly là con cáo), long vương, bò thần, hoàng tam thái gia (hoàng lang là con chó sói), tề thiên đại thánh (con khỉ tinh), vân vân, đều là lạy súc sanh. Nhân vì chúng nó nhiều đời tu luyện, có thể huyền biến, có ít thần thông, mê hoặc con người, có lúc người bệnh hoạn đầu nhức, bụng đau, nếu chỉ hứa nguyện phụng sự, tật bệnh cũng có thể thấy khỏi, những đây đều là tinh

linh làm quái lạ. Nếu là chánh nhân quân tử, phước đức thịnh vượng, trâu, quỳ, sà, thần, không dám thân cận.

[3] Lạy Thần.

Như lạy Khổng Tử, Bao Công, Thần Nông, Vũ Vương, Nhạc Phi, Quan Công, Hàn Vũ Văn Xương vân vân, vì họ là những người, công lớn vô tư, hộ quốc yêu dân, đối với xã hội quốc gia cống hiến rất lớn, sống thì làm anh hùng, chết thì làm thần linh. Vì thế người đời lập miếu phụng thờ, lưu niệm vĩnh viễn, thâm cảm hậu ân.

[4] Lạy Tiên.

Tiên là người giác ngộ nhân sanh, thọ mạng ngắn ngủi, chán sợ vô thường, tưởng nghĩ muốn sống lâu dài để hưởng thụ lợi ích, trường sanh bất lão, nhân đó mà lìa các chỗ hỗn loạn đấu tranh, càng vào sâu rừng núi, dứt khói lửa ăn uống, luyện khí hóa thần, trải qua năm tháng mệt mỏi, tu thành đạo tiên, tuổi thọ ngàn vạn năm, đi bộ như bay, vào lửa không cháy, vào nước không ướt, có thể hóa hình dị cốt, điếm đá thành kim, như Thái Thượng Lão Quân, Lữ Đồng Tân, Hà Tiên Cô, Hán Chung Ly, Huỳnh Thạch Công vân vân, đều là lạy tiên.

[5] Lạy Trời.

Không luận nhân sĩ trong hay ngoài xưa hay nay, đều cho trời là tối cao trên hết, thần thánh không lường, nước trời hưởng thọ, chỗ muốn tùy tâm, cần quần áo thì quần áo đến, tưởng đồ ăn thì đồ ăn đến, cái vui của thiên đường không phải nhân gian có thể sánh kịp. Chấp nhận cho thiên thần thường đến kiểm tra xét xử thiện ác của dân

gian, người làm lành ban cho họ những điều phước lành, người làm ác ban cho họ những điều tai ương, nhân đây người người đều lạy trời, hy vọng trời giáng xuống kiết tường, ngũ phước lâm môn (Năm phước đến nhà. Ngũ phước nghĩa là năm điều sung sướng ở đời. Năm điều gồm có: (1) Phú: giàu có, (2) Quý: sang trọng, (3) Thọ: sống lâu, (4) Khương: mạnh khỏe, (5) Ninh: yên ổn). Như lạy Ngọc Hoàng Thượng Đế, lạy Thiên Hậu Nương Nương, Thiên Tử Nhật, Thiên Tử Nguyệt, Nam Đẩu Tinh Quân, Bắc Đẩu Tinh Quân, đều là lạy trời.

Dùng năm thứ trên để cúng lạy, đều là tập tục của dân gian được lưu truyền đến nay, trong đó có tu đạo giáo mang đến, có chỗ gay nghiệp cảm, không luận tu được

cùng báo được, nói chung đều là chúng sanh hạng phàm phu, sanh tử khổ hải, đều chưa giải thoát. Cõi quỷ, súc sanh, nhân gian, thần tiên, thiên đường, địa ngục, giống nhau đều là sáu nẻo luân hồi, tùy nghiệp thọ báo khó tránh.

[6] Lạy Phật.

Là đệ tử Phật môn, không nên vọng lạy năm thứ vọng cảnh nói trên, chỉ có lễ Phật đà. Chỗ nói: [Năng lễ sở lễ tánh không tịch, cảm ứng đạo giao nan tư nghì.] (Người lễ chỗ lễ cả hai tánh vắng lặng, con đường cảm ứng giao tiếp khó nghĩ lường).

Phật đà đã trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp, đã từng cắt thịt cho chim ưng ăn, xả thân cho cọp ăn, có thể thật hành những việc khó thật hành, có thể xả bỏ những việc khó xả bỏ, rộng tu lục độ vạn hạnh, công tròn đầy quả viên mãn, chứng đặng vô thượng bồ đề, phước đức trí huệ, đầy đủ viên mãn, giác ngộ chân lý vũ trụ nhân sanh, rộng độ lục đạo chúng sanh, không thọ sanh luân hồi trở lại, chân thật chỗ gọi: [Tất cả không có ai giống như đức Phật.] Phật đà chỉ cho nhân sanh nơi thế gian như ông như huyễn, như bèo như ảnh, vốn không thật thể, nhân vì nó đều từ nơi trong vọng tâm sanh ra, nếu không vọng tâm, tức không cảnh vọng. Phật đà đã trải qua nhiều năm khổ tu mới được thành quả, đã đoạn vọng tưởng, nên không vọng tâm, nhân

không vọng tâm, liền không thọ sanh tử khổ não trong sáu đường, cho nên người đã chân chánh lìa khổ được an lạc, chỉ có Phật đà mà thôi.

Mục đích lễ Phật chân chánh, không cầu phước báo nhân thiên, không cầu bảo hộ bình an, không vọng thặng quan phát tài. Phật là Phật đã thành, ta là Phật sẽ thành, Phật sanh bình đẳng, tại thánh không tăng, tại phàm không giảm, nhân vì ta tích trữ đam mê chưa đạt mục đích, một niệm sai lầm, ngàn kiếp lầm lỗi, nếu có thể đốn ngộ năng lễ sở lễ, năng sở gấp đôi tiêu mất, bản tánh tĩnh lặng, rồi sau đó tất cả tự tại.

7,- Quy Y Tam Bảo Thân Tâm An Thối.-

Vấn đề nhân sanh thì thống khổ vô cùng, không ai không trải qua nơi tinh thần không có chỗ gởi gắm. Chúng ta ở nhà đọc sách hoặc đi công tác trong thời gian kỳ hạn, chưa chắc không có cảm giác sầu muộn, nhưng đến sau khi hoàn toàn nghỉ hưu, ở trong nhà thời gian quá dài, lại gặp thường thường cảm giác được sinh hoạt chỗ vui quá thiếu thốn mà vì buồn lo cho nên vui hơi nhạt nhẽo. Còn xuất ngoại du lịch, hoặc cùng người khác hoạt động, lại gặp cảm giác sức tinh nhuệ không đủ,

nhân vì niệm ban đầu hết sức dễ sanh khởi ý tưởng tiêu cực cùng bi quan. Căn cứ nơi kiểm tra báo cáo, nơi Hương Cảng, có lão nhân ở cô độc, tâm ông có thái độ tiêu cực, tám lần lòng thành tự nhận [vô dụng], hai lần lòng thành biểu thị [chờ chết].

Quả như chúng ta có tín ngưỡng Phật giáo, có quy y Tam Bảo, miệng niệm Di Đà, mắt xem kinh Phật, tai nghe đại đạo, tâm suy nghĩ chân lý, lễ Phật tĩn tọa, liền có thể thân tâm an lạc, vui mừng khi tuổi xế chiều được về nơi cõi an lạc.

Trong người chúng ta nếu như tĩn tọa đối với thân tâm rất có giúp thêm bổ ích, có thể khiến trung khu thần kinh yên tĩn thanh tịnh, có công năng điều khiển trợ giúp nó, máu huyết tuần hoàn và hệ thống hô hấp thông suốt, giúp đỡ thay cũ đổi mới, thân tâm vui mừng, không những không cảm giác phiền muộn, vả lại có thể tiêu

trừ trăm bệnh. Nguyên nhân thân là do tâm làm chủ, tâm định thì khí hòa, khí hòa thì huyết thuận, huyết thuận thì tinh dịch đầy đủ, tinh dịch đầy đủ thì thần lực sáng sủa. Ngoài ra, ngồi tĩn tọa được lâu, liền đứng lên nhất tâm lễ Phật, niệm Phật, là dùng trạng thái động và tịnh điều hòa lẫn nhau, không chỉ phòng bệnh mà còn được sống lâu, lâm chung có thể nhờ đó được vãng sanh thế giới cực lạc tây phương, hưởng thọ các lạc, không có các khổ.

Điều kiện tiên quyết của quy y Tam Bảo, tất nhiên phải giữ tâm tốt, lời nói tốt, làm những việc tốt. Những điều nghịch thiên trái ngược sự lý không nên đi làm, hoặc có ác niệm tổn người lợi mình cũng không nên phát khởi, phạm là tâm kính mến anh em, trung tĩn lễ nghĩa liêm sĩ tất nhiên phải giữ tồn tại. Kẻ nói lời tốt, phạm đối với người có chỗ cần giúp đỡ, không nên không dừng cảm đến trước trực tiếp, giúp nó có chỗ thành tựu. Đây là người mới vào Phật môn nên thọ quy giới, linh tinh đều không nghiêm khắc quy định. Nếu cần tiến thêm một bước thọ ngũ giới, bát giới, xuất gia thọ Sa Di thập giới, Tỳ Kheo 250 giới, Tỳ Kheo Ni 348 giới, Bồ Tát 10 giới trọng 48 giới khinh, làm sao có được sự ràng buộc của giới luật. Nhân giới sanh định, nhân định sanh huệ.

Người tin Phật nên cần phải quy y Phật, Pháp, Tăng. Phật là thánh nhân, Pháp là chân lý, Tăng là người có thể nối tiếp huệ mạng của Phật. Phật Pháp Tăng là hy hữu của thế gian, trọng đại của thế giới, chỗ có Phật pháp không nhiều, cho nên nhất định cần phải hộ trì nó. Phật Pháp Tăng không những khiến người liễu sanh

thoát tử (có thể sống thoát khỏi sanh tử), cũng có thể khiến người lìa khổ não được an lạc.

Phật Pháp Tăng gọi là Tam Bảo. Sao gọi là Quy Y Tam Bảo? Bảo có ba nghĩa: (1)- Là nghĩa tôn quý. Giá trị siêu việt bất cứ vật chất đều chuẩn bị bảo hộ, cho nên gọi là rất tôn quý. (2)- Là nghĩa hy hữu. Thế gian không thể được nhiều, hiện tại đã được, cần phải luôn luôn yêu quý và bảo hộ, để cho nó không mất. (3)- Là nghĩa tự lợi lợi tha, nhà của mình đã có bảo vật, đương nhiên hưởng dùng không

ó thể giúp đỡ người khác, khiến người khác không chịu nghèo khổ. Phật là bậc Đại Thánh đã được tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Cho nên chúng ta cần phải quy y Phật.

Pháp, biểu hiện bề mặt xem chỉ là kinh sách, chúng ta làm gì cũng cần yếu phải quy y nó? Phải biết khi Phật còn tại thế, chỉ quy y Phật là có thể, nguyên vì bản thân của Phật lại đầy đủ Tam Bảo. Đây là nói, Phật đã giác ngộ chân lý của vũ trụ nhân sanh, bản thân ngài chính là Phật Bảo; tùy thời tùy chỗ, nói ra những lời đã chứng ngộ, chính là Pháp Bảo; bàn chân đở của tướng tỳ kheo, đó là Tăng Bảo. Nhưng ngày nay Phật Bảo đã viên tịch lâu xa, chỉ lưu lại tượng Phật bằng đất chạm khắc bằng cây, nó không thể tùy cơ thuyết pháp, chúng ta hiện tại cần lý giải Phật pháp, chỉ có xem đọc pháp Phật chỗ đã được lưu lại, chính là Phật kinh, do văn tự hiển bày được lý, ngộ nhập được các pháp thật tướng. Pháp là mẹ của chư Phật, có thể xuất sanh tất cả thánh hiền, cho nên sau này có thể quy y Phật Bảo, nhưng cũng cần quy y Pháp Bảo.

Như thế, chỉ quy y Phật Pháp nhị Bảo cũng có thể được chẳng, còn thế nào lại cần quy y Tăng Bảo? Nguyên vì Phật Bảo nhập diệt đã lâu, Pháp Bảo thì lại chỉ giấy trắng chữ mực đen, cho nên phải nương nơi Tăng Bảo đại diện truyền bá giáo pháp. Có người cho rằng Phật Bảo là thánh nhân của giác ngộ, lẽ đương nhiên cần phải tôn kính, Pháp Bảo người ngày nay giải nghĩa lý rõ ràng, như Văn Thù Phổ Hiền và A La Hán là thánh tăng xuất thế cũng nên cung kính; làm thế nào cần phải quy y những vị tăng phạm phu chưa đoạn trừ phiền não? Đây là nguyên vì nhân tăng này có thể dùng làm trụ trì Tam Bảo, nếu như không có những tăng nhân làm trụ trì thì chính không biết có Phật cùng Pháp chẳng và hơn nữa Tam Bảo làm sao còn trụ thế? Không lo ngại, những cao tăng đạo cao đức trọng, cố nhiên có thể nối tiếp hưng thịnh giống Phật, hóa độ phần tử tri thức thượng căn lợi trí; tức là khiến tri thức nhân tăng so sánh thấp bằng như nước, cũng có thể tiếp tục giữ gìn huệ mạng

của Phật, dẫn đạo chúng sanh hạ căn trí cạn, nhân vì tri thức của họ tiếp cận lẫn nhau bằng phẳng như nước, bĩ thử dễ dàng phù hợp với nhau, thời gian lâu duyên chín mùi, đối với Phật

pháp tự nhiên gặp tín tâm sanh khởi, liền khiến bước vào nường nơi Phật môn, chỉ cần trải qua tăng già chứng minh, quy y Tam Bảo viên thành, liền có thể xưng là đệ tử Phật giáo. Nói chung, hiện chúng xuất gia sẽ trở thành tỳ kheo, đều có thể là người tàm chứng, quy y Tam Bảo.

Như chưa từng quy y, không luận là người như thế nào đối với Phật giáo tín ngưỡng như thành kính ra sao, nói chung không thể xưng là tín đồ Phật giáo. Nhân vì họ sau khi tin Phật giáo, tất nhiên phải quy y Tam Bảo mới phù hợp mẫu mực.

Quy y Tam Bảo, đã là một cử chỉ xuất sắc, sao lại không được vui? Nhân đây, không chỉ tự mình đã quy y Tam Bảo, phạm là hiếu tử hiền tôn, đều nên khuyến khích trưởng bối, bà con thân thích, cho đến bằng hữu nên quy y Tam Bảo, chung nhau thấm nhuần.

8,- Vì Người Sơ Cơ Học Phật Góp Ý Kiến.-

Đối với nhân sĩ mới bước vào tiếp xúc Phật giáo, rất trọng yếu là đem tâm lượng mở ra, mở lớn, dùng thái độ khách quan để bèn tâm nghiên cứu, giả sử dùng ngày giờ cầu chứng chân lý, chỗ gọi: [La Mã cũng không phải là một ngày xây dựng được thành.] Ở đây nếu không đưa người vào bảo sơn để về tay không thì cũng không khác gì thiếu Phật đà thị hiện nơi đời, nói pháp 49 năm.

a)- Học Phật Khó Khăn.

Chính tôi ở trong Hoa Phật Giáo Đền Thư Quán có một năm, thấy người mỗi ngày đến mượn sách cùng xem kinh, thật không có gì phức tạp. Chúng nó không thiếu thời gian, đều là học sinh trung học và cao đẳng chuyên khoa, họ vừa mới đến, đều ấp ủ hy vọng rất lớn, cần nghiên cứu một số kinh Phật, để giải quyết đại vấn đề nhân sanh. Nơi đây chúng nó nhìn lên tượng Phật, rủ lòng thương xem một số kinh, nhưng nguyên nhân chúng đều không biết nghĩa lý, kết quả khiến trở nên thần thờ mờ mịt không biết gì, thấy đều thất bại.

Chúng nó đã là trong một số đại học sanh, đương nhiên đối với vật lý hóa học vân vân nhất luật tinh thông, còn đối nơi tăng nhân giữ cửa, nói chung hiểu được chưa

từng tiến qua cửa trường, thì làm sao có thể hiểu rõ giống như đại học sanh, còn tăng nhân tà để họ tự mình không hiểu và nếu muốn hiểu cũng nguyện xin đi đến ta để hỏi.

Bản nhân học thức tuy sai biệt, chỉ cần giữ vững bản nguyện hoằng dương Phật pháp, làm việc không cần hỏi bạn, chủ động cùng chúng nó nói chuyện. Chúng nó gặp tôi (bản nhân) thuyết pháp Phật kinh rất thâm sâu, Nhân sĩ Phật giáo hỏi làm thế nào không đem nó dịch thành văn bạch thoại? Tôi trả lời, văn bạch thoại có lợi mà cũng có hại, giống như các vị cố nhiên dễ hiểu, nhưng không dễ dàng do văn hiển được lý, nhân vì Phật thuyết tất cả pháp, chủ yếu mục đích là hiển lý, cho nên không xem trọng văn tự, nhân vì văn tự thật khó đạt lý, nếu trở lại dịch thành văn bạch thoại, thì khoảng cách về lý càng xa. Nói chung các vị hiểu cao và trí sâu, thấy lý cũng sâu, còn hiểu thấp thì trí cũng thấp, cho nên thấy lý cũng thấp, văn tự là chỗ chứa của lý không có cùng tận, nên kinh nói: [Chữ chữ bao hàm nghĩa lý rất nhiều.] Tùy theo người trí huệ mà phân chia cạn hay sâu, cho nên xưa nay tăng hay tục, đọc kinh văn mà ngộ được lý, có thể đếm trên đầu ngón tay, đây là lý do. Người ngày nay không nghiên cứu căn bản của nhân sanh, nhưng chỉ biết thô thiển bên ngoài, cho nên một khi chưa trải qua lý luận Phật giáo đến chỗ thâm sâu, liền không dễ dàng thấu hiểu, chúng nó sau khi tự đến các vị khác giới thiệu đơn giản một điểm Phật lý, chúng nó giống như trong mộng mới được tỉnh ngộ.

b)- Làm Học Giả Phải Không Hổ Thẹn Cứ Đến Hỏi.

Một ngày, có một vị sinh viên tốt nghiệp chuyên nghiệp, họ muốn nghiên cứu triết học, trước hết đến nghiên cứu Phật học, nhằm để trợ giúp trau dồi thêm kiến thức. Ông ta không dự tính xem kinh không hiểu, đại phát ngôn bất mãn, nói rằng hiện tại là thời đại gì lại dùng một số cổ văn, khiến người không được vào cửa của nó. Tôi tức thời bình tâm hòa khí đến chỗ ông ta liền mời ông ta ngồi xuống, đem

Phật giáo đại cương giảng giúp cho ông ta nghe, ông ta rất ngạo mạn đối với tôi liền nói: [Ông biết đạo còn trình độ của tôi như thế nào không?] Tôi liền nói: [Trình độ của ông đương nhiên so với tôi thì cao hơn, như thế, thỉnh ông giảng giúp tôi nghe.] Ông ta nói: [Tôi vẽ một vòng tròn ông có thể hiểu không?] Ông ta giảng theo hình vẽ. Tôi nói: [Pháp giới đều chạy theo đây, rồi pháp giới lại trở về đây, có phải không?] Ông ta nói: [Không phải, đây là thái không thấu suốt, như ở đây ông nói, tứ đại giai không.] Tôi liền hỏi ông ta: [Tứ đại giai không là gì?] Ông ta từ chối không đáp. Lúc đó, tôi mới biết đạo của ông ta đối với Phật giáo ngoài chữ hán

hoàn toàn còn ấu trĩ, có thể nghi ngờ ông ta xem kinh Phật đều không hiểu. Một lần nơi hội trẻ con, ông ta gặp lại tôi hỏi: [Hiện tại các pháp có chăng? Tôi đáp, Duy Thức Tông nói: [Duy tâm chỗ hiện, Duy thức chỗ biến.] “Kinh Lăng Nghiêm” nói: [Theo nghiệp phát hiện.], chính là tùy theo tâm chúng sanh, phát hiện các thứ vật tượng. Ông ta lại hỏi: [Chúng ta có chân tâm không?] Tôi nói: [Chân đối với vọng mà lập, nếu như không có vọng, cũng không có chân. Như vua đối với dân mà lập, nếu không có dân, vua cũng không thể được. Thí dụ như đối với Phi mà lập, nếu không có Thi, thì Phi cũng không thể được. Tất cả các pháp, không ai không như thế.] Tôi đối ông ta sau khi giảng một thời gian ngắn, ông ta kiêu ngạo mới dịu hẳn, khi chia tay, liền nói tôi sẽ trở lại thỉnh giáo tiếp.

c)- Phật Lý Chưa Rõ Không Nên Loạn Đi Đến Phê Bình.

Có một tiên sinh nọ ở đại học đã nhận dạy nhiều năm, thời thường ông ta đến hiệu sách mượn sách về nhà xem đọc, quy ước quan trọng mượn sách tối đa chỉ có hai năm, xem xong phải mang trả lại, ông ta xem kinh thư rất nhiều. Lần thứ nhất, ông ta đối với tôi chỉ là một vị học sinh, nhưng ông nói: [Tôi là giáo thọ giảng Phật giáo lý luận rất tốt.] Ông ta chẳng qua thần thoại rất nhiều, khó có thể khiến người tin tưởng ông ta. Khi ông ta đến Đồ Thư Quán, ở đây tôi cũng thường đàm luận với ông ta, ông giảng nhân tình ở đời rất nhiều, ít giảng Phật pháp. Ông ta vốn là người cũng tự mình khoe là giáo thọ đại học, học thức uyên bác, nói năng nhất định siêu nhân. Tôi cho ông ta đây

tưởng tượng Phật pháp sai lầm, trên thế gian pháp, ông ta có thể xưng là giáo thọ đại học, còn ở trên Phật pháp, thật tại nói lên, ông ta chỉ là học sinh. Nhân vì Phật pháp như biển cả, ông ta xem Phật kinh có thể được bao nhiêu? Nhất là đầu óc của ông ta, hoàn toàn chất đầy khoa học cùng tư tưởng triết học, mỗi lần đem Phật lý cùng khoa học đàm luận hỗn hợp làm một, rất khó lý giải nguyên ý của Phật kinh. Nguyên vì Phật lý siêu quần tuyệt luân, bàn luận thế sự rất khó cùng so sánh để dự thảo, tất cả tư tưởng phạm tình của thế gian, chung cuộc khó thấy rõ chân đế của Phật giáo, dù như ánh sáng của con đom đóm đem so sánh với ánh sáng mặt trời.

Thiên Thai Tông nói: [Đem tâm không thể nghĩ bàn, quán cảnh không thể nghĩ bàn.] Tâm không thể nghĩ bàn đây, không thể nói có, cũng không thể nói không, không thể nói cũng có cũng không; lại không thể nói không phải có không phải không, lớn nhỏ vuông tròn, cũng lại như thế. Tâm không thể nghĩ bàn như thế, cảnh không thể nghĩ bàn cũng như thế. Do quán như thế, làm sao giống nhau không phải

là thần thoại? Bản thân nhà người tức là thần thoại to lớn, nhà người trước khi chưa sanh, nguyên là không có thân nhà người, sau khi nhà người tự nhảy vào thai, buộc túm lại một bọc nước, biến thành thân nhà người, Thử hỏi, bọc nước nhỏ đây có phải là thân của nhà người hay không? Sau khi ra khỏi thai, do nhỏ đến tráng niên, do tráng niên đến già, do già đến chết, rồi trở lại không có. Thử hỏi, thân thể nhà người cứu cánh là có hay là không, hoặc không phải có hay không phải không? Thân là như thế, vũ trụ vạn hữu không ai là không như thế. Phật nói tất cả vạn vật trong thế giới, đều là từ nhân duyên sanh mà có, rồi từ có trở về không, không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không. Bọn chúng không hiểu rõ chân đế Phật pháp, chỉ nói nó là thần thoại.

c)- Tâm Là Vạn Năng.

Tôi khi giảng cho mọi người nghe, Cơ Đốc Giáo cho thượng đế là vạn năng, Phật giáo cho vạn pháp duy tâm. Tất cả vạn vật trong thế gian, đều tùy tâm biến hiện, tâm cho nó lớn thì nó lớn, tâm cho nó nhỏ

thì nó nhỏ, dài ngắn vuông tròn, cũng lại như thế. Bản thân của tâm chính là tướng không lớn nhỏ vuông tròn vân vân, chỉ nhân vọng chấp mà có, nếu không vọng chấp, đương nhiên tức là không lớn nhỏ vuông tròn vân vân sẽ có thể được. Tâm có chấp trước, tức có phân biệt, có phân biệt, tức có chỗ trở ngại, thấy trước không thấy sau, thấy bên trái không thấy bên phải. Nếu như chứng được trí không phân biệt, thì trước sau phải trái, tất cả vạn sự vạn vật, đều thấy triệt để căn nguyên của nó, không chỗ chướng ngại, như kiến đại viên, đồng chiếu một lúc, không rớt trước sau. Kẻ không trí, cho đây là thần thoại, kẻ có trí, cho là rất bình thường, người người vốn đầy đủ, mỗi mỗi không phải là không. Nhân vì tâm của người tôi, gần đây dong ruổi, không có công phu phản chiếu, cho nên vọng thọ sanh tử.

Phật nói tâm nếu có thể chuyển vật, tức là đồng Như Lai; nếu tâm bị vật chuyển, tức là phàm phu. Nếu như tâm người tôi có thể chuyển vật, tức có thể chuyển đại địa thành hoàng kim, thay đổi đại hải thành lưu ly, biến thân lớn như tu di, hóa thân nhỏ như hạt cải. Thứ thần thông diệu dụng đây, đều từ nơi tâm mà được, cho nên tâm là vạn năng, đâu phải là thần thoại?

d)- Kết Luận.

Người mới học Phật, cần yếu xem nhiều kinh Phật, nghiên cứu nhiều chân lý, bằng không vân vân, tuy tin Phật nhiều năm, nhưng thần xưa và Phật không phân biệt,

trên bề mặt biểu hiện là Phật giáo đồ, nhưng thật tế, họ thuộc về Phiếm Thần Luận, nói năng đều không phải chánh tông, đâu có thể giảng lý luận Phật giáo? Chỉ cần bụng trống rỗng nếu cùng đường thì gặp diệu lý theo đó phát sanh, thấy rộng đa văn, lo gì tri thức không phong phú? Nếu đối với Phật lý không sáng suốt chút nào, tốt nhất tạm thời chớ thất vọng lại thêm phê bình. Một ngày nào đó sau khi thấy rõ chân thật ngộ được Phật pháp, thì mới biết Phật pháp vô biên, mỗi pháp đều màu nhiệm, không một pháp nào từng ly khai chân đế.

II.- NHÂN SANH CÙNG PHẬT GIÁO.-

1.- Nhân Sanh Quan Của Phật Giáo.

Phật là ý nghĩa giác ngộ, là người hoàn toàn giác ngộ chân lý của vũ trụ nhân sanh. Giáo là chỉ cho Phật đà là người chỉ đạo cứu giúp chúng sanh giải thoát sanh tử. Phật dùng trí huệ vô thượng, nói tất cả giáo pháp gồm 3 tạng 12 bộ kinh, dùng phương pháp dạy giáo hóa chúng sanh, chuyển phàm thành thánh, lìa khổ được an lạc, nên gọi là Phật giáo.

[Nhân] đây so cùng động vật có khác không giống nhau, chỗ gọi là [Nhân là tâm linh của vạn vật.] là trí huệ của nhân loại, nó siêu việt hơn các động vật khác, lại nữa nguyên vì nhân gian sinh hoạt có khổ có lạc, cho nên ở trong lục đạo, do con người (nhân) tu hành rất dễ đắc đạo. [Sanh] chính là chúng sanh. Chúng sanh có ba thứ ý nghĩa: (1) chúng đa nhi sanh, (Sanh ra do nhiều yếu tố) (2) Chúng đa sanh tử, (Sống chết do nhiều yếu tố) (3) Chúng duyên hòa hợp nhi sanh. (Các duyên hòa hợp để sanh). [Thai] do ba người là cha, mẹ, mình, [Noãn] lại thêm ấm áp hai duyên: ấm ướt và mình; [Hóa] chỉ nghiệp duyên của mình. “Kinh Lăng Nghiêm” nói: [Noãn do tưởng mà sanh, thai do nhân tình mà có, ấm ướt do hiệp cảm mà nên, hóa do ly tán tương ứng.]

Nhân loại do sanh ra đi đến già chết, do đọc sách đi đến thành gia lập nghiệp, là nương nơi sự ăn ở hành động, suốt ngày đi đêm về hôm, mục đích không phải cần kéo dài sanh mạng. Chỉ sanh mạng đây, thế nào cũng có một ngày bị đình chỉ hoạt động, nhân vì phàm có sanh tất nhiên phải có chết, nếu tưởng không chết, đâu cần phải cầu vô sanh.

[Nhân sanh] hiệp lại để giảng, chính là sinh hoạt và sanh mạng của nhân loại, cứu cánh ý nghĩa và giá trị của nhân loại như thế nào? Những người có nhân sanh quan

không đồng với các người khác, là nhân vì có dân tộc, văn hóa, giai cấp, chức nghiệp và tông giáo vân

vân không đồng, nhân sanh quan của chúng đều có, nay lược phân có tám thứ, theo thứ tự nói rõ.

(1)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là thuận theo vận mạng an bày. Một thứ người đây suốt ngày sống mơ hồ cho qua ngày tháng, cơm đến thì ăn cơm, có áo thì mặc áo, đại gia sinh hoạt như thế nào thì họ cũng sinh hoạt theo như thế đó, đặc biệt vấn đề sanh, già, bệnh, chết, họ cũng tự nhiên, nhận cho đó là một sự việc bình thường, đối với nhân sanh đã không có nghi vấn, cũng không đi tìm kiếm phương pháp để giải quyết nhân sanh, còn đối với vấn đề sanh tử họ lại càng thêm không có phương pháp.

(2)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là hưởng lạc chủ nghĩa. Một thứ người đây ôm ấp dựa vào một thứ phóng túng có thái độ đi tìm khoái lạc, có năm sanh, nhưng không đi nghiên cứu sanh tử, ngay cả quốc gia dân tộc phát sanh biến hóa như thế nào, cũng chẳng quan tâm, không luận ở trên tinh thần hoặc ở trên vật chất, đều là hưởng thụ cho thỏa thích, thậm chí vì đạt được mục đích, không bỏ thủ đoạn nào, tận dụng tâm trí, hưởng thụ cho khoái lạc. Quá đáng hoặc làm ra đối với con người có những sự việc không lợi, nhưng cũng không kiêng nể. Chỗ gọi là: [Sáng nay có rượu sáng nay say, ngày mai sầu lại ngày mai trực tiếp.] Nhân đây, lại tạo tác tội nghiệp vô biên, báo ứng chậm hay sớm tự mình nhận chịu, không người nào có thể thay thế.

(3)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là chủ nghĩa bi quan. Quả như sinh hoạt trải qua không được như ý, liền sanh khởi ưu sầu và bi quan, suốt ngày oán trời trách người. Không luận đối với vấn đề gia đình, bằng hữu, sinh hoạt, công tác vân vân, đều sanh khởi bi quan, nhận cho là hoàn toàn không có ý nghĩa, nhân vì thường sanh yếm thế, hoặc trốn tránh quan niệm hiện thật, tự khốn khổ lấy, lại rất có thể có khuynh hướng tự sát.

(4)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ được thiết lập tam bất hủ (ba không hủ bại. Tại Trung Quốc có học thuyết tam bất hủ tức là [lập đức, lập công, lập ngôn.] Lập Đức nghĩa là phải có nhân cách hoàn bị; Lập Công là đối với quốc gia thiên hạ kiến lập công to lớn và kiến lập sự nghiệp vĩ đại; Lập Ngôn là dùng văn chương diễn tả khí thế trung thành mạnh mẽ truyền đời. Đại khái con người chỉ

sĩ có nhân từ của Trung Quốc, đại đa số là tận lực nơi tam bất hủ bại này, tức là khiến lao thân, lao sức, lao tâm, nhận lãnh các thứ gây chiến thống khổ, do mưu tính tại chỗ. Chỗ gọi là: [Kẻ sĩ thì dùng thân liều chết vì danh, kẻ sĩ thì dùng thân liều chết vì gia đình.] Nhân sanh quan của những thứ người đây, chủ yếu chính là có thể lưu tiếng thơm vạn đời, gọi là truyền đến đời sau không hủ bại. Nó đối với xã hội có nhất định cống hiến., nhưng đối với vấn đề sanh tử lại chưa chắc có thể đủ để giải quyết.

(5)- Đây là một thứ hạng người có nhân sanh quan của họ là tin có thiên thần. Họ nhận cho bên ngoài của nhân sanh có một thiên thần sáng tạo của vạn hữu, nhân loại tổ tiên cũng do thần này sáng tạo, tất cả vũ trụ thế gian đều do thần này sáng tạo cùng làm chủ tể. Các nhân thiên thần đây ở Ấn Độ gọi là [Phạm Thiên Đại Thần], nơi Gia Tô Giáo xưng là [Thượng Đế], tại Hồi Giáo xưng là [Chân Thần], giáo đồ của chúng nó chấp nhận nhân sanh chính do thiên thần cho vinh quang mà sanh tồn. Nhân đó, thứ người đây đem vấn đề sanh tử của chính mình hoàn toàn giao phó cho chúng thần kia đi giải quyết.

(6)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là luân lý đạo đức. Nho Gia có tam cương ngũ thường, tứ duy bát đức, do đây hành trì, người nhỏ có thể dùng nó để tu thân tề gia, người lớn có thể dùng trị nước bình thiên hạ. Chu Tử nói: [Phụ tử có tình, quân thần có nghĩa, phu thê có biệt, trưởng ấu có tự, bằng hữu có tín.] Mà tại phương diện đạo đức học thuật có chỗ thành tựu, chính có thể

dùng duy trì địa vị của tự mình, nếu có thể bảo tồn nhân cách, chúng nó lại cho là vấn đề nhân sanh đều có thể giải quyết.

(7)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là vô vi nhậm hóa. Đạo Gia cho vô vi biến hóa làm tiêu chuẩn, nhân sanh đến từ vô thi, chết cũng vô chung, tại đây trong nó của vô thi vô chung, mới sanh mới diệt, mới diệt mới sanh, các thứ biến hóa, nên quán vạn vật, mặc tình nó biến hóa, không suy nghĩ thêm. Tất cả là vô vi, cố nhiên có thể đều là như thế. Chỗ gọi: [Ban đầu của trời đất không có tên, mẹ của vạn vật có tên.] Cần yếu con người thường xuyên phải trải qua quán chiếu sự màu nhiệm của nó, thứ vấn đề của nhân sanh đây nên xem để giải quyết.

(8)- Đây là một hạng người có nhân sanh quan của họ là Phật Giáo. Phật giáo đối với bảy hạng người nói trên xem cách thức nhân sanh quan của họ đều rất không mãn ý. Phật giáo nhận thấy cho sanh mạng là thuộc nơi đó đây của hình sắc, còn

tâm niệm là thuộc nơi vọng tưởng phân biệt, hai thứ đây đều có sanh diệt. Dùng pháp sanh diệt đi tu thì không pháp nào đạt đến lý vô sanh. “Kinh Lăng Nghiêm” nói: [Nếu ở nơi chỗ dùng tâm sanh diệt để tu nhân, mà cầu Phật thừa không sanh không diệt, không có chỗ như thế.] Do nơi thứ nhân như thế thì tất nhiên đặng kết quả như thế, con người đã có sanh tất nhiên có thống khổ. Lão Tử cũng nói: [Ta sở dĩ có đại hoạn là vì ta có thân, ta nếu không có thân làm gì có đại hoạn?] Phật giáo nói nhân sanh có rất nhiều thống khổ, nói tóm tắt có tám thứ khổ:

1/- Sanh khổ: Nhân sanh trở xuống đều thọ khổ, như bé nhỏ mới lọt lòng mẹ liền khóc, nhân vì da thịt của nó mềm mại, vừa tiếp xúc thế giới bên ngoài gặp gió lạnh, bị khổ giống như dao cắt.

2/- Già khổ: Từ thiếu niên đến tráng niên, do tráng niên đến già cả, tuổi già dần dần, tóc bạc mặt nhăn, tai điếc mắt mờ, răng hàm rụng hết, bước đi lụm khụm, đối với nhân sanh, đã

3/- Thống khổ: Tứ đại không điều hòa, bệnh tật giao tiếp đau đớn, sầu lo tha thiết bi ai, thay đổi trở nên rên rỉ.

4/- Tử khổ: Hoặc nhân vì bệnh tật thọ mạng kết thúc mà chết, hoặc gặp hoạn tử bởi tai ương nước, lửa, gió. Chỗ gọi: [Một ngày vô thường đến, mới biết người trong mộng, tất cả đều mang đi bỏ, chỉ có nghiệp theo thân.]

5/- Ái biệt ly khổ: Nhân vật và tài vật của mình yêu thương không được cùng ở chung một chỗ, sanh ly tử biệt, kết cuộc đều trở về không.

6/- Oán tắng hội khổ: Thù oán căm ghét nhau mà cứ gặp nhau mãi là khổ. Người của mình thù oán căm ghét, nguyện không muốn thấy mặt, nhưng vẫn gặp lại nhau, mà còn thường ở chung chỗ.

7/- Cầu bất đắc khổ: Tất cả người và vật trong thế gian, trong tâm chỗ thương yêu, tận dụng tâm tính toán, mong cầu mà không được.

8/- Ngũ ấm sí thành khổ: Tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không luận ở trong nhục thể và trên tinh thần đều có khổ sở, sí thành là tức giận, khổ như lửa thiêu đốt.

Tám thứ khổ nào như trên, chính hoàn toàn do nơi đời trước tạo nhân ác, đời nay nhất định thọ quả ác. Cổ đức nói: [Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai

tảo dữ lai trì.] (Thiện ác đến cuối cùng kết cuộc có báo ứng, chỉ giành nhau đến sớm hay đến chậm). Muốn tưởng không thọ quả khổ, thì đầu tiên cần không tạo nhân ác. Cứu cánh cái gì là căn nguyên của khổ? Chính là khát ái, dục vọng, tham lam, ái trước, nếu có thể triệt để diệt trừ nhân khổ của khát ái, buông bỏ nó, trừ bỏ nó, xa lìa nó, ngừng thôi nó, đem tất cả dục vọng hoàn toàn tịch diệt. Chánh niệm khởi, vọng niệm trừ, làm sao vĩnh viễn không gặp trở lại để phải nhận tám thứ hoàn toàn thống khổ này. Muốn tưởng đoạn trừ tám thứ nhân thống khổ, tất nhiên nhất định cần phải dùng đến chí thành khẩn thiết để tâm triệt để huấn luyện tịnh hoá chính mình, mới có thể thu hoạch được tự do và giải thoát.

Phật trước khi nhập diệt, A Nan hỏi Phật: [Khi Phật tại thế, chúng tôi nương nơi Phật mà trụ, Phật sau khi bỏ đời, chúng tôi nương ai mà trụ?] Phật trả lời A Nan: [Ta sau khi bỏ đời, các ông nên nương nơi tứ niệm xứ mà trụ]. Do đây có thể biết, tứ niệm xứ nơi phương diện tu đạo, rất rõ ràng chiếm lấy địa vị trọng yếu. Tứ niệm xứ là: (1) Quán thân bất tịnh, (2) Quán thọ thị khổ, (3) Quán tâm vô thường, (4) Quán pháp vô ngã. Nhân vì chúng sanh nơi trong năm ấm của sắc thọ tưởng hành thức, trải qua thường sanh khởi bốn thứ điên đảo, dùng sắc thân bất tịnh làm cho thanh tịnh, dùng cảm thọ thống khổ làm cho an lạc, dùng ý niệm và hành động trôi chảy không dứt cho là thường, dùng tâm đối cảnh tác dụng sanh khởi thiện ác cho là ngã. Có bốn thứ điên đảo vọng tưởng đây, lại sản sanh một thứ nổi kết xuyên xuất đó là ưu bi khổ não và tai nạn khó xử, ngã Phật nhằm xem xét không có chánh tri kiến của chánh nhân, cho nên nói ra phương pháp của tứ niệm xứ, cần yếu người quan sát kỹ lưỡng, thân là không thanh tịnh, thọ là không khoái lạc, tâm là không thường trụ, trong pháp đều không có ngã. Người đời quả có thể tiêu trừ bốn thứ điên đảo vọng tưởng đây, tất cả ưu bi khổ não, lại không gặp sản sanh, còn có thể thâm hoạch được thường lạc ngã tịnh, khoái lạc chân chánh.

Lược Thuật Tứ Niệm Xứ.

(1)- Quán Thân Bất Tịnh.

Thân thể của con người, có ngũ tạng lục phủ, mủ máu gân xương, da lông tóc móng, trong thân có 36 vật, đều là giống nhau không thanh khiết, bao gồm có năm thứ bất tịnh: (a) Sanh chỗ bất tịnh. Ở trong bụng mẹ, trụ nơi sanh tạng, phía dưới thực tạng, sau khi trải qua mãn mười tháng, từ âm đạo sanh ra. (b) Thứ con bất tịnh. Vào thai bắt đầu kết thành, ôm lấy tinh cha huyết mẹ, đỏ trắng hai giọt, máu mủ nhơ nhớp, hỗn hợp tạo thành. (c) Tướng ngoài bất tịnh. Con mắt có nước mắt, lỗ tai

có cốt rấy, lỗ mũi có nước mũi, miệng có nước miếng, thân có bùn đất, mùi hôi nơi thân xông ra, con người không tự biết. Trong bốn tánh bất tịnh trên từ ác nghiệp của con người bất tịnh mà sanh, cho nên sau khi sanh ra, lần hồi tiếp xúc ngoại cảnh, tự nhiên sản sanh các

thứ khát ái năm cứu cánh bất tịnh. Nghiệp báo của con người kết thúc, củi hết lửa tắt, chỉ còn lại một trần chính là bất tịnh.

(2) Quán thọ thị khổ. Thọ là tiếp nhận, năm căn khi đối với năm trần tiếp nhận những cảnh thiện ác, tốt xấu, khổ lạc vân vân, nhân sanh chỗ tạo tác tất cả sự vật vật không chỗ nào là không thọ khổ. Thí dụ như, đi bộ quá lâu có thọ khổ mệt mỏi đừ người; đứng mãi quá lâu có thọ khổ chân tê cứng đờ; ngồi quá lâu có thọ khổ làm cho tê liệt; nằm quá lâu có thọ khổ hôn trầm đần độn. Ăn cơm ít thọ khổ thấy đói, ăn cơm nhiều thọ khổ quá no; áo mặc nhiều thọ khổ quá khô da; áo mặc ít thọ khổ lạnh buốt. Chồng vợ con trai con gái, sanh hoạt gánh vác lẫn nhau, cảm tình bỏ xuống tội lỗi, tranh cãi phun nhả xú khí, tứ đại bất hòa, tùy thời sanh bệnh, ngoảnh lại đây mất nơi kia, ưu sầu thành bệnh, sanh ly tử biệt, kinh hoàng thảm hại thành bệnh, kêu trời dậm đất, không pháp hình dung; bỗng nhiên nhân gian có niềm vui, nhưng niềm vui ngắn ngủi vô thường, vui quá lại cảm giác đau khổ.

(3) Quán tâm vô thường: Người tôi hiện tiền một niệm vọng tâm, quên đông quên tây, sát na không dừng, phàm tình tâm thô, không dễ phát hiện. Kinh nói người tôi, một niệm gồm có 90 sát na, một sát na có 900 sanh diệt. Tịnh tọa chốc lát, mới biết vọng niệm như giòng nước lũ, nhân tâm khởi diệt, không gian thời gian, tất cả vạn vật, tùy theo đó di chuyển, nếu có thể đem tâm tắt vọng đây ngừng lại, vũ trụ vạn hữu cũng tùy theo đây đình chỉ. “Kinh Lăng Nghiêm” nói: [Một người phát hiện chân lý trở về nguồn cội, mười phương hư không, tất đều tiêu diệt.] Đại sư Vĩnh Gia nói: [Trong mộng rõ ràng có sáu cõi, sau khi giác ngộ không, không cả không đại thiên.] Thời hư không đại địa đây còn không thể được, lại có cái gì cần thọ sanh trụ dị diệt, dài ngắn vuông tròn, để tất cả đều về nơi đại hải tịch diệt.

(4) Quán pháp vô ngã. Chữ pháp bao quát gồm có, thế gian pháp, xuất thế gian pháp, hữu vi pháp, vô vi pháp, tương đối pháp, tuyệt đối pháp, thiện pháp, ác pháp, tất cả các thứ pháp, đều bao quát ở trong. Trong thân các pháp vô ngã, ngoài thân các pháp cũng vô ngã. Nơi ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại, trong tất cả pháp đều kiếm không được một cái ngã của chủ thể, cho nên nói con người vô ngã, nhân ngã chỉ là một thể giả. Giả có ba thứ, 1>

Đời trước hành nghiệp, thác sanh vào cha mẹ, là nguyên nhân thành giả. 2> Là theo thai tương tục, dẫn đến bạc đầu, là tương tục giả. 3> Là dùng thân cư xử không phải thân, tức là tương đãi giả, giả đây chính là không.

Nhân sanh quan của Phật giáo, tức là dùng quán huệ của tứ niệm trụ đây, chỉ trụ nơi bốn cảnh của thân thọ tâm pháp, không khiến bốn thứ vọng tưởng sanh khởi, thì có thể phá trừ ngã chấp; nếu có thể chứng đến lý ngã không, tức có thể lìa khổ đặc lạc, chuyển phàm thành thánh, đây là thuộc nhân sanh quan của người Phật giáo tiểu thừa. Còn nhân sanh quan của người Phật giáo đại thừa là dùng tứ vô lượng tâm từ bi hỷ xả, rộng độ chúng sanh, ái niệm chúng sanh, cũng như con của mình, thấy người họ khổ, cảm đồng thân thọ. Chỗ gọi: [Chúng sanh độ hết, mới chịu chúng quả bồ đề.] “Kinh Hoa Nghiêm” nói: [Không vì thân mình mà cầu an lạc, chỉ nguyện chúng sanh được lìa khổ.] Thứ tinh thần đại vô úy đây, đều không phải chúng sanh phàm phu và người tiểu thừa có thể phân biệt đến được, cho nên khi Phật còn tại thế nói pháp, nhiều lần thường khen ngợi người đại thừa mới là con chân chánh của Phật, người tiểu thừa chỉ là con thứ; con thứ không thể dùng kế thừa vương vị, con chính là do chánh thể sanh ra, mới có thể kế thừa vương vị. Vì thế “Kinh Pháp Hoa” nói: [Đây là con thật của ta, là cha thật của ta, nay ta đã có tất cả tài vật đều là con ta có.] Tài vật đây tức là thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp, vô lượng công đức thần thông diệu dụng của Phật. Từ đây trở lên mới là nhân sanh quan chân chánh của Phật giáo.

2.- Phước Huệ Cùng Nhân Sanh.-

Con người sống ở thế gian, rất trọng yếu mà không thể thiếu đó là áo mặc, cơm ăn, nhà ở, sinh hoạt, không luận nam nữ già trẻ, giàu có, sang trọng, nghèo hèn, bần tiện, sống lâu cùng khó, hiền ngu đẹp xấu, đều cần nương nơi bốn sự việc đây mới có thể sinh hoạt. Nhân đây, phàm con người mỗi mỗi nhiều năm nhiều tháng, sớm đi chiều về, lao thân khổ trí, đông bôn tây chạy, đều làm cho đầy đủ nhu cầu cơ bản của con người.

Một sớm người đói được ăn, người lạnh được áo, người mệt được nghỉ, an ổn trôi qua, sinh hoạt bình thường, nhưng đã được Lũng Sơn (Lũng Sơn nằm giữa hai tỉnh Thiểm Tây và Cam Túc, Trung Quốc) lại trông mong nước Thục (Nước Thục là một trong Tam Quốc: nước Thục, nước Ngụy, nước Ngô), không cho là đủ, lại cầu nhà lầu xe hơi, áo gấm ăn ngon. Kinh nói: [Người biết đủ, tuy nằm trên đất, cũng cho an lạc, người không biết đủ, tuy chỗ thiên đường, cũng không vừa ý.] Do đây có thể

thấy, dục không ngừng nơi cảnh, nếu cầu không được, mới trên khổ cộng thêm khổ. Có người tưởng cần yếu đạt đến mục đích, đến nỗi trộm cắp cướp đoạt, lừa dối người đời, tế thần lạy quỷ, cầu cơ hỏi bói, xem tướng đoán mạng, kết quả muốn tích trữ nhưng không thể thu hoạch được từ nơi tâm, đông tây thành tựu, nhân đây thần mất khí tan, sầu khổ dung chứa đầy mặt, chọn ngày không là quái lạ oán trách chính mình con đường số mệnh quá nhiều không may, lại còn oán trời trách người.

Kỳ thật, nhân vì con người không có sáng suốt để tự hiểu biết, không nhìn xa hiểu rộng, lực lượng thù thắng của con người đối với thiên địa quỷ thần, là tài ba xuất chúng, chân chánh có thể tự dùng kéo lại vận mệnh ác liệt của chính bản thân mình. Lý do con người bỏ gốc theo ngọn, chạy theo hướng đường tà, giống như cát vốn không phải cơm, lại muốn thành cơm ngon, dầu cho dù trải qua kiếp trần, cơm cũng không được thành công. Xưa có nói: [Trời tạo tai họa còn có thể thao túng; tự tạo tai họa không thể sống.] Do đây có thể biết, kiếp hung họa phước của con người, sống lâu hay cùng thông, hoàn toàn ở nơi cá nhân đem bảo trì cùng thao túng, đều không phải người thế tục có thể giải thích, thế nên họ cho là [Sống chết có mạng, giàu sang do trời.] Giải thích như đây tùy tiện không tiêu chuẩn, đều là giải thích sai lầm.

Nhân sanh ở đời, đã có cần yếu như cơm ăn áo mặc nhà ở chỗ sinh hoạt, chính được nương tựa nơi thiên thời địa lợi, ngoài ra còn khổ tâm trí, lao sức gân cốt, mới thu hoạch được nhà lộng lẫy, kho chứa to lớn, ăn no đủ mặc. Chu Thư có nói: [Nhà nông không sản xuất thì cơm thiếu ăn, công nhân không sản xuất thì mọi việc đều thiếu, sĩ phu không sản xuất thì ba điều quý (phước, lộc, thọ) mất hết, thương gia

không sản xuất thì tài sản hao mòn.] Tuy nhiên đạo lý giảng như thế, nhưng trên sự thật rất kỳ quái, có người sanh ra, không động lao một sợi lông, lại thu hoạch được mặc đẹp ăn ngon, phú quý kề bên người; ngược lại có người suốt ngày chạy ngược chạy xuôi, phong trần lao khổ, hoàn cảnh khó chống lạnh, miệng khó chống đói, giường không được ấm, chăn không được êm, quả như đem hai hiện tượng đây so sánh, [Đều tận khả năng, đều muốn nhu cầu] nhưng cách ngôn của đại đồng, dường như không thể trình bày hoàn mỹ.

Nhân vì chúng ta chú mắt cùng thấy, không luận nam nữ già trẻ, phú quý nghèo hèn, người ai không là ở nơi cần cù tận tụy, đều tận sức của mình, để mưu kế sanh tồn; lại có hạng người vàng ngọc đầy nhà, hoa trời rượu đất, nhưng có người nghèo rớt mồng tơi, không chỗ nương tựa, do đây có thể thấy, đều không phải hoàn toàn

nhờ tự lực mới có ăn, mà phải nhờ tâm ý quyết định đâu đó đầy đủ mới được an cư lạc nghiệp. Cố nhiên sách nói rằng: [Người khéo léo có dư, người đần độn không đủ.] Nhưng đây không thể bảo chứng người khéo léo quyết định có dư, người đần độn tất nhiên không đủ. Thí dụ như Tử Nha cùng Quản Trọng, đều có tài nhấc lên trời đào xuống đất, nhân vì thiếu niên thất chí, nên nhận đầy đủ khổ não khôn thiếu. Đề cử thêm, Lưu Thiên cùng Tấn Huệ Đế đều là đần độn, tài không chịu được, nhưng nó có thể kế thừa phụ vương làm Quốc Chủ, ăn uống đều là trăm vị trân quý, ở thì chỗ Cung Điện Đường Hoàng, mặc thì áo lông cừu ngàn vàng, ngồi thì bao vây chung quanh cung nga mỹ nữ lôi kéo, tam cung lục viện, 72 cung nữ đầy đủ. Do Đây lại biết, tuy nhiên tự mình có thể khát khao thao túng tất cả vận mệnh thiện ác của người khác, nhưng lại người khác cũng có thể chi phối tai họa phước lành của mình.

Tuy nhiên định luật tự làm tự chịu, đều không phải người tâm thần bề ngoài, có thể dòm thấy nơi một phần rất nhỏ, nhân vì mỗi người chỗ tạo tác nghiệp nhân thiện ác, lại có ngàn sai vạn biệt, nhân tâm không đồng giống như mặt nó, nghiệp quả không đồng giống như tâm nó. Có người tạo nghiệp đời trước trước khi sanh, đời nay sanh để thọ báo, có người đời nay sanh tạo nghiệp, đời sau sanh thọ báo, cũng có

người đời nay sanh tạo nghiệp, nhiều đời sau sanh thọ báo. Phải biết, đời trước lại có đời trước nữa, đời sau lại có đời sau nữa, Đã có đời trước cùng đời sau vô cùng vô tận, đương nhiên đã có nhân quả cùng báo ứng cũng vô cùng vô tận.

Nhân đây, chúng ta cần tưởng đến lìa khổ được vui, chuyển hóa tinh thần tội lỗi trở thành cát tường hòa nhã, chính là nên trồng cây phước tu dưỡng cây thiện, rộng tích trữ âm đức. Giả sử gặp thấy riêng người nghèo bệnh vừa vừa, hoặc hiểm ác vĩ đại ập lên đầu, cho dù khổ nạn không đủ sức cứu vãn người kia, nhưng cũng cần sanh khởi tâm đồng tình, tâm lân mẫn, tâm thí xả, tâm cứu hộ, nhờ những tâm sanh thiện trên, nên phước đức càng ngày càng tăng. Người đời không rõ lý này, khi chọn làm đã không xả tài, lại chưa làm lợi cho người sao lại có được phước đức? Phải biết Ngã Phật có nói, người người vốn đầy đủ vô lượng tánh công đức, có tu thì hiển bày, không tu thì ẩn nấp, hiện tại giả như người kia sanh thiện, tức là tự tánh hiển bày phước đức. Nếu lại nữa lợi đem tài riêng của mình cứu giúp sanh mạng người kia, người kia và đây cả hai đều thu hoạch được lợi ích, nếu như mình có tâm mà không có sức, tuy nhiên đối với người kia không có lợi ích, nhưng có thể riêng mình được phước, cũng như dùng đèn đốt đèn, sau khi đèn của mình cháy sáng tỏ cùng

đền của người kia đều không tổn giảm. Nếu người có thể đem phước đức trí huệ vốn đầy đủ của tự tánh, tu tập lại tu tập, hiển bày lại hiển bày, tích lũy qua năm tháng, hạnh tròn đầy quả viên mãn, công đức pháp tài, tự có thể toàn bộ sáng tỏ rườ, lúc này đủ khả năng dùng chuyển hóa sông dài làm bờ sửa, biến đại địa thành hoàng kim, lấy không hết, dùng không cùng. Dụ như Phật đà từ vô lượng kiếp về trước, năng làm những việc khó làm, năng nhẫn những việc khó nhẫn, như xả thân cho cọp ăn, lóc thịt cho chim đói, do đó mới có trăm phước kết tập đầy đủ ngày nay, vạn đức trang nghiêm, theo tánh hiển hiện, biểu lộ không sót.

Nếu tâm có thể đủ để bồi đức và trồng phước thì thân thể tự trở nên chân chánh và cường tráng, nghiêng về cát tường, ty hiềm hung bạo, chuyển họa làm phước, áo mặc, ăn uống, nhà ở, sinh hoạt

cũng tùy theo đó mà đến. Tâm khi tu thiện, chính thuộc về đạo đức, nếu có đạo đức, tất nhiên có phước khí, nếu có phước khí, tất nhiên hành động vận dụng tốt. Khá nên là cần có hồng phước, vì chưa có trí huệ như biển để khai lộ tiên phong; nhưng nếu bị sa ngã vào hầm hố, lằm vào lối rẽ, không là keo kiệt không chịu buông xả, lại còn xa xỉ dâm dăng, không phân phải trái trắng đen, nặng nhẹ đảo ngược, đây có tạo tác, đều là ác hạnh, nhưng không chịu người kính trọng. Nhân đây, sau khi có phước, nhất định cần phải có trí huệ, mới có thể tôn nghiêm đoan chánh, là người thượng nhân. Người phải đầy đủ hai thứ phước huệ, mới được gọi là thế tôn, trí có khả năng phân tích thiện ác tốt xấu, là không phải tà chánh, cho nên cần phải tìm cầu trí huệ, để tạo dựng làm căn cơ. Đây là nhân sanh ở đời, lập thân hành sự là tông chỉ cụ thể.

3.- Phước Huệ Cùng Thiện Ác.-

Chính con người trong “Kinh Kim Cang” nói: là một trong 12 loại chúng sanh, bản chất của nó, do các duyên hòa hợp tạo thành, các duyên một ngày nào đó phân tán, sanh mạng cũng cáo chung kết thúc. “Kinh Lăng Nghiêm” nói: [Nhân duyên hòa hợp, hư vọng có sanh, nhân duyên biệt ly, hư vọng gọi là diệt.] Do đây có thể biết, nhân sanh của người tôi, thân thể bên trong và thế giới bên ngoài, chỗ thấy của con mắt, chỗ nghe của lỗ tai, tất cả vạn sự vạn vật, chẳng qua do hư vọng mà sanh, huyền hóa không thật, như đóm hoa trong hư không, như mặt trăng trong nước, vốn không có thật, đây chỉ duy có Phật giáo triệt để mới hiểu rõ sáng sửa mà thôi.

“Trung Quán Luận” nói: [Các pháp không tự sanh, cũng không từ người khác sanh, không chung nhau sanh mà cũng không không có nhân mà sanh, cho nên nói vô sanh. (Bản tánh của các pháp kể cả con người có từ vô thủy, không có vấn đề tự sanh, mới sanh.....cho đến không nhân để sanh).] Lại nói: [Đã sanh không có sanh, chưa sanh cũng không sanh, đã lìa sanh chưa sanh, sanh thời tức vô sanh. (Như đã giải thích ở câu trên, đã có mặt từ vô thủy, không có vấn đề đã sanh, có sanh, chưa sanh.....cũng không có danh từ sanh và vô sanh).] Do đây chứng

minh vững chắc, có thể nói rõ, bản tánh của con người, không sanh không diệt, thường trụ sáng sủa, chân thật trong sạch tròn sáng, không biến đổi. Người thường không biết, nhận cho người tôi, sau khi lọt lòng mẹ, gọi là [sanh]. Hình trạng diện mạo hài nhi mới sanh, gọi là sanh tướng, không biết sau khi lớn lên tướng mạo thay đổi, sanh tướng tức là không còn. Nếu như nhận cho là trước khi chưa ra khỏi thai, gọi là sanh tướng, theo thường thức thì không phù hợp. Người tôi nên biết, tướng mạo của tôi sanh sống, nơi đã sanh và nơi chưa sanh, hai thời gian đó, đều có thể được vậy không. Phàm sự vật có sanh thì có diệt, thể của nó còn không có sanh, sao lại nói có diệt. Cho nên luận nói: [Đã lìa sanh và chưa sanh.] cho nên nói vô sanh. Câu thứ tư nói: [sanh thời tức vô sanh.] nơi biểu hiện bề mặt xem thấy dường như tự tướng có mâu thuẫn, trước sau không có phù hợp. Kỳ thật, nơi bản thể pháp tánh mà nói, sanh không sanh tướng, diệt không diệt tướng, mà lại sự việc sanh sanh diệt diệt không ngăn ngại, đâu có phải khi sanh tức là không sanh. Nhân vì các Phật Thánh, do tu mà chứng đắc, thanh tịnh bản nhiên, tánh tịnh minh thể, tánh thể thấy thấu suốt, không sanh không diệt, không nhân không ngã, không nhân không quả, không thiện không ác, vĩnh viễn giải thoát lục đạo, được đại tự tại. Phàm phu thì không như thế, từ vô thủy đến nay, vô minh che lấp, thời gian lâu dài trầm luân theo âm thanh sắc tướng vật dục, nơi chân thể pháp tánh, chỉ thấy có sanh có diệt, có sống ngàn tuổi, có hiền có ngu, có quý có tiện, có vọng tưởng điên đảo, tất cả đều đầy đủ.

Tổng Quan Kinh Luận Chí Lý, Thánh Phạm phân hai con đường, đều do tâm thiện ác tăng giảm gây ra. Nhân đây chúng ta nếu dùng tâm thiện, tức người thuộc bậc trên; nếu dùng tâm ác, tức người thuộc bậc dưới. Thế Tục Y Bốc Tinh Tướng Chi Thư nói: [Hữu tâm vô tướng, tướng tùy tâm sanh, hữu tướng vô tâm, tướng tùy tâm diệt. (Có tâm mà không có tướng, tướng theo tâm sanh ra, có tướng mà không có tâm, tướng theo tâm tiêu diệt).] Cũng có lý của nó. Do đây mà quán nó, kiết hung họa phước của thế gian, sống lâu bền cùng, chủng tộc quý tiện, vinh nhục đặng mất, nó đã từng không ngoài bản tâm thiện ác tăng giảm mà thôi. Thiện tăng lên là được

phước đức trường thọ vinh hiển; ác tăng lên là thiên tai, họa ác, thấp hèn, vinh nhục, mất

mát. Đây là do sĩ phu của Phật pháp minh bạch cụ thể, không cần phải cầu hỏi thầy bói họa phước, cũng không cần hỏi thần linh cầu phước, ngược lại chỉ quán tự tâm thiện ác, tâm thiện thì tất cả đều tốt, tâm ác thì tất cả đều hung dữ. Tục ngữ có nói: [Phước đến thì tâm linh.] Đây chính là thiện niệm thúc đẩy tâm linh cảm sáng suốt phát huy.

Nơi Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo, và mỗi đạo có Tông giáo riêng, ai cũng đề xướng con người cần yếu phải hành thiện, xả kỷ để làm người. Chỗ gọi: [Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương. (Nhà tích trữ điều thiện, nhất định có dư phước, nhà tích trữ điều bất thiện, nhất định có tai ương)] Đây là định luật ngàn xưa không thể dời đổi. Chồng dưa đắng dưa, trồng đậu đắng đậu, nhân quả báo ứng, như ảnh theo hình, ai có thể không tin. Nhân đây đến chỗ dựa vào huyền bí [Làm lành rất vui] bốn chữ lớn đây, ý của bốn chữ đây nhằm để thức tỉnh con người, cần tưởng đến an cư lạc nghiệp, đầu tiên cần chánh cái tâm, tâm chánh thì thân tu, thân tu thì tề gia, tề gia thì trị nước, nước được trị thì sau đó thiên hạ thái bình. Người đời đã nói [Làm thiện rất vui], cũng nhất định có [Làm ác rất khổ.] đây là nguyên lý tồn tại, nhân vì không có [Làm ác rất khổ], thì tuyệt đối hiển nhiên không ra đạo lý [Làm thiện rất vui], hai câu đây tất nhiên nhất định lẫn nhau sanh lẫn nhau diệt, tương đối thành lập. Chỗ gọi: [Đây có nên kia có, đây không nên kia không.] Lý của hai câu đây, tuy nhiên đối chiếu nhau để đánh giá, nhưng hết sức kỳ lạ, đều dựa vào một phương diện huyền bí [làm thiện rất vui], dường như chưa từng thấy nêu lên một phương diện là [Làm ác rất khổ], dường như lý này không khó thấu hiểu, nhân vì người đời thời nào khắc nào cũng hoan hỷ điều vui, chán ghét điều khổ, không phải chỉ thấy thống khổ như oan gia, chính là một chữ khổ cũng không đề cập, lý do ai ai cũng vui mừng khi nói đến cát lợi, nhưng không thích nghe tiếng nghịch tai, dường như có thể tránh né không chịu nghe các điều thống khổ. Kỳ thật không phải như thế, chính vì người đời không từng đi sâu nghiên cứu căn nguyên của cái khổ, cho nên mới nhận chịu các thứ thống khổ, giả sử đại gia có thể đủ nhìn xa căn nguyên của giải khổ, dùng sức trí tuệ đem chém đứt căn nguyên của cái khổ, thử hỏi thống khổ lại phát sanh từ chỗ nào? Nhân đây chún

làm thiện rất vui] phản lại phương diện đạo lý [làm ác rất khổ] để thường cảnh giác người đời. Giả sử người đời sợ quả khổ, tức không nên mắc nợ giống nhân khổ, nhân khổ không giống thì quả khổ không thành.

Ở đây đâu tiên giải thích hai chữ thiện ác, thử hỏi đại gia nhận biết sao là thiện, sao là ác? Thật tại thiện ác không có tiêu chuẩn nhất định. Nếu người dùng dao gậy là thuộc nơi đồ hung dữ, nhất định là ác, giả sử lợi dụng dao gậy đi cứu mạng sống, tức biến thành là việc thiện; nếu người dùng tiền của là thuộc nơi thiện tốt, gọi nó là thiện, giả sử lợi dụng tiền tài đi giết mạng sống, tức biến thành việc ác. Do đây chỉ là một việc, thí dụ đề cử tất cả, không có giống nhau là thuộc nơi thiện, hoặc thuộc nơi ác. Thật tại thiện ác do tâm mà phát sanh, tâm muốn thiện thì tất cả đều biến thành thiện, tâm muốn ác thì tất cả đều biến thành ác, thiện ác tại tâm, không tại nơi vật, do đây mà luận, tất cả thiện ác đều do tâm làm chủ, vật ngoài đều theo tâm mà chuyển đổi thôi.

Đối với triết lý của [Làm thiện rất vui], nơi đây xin đề cử thí dụ, giả như người tôi theo thời theo chỗ, tình hình thấy có người gặp tai họa rất nguy hiểm, sát bên cạnh bờ vực thẳm hố sâu, kịp thời tôi chạy đến gấp cứu được một sanh mạng. Chỗ gọi: [Cứu một sanh mạng thù thắng hơn xây bảy cấp chùa chiền.] Thử tưởng tượng, tâm mình nợ phước đức hưng thịnh cao như thế nào, khả năng suốt ngày biểu lộ nét mặt vui mừng rõ ràng, cộng lại hiểu biết tự mình đã làm một việc to lớn bằng trời đã cứu một mạng người bên bờ vực thẳm. Phải biết thân thể do tâm làm chủ, tâm khi khoá lạc thoải thích, tự nhiên ảnh hưởng đến tỳ mạnh khoẻ và vị khai mở, tâm an tịnh, thần yên tĩnh, ngủ nghỉ an ổn, tâm mở rộng, thân thể thoải mái. Người đây đã có thể tâm lý được bình an, hoan hỷ nơi tâm, tất nhiên [bên trong có những gì thì sẽ hiện hình ra bên ngoài.] Trên mặt khi thường hiện dung hoà hoan hỷ, có thể nói người thấy người vui, thân thuộc xem trọng, bằng hữu kính ngưỡng, ở bậc trên tất nhiên được kẻ dưới kính trọng, ở bậc dưới tất nhiên được cấp trên che chở, nhân vì thiện lạc,

đức đây chỗ phước, cho nên có thể đủ sống thọ, giàu có đầy đủ, không gặp ác vận, gặp hung hóa kiếp, gặp nạn thành an lành.

Nguyên lý ngược lại chính là [Làm ác rất khổ.] Mặt đây cùng mặt trước phản nghịch nhau. Giả như người tôi vô cố giết hại mạng người, tâm của họ có nợ với tôi như thế nào mà tôi phải ưu lo. Không luận người kia hung ác ra sao, hoặc tâm xấu như thế nào, nếu tôi làm những việc trái trời nghịch lý thì tôi nhất định tâm hết

hoảng thịt run, sợ hãi dị thường, khi ăn cơm nhấc đến ruột treo, ngủ luôn nằm ác mộng, ăn không ngon miệng, ngủ không an giấc, đi đứng ngồi nằm đều nghi thần nghi quỷ. Nếu như một cá nhân khi thường tâm bị không an lạc, ngày tháng lâu dài, tất nhiên bị ảnh hưởng đến, nào thì bị thương vị bị tổn, tiêu hóa không tốt, tâm hồn hạp mất ngủ, như thế tích lũy tháng năm, nhất định thể lực suy yếu, mặt vàng bấp thịt teo nhỏ, người thấy người chán ngấy, thân thuộc ghét không quan tâm, bằng hữu không nhìn lại, bạn cùng tài tận, không chỗ kiếm ăn, nghèo bệnh vừa vừa, đói khát bức não, lúc này tuy có từ thân hiếu tử, cũng không thể cứu nhau, nhân vì nhân quả báo ứng, tự làm tự chịu, chính là chư Phật Bồ Tát, cùng thiên địa quỷ thần, đều không thể cứu vãn một phần rất nhỏ, đây chính là hiện làm hiện báo của [làm ác rất khổ] phần mình nên chịu, không thể chuyển dời cho người khác.

Phần phước của con người, giống như đèn dầu, khi đèn thêm dầu, lửa hoa càng sáng, đèn dầu nếu cạn, ánh sáng lửa liền tắt. Nhân đây chúng ta nên phải thời khắc nào cũng phải tu phước, phát huy niệm thiện trong tâm, thật hành tu phước, không ai hơn, kính trọng sư trưởng, cúng dường Tam Bảo, in khắc kinh Phật, tặng y thí thuốc, cứu tế tai ương, trai giới phóng sanh, tu kiêu bồi lộ vân vân, tạo những việc lành đây, tức là tu phước, sống lâu như ánh sáng, phước như ngọn lửa, nhất định dài lâu. Ngược lại, sát sanh hại mạng, tổn người lợi mình, tìm cầu vật dục, già gian xảo, làm loạn to lớn, đầu cơ thủ lợi, sai lầm giả trá, lừa dối phỉnh gạt ganh tị hiền năng vân vân, tức là làm ác, đây có ác nghiệp, như dầu khô lửa tắt, sống mà bình khổ họa đến, chết mà đọa lạc ác đạo.

Có phước mà không huệ, dù cho có khả năng sống trường thọ, cũng là thiếu sót, nếu là giàu có mà bất nhân, khiến người khinh thường, danh xấu ngàn thu, ác thông suốt đầy tràn. Phật nói: [Trí huệ như người có mắt.] Một cá nhân nếu như không có mắt, dù cho có thể đi bộ, đường không rõ, tuy khỏi có rớt xuống hầm hố, ngã vào hào thành nguy hiểm. Tất nhiên phải thấy rõ thiện ác, biện minh thị phi, biết gần xa, lường cao thấp, đọc kinh cầu hiểu, đi du lịch trải nghiệm, học rộng nghe nhiều, làm công phu đây, tức là tu huệ, có phước gồm có huệ, tự mình đã có oai có thể quý, có phong thái có thể kính, nhan sắc sáng bóng, khí lực tràn đầy, áo mặc ăn uống đầy đủ, gia đình hòa thuận, cho dù đến phương nào, thường làm cho mọi người nghiêng thành quý mến, xa thì có thể trông, gần thì không chán, sanh ngày nay thì làm thầy, chuyển đời sau sanh đường lành, đâu không vinh dự sao!

Cần yếu của người tu phước, rất quý trọng tín tâm kiên cố, nỗ lực tinh tấn, ngày lâu tháng dài, phước huệ đầy đủ, tuy không cầu đến, tất cả thuận lợi, tự nhiên vận

hành. Không cần cầu thần cầu quỷ, vọng tưởng thăng quan phát tài, cát tường như ý, đông thành tây tựu, một vốn vạn lợi vân vân, đây là tập tục mê tín. “Kinh Địa Tạng” nói: [Như quả các người sát hại súc sanh, đem đây cầu phước, không những không lợi ích, lại kết tội duyên, chuyển thêm tội nặng.] Các thiện nhân trên, cần cầu ít già bình an, mạng sống trường thọ phú quý, phước huệ song tăng, chỉ có nhờ cây Phật đà khai thị, thật tế thực hành, tích lũy ngày tháng, tự có thu hoạch, được thọ dụng rộng lớn.

Một niệm tâm tánh của con người, có lý có sự. Lý đây, thể tánh không biến, tinh vi rộng lớn, độc nhất không hai, như băng tức nước, thiên đường địa ngục, đều như bào ảnh, làm thiện làm ác, đều không phải thật có. Sự đây, không có một sự một pháp, không hiển bày sáng sủa rõ ràng, như nước kết thành băng, Quy y nhị bảo, tất cả giống như thế (chỉ quy y nhị bảo). Chỗ gọi: [Đều từ nơi pháp giới đây lưu chuyển, cũng đều trở về nơi pháp giới này.] Phạm phu chúng sanh không biết giải thích băng tức là tánh nước, chỉ thấy dụng tùy duyên, không thấy thể bất biến, cho nên từ vô thủy đến nay, thuận theo dòng sanh tử, uốn cong vào thống khổ, làm thiện lên thiên đường, làm ác

rớt vào địa ngục, chấp cho là thật có, không hiểu được chân không. Nhân đây Phật đà tạm thời dùng phương tiện, đầu tiên dùng nhân thiên thừa, dạy người tu ngũ giới thập thiện, khiến họ đặng thiện báo nhân thiên. Trong bốn Tất Đàn (Tất Đàn nghĩa là Thành Tựu), gọi đây là thế giới tất đàn, khiến họ sanh tín tâm. Do đây họ dần dần đạt đến làm người tất đàn, gọi là Đối Trị Tất Đàn, cũng gọi là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Trong bốn tất đàn, bao gồm 12 bộ kinh, tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng. Phật vốn không pháp có thể nói, vì có bốn nhân duyên tất đàn, nên cũng có thể nói pháp.

Quả như người người đều có thể các điều ác chớ làm, các điều lành nên phụng hành, lập chánh vị thiên hạ, hành đại đạo thiên hạ, thế giới tự nhiên hòa khí tốt lành, chiến tranh tiêu trừ, mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, ngũ trước ác thế tức thời biến thành thanh tịnh lạc độ!

4.- Phiền Não Cùng Thống Khổ.-

Nhân sanh nơi thế gian, sinh hoạt ăn uống, đón khách đãi khách, giao tế qua lại, mưu sanh sự nghiệp, suốt ngày bận rộn long đong, nơi trung gian của nó, tùy thời tùy chỗ, gặp phát sanh khiến người không vui vẻ bởi phiền não thống khổ. Hoặc

nghèo bệnh vừa vừa, đói lạnh bức bách; hoặc kẻ ác yêu quý làm tan nát nhà cửa, kẻ thù gặp nhau; hoặc sanh ly tử biệt, hoặc hồn dẫn dắt vòng quanh trong mộng; hoặc danh lợi lôi cuốn, mưu đồ không thành. Bởi thế dẫn đến ngày thường bị lôi kéo đánh đập mất tinh thần, mặt mày ủ rũ, thậm chí ngời nằm bất an, thống khổ quên ăn bỏ ngủ vân vân, cuối cùng bức hiếp đến nỗi chạy vào không đường, chỉ có con đường sống tự sát. Phật nói: [Kẻ được thân người, như kẻ sĩ trên tay, kẻ mất thân người như đất đai địa.] Nó khó như thế, sao không trân trọng để mà xem.

Ngã Phật là một đại y vương, có thể trị bệnh về phần nội tạng của tất cả chúng sanh, không luận thân bệnh, tâm bệnh, tóm lại có thể trị tận gốc, như đau đầu trị đầu, đau chân trị chân, mà thầy thuốc của thế tục dĩ nhiên không giống nhau. Cho nên muốn trừ căn bệnh nội

kết cơ bản của giới tự sát, tất nhiên phải hiểu rõ lý giải Phật giáo, nhân vì Phật giáo chuyên nghiên cứu tâm lý con người và thái độ của bệnh tư tưởng trên.

Kẻ tự sát, đầu tiên nguyên nhân tư tưởng hẹp hòi, hạn chế cá nhân nơi tiểu thiên địa, họ không biết ngoài tiểu thiên địa còn có đại thế giới trời cao biển rộng. Giả sử gặp đến vấn đề nan giải, phiền não nội kết ứ đọng, liền không thể tự xử. Phiền não thống khổ, đều do tư tưởng hẹp hòi đây sanh khởi. Trên sự thật, chỗ có phiền não thống khổ, giống như hình tượng trong gương, mặt trăng trong nước, có ảnh của nó mà không thật thể, tìm nó hoàn toàn không thể được. Nếu đem tư tưởng hẹp hòi đã phá bỏ ngoài tai, tự quán chiếu tâm nó, tức có thể giải thích phiền não giống như băng, thì thống khổ tiêu tan, trở mình tỉnh ngộ, như nằm mộng được giác ngộ, mở mắt xem đến đại thế giới của trời cao biển rộng, tất nhiên không gặp tầm mắt hẹp hòi. Đông đảo chúng sanh cố chấp kẻ mình thấy thì nhiều, kẻ giác ngộ thì ít, mặc dù kẻ có trí báo cho nó biết đều là hư vô, nhưng người nó cũng kiên trì không tin, vẫn hướng về phiền não thống khổ chui lòn vào bên trong, càng chui càng sâu, kết quả bị trời buộc, không thể tự ra, lún xuống sâu luân hồi, vĩnh viễn chịu sanh tử, đâu có thể không oan uổng?

Tu đạo trong Phật giáo, tức là phương pháp rất tốt để đối trị căn bản phiền não thống khổ. Tu là tu lý, đạo là đạo lộ. Người tu đạo, chính là tu đạo lộ của lý trong tâm. Thí dụ như đạo lộ trong thế gian, đầu tiên cần yếu thông suốt con đường lưu thông không bị trở ngại, nếu như không lưu thông, người và xe bế tắc liền ngừng lại xe bị chạt nứt thành lo âu. Tâm lộ của con người tôi thì cũng như thế, trọn ngày nào ba độc tham sân si làm trở ngại, tâm lộ bế tắc, đi bên trái không thông, đi bên phải

cũng không vượt qua, bốn phương tám mặt, không có con đường để đi, kết quả sản sinh các thứ thống khổ ra đời, thử hỏi thống khổ do đâu mà đến? Tri cứu căn nguyên, từ vọng tưởng sanh, vọng tưởng vốn không có nguồn gốc, quả như có nguồn gốc, có thể đem ra trao cho người xem thấy. Đã là vọng tưởng, nhìn lại gọi là nghĩa tâm tư, vốn không chỗ có, vọng tưởng đã là không, vậy khổ từ

đâu đến? Cho nên Phật nói các khổ hoàn toàn là do vọng tưởng tạo những điều quái lạ, nếu không vọng tưởng, thống khổ hoàn toàn không. Chỉ vì chúng sanh mê hoặc không biết, say đắm sanh mộng tưởng, hư vọng tạo nghiệp, hư vọng thọ khổ. Trong “Kinh Lăng Nghiêm” Phật đối với A Nan nói: [Thí dụ như có người nói đến ô mai chua, nước trong miệng chảy ra, như thế nói chua không từ ô mai sanh, cũng không phải từ miệng vào. Tư tưởng bị chà đạp treo trên vách núi, còn tâm dưới chân lại bị chua chát, như vậy chua chát không sanh từ vách núi, cũng không phải chun vào từ dưới chân.] Do đây chứng minh, tất cả thống khổ, đều từ vọng tưởng sanh, nếu không vọng tưởng, thống khổ do đâu mà có?

Thí dụ như, có một chồng vợ đối đãi nhau tha thiết, ăn ở với nhau nhiều năm, chiếu cố nhau đậm đà, không lúc nào không hòa thuận, hình ảnh không lìa nhau; một trong hai người, bỗng nhiên vô thường cướp đi mạng sống, một người còn lại, nhất định sầu khổ không tự kềm chế, thống khổ khó nhẫn, hoàn cảnh đổi thay, cũng sầu mặt ủ mày chau che lấp sâu thẳm, buồn thảm sầu mãi không vui. Thử hỏi thống khổ từ đâu sanh ra? Phật nói đây là ái biệt ly khổ (yêu nhau mà bị xa lìa là khổ), nếu như hai người ngày trước không yêu nhau kết tụ thì ngày nay nào có thống khổ vì biệt ly. Quả như một người còn sống, ngồi cô độc nơi gian nhà nhỏ, hoặc đứng lại trước sân nhà, tinh thần tập trung trước sân nhà, suy nghĩ tìm kiếm người bạn đời trước, hai người một lần đi đến một chỗ nơi xem hát, du lịch, bơi lội, đá cầu, lúc đó có biết bao cam mật khoái lạc, hiện tại người bạn yêu đã từ trần, lập tức thành vĩnh biệt, khó vui lại lần thứ hai, càng tưởng lại càng thống khổ, thậm chí tưởng đến thần kinh thác loạn, thống khổ khó gọi. Giả sử lúc này lỡ như có bằng hữu, nó và người yêu đi xem hát, mình bỗng nhiên đầu tiên cảm thấy sầu lo nổi lên,

lúc đó chúng nó đang tiến vào hí viện, mắt xem trên vũ đài, nào hồng nam lục nữ, ca xướng vũ múa, một đám càng hoan hỷ, tâm hoa mình càng phấn nộ, lúc này tư tưởng bạn yêu của mình nhớ lại đã mất từ lâu, thống khổ cũng chấm dứt. Sau khi trở về nhà, tư tưởng người yêu đã chết khởi lên, thống khổ trở lại tái sanh, như đây khổ lạc quanh co lật lại, tất cả đều do vọng tưởng sanh ra.

Phật nói tâm sanh các pháp đều sanh; nơi trong không thống khổ, thống khổ bỗng nhiên sanh. Thử hỏi thống khổ rốt ráo là có hay là không? Quả như là có, khi ở hý viện, tại sao không có khổ não? Quả như là không, khi trở về nhà, tưởng lại phát khởi hình ảnh cái chết của bạn yêu, tại sao thống khổ lại sanh ra? Lại tiến thêm một bước để nghiên cứu, thống khổ do nội tâm sanh chăng, do ngoại cảnh sanh chăng? Quả như thống khổ do nội tâm sanh, tâm vốn thường trụ, thống khổ cũng nên thường trụ, trên sự thật không phải vậy, thống khổ khi có khi không. Quả như thống khổ do ngoại cảnh sanh, ngoại cảnh cùng ta đều không quan hệ, cảnh có thống khổ, sao ta lại không biết. Như thế quanh co, suy cùng tìm dần dần, thống khổ triệt để do ai đem lại? Tìm lại tận gốc rễ, nhưng là hư vọng, hoàn toàn tìm không thể được.

Người tôi hiện tiền, chỗ thấy chỗ nghe, tất cả sự vật, đều là chỗ hiện vọng tưởng. Thử đề cử cảnh mộng làm thí dụ, người tôi chính khi ở trong mộng, không biết mình là mộng, cảnh vật trong mộng, thương ghét lìa hợp, tất cả đều thật. Bỗng nhiên tỉnh lại, mới biết thương ghét trong mộng, tất cả đều là hư vọng. Người tôi chưa đến minh tâm kiến tánh, chỗ đại thấu suốt đại ngộ, còn nường vô minh vọng tưởng, chi phối nhân sanh tuần hoàn xoay vần, người mắt sáng quán thấy, dụ như những sự vật trong mộng, chỗ đương sanh ra, theo chỗ diệt tận, huyễn vọng qua lại nhau, huyễn vọng qua lại đây không phải chân.

Giả sử người tôi muốn tiêu trừ phiền não thống khổ, tưởng được đến nhân sanh chân chánh khoái lạc, đầu tiên nhu yếu chân kính nghiên cứu chân đế của Phật giáo, kỹ lưỡng tinh tế tìm hiểu, tận cùng nguyên lý tinh sáng, sau đó mới dẫn đạo giáo lý Phật đà, phải chắc chắn thiết thực, tu tập thiền định, đình chỉ chấm dứt vọng niệm, vọng niệm không khởi, vọng cảnh không sanh, ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm, tâm cảnh nhất như, lúc này có phiền não thống khổ phát sanh hay sao? Chỗ gọi phiền não tức bờ đề, sanh tử tức niết bàn là thế.

5.- Bàn Luận Về Khổ Cùng Không.-

Có một số nhân sĩ phê bình Phật giáo là tiêu cực, bi quan, chỗ căn cứ của họ không ngoài hai thứ nguyên nhân: một là khép kín nơi phương diện lý luận của Phật giáo, hai là khép kín nơi phương thức tu hành cùng phương diện sinh hoạt của tín đồ Phật giáo.

Đầu tiên giảng khép kín nơi vấn đề lý luận. Tôi cũng đã trải qua thường nghe người đời nói: [Phật giáo đồ bọn người trọn ngày không là giảng khổ, lại là giảng không, người ngày nay không bằng lòng để ý nghe.] Quả như giảng đến người bệnh cùng người chết, có phải không giảng nên không nghe, đều ở nơi không gặp bệnh không gặp chết phải không? Đương nhiên đã trải qua thân hữu, gia quyến bệnh nặng hoặc tử biệt, lại như trời tốt nắng ráo bỗng nhiên sét đánh thành linh tử nạn, cảm đến chấn động thần kinh và bi thương. Tất nhiên sanh già bệnh chết là con người không ai tránh khỏi, quả như một sớm chuyển đến chính mình, lúc đó biện minh như thế nào? Cổ đức có nói: [Tôi thấy người khác chết, tâm tôi nóng như lửa, không là người khác nóng, canh giữ sẽ đến tôi.] Lại nữa nói: [Thời gian qua, vui vẻ bàn luận sự việc già chết, như ngày nay vẫn đến trước mắt.] Thật đủ để khiến người ta tỉnh ngộ! Người đời đều biết năm đến chưa đến, năm nay chính cần yếu chuẩn bị lúa gạo cho năm tới, trời đông chưa đến chính cần yếu chuẩn bị áo ấm cho trời đông, cũng là vì sự việc sanh già bệnh chết khi chưa đến, nếu không chuẩn bị lúa gạo lương thực cho sớm thì không kịp.

Người người ai cũng đều sợ khổ, có phải khổ là hiện thật tồn tại? Chính nhân vì người người đều sợ khổ, cho nên Phật giáo đặc biệt nhấn mạnh điều này với nó, đem nó đề ra với mọi người cho nó là như thế nào? Như thế cần phải nghiên cứu bản chất của cái khổ, khổ đây đích thực là nhân, theo đây để tìm kiếm cho ra phương pháp để giải thoát khổ, tiêu trừ căn nguyên của thống khổ.

Các loại khổ của thế gian tuy nhiên là nhiều, mà quy nạp tìm được, không ra ngoài hai thứ của thân tâm. Khổ của thân thể gồm có bốn thứ, sanh, già, bệnh, chết. Khổ của tâm gồm có ba thứ, ái biệt ly,

oán tắng hội, cầu bất đắc; (Ba thứ khổ: Ái biệt ly: là thương yêu nhau mà bị xa lìa; Oán tắng hội: là thù ghét nhau mà cứ gặp nhau mãi; Cầu bất đắc: là hy vọng không thành); lại còn có một thứ vô thường biến hoại là cái khổ của bức hiếp làm cho đau đớn khổ sở, tức là ngũ ấm xí thạnh khổ (Ngũ Ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức), hợp nhau lại có tám thứ khổ quả.

Phật giáo báo cho chúng ta biết, quả khổ hiện tại, tất nhiên là có thứ nhân khổ của quá khứ. Cho nên kẻ thật hành Tiểu Thừa, đầu tiên cần yếu, biết khổ, đoạn tập, chuộng diệt, tu đạo, mới có thể dứt sanh thoát chết, vượt ra ngoài ba cõi.

Quả khổ đã là do nhân khổ chiêu cảm tạo nên, như vậy nhân khổ là như thế nào? Phật giáo giảng nhân khổ chính là sáu thứ, tham dục, sân nhuế, ngu si, cao mạn, nghi hoặc và tà khiến một trong năm thứ, (Năm thứ lợi sử: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ kiến, Tà kiến. Tà kiến có mặt nhiều chỗ như:

-, Trong Thập Sử: tham, sân, vô minh, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, Tà kiến.

-, Trong Thập Ác: chia làm ba lãnh vực: thân, miệng, ý:

*- Thân: sát sanh, trộm cắp, dâm dục (tà dâm)

*- Miệng: vọng ngữ, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu,

*- Ý: tham, sân, Tà kiến (si)

Ngũ dục lại có mặt phía trong: tài, sắc, danh, thực, thù; ngũ dục lại có mặt phía ngoài, tức năm căn đối với năm trần chỗ sanh ra dục vọng, một số đây đều là nhân khổ. Thứ nhân khổ đây, tất nhiên đạt đến quả khổ, đây là những sự việc phi thường công bằng, tức chỗ gọi là tự làm tự chịu, thù ghét người khác không được.

Phật giáo nói: [Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.] Người có trí huệ nhân vì sợ kết quả ác, lúc ban đầu không dám tạo nhân khổ; người ngu si không tin nhân quả, chính tạo nhân ác bừa bãi, đem đến chính chiêu cảm quả ác. Người học Phật đương nhiên biết đạo không tạo nhân ác, đem đến chính không kết quả ác, mặc dù nhân thuộc

quá khứ không biết mà lỡ tạo nhân ác, cũng quyết định không oán trời trách người, nên đem an nhiên thừa nhận quả khổ, nhân biết [Phước họa không cửa, chỉ người tự chuốc lấy].

Có chỗ nói: [Tùy duyên tiêu trừ nghiệp cũ, lại không tạo tai ương mới.] Rõ ràng đây là đạo lý của Phật giáo đồ, tuy có khổ não, nhưng thân thọ khổ, mà tâm không phiền não, nếu không rõ ràng nhân khổ cùng người chịu quả khổ, không những thân thọ khổ, mà tâm cũng hận phiền não, oán trời trách người, cho là mình một đời đã tạo rất nhiều việc thiện, là thế nào sao lại bị quả ác này, đâu không phải là không có nhân quả! Kỳ thật họ không biết đạo lý nhân quả có ba đời, không phải là con số

chữ ba, mà đây là chỉ ba đời, quá khứ, hiện tại và vị lai. Ba đời: (1) Hiện Báo, đời nay tạo nghiệp thiện ác, đời nay thọ báo. (2) Sanh Báo: đời nay tạo nghiệp thiện ác, đời sau thọ báo. (3) Hậu Báo: đời nay tạo nghiệp thiện ác, đến đời sau thứ hai, mới thọ quả báo. Người không hiểu rõ đạo lý đây, lầm cho là không có quả báo.

Phật giáo đồ chúng ta, làm thế nào trọn ngày sao không giảng lý không. Đây cũng là nguyên nhân làm cho người đời sợ khổ, nếu có thể biết đạo vũ trụ nhân sinh đều là không. Phía bên trong tâm lại bị chịu khổ. Phật Kinh có nói: [Các pháp theo duyên mà sanh, các pháp theo duyên mà diệt.] Duyên sanh không chủ, đương thể tức là không. Phật nói vũ trụ vạn hữu, đều là bốn đại hợp thành. Dùng người để trình bày rõ hơn, như da thịt gân xương đều là địa đại hợp thành, nước mắt nước mũi, nước bọt, máu đặc, đều là thủy đại hợp thành, uất nóng, khô, nhiệt đều là hỏa đại hợp thành, hô hấp vận chuyển đều là phong đại hợp thành. Do đây địa thủy phong hỏa trong bốn đại không có ngã, cho nên nói là không, nếu người có thể quán sát lý vô ngã (lý không ngã), phiền não thống khổ tự nhiên không sanh.

Lại nói Phật giáo đồ vấn đề tu hành và sinh hoạt, giống như người ta thấy đến, các ngài suốt ngày tĩnh tâm và mặt lạnh thờ ơ ít muốn bôn ba lao碌; các ngài nhận thức đối với xã hội càng thấy hư danh và tư lợi, cho nên không đi kết thân, do đó người đ

hái độ tiêu cực hoặc cho các ngài là những kẻ trốn tránh hiện thật. Phải biết người đời, trên có cha mẹ, dưới có vợ chồng con cái, sinh hoạt mỗi ngày, họ không phải bị cưỡng bức, nhưng chính họ phải đi bận rộn bôn ba, sớm đi chiều về, làm việc mưu sanh; quả đúng như vậy, cuộc sống nào là áo mặc nhà ở cơm ăn sinh hoạt hàng ngày của gia đình, chính họ gặp phải vấn đề nan giải phát sanh. Người xuất gia đã không có con trai lo cưới vợ, con gái lo lấy chồng, cho nên không có gia đình chồng chất lo âu, cuộc đời chỉ ăn ở nơi chùa miếu, chỉ một y phục mặc hơn mười năm, trọn ngày tự do tự tại không lo nghĩ. Nhưng đây không phải là nói người xuất gia nhường lại cho đời độc lập tự do, vả lại xem nhiều ít xưa nay tăng già trọn đời lao thân làm công việc xây dựng chùa và lao tâm làm công việc thuyết pháp độ sanh. Lại nữa, một số người xuất gia bế quan tu học, cũng là tự mình tròn đầy sự thật của tích cực, là tương lai chuẩn bị làm tốt cho việc độ tha và tự lợi, nếu có thể giải thích sự hành trì của người xuất gia hoàn toàn sai sự thật, chính không chắc đã giải thích sai lầm.

6.- Điều Vui Không Thích Nghi Nhu Cầu Của Người Thế Gian.-

Người ta thường nói: [Chúng ta nhất định tìm cầu khoái lạc của nhân sanh.] Mà ngày nay các nhà viết sách chủ trương: [Điều vui của nhân gian không thích nghi nhu cầu]. Đâu chẳng phải cùng người thế gian lời nói hay luận điệu trái ngược chống lại với người khác? Không làm, Phật giáo chúng ta chỗ giảng đạo lý, là tương đối khác nơi thế tục. Do nơi tư tưởng cùng quan niệm của con người, sản sanh tánh cách cùng ham thích của cá nhân, tất cả đều không thể nhảy ra ngoài phạm vi tri kiến của phàm phu. Cùng một sự vật, anh Giáp nhận cho là tốt đẹp, anh Ất nhận cho là xấu ác, mà anh Bính thì lại xem cho là không xấu cũng không tốt. Thậm chí cá nhân quan niệm cũng gặp phải trải qua thường biến hóa, ngày trước nhận cho là đúng, ngày nay thì giác ngộ nó đều không phải như thế. Có thể biết tất cả thiện ác tốt xấu của thế gian, rất khó định nghĩa cho đúng, nhân vì tâm con người lúc nào cũng bị nghiệp thức chi phối, ngoại cảnh cũng theo tâm chuyển biến, các thứ quan niệm cùng tri kiến hoàn toàn tính toán mê vọng của phàm phu, đều có thể nói không có chân lý. Chỗ gọi: [Tình thì có

lý thì không.] Chúng ta nói chân lý chỉ là có trong cộng đồng định nghĩa; còn chân lý phải được các nơi trong bốn biển đều đúng mục đích, bất cứ người nào đều không thể đem nó ra lật đổ, và không phải một nhóm người dễ lĩnh hội.

Phật nói: [Nhân sanh trong thế gian, khổ nhiều vui ít.] Câu này nói cần nhẫn chân thật để thể hội cũng không dễ, chỉ là người ta thông thường đều không quan tâm vui vẻ để suy nghĩ cân nhắc kỹ càng.

Dùng vấn đề kết hôn để khẳng định, một nhóm đều cho là việc vui mừng của nhân sanh, không để ý phí tổn. Sau khi kết hôn, chúng nó hoàn toàn, nếu hai người tâm đầu ý hiệp, gắn bó keo sơn, nhân vì chúng nó đã được bộ máy tình yêu, nên không thấy chỗ khuyết điểm lầm lỗi. Nhưng ái tình trở lại ái tình, bao tử đối cần yếu là phải ăn cơm, dù cho không nhận giây phút phân ly, nhưng phải xuất ngoại chạy đông chạy tây để tìm kế mưu sanh, lúc đó bậc trưởng phu lo sợ vợ con ở nhà không yên, vợ con cũng lo ngại chồng đi xa sợ có ngoại tình, hai người vướng víu không rời, như thế làm sao có hỷ lạc được? Kinh Phật có nói: [Nhân ái sanh ưu, nhân ưu sanh bố, nhược ly ưu ái hà ưu hà bố?] (Nhân yêu sanh lo, nhân lo sanh sợ, nếu lia nơi yêu, làm gì lo làm gì sợ). Lại hơn nữa nhân sự bãi bể nương dâu, vô thường trong nháy mắt, ân ái không dễ bền chặt lâu dài, ở với nhau lâu ngày, khả năng sinh hoạt đã chuyển biến thúc đẩy trở nên nhạt nhẽo, nói không nhất định lúc ấy mới phát hiện hai người chỗ tốt không còn giống nhau, vợ thích yên tĩnh chồng thích hoạt động bên ngoài, hoặc nhân tín ngưỡng không giống nhau, ý kiến trái

ngược nhau, theo trách mắng lẫn nhau, cãi nhau không thôi, thậm chí đòi ly hôn phân chia nhà cửa. Lại nữa, hoặc sau khi sanh con trai con gái, sinh hoạt trách nhiệm càng nặng, chỉ có tăng thêm thu nhập, bằng không lại cần phải lường tính thu nhập để chi tiêu. Giả như con trai không nghe cha dạy dỗ, con gái không giữ gia quy, bằng cách hà khắc vào khuôn phép, một không thuận ý, liền sanh oán kết căm thù. Hơn nữa trong gia đình không luận có bệnh gì đó, hoặc có khốn nạn, tất cả nơi thân đều thọ nhận, phiền não quá nhiều, thật tại không sao kể hết! Thử hỏi vui ở chỗ nào?

Người đời khổ nhiều vui ít, giống như người thể nghiệm được đến đích. Nếu đi sâu một tầng nữa để nghiên cứu, dù rằng thỉnh thoảng đạt đến một điểm vui nhỏ, cũng chẳng qua cho khổ là vui. Như người chạy bộ cảm thấy mệt nhọc, liền ngồi xuống nghỉ mệt cho là vui; ngồi thời gian lâu lại cảm thấy không thích, nhưng lại đi bộ cho là vui. Đây chẳng phải là nhân khổ hiển bày vui?

Đã có đại sứ của đại sứ quán quốc gia nọ, một ngày kia bỗng nhiên bị tai họa do lũ giặc bắt cóc gia đình cưỡng bức phải chuộc, lúc ấy gia đình quyến thuộc của ông tất nhiên không an, khổ không thể nói, đang lúc không biết như thế nào định trừ bị và gom góp tài vật để trao đổi, bỗng nhiên lũ giặc đem người phóng thích, lúc ấy tất cả gia đình hoan hỷ vô cùng ra ngoài nghinh đón, có thể nói khoái lạc không thể so sánh. Nhưng tư duy thâm sâu điều vui đây từ chỗ nào đem đến? Truy tầm tận cùng nguồn gốc, do khổ đổi lại, nếu không ngay lúc đó cái khổ do kẻ bắt cóc sao lại được vui ngày nay? Từ đây suy ra, cái vui của nhân gian, ai cũng đều cho là do cái khổ đổi lại.

Mỗi ngày xem báo, thấy anh tay nghề đua xe đạp, đạt được hạng nhất, thưởng vàng kim số vạn, lúc ấy tiếng hoan hô kêu to, nổ mào nổ mặt, vui không thể điều khiển, dự tính sáng mai sau giờ Ngọ cùng thái thái đi du lịch, một lúc khinh tâm, ghe đến giữa biển, tất cả đều chết. Đây chính là khổ của cực vui sanh bị thương.

Nếu nói quan vị là vui, đem sự việc Ni Khắc Tốn Vi Lệ của Mỹ Quốc, ông được bầu cử làm Tổng Thống, trước một ngày chưa biết thắng bại như thế nào, do nơi tinh thần quá căng thẳng. Một đêm chưa tối có thể vào ngủ. Đến [Sự kiện đập nước.] cưỡng bức ông nơi cánh đồng, khiến ông thân bại danh liệt! Còn Nam Hàn Tổng Thống Phác Chánh Hy chấp chánh 18 năm, tuy nhiên đối với Nam Hàn, ông cống hiến rất nhiều, kết quả ông bị mưu sát, bà vợ của ông cũng ở 70 năm bị người đầu giết chết. Phàm những thứ đây, ai cũng cho là cái khổ đổi lại làm vui.

Có người sớm đi chiều về, hy sinh tìm cầu của cải, cho là có tiền mới là vạn năng, của cải mới là khoái lạc. Nó không biết của cải khiến bản thân có đủ lúi cuồn rất lớn, khiến người kiếm lời mười vạn lại tưởng đến trăm vạn, được trăm vạn lại tưởng đến ngàn vạn, dục vọng vô cùng, không pháp ngừng tay, như thế không dứt chỗ lao tâm kiệt sức, khổ lạc thật khó phân biệt.

Lại có người không chịu an phận thủ cho mình, thấy người khác địa vị cao đa tài, lại sanh tâm tham niệm, làm sao cho đạt được mục đích, không từ chối bất cứ thủ đoạn nào, ăn trộm ăn cướp, gian xảo phạm tội, không chỗ nào không làm. May mắn hơi khá có chỗ thu hoạch, liền tận tình hưởng thụ. Nhưng khéo chọn lấy phi thường, cuối cùng không phải kế sách lương thiện, bất ngờ một khi không cẩn thận, đi đến thân bại danh liệt, thử hỏi vui cùng khổ ai nhiều hơn? Có thể biết không luận tìm cầu nhân gian, bất cứ sự vui nào ai cũng thấy có khổ não cùng theo, tìm cầu càng nhiều, thì thống khổ càng lớn.

Làm cho một kẻ trí, cần rõ ràng là không phải phân biệt tà chánh, bất cứ sự việc gì phải từ chỗ xa để nghĩ tưởng, không nên ngoảnh lại chỉ xem lợi ích nhỏ trước mắt. Phàm đối với người đặc biệt có sự việc lợi ích nhỏ, nên lượng sức mà làm; như đối với người đặc biệt có chỗ tổn hại, vạn sự chớ ướm tay. “Trung Dung” có nói: [Quân tử vốn dĩ căn cứ nơi chức vị của nó để làm, không cần bên ngoài của nó nữa. Vốn dĩ phú quý thì làm phú quý nữa. Vốn dĩ bần tiện thì làm bần tiện nữa. Vốn dĩ nước Địch bình yên thì làm cho nước Địch bình yên nữa. Vốn dĩ hoạn nạn thì làm hoạn nạn nữa. Quân tử không vào thì không tự được yên ở nơi đó.] tức là ý đây vậy.

Phải biết phú quý bần tiện, đều quan hệ chiêu cảm nơi làm thiện làm ác của đời trước. Cho nên gọi: [trông dưa đặng dưa, trông đậu đặng đậu.] Giả như đời nay không tu thiện mà ngược lại làm ác thì cũng giống như ngọn đèn mà không thêm dầu, để đèn cháy cạn dầu thì gặp đại họa, đây là không phải thường có thể sợ vậy.

Các người tìm cầu cái vui của thế gian, không là lãng phí kim tiền, lại còn tiêu hao tinh thần, đời trước gây tạo bần cùng khốn khổ, đời nay làm cho khiến nhiều bệnh đoán mạng! Nếu dùng nhân quả để nói, đây chỉ là khổ nhỏ của hiện báo, chuyển đời trở lại chịu đại khổ của sanh báo, giả sử lai sanh thọ báo chưa hoàn tất, nhưng phải thọ hậu báo tái trở lại nhiều đời nhiều kiếp. Nhân đây chúng ta thà xin một số khổ nhỏ, không cần tìm cầu cái vui của nhân gian. Chỗ gọi: [Xin đặng khổ trong khổ, mới là người thượng nhân.]

Tổng hợp lại nói, muốn được cái vui chân chánh của nhân sanh, cần thiết không nên giới hạn nơi hưởng thọ vật chất, mà nên công phu ở nơi phương diện tinh thần,

nhân vì đời trước có giới hạn, đời sau mới vô cùng. Khổng Tử giảng cho Nhan Hồi nói rằng: [Một cái giỏ đựng cơm, một bầu rượu uống, ở am nhỏ hẹp, người không chịu được lo buồn nay sao, Nhan Hồi cũng không cái cái vui này của Khổng Tử.] Có thể biết cái vui cùng vật chất phú quý không quan hệ. Mà vả lại cái vui trên tinh thần là tích phước và thuận theo thiện, thì thiện có thiện báo; còn cái vui của ngũ dục lạc (Ngũ dục lạc là tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ) trên vật chất, chính là tổn đức mà thuận theo ác, thì ác có ác báo. Cho nên có người hiểu biết, không tham cầu khoái lạc trên vật chất, mà nên tìm cầu an tịnh trên tinh thần.

7.- Pháp Của Thế Gian Và Xuất Thế Gian.-

Phật đà chỗ nói pháp thế gian cùng pháp xuất thế gian, không ra ngoài tất cả tâm pháp của người tôi. Người xưa nói: [Phật nói tất cả pháp, không lìa tất cả tâm, nếu lìa tất cả tâm, làm sao dùng tất cả pháp.] Do đây có thể thấy, tất cả kinh điển gồm ba tạng mười hai bộ, đều giảng kể lại một tâm niệm của chúng sanh, nếu không tâm của chúng sanh, Phật cũng không có pháp để nói. “Kinh Kim Cang” nói: [Nếu người nói, Như Lai có nói pháp, tức là chê bai Phật, không thể giải thích ta có nói pháp.] tức là nghĩa đây vậy.

Đầu tiên Phật giảng lý tục đế của pháp thế gian, tức là sáu đường, thiên đường, địa ngục, người, súc sanh vân vân. Loại chúng sanh đây, tức có chánh báo của năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Tất nhiên nương y báo của áo mặc, cơm ăn, nhà ở, sinh hoạt mới có thể sanh tồn. Chánh báo là do nghiệp của quá khứ, chiêu cảm tâm thân của đời nay, y báo là tất cả sự vật trong thế gian làm chỗ nương tựa của thân và tâm. Đời trước làm rất nhiều việc thiện, đời nay liền cảm thọ hai báo là chánh báo và y báo rất tốt; đời trước tạo rất nhiều việc ác, đời nay liền cảm thọ hai báo là chánh báo và y báo rất xấu ác. Do đây các pháp thế gian, tuy có ngàn vạn sai biệt, quy nạp mà nói, không ra ngoài phước huệ, thiện ác, nhân quả và báo ứng. Do đây, chúng ta muốn tưởng đến an lạc giàu có tôn vinh, chính cần phải tu tập bồi đắp cho nhiều phước đức, trồng rộng thiện căn. Cổ đức nói: [Trồng cây cần phải bồi đắp gốc cây, trồng đức cần phải bồi đắp cái tâm.] Muốn cầu giống phước tất nhiên cần phải theo tâm của nó. Người tôi có khi sanh khởi tâm niệm ác làm tổn người lợi mình, nhất thiết phải khiến tâm niệm đó cấp tốc mau tiêu diệt, chỉ cần khi tâm sanh khởi hiểu để trung tín và lợi người lợi vật, lại thêm khi thường bảo trì, đều nên dùng

[không vì thân mình cầu an lạc, chỉ nguyện chúng sanh được lìa khổ] là hoài bảo trọn đời. Chỗ nói: [Người chưa đoạn ác nay đoạn ác, người đã đoạn ác nay không cho sanh khởi, người chưa sanh thiện nay sanh thiện, người đã sanh thiện nay tăng trưởng.]

Ngoài đây, như người đặc biệt có khởi lên tranh chấp, chúng ta tận khả năng khéo khuyên khiến họ chấm dứt tranh chấp, hoặc gặp người tạo ác nghiệp, nên dùng nhiều phương diện khuyên can, rộng hơn mở bày thuyết pháp, khiến họ bỏ ác theo thiện. Đối với người có nói lợi ích, không cần nói nhiều, ngược lại tất nhiên cần phải nỗ lực tự hạn chế. Chúng ta cần thực hành những việc tốt, thí dụ như phò nguy giúp người, tạo phước cho xã hội, hoặc lễ Phật bái sám, tham thiền tụng kinh, đều cần dũng cảm tiến tới, để đạt công đức viên mãn.

Phải biết thân, niệm, ý là đầu mối của con người lên thiên đường cùng xuống địa ngục, ba chỗ đây nếu như tu phước thiện lương, lại đặng

thiện báo; ba chỗ đây nếu tạo các thứ tội ác, lại thọ ác báo; phải biết quả báo thiện ác, các đức Phật các Bồ Tát cũng chẳng có thể thay đổi dễ dàng. Nhân đây chúng ta chỗ tạo tác chỗ hành động, cần phải suy nghĩ ba lần rồi sau mới thực hành. Phật gia chỗ nói: [Giữ miệng, nhiếp ý, tu thân chẳng cho phạm, như là hành giả được độ đời.] Đây là đạo lý của thiên kinh địa nghĩa.

Một cá nhân thiếu phước cố nhiên có thể bi thảm, còn có phước mà không có huệ chính là si phước, người si phước dễ tạo nghiệp ác, như có tiền tài không cẩn thận vận dụng, hoặc có nhân tài không được chi phối, đây đều là do không huệ gây ra. Nhân đó chúng ta sau khi có phước, cần phải tu trí huệ. Đạo tu trí huệ cốt yếu phải xem và nghe nhiều kinh Phật, theo văn tư tu, tự ngã thể chứng. Chỗ gọi: [thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển.] Người có phước như người có chân, người có huệ như người có mắt. Giả như người có chân mà không có mắt liền bị rớt xuống hố, người có mắt mà không có chân, thì bước một bước khó thực hiện, cho nên cả hai điều trên không thể thiếu một.

Lý tặc đế của pháp thế gian, không thể vượt ra khỏi phạm vi của các pháp thiện ác, mà các pháp thiện ác lại nương nơi thân, miệng, ý làm căn bản. Nếu trở lại một lần nữa để nói thiện ác các pháp lại không thể ly khai một tâm niệm của chúng ta, nhân vì một tâm niệm của chúng ta muốn thiện, thì tất cả tạo tác đều biến thành thiện, một tâm niệm đây muốn ác, thì tất cả hành động đều biến thành ác, trừ ngoài tâm

đây, lại không có một pháp nào có thể thay thế tạo thành nhân tố của các pháp thiện ác. Do đó, các pháp thiện ác muốn sanh khởi, tất nhiên phải mượn một tâm niệm của người tôi làm chỗ nương tựa cho chúng nó.

Vã như trở lại đi sâu một tầng nữa để nghiên cứu, một tâm niệm đây đã có thiện ác dẫn đến, thì một tâm niệm đây là bản thể của thiện ác. Chẳng qua một tâm niệm đây cứu cánh là thuộc nơi thiện nào? Hoặc thuộc nơi ác nào? Giả như nó thuộc nơi thiện, thì không thể thuộc nơi ác; như thuộc nơi ác, thì không thể trở lại thuộc nơi thiện,

nhân vì hai tánh thiện ác trái ngược nhau, một tâm đâu có thể phân định làm hai được?

Lại nữa Phật nói, tâm đây không phải lớn nhỏ vuông tròn, cũng không phải xanh vàng đỏ trắng, không phải sắc không phải không, không phải pháp nhân quả, đã nói cái tâm tất cả đều không phải, sao lại có thể nói nó là nguồn gốc của thiện ác? Kỳ thật, tâm đây không chỉ không phải là nguồn gốc của thiện ác, mà lại cần tìm cầu nguồn gốc của tâm, cũng là hoàn toàn không thể được, nhân vì tâm chưa khởi, muốn khởi, đang khởi, đã khởi đều là sát na sanh diệt, tìm tâm trên còn không thể được, thử hỏi các pháp thiện ác từ đâu sanh ra?

“Kinh Lăng Nghiêm” nói: [Do tâm sanh nên, các thứ pháp sanh, do pháp sanh nên, các thứ tâm sanh.] Ý nói cái tâm xưa nay vốn không sanh, nhân vì có cảnh, các cảnh xưa nay cũng không, nhân vì tâm sanh. Hai câu nói trước, tâm sanh nên pháp sanh, là nói pháp không tự tánh, chính từ nơi sanh khởi. Hai câu sau nói, pháp sanh nên tâm sanh, là nói tâm không tự sanh, chính do pháp mà hiển, nói cho rõ tâm vốn không sanh, pháp cũng không có, hai thứ tâm cảnh, vốn không tự tánh, xét đến cùng đều là không trong trạng thái vắng lặng. Có như nhãn căn nhân nơi sắc có thấy, nhĩ căn nhân nơi tiếng có nghe, giả như không có các pháp sắc và tiếng, thì cái thấy và nghe của tâm cũng không thể sanh khởi tác dụng, cho là tâm và cảnh cướp đoạt lẫn nhau, tự có sanh diệt, lúc có lúc không, biến hóa vô thường. Nhưng nơi trong sanh diệt đây, có một tánh không sanh diệt, đó là trạm nhiên (Trạm nhiên là thể tánh trong sáng) thường trụ. Chỗ gọi là: [Trong nhục thân đây có diệu pháp thân, thể tánh của nó sáng suốt kỳ diệu thấu suốt, soi sáng cổ xưa bay cao đời nay, một khi cổ xưa không biến, vĩnh cửu thường hằng.] Ngoại cảnh có mà không có theo nó, ngoại cảnh không mà cũng không theo nó, có trong không cũng giống như gương sáng to lớn treo cao, người đến thì người hiện, vật đến thì vật hiện, nhưng

bản thể của gương thì không bị vật tượng làm nhiễm ô. Thấy nghe hiểu biết của chúng ta, lại cũng như thế, cảnh hiện thì biết có, cảnh lìa thì biết không, nhưng tánh thấy nghe của bản thân thì

không thuộc nơi có không. Do đây có thể biết, phàm có sanh diệt đến đi, nghiệm biết không phải là thường trụ, phàm không theo có không biến hóa, thì cắt đứt định kỳ cho là thường trụ.

“Kinh Lăng Nghiêm” quyển hai, Vua Ba Tư Nặc hỏi Phật về sanh diệt: [Phật nói Đại Vương, mặt của Đại Vương tuy nhăn, tánh thấy trong sáng của Đại Vương chưa từng nhăn, người nhăn là biến, không nhăn không phải không biến, biến đây là bị sanh diệt, người kia không biến, đầu tiên không sanh diệt, tại sao nơi trong đây, nhà người bị sanh tử.] Mặt nhăn là nói, do từ nhỏ đến tráng niên, do tráng niên đến già, biến hóa không ngừng. Người kia không biến, là chỉ cho tánh thấy nghe, không chỉ ba năm không biến, cho đến tuổi già cũng chưa từng biến. Do đây kiểm nghiệm biết, trước kia cha mẹ chưa sanh, cho đến sau khi thân này hoại diệt, bản tánh cũng chưa từng diệt, vạn cổ thường còn. Người đời nếu có thể oán trách ban đầu khổ tu, nếu trải qua năm tháng, bỗng nhiên thấy được tánh đây, thì gọi là [minh tâm kiến tánh]. Minh tâm là sau khi thấy tánh, thì đối với tất cả chân lý của vũ trụ nhân sanh, không chỗ nào là không biết, không chỗ nào là không hiểu, đối với người nói pháp cũng không dụng tâm ý thức, có giống như gương sáng chiếu khắp vạn vật, thể của nó bất động. Đến lúc này, không phải chỉ lìa khỏi vọng trần, chính là giả danh của chân như Phật tánh cũng không thể được, nhân vì hóa độ chúng sanh, mới nói chân nói vọng, bệnh vọng nếu trừ, chân cũng không lập.

“Kinh Lăng Nghiêm” nói: [Nói vọng hiển bày các chân, vọng chân cả hai giống nhau đều vọng.] Như người nằm mộng thấy nghe các thứ, khi tỉnh giấc tất cả không một vật. Thiền sư Pháp Dung nói: [Nếu thân tâm vốn không, Phật pháp cũng vốn không, tất cả pháp cũng vốn không, vốn không cũng vốn không. Nếu biết vốn không cũng giả danh, giả danh là đạo Phật. Đạo Phật không phải trời sanh, cũng không từ đất sanh, chân thật là tánh không của tâm, chiếu soi khắp thế gian như mặt trời.] Có thể thấy, Phật thuyết các pháp, đều là pháp dược để đối trị tâm bệnh, tâm bệnh được giải trừ, pháp dược hoàn toàn cũng không dùng.

Lý chân đế của pháp xuất thế gian, lại không lìa một tâm niệm đây. Trước đã nói, thân nương thế giới mà lập, thân nương nơi tâm mà tồn tại, vậy tâm lại nương chỗ nào mà lập? Tâm nương nơi vọng tưởng mà trụ, nếu không vọng tưởng điên đảo,

tức tâm không thể giác ngộ, cũng không tướng của chỗ giác, năng và sở cả hai đều mất, chỉ còn bản giác. Bản giác cũng đối với thi giác mà lập, nếu không thi giác, tên bản giác cũng không thể lập, không danh không tướng, chỉ còn năng lực của cái tên Đại Viên Cảnh Trí. Chân tâm bản giác, nguyên không có thân tâm và thế giới, nhân vì có chánh báo của thân thể, mới có y báo của thế giới, mà chân tâm đây vô thi vô chung, kẻ thọ nhận sanh diệt tức là vọng tâm, kẻ không thọ nhận sanh diệt tức là chân tâm. Vọng tâm là như thế nào, vọng tâm đối với cảnh mà sanh, nếu lìa cảnh liền giống như lông rùa sừng thỏ. Chân tâm lìa cảnh chính tồn tại độc lập. “Kinh Kim Cang” nói: [Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. (Cần phải không có chỗ trụ tâm này mới sanh)] tức là lìa cảnh mới có thể tâm sanh. Cổ Đức nói: [Không cùng vạn pháp làm bạn hữu.] tức là lìa cảnh, riêng có chân tâm.

Phàm phu hoàn toàn bị trói buộc, vạn kiếp không thể lìa cảnh riêng có tâm sanh, giả sử thật có thể lìa cảnh tâm sanh, đó tức là chân tâm, siêu phàm nhập thánh, tuy nhiên như thế, nếu lìa ngoài vọng tâm, riêng thấy chân tâm, khác nào mài gạch ngói làm kiếng, nấu cát thành cơm, vĩnh viễn không có chỗ. Cho nên người minh tâm thấy tánh, không cần lìa ngoài vọng tâm để riêng tìm cầu chân tâm. Nếu ngộ thì toàn vọng tức chân, nếu mê thì toàn chân thành vọng, chân vọng không một không hai, như mặt trăng thứ hai, không phải là ảnh mặt trăng. Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay, lầm nhận tâm thức là chân tâm, đây mới là người có thể thương hại.

Dùng pháp xuất thế để nói, vật tức không phải tâm, tâm tức không phải vật, hai đây nếu không mê hoặc, tức là kẻ giác ngộ. Như mắt tôi thấy sơn hà đại địa, tất cả vạn tượng, có thể chỉ ra các thứ danh xưng, đều là ảnh tượng của tiền trần, không phải bản tánh của cái thấy. Lúc này phải hồi quang phản chiếu, truy tầm như thế nào nguồn gốc cái thấy của tôi thấy, nơi trong cái thấy

ợng sự vật, trong sáng thường chiếu, mới là chân thấy của người tôi. Tánh thấy như thế, tánh nghe cũng thế, như người tôi ngồi tĩnh tọa trong nhà, bên ngoài có nào tiếng phi cơ, tiếng xe hỏa, tiếng rống của con bò, tiếng ngựa hí, tiếng con trai gọi, tiếng con gái trả lời, tiếng nhi đồng cười giòn, tiếng cười hỗn tạp vang lên vân vân, nghe rành mạch rõ ràng, những tiếng vừa kể trên, đều là vật ngoài tâm, nên quay đầu hỏi lại, trừ các tiếng ngoài kia, cứu cánh tánh nghe của tôi là cái gì? Chỗ không rõ ràng, lại nên nỗ lực, như mèo bắt chuột, đi sâu vào tìm tòi, đi đứng ngồi nằm, mang y khát thực, đàm luận tịnh mặc, lớn nhỏ tiện lợi, phàm tất cả đây, tâm tham cứu tinh tế, luôn luôn không gián đoạn, dùng an trụ đây dài lâu, tự mình có ngày gặp thời cơ chín muồi, bỗng nhiên đại ngộ, đại địa không tất đất, toàn đại địa

nguyên là của chính mình, liền thấy lý thể của pháp thân. Chứng đắc thanh tịnh pháp thân, đầy đủ vô lượng thần thông diệu dụng.

“Kinh Lăng Nghiêm” nói: [Một trong nơi đây là vô lượng, vô lượng là một, hiện lớn trong nhỏ, hiện nhỏ trong lớn, đạo tràng bất động, biến khắp mười phương giới, thân hàm chứa vô lượng hư không trong mười phương, nơi một đầu sợi lông hiện chùa Bảo Vương, ngồi trong vi trần chuyển bánh xe pháp to lớn.] Do đây có thể biết, diệu dụng của tâm, không thể nghĩ bàn, phàm phu chúng sanh, không thể tưởng tượng, đây tức là chân tướng của Phật pháp xuất thế.

Người đời không rõ lý của Phật, cho là Phật giáo hoàn toàn xuất thế, lìa bụi trần dứt thế tục, so cùng đời không ăn khớp. Tôi là người Hán thế tục, đã không xuất gia, lại không tu đạo, sao nhất định phải học tập Phật pháp, ông chính không biết, Phật nói chân lý của xuất thế, nhưng cũng nói tục đế của thế gian. Như người tôi, đi đứng ngồi nằm, mang y xin cơm, hôn phối giá thú, cha từ con hiếu, giao tế kinh tài, vệ sinh bảo vệ sức khỏe, sĩ nông công thương, y dược xem tướng, bao la vạn hữu, không chỗ nào không nói đến. Nhân đây xin khuyên người đời, phàm làm người, cần yếu học Phật, nó không những có thể khiến con người tràn đầy học vấn cùng đạo đức, bao gồm gợi ý tư

tưởng nhân loại cùng khảo nghiệm, đều không phải nhất thiết người xuất gia, mà gồm tất cả những người mới vào cửa Phật.

Phải biết tục đế của pháp thế gian, là dùng ngũ giới thập thiện làm cơ sở của nhân thiên. Chân đế của pháp xuất thế gian, là dùng tứ đế, thập nhị nhân duyên cùng lục độ vạn hạnh làm bậc thang tu đạo thành Phật. Nếu dùng Phật pháp nhất thừa tối thượng để nói, là phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức niết bàn, không có hoặc để đoạn, không có đạo để chứng, thế pháp tức xuất thế pháp, xuất thế pháp tức thế pháp, lìa pháp thế gian không có Phật pháp, lìa Phật pháp không có thế gian pháp. Lục Tổ nói: [Phật pháp tại thế gian, không lìa thế gian để giác ngộ, lìa thế gian tìm Bồ đề, thích hợp như tìm cầu sừng thỏ.]

Giả như người đời chân chánh ngộ đặng lý pháp vô sanh, [Tre xanh tận cùng là pháp thân, hoa vàng xanh tươi đều là bát nhã] Cảnh giới đến đây, lại ở chỗ nào phân chia pháp thế gian và pháp xuất thế gian.?

8.- Vũ Trụ Vạn Hữu Từ Đâu Đến.-

Ngày nay khoa học tiến bộ mặc dù một ngày đi ngàn dặm, nhưng đối với vũ trụ và nhân sanh đã có những câu đối lâu đời để lại.

Căn cứ truyền thuyết cổ đại của Trung Quốc: vũ trụ trước khi chưa khai mở rộng lớn, thế giới hỗn độn một hình tròn, Họ Bàn Cổ là người đầu tiên xuất thế, đầu lớn như núi, tay cầm cái rìu, đem vũ trụ chẻ ra làm hai, phân thành trời đất.

Ngũ Vận Lịch Sử Niên Ký nói: [Nguyên khí Hồng Mông, manh nha bắt đầu nảy mầm, liền sanh ra trời đất, Họ Bàn Cổ chính là thủy tổ của trời đất vạn vật.]

Tục Điển có thuyết, con người do nguyên khí sanh, tức là tự sanh. Có thuyết, do cha mẹ sanh, tức là người khác sanh. Có thuyết nguyên khí mượn cha mẹ sanh, tức là cộng sanh. Có thuyết tự nhiên sanh, tức là không nhân tự sanh.

Đạo Gia nói, vô cực sanh thái cực, thái cực sanh lưỡng nghi, lưỡng nghi sanh tứ tượng, tứ tượng sanh bát quái, bát quái sanh vạn vật. Lão Tử “Đạo Đức Kinh” nói: [Vô danh, là đầu tiên của trời đất; hữu danh là mẹ của vạn vật.]

Tranh Tử nhận cho là, con người do khí sanh, con người chết hoàn trở lại nơi khí, thấy sanh như chuyển đi, thấy chết như trở về. Do đó vợ chết không thương tâm, lại còn vỗ bồn mà ca. “Thượng Thư” nói: [Hồn bay lên trời, Phách trở về nơi đất.] Nho Đạo Trung Quốc, đều cho không là nơi có thể sanh khí, dùng khí để tạo thành hình, là lý do sản sanh vũ trụ và nhân sanh.

Ấn Độ có 96 phái ngoại đạo, nhận xét đối với vũ trụ và nhân loại, tất cả mỗi người một ý khiến khác nhau. Có vị chủ trương trong nhân có quả, trong nhân không quả; có vị chủ trương cũng có quả cũng không quả; hoặc không phải có quả, không phải không quả. Như sáu phái ngoại đạo hành trì, phái tự ăn than lửa, phái tự đi trên lửa, phái lửa thể, phái nằm trên gai, phái trì giới gà, phái trì giới bò vân vân, đều là độ chừng không phải nhân đương nhiên cho là nhân, độ chừng không phải quả đương nhiên cho là quả. Lại có ngoại đạo tùy tiện chủ trương mới sanh, sanh từ cái không, sanh từ gió, sanh từ vi trần, sanh từ ngũ đại, sanh từ Thần Ngã, sanh từ Tự Tại Thiên và sanh từ Đại Phạm Thiên, Bà La Môn sanh bằng miệng, Sát Đế Lợi sanh bằng cánh tay, Tỳ Xá sanh bằng sườn, Thủ Đà La sanh bằng bàn chân; lại có chủ trương Tự Nhiên sanh vân vân, tất cả đều bất nhất.

Cổ Đại Ai Cập Thần Thoại nói: vũ trụ là một cái hộp hình vuông lớn, tất cả tinh cầu, tất cả sanh mạng đều ở trong hộp vuông, tự nhiên xuất hiện. Tông giáo tây

phương có xưng là Thượng Đế có quyền năng sáng tạo vũ trụ vạn hữu. Như Cựu Ước Sáng Thế Ký nói: [Thượng Đế

dùng đất bụi trần trên địa cầu, tạo con người, đem sinh khí thổi vào trong lỗ mũi của nó, nó liền thành con người linh hoạt.] và [Thượng Đế tạo hai ánh sáng lớn (mặt trời mặt trăng), qua ống nét lớn ban ngày, ống nhỏ ban đêm. Lại tạo chúng tinh cầu.]

Dùng trí huệ quán sát của Phật đà, sanh mạng của vũ trụ và con người chúng ta, đều do tâm thức của chính mình sáng tạo thành hình, không phải riêng tâm thức nhân loại và thế giới sáng tạo, mà cả đến chúng sanh sáu đường và pháp giới bốn thánh, tất cả đều do tâm thức sáng tạo mà có. Nếu tâm tạo tác ngũ nghịch thập ác, ba đường ác lại theo đó mà xuất hiện. Nếu tâm trì ngũ giới thập thiện, ba đường thiện cũng lại theo đó mà xuất hiện như ảnh theo hình. Ba đường thiện và ba đường ác, là thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ; nếu tu tứ đế, thập nhị nhân duyên, liền xuất hiện Phương Tiện Hữu Dư Độ; nếu tu từ bi hỷ xả, tứ vô lượng tâm, liền xuất hiện Thật Báo Trang Nghiêm Độ; nếu tu lục độ vạn hạnh, đạt đến ba giác ngộ (Ba giác ngộ là Đẳng Giác, Diệu Giác, Viên Mãn Giác Ngộ) viên mãn, liền xuất hiện Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Có học giả nước ngoài hỏi: [Tìm cầu chân lý, không phải khách du lịch chỗ xa, do tự mình đào lên từ dưới chân, chỗ đây chính có nguồn suối chân lý.] Dùng Phật pháp mà nói, tâm đây tức là nguồn suối của sanh mạng và vũ trụ.

Người tôi trọn ngày mang y khát thực, làm việc ngủ thức, chỗ tâm sử dụng, đều là tâm vạn năng. Tâm vạn năng như thế nào mà chúng sanh suốt ngày say rượu trong mộng tưởng, tìm vui trong khổ mộng, một điểm mộng mình không biết, nhân vì nó chưa tỉnh ngộ, do oan uổng tạo nghiệp, rồi oan uổng thọ khổ.

Tông Thiên Thai có nói: một tâm niệm đầy đủ ba ngàn các pháp, đây chính là từ “Kinh Pháp Hoa”, Mười Như Thị, Phẩm Phương Tiện nói đến. Mười Như Thị tức là, (1) Như Thị Tướng, là tướng dùng làm bằng chứng bên ngoài. (2) Như Thị Tánh, là tánh dùng làm bằng chứng bên trong. (3) Như Thị Thể, thể là dùng làm chủ bản chất. (4) Như Thị Lực, lực là dùng công năng. (5) Như Thị Tác, tác là dùng chuyển động. (6) Như Thị Nhân, nhân là dùng nội kết đời trước. (7) Như Thị Duyên,

duyên là dùng trợ giúp phân tán. (8) Như Thị Quả, quả là dùng nội kết tạo thành. (9) Như Thị Báo, báo là chấp nhận báo thù. (10) Như Thị Bản Mạt, bản mạt là cứu

cánh vân vân, dùng chín mục trên là như thị, là đều cứu cánh bình đẳng. Mười như thị đây đều không lìa khỏi tánh đầy đủ nguyên lý của nhất tâm tam quán, Không, Giả, Trung.

Ba ngàn các pháp đây, tức là một tâm niệm đầy đủ mười pháp giới, mười pháp giới trao đổi lẫn nhau liền thành một trăm pháp giới, mỗi giới có thể giới năm ấm (Năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức), thế giới chúng sanh, thế giới quốc độ, thành ba trăm thế giới, mỗi giới có mười như thị, thì thành ba ngàn thế giới, tâm có giới tuyền như thế, tức đây đủ ba ngàn các pháp, không phải là nhất tâm tại tiền, tất cả pháp tại hậu, cũng không phải là tất cả pháp tại tiền, nhất tâm tại hậu. Đã không phải tâm có thể sanh ba ngàn, cũng không phải có thể bao hàm cả ba ngàn. Tức tâm là tất cả pháp, tức tất cả pháp là tâm. Tâm sanh thì tất cả pháp sanh, tâm diệt thì tất cả pháp diệt, hai tâm và pháp như thế, không thể mở bày phân chia.

Cho nên yếu nhân của Tông Thiên Thai sử dụng tâm bất tư nghì (Tâm không thể nghĩ bàn), quán sát cảnh bất tư nghì, quán một tâm niệm là không, thì ba ngàn các pháp đều không; quán một niệm là giả, thì ba ngàn các pháp đều giả; quán một niệm là trung đạo, thì ba ngàn các pháp đều trung đạo. Một tâm niệm tức là không, tức là giả, tức là trung đạo. Thì ba ngàn các pháp cũng tức là không, cũng tức là giả, cũng tức là trung đạo. Tâm pháp không phải một, không phải ba, ba và một bất khả tư nghì.

Từ phương diện [Giả] mà phân tích, một tâm niệm khởi lên liền có ba thứ giả. (1) Pháp trần đối với ý căn sanh khởi tất cả pháp, tức là nhân thành giả. (2) Niệm trước diệt niệm sau sanh, thứ lớp không gián đoạn, tức tương tục giả. (3) Dùng tâm tương đối không phải tâm, biết có tâm đây, tức là tương đối giả. Dùng thân thể chánh báo xem thấy có ba giả. (1) Đời trước hành nghiệp, gá sanh nơi cha mẹ, tức là nhân thành giả. (2) Từ nơi thai tương tục, cuối cùng già yếu, tức là tương tục giả. (3) Dùng thân tương đối không phải thân, tức là tương đãi giả.

Dùng thế giới y báo, xem thấy có ba giả. (1) Bốn vi trần thành cột trụ, tức là nhân thành giả. (2) Thời tiết cải biến, tức là tương tục giả. (3) Dùng cột trụ đối đãi không phải cột trụ, tức là tương đãi giả.

Thân tâm thế giới đã có ba giả, giả tức là không, không tức là giả, không giả không hai, là gọi trung đạo, Phật giáo thì dùng quán sát vũ trụ và sanh mạng đây tức là

không, tức là giả, tức là trung đạo. Người quán sát như thế, thì gọi chánh quán, nếu người quán sát khác hơn, đó là tà quán.

Cổ Đức có nói: [Nếu người biết được tâm, đại địa không tất đất, ba cõi không pháp riêng biệt, chỉ là một tâm tác dụng.] Đây là Phật giáo giải thích sự hình thành của vũ trụ vạn hữu.

III.- QUÁN TỪ BI CỦA PHẬT GIÁO.-

1.- Chân Nghĩa Của Hộ Sanh.

Phật giáo dùng từ bi làm căn bản, xem trọng giới sát nên thật hành phóng sanh. Từ nghĩa là trao cho khoái lạc; Bi nghĩa là san bằng khổ não. Người đời rất quý mến thân mạng, chồng vợ con cháu, tiền của, nhưng từ chối mỗi người không thể che chở bao gồm chung cả. Giả như nếu bất hạnh gặp gian nguy, vì cứu thân mình, thà bỏ tất cả vật ngoài thân, để cầu được sanh tồn riêng mình. Con người đã tham sống sợ chết, sanh mạng con vật nhỏ bé như con muỗi, con ve, sâu bọ, kiến mối, còn biết tránh chạy cái chết cầu mong được sống, thì các động vật khác chúng nó sao lại không như thế?

Phải biết con người cùng vạn vật, phải vì sanh tồn không nên hại nhau. Con người phạm có huyết khí, đều có tri giác, đã có tri giác thì có sanh mạng, nhân đây, khoảng cách người và vật, tuy phân chia tri giác có cao thấp, nhưng tâm của chúng ham sống sợ chết thì giống như con người. Do đó, mình kiểm tra và tìm hiểu thêm sanh vật khác nó, giả sử người tôi bị giặc bức hại, khó biết thoát chết, tâm trạng cảm thọ như thế nào? Sao không đau đớn! Lại nữa đương lúc này, tôi vốn phải chết vì chúng chuẩn bị giết tôi, bỗng nhiên trong đó có một người giặc ra lệnh thả tôi ngay lập tức, lúc đó tâm tôi có nên vui mừng không? Dự đoán người giặc thế nào cũng trở lại, đúng thế, người bạn của tôi ra ngăn chặn chúng nó không cho giết tôi, cho nên tôi được

thoát chết, như thế tâm trạng tôi có nên hận thù không? Không cần trả thù, vì các động vật như, con cá, tôm tép, con ốc, loài trai sò, rùa, ba ba vân vân, so cùng con người không giống nhau, vì chúng nó bị con người nào bắt để trên mâm, dùng dao xẻ thịt, nào bỏ chúng vào nồi nấu sống rồi sau đó đem chúng ra lấy búa đánh đập cho bể vỡ lấy thịt để ăn; khi chúng nó nằm trong lò sát sanh, tôi liền tự nghĩ thân này của mình và quyến thuộc bạn bè của mình, trong khoảnh khắc thọ nạn hình dung giống như những động vật nói trên chết trong đau khổ, tuy có miệng mà

không có lời, như thế tình huống thống khổ xem thấy hồn phi phách tán của chúng nó, so cùng các thứ cảnh tượng gặp giặc của tôi, đương nhiên không khác.

Có nghĩa là trời sanh động, chuyên làm lương thực cung cấp cho con người, không biết thứ quan niệm đây, hoàn toàn phát ra nơi riêng tư của mình. Như ở trong nhân loại, cũng có chủng tộc, quốc gia, gia đình, tông thân cho đến bằng hữu thân thiết vân vân phân biệt phân tán sâu xa. Mỗi khi gặp đại nạn phủ lên đầu, còn tự biết chạy xa bay cao, không rảnh ngoảnh lại xem sự sống chết của người khác, hà huống động vật thuộc đẳng cấp thấp không đồng so với loài người phải không? Do đây nói chung, đại đa số nhân loại đều không rõ lý vô ngã, có tâm riêng tư nên không so sánh mạnh yếu. Đã có mạng sống đều muốn bồi dưỡng, ăn thịt kẻ khác dùng để bồi dưỡng thân mình, nhưng biết bồi dưỡng, không ngoảnh lại xem chúng bị giết hại tàn nhẫn, lẽ tất nhiên giết hại sanh linh, dựa vào lực lượng của người khác, dùng để lấn át kẻ nhỏ yếu, ăn thịt kẻ nhỏ yếu, như chim lớn ăn thịt chim nhỏ, thú lớn ăn thịt thú nhỏ, cá lớn ăn thịt cá nhỏ và trùng lớn ăn thịt trùng nhỏ. Lang sói hổ beo dùng sức mạnh ăn thịt người, người dùng sức mạnh ăn thịt lang sói hổ beo; mùa hè ban ngày rấn ăn thịt chuột già, mùa đông, ban ngày, chuột già ăn thịt rấn. Kia đây ăn nuốt lẫn nhau, cứu cánh ai cam tâm để cho đối phương ăn nuốt? Con người ăn thịt, cho là thói quen thường dùng, không biết không có tội, trái lại còn cho là đúng. Mạnh Tử cũng có nói: [Thấy nó sống không nhẫn, thấy nó chết, nghe tiếng nó không nhẫn ăn thịt nó.]

Xưa vua Thành Thang ở nước Thương đi du ngoạn gặp một thợ săn, thợ săn này bố trí bốn mặt lưới và nói với vua: [Bệ hạ đi từ lên trời, từ xuống đất, từ bốn phương, đều gặp lưới của tôi.] Vua Thang bảo bố trí ba mặt, để lại một mặt; thợ săn thay đổi nói: [Bệ hạ muốn bên phải thì bên phải, muốn bên trái thì bên trái, muốn trên thì trên, muốn dưới thì dưới, không dùng mạng sống, chính vào cửa nào cũng đều bị lưới của tôi.]

Lại nữa, vào thời Xuân Thu, nước Trịnh có người đem cá tặng cho đại phu Tư Sản, Tư Sản không ăn, khiến đầy tớ thả cá lại trong ao. Do đây quán thấy, thực hành giới sát phóng sanh, không phải có riêng nơi Phật giáo, quân tử Nho sĩ cũng có thực hành. Hơn nữa gần đây mới vận động bảo hộ động vật, đã được lan truyền đến toàn cầu, lại được chánh phủ chống đỡ, khiến cho sanh vật tránh khỏi tuyệt chủng, quan trọng là cơ hội được sanh tồn.

Trong Tam Tụ Giới (Tụ nghĩa là nhóm, Tam Tụ Giới nghĩa là ba nhóm giới cấm, gồm có Nhiếp Luật Nghi Giới, nghĩa là những điều răn đều thâm nhiếp vào luật nghi; Nhiếp Thiện Pháp Giới, nghĩa là những điều răn đều thâm nhiếp vào pháp lành; Nhiêu Ích Hữu Tình Giới, nghĩa là những điều răn đều thâm nhiếp vào chúng sanh.) Giới cuối là dùng Nhiêu Ích Hữu Tình Giới làm nhiệm vụ trọng yếu, cho đến nhìn tôi dạy bốn chúng đệ tử (Bốn chúng đệ tử: Tỳ kheo, tỳ kheo ni; sa di, sa di ni) nơi ngoài cực lực đề xướng giới sát phóng sanh, cũng cần yếu nhìn lại công tác hộ sanh của thế giới, đem phối hợp thời đại tiến bộ, không luận dưới nước, trên đất, trên phi cơ, chỉ cần yếu là năng lực phổ cập, không ai không cứu khổ, đều cho đây là bồi dưỡng tâm từ bi và cũng cho đây là chánh đạo.

2.- Giới Sát Cùng Phóng Sanh.

Năm gần đây, bến tàu nơi chỗ tôi phát sanh trộm cắp cướp giết, người ta đã nhận cho là đại ác của xã hội, vẫn chưa chú ý đến sát sanh lại là đại ác trong đại ác. Đạo tặc chỗ cần yếu của chúng là vàng bạc châu báu, đấy chỉ là tài vật ngoài thân của con người, cho

nên dễ bỏ, nhưng tánh mạng nhục thể lại có ai có thể bỏ được? Thí dụ như thời Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, chỉ ở một chỗ Đông Kinh, nơi đó giết chết đồng bào số mười vạn, đây là hành động tàn khốc phi thường. Còn riêng tại Hương Cảng, nội trong một ngày, chỗ sát sanh vật có thể ước lượng chỉ số mười vạn? Người ta vẫn thấy cho là lý đương nhiên, không có suy nghĩ hậu quả. Phải biết: [Muốn trên đời kiếp đao binh như thế nào, chỉ tiếng kêu hét nửa đêm của lò sát sanh.]

Giới sát cùng phóng sanh không chỉ Phật giáo đề xướng, tức thánh hiền cổ xưa của nước ta không ai không chủ trương. Như Mạnh Tử nói: [Thấy người sống không nhẫn tâm thấy người chết, nghe tiếng người không nhẫn tâm ăn thịt người.] Nhan Lỗ Công lập ao phóng sanh gồm 81 chỗ. Ông có nói: [Ngày sống là đức lớn,] Lại nói: [Trên trời có đức hiếu sanh.] Phạm cội này con người cần tránh giới sát và phóng sanh.

Lại nữa giải thích thêm, trong động vật, lang sói hổ báo chỉ ăn thịt bầy thú, chim ưng chim chiền cũng thuộc loài thú chỉ ăn thịt bầy chim, cá mập rái chó thì ăn thịt cá tôm, chỉ con người là động vật tối linh mạnh hơn các vạn vật, nhưng tại sao lại ăn thịt những kẻ yếu? Không luận các động vật sống dưới nước trên đất liền bay trên không, miễn là mục đích ưa thích có lợi cho ăn mặc, không ai không sử dụng

các thứ phương pháp đem lại lợi ích cho mình, thích sống chỗ chỉ biết xâu xé lẫn nhau, thử tưởng tượng đây là những sự việc đa số tàn nhẫn! Cổ Đức nói: [Thịt của ta và thịt của chúng sanh, tên khác nhưng thể không khác, nguồn cội đồng một chủng tánh, chỉ khác biệt là hình tướng.] Thân thể của ta là do da thịt gân xương kết thành, còn thân thể của chúng nó sao lại không phải là do da thịt gân xương tạo thành, ta đã ham sống sợ chết, chúng nó đâu có thể xem sự chết như sự trở về? Chúng ta nơi lò sát sanh từ sớm đến tối luôn luôn truyền đến tiếng kêu cứu của heo bò, lúc đó con người nghe đến thật khiến bất nhẫn, đây cũng là người bị phạm giới sát rồi sẽ bị lôi kéo vào sân hình phạt vang lên cao tiếng kêu cầu cứu cũng giống như tiếng kêu cầu cứu của súc vật không khác?

Sách chuyên chở, thuở trước có tiên nhân tên là Hứa Chân Quân, lúc tuổi trẻ thích đi săn bắn, có một ngày bắn được hai nai con, nai già thấy nai con bị thợ săn bắn trúng thương nơi bụng, lập tức nơi trong đồng nội chạy ra, dùng miệng kêu thương, vì hai nai con bị thương quá nặng nên bị chết, không thấy được nai con, nai già cũng chết theo, Hứa Chân Quân thấy rất kỳ quái, nai già chưa từng bị thương, mà sao lại cũng chết theo? Lúc đó đem nai già cắt da bụng mở ra để xem, ruột trong bụng của con nai già đứt từng đoạn từng đoạn, lúc đó mới biết đạo nghĩa của con nai già do nơi thương tâm quá độ khiến phải chết, Hứa Chân Quân từ đây bỏ nghề săn bắn, liền quyết tâm lên núi tu đạo, quả nhiên không bao lâu liền thành tiên. Chúng ta đều biết đạo mền tiếc nhi nữ của mình, huống hồ súc sanh sao lại không được như thế! Ví như đem mèo con quăng bỏ đi, mèo mẹ suốt đêm tìm kiếm kêu la không dứt. Chó mẹ sau khi sanh con, không cho bất cứ ai đến gần; những sự kiện trên đây có thể chứng minh.

Có người nói: [Trời sanh những vật như gà vịt heo bò vân vân, là để cung cấp cho con người dùng ăn, là cái gì không cung cấp cho người sát sanh?] Ta không biết họ căn cứ vào đâu, hiển nhiên những người đây chỉ biết sự sanh tồn của chính mình, không quan tâm đến sự sống chết của người khác. Quả như người tưởng cho ăn thịt là trời sanh súc vật là để cung cấp cho con người ăn dùng, làm sao có thể cho là như thế được? Nói ngược lại, lang sói hổ báo cho thịt người là để chúng ta ăn dùng, con rận bọ chét muỗi mòng sâu bọ là để hút máu loài người, loài người sao lại không cho trời sanh chúng nó là để hút máu chúng ta?

Lại có người nói: [Quả như các vật heo bò gà vịt vân vân vĩnh viễn không sát sanh, lâu ngày không phải là chúng nó tràn đầy khắp nơi hay sao? Như thế đất là chỗ đứng của chúng hay sao!] Lời nói đây lập luận cũng không đứng vững, như con kỳ

lân, con gấu mèo, con chim phượng hoàng, con chim kên kên, con yến, con cá vàng vân vân, đều chưa có ai sát hại chúng nó, nhưng chúng nó cũng chưa thấy tràn đầy thế giới. Ngược lại, heo bò gà vịt mỗi ngày giết chết trên ngàn vạn

con, đều chưa thấy chúng nó giảm xuống ít lần, người người đều biết mèo thì ăn thịt chuột già, mà mèo cũng rất ít có người giết để ăn thịt, nhưng trên thế giới rốt cuộc mèo nhiều hay là chuột nhiều? Lại nữa, lang sói hổ báo đâu có thể nói, như quả người trong thiên hạ vĩnh viễn không bị ăn tươi nuốt sống, lâu ngày không thì cũng tràn đầy thế giới hay sao? Kỳ thật đây đều là người nước Kỷ (Người nước Kỷ thời nhà Chu, nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc) buồn lo trời. Tỷ như, trên địa cầu đây, có quốc gia nam nhi sanh ra quá nhiều, liền sầu lo tương lai không có nữ nhân; có quốc gia sanh ra nữ nhân quá nhiều, liền sầu lo tương lai không có nam nhân; có quốc gia người thấp lùn quá nhiều, liền lo sợ tương lai người thấp lùn giống như con ong vè, con kiến; có quốc gia người cao quá nhiều, lại lo sợ tương lai cao đến đụng trời; sự thật những sự kiện như trên đều không thể được, sao lại phải sầu lo quá đáng?

Lại có người nói: [Đối với người không sát hại có lợi còn thuộc về tình lý, như bò ngựa có thể dùng phục vụ cho người, nhưng độc xà mảnh thú đối với người thì có hại, mặc dù có hại cũng không nên sát hại?] Người tôi chỉ biết dự định cho mình, giống như theo chỗ chưa dễ mà ở, để mưu tính giúp đỡ súc sanh. Phải biết động vật làm hại người có hai lý do: một là chúng nó sanh ra thuộc loại vô tri, hai là chúng nó chỉ biết tự vệ. Như động vật rắn, con bò cạp vân vân, nếu người không phạm chúng nó thì chúng nó không làm tổn hại người. Ngược lại, cầm thú cũng như con người, đối với chúng nó giết tận những động vật có hại, thì nhân loại đâu không phải rất khó tồn tại? Trang Tử nói: [Mình đây thì không phải kia, thường tình của kia và ta thì cũng vậy.] Nhân vì mỗi người đều có tâm riêng tư, do đó ở khắp nơi luôn luôn có tâm làm tổn hại người để lợi mình. Ngã Phật thì không phải vậy, kia và mình phá trừ ngã chấp, đã không ngã chấp, thì sao lại tự mình có riêng tư, cho nên thấy tất cả chúng sanh đều bình đẳng, không luận động vật sâu bọ hàm linh đều đầy đủ Phật tánh, hiện tại chúng nó tuy nhiên là chúng sanh chịu khổ não, tương lai do tu mà chứng giống nhau có thể thành Phật, nhân đó không chỉ không nên sát hại chúng sanh, mà lại cần đối với chúng sanh khởi tâm cung kính

mới phải, đều nguyên do đức Phật là Phật đã thành, còn chúng sanh là Phật sẽ thành.

Mỗi khi thấy người đời dùng giết gà vịt cúng tế hiệp kỵ tổ tông, hoặc cầu thần giáng phước, nhưng vẫn bệnh suốt năm, có khi gặp thiên tai nhân họa, ngược lại chỉ cần ngăn cấm đồ tế sát sanh. Có khi dùng mổ giết để trồng phước, có khi dùng cấm giết để bồi đức, rốt cuộc cái gì phải cái gì quấy, dường như không có định kiến. Phật Kinh thường nói: [Kẻ làm lợi cho người chính là lợi cho mình, kẻ mưu hại người chính là hại mình.] Nhân quả tuần hoàn, không thể thay đổi, dùng sát sanh để cầu trường thọ, chính là phản lại luật nhân quả, không phải đặc biệt có được như nguyện, mà phản lại có thể bị quả báo đoan mạng. Như quả cần cầu không bệnh suốt năm, gặp nạn thành cát tường, chính là do tích đức tích phước mà được, không những không sát sanh mà lại cần yếu phải phóng sanh, không những không keo kiệt tiền tài, mà lại cần phải bố thí, như thế mới có thể tiêu tai khỏi nạn, tăng phước tăng thọ.

Phóng sanh không hỏi phóng động vật lớn hay động vật nhỏ, lớn hay nhỏ công đức đều giống nhau, chủ yếu là xem phát tâm lớn hay nhỏ. Phật kinh có nói, tất cả chúng sanh đều là cha mẹ con gái con trai huynh đệ tỷ muội đời quá khứ của chúng ta. Thấy chúng nó chịu thống khổ, chúng ta đâu có thể nhẫn tâm không cứu sao? Lại nói, phóng sanh có thể bồi dưỡng tâm từ bi, phóng sanh không luận nhiều hay ít, thời gian lâu ngày, tâm từ bi lại gặp đầu tự nhiên phát sanh, tâm từ bi tức là tâm thiện, có tâm thiện tức có thiện báo. Sách Tướng nói: [Có tâm không có tướng, tướng theo tâm phát sanh; có tướng không có tâm, tướng theo tâm tiêu diệt.] Có tâm tức là có tâm tốt, có tâm tốt tức là có tướng mạo tốt, tất cả đều do tự làm tự thọ, đều không phải từ bên ngoài mang đến.

Lại có người nói: [Không cần giúp người cô độc cùng người bần cùng hoạn nạn, mà ngược lại chỉ cứu tế những súc sanh, thế không phải là bỏ gốc chạy theo ngọn hay sao? Sự thật không phải vậy, người phóng sanh tất nhiên có tâm từ bi cùng tâm đồng tình, thấy chúng sanh có khổ nạn, liền thương yêu đồng đẳng, nguyên nhân không chỉ

phóng sanh, mà lại còn cứu tế tất cả bần khổ, người không chỉ phóng sanh, còn phải cứu tế những người cô độc, như thế mới có thể đạt đến tam luân thể không (Tam Luân là không, giả, trung đạo, thể của chúng đều ở trạng thái không), cho nên hai thứ này cùng nhau giúp đỡ cùng nhau thành công.

Tôi kính khuyên người đời, cần học Phật giáo để quán chiếu bình đẳng, trừ bỏ tự tâm riêng tư, thực hành giới sát và phóng sanh, cần yếu nghĩ đến giới sát và phóng

sanh, đầu tiên phát khởi tâm ăn chay, tận dụng năng lực của chính mình, từng bước đạt đến tâm niệm thương nhân dân và thương động vật.

3.- Con Người Làm Gì Cần Giới Sát Và Phóng Sanh.-

Phật giáo xem trọng từ bi, chế luật dùng giới sát làm căn bản, dùng phóng sanh làm cơ sở hành thiện. Vì thế Đại Sư Trí Giả mua đứt Tì Lương, xoá bỏ sự bắt bớ nơi giang thượng, phóng thích sự ngăn cấm đời sống, thật chính tâm của người đây từ bi giống nhau. Cổ Đức có nói; [Thịt của ta và thịt của chúng sanh, tên khác nhưng thể không khác, nguồn gốc đồng một thứ tánh, chỉ là khác nhau hình thể.] Đây là nói chim bay thú chạy, cá lội rùa bơi, tất cả động vật danh tự cùng ngoại hình, tuy nhiên có chỗ không giống nhau, nhưng thân thể chúng nó đều chưa ly khai da thịt gân xương của đại địa, nước mắt nước bọt máu mủ của thủy đại, nhiệt độ ấm áp khô ráo nóng của hỏa đại, hô hấp vận chuyển của phong đại. Thân thể con người đã là đất nước gió lửa tứ đại tổ hợp thành hình, thì heo ngựa bò dê tất cả súc sanh, cũng không ai đều không như thế. Tất cả nhân loại dĩ nhiên đã ham sống sợ chết, sợ bệnh sợ già, biết bệnh biết ngứa, lạnh thì cầu ấm, đói thì kiếm ăn, gia thân ân ái không nguyện bỏ lìa; tất cả chúng sanh bay lặn ăn uống trồng trọt sống trên đất, cũng không ai không như thế. Thí dụ như mèo chó cũng biết yêu và bảo hộ con cái của chúng nó, bò già thường thấy liếm con nghé, gà mẹ bảo hộ gà con dùng thân bao che không lìa, con lươn yêu con bằng cách thân mình co lại cong queo, ngôn ngữ của chúng nó tuy nhiên cùng với con người có khác, nhưng tâm hiểu biết cùng đau ngứa đều không có không giống nhau.

Chúng ta thường thấy có một số người yêu súc vật nồng nhiệt, đem mèo chó ôm bông trên thân, khi nó đói đem đồ ăn uống cho nó dùng, loại bò ngựa vằn vằn theo mình ra vào, nuôi chim làm bạn lũ, sớm chiều yêu thích bảo hộ, lo sợ chúng nó đói khát, ngăn che gió thổi mưa tạt vào. Thích yêu động vật mỗi loại không giống nhau, nhưng đối với sanh vật tình yêu và bảo vệ so cùng đối với nhân loại tình yêu không hai. Do đây suy nghĩ không chỉ nhân loại súc vật và loài người đồng khí, nên cần phải thân ái lẫn nhau, đối với tất cả sanh vật cũng không ai đều không như thế, người chúng ta đặc biệt có điểm là tâm từ bi, nỡ nào ăn thịt chúng nó, lột da chúng nó, uống máu chúng nó, nấu dầu mỡ chúng nó? Huống chi Phật Kinh nói, thiên hạ tất cả chim bay thú chạy đều là cha mẹ anh em tử mụ đời quá khứ của chúng ta, cũng là các Phật Bồ Tát đời vị lai. Nhân vì thân chúng ta ở trong sáu đường, qua lại tuần hoàn, sanh sanh tử tử, tử tử sanh sanh, trải qua vô lượng kiếp, đâu có thể chỉ định những chúng sanh ấy tuyệt đối không là cha mẹ đời quá khứ của chúng ta,

huynh đệ, tử muội, chồng vợ, con trai con gái đời quá khứ của chúng ta? Vì hiếu thuận cha mẹ đời quá khứ, cung kính chư Phật đời vị lai, cho nên tuyệt đối không thể sát sanh ăn thịt chúng nó, cung dưỡng riêng mình. Nhân vì chúng nó đời quá khứ tạo nhiều nghiệp ác, nay sanh theo nghiệp thọ báo, rơi vào loại khác, báo hết chuyển sanh, giả sử nếu một ngày nào đó chúng nó giác ngộ những lỗi lầm trước, cải ác hướng thiện, nghe pháp tu đạo, ai lại bảo đảm nói chúng nó không thể làm hiền làm thánh?

Lại nói, động vật bao gồm nhân loại, con người đâu phải cũng cần ăn thịt người? Thế nào là người ăn thịt người, người đời chính nhìn nhận cho là không hợp tình hợp lý? Kỳ thật nguyên thủ người hoang dã, không phải là không có sự việc phát sanh người ăn thịt người? Chẳng qua lúc bấy giờ người đã gần bằng cầm thú. Rốt cuộc ai cần phải ăn ai? Nếu cần truy căn tìm nguồn gốc, không ngoài tự lợi riêng tư, kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu mà thôi. Nếu luận chim bay thú chạy ăn tươi nuốt sống lẫn nhau còn có thể không phải là không tha thứ, nhân vì chúng nó vô tri, mà nhân loại tiêu biểu chính mình là tối linh của vạn vật, làm thế nào cần học hành vì vô tri của cầm thú? Như quả

nói nhân vì chúng nó ngoại hình cùng với con người không giống nhau, cho nên cần sát chúng nó để ăn, như thế nhân loại cũng có chủng tộc không giống nhau, đầu tóc nhan sắc, thân thể dài ngắn, cũng có sai biệt. Người ăn thịt người chính không nên cần phải, ăn thịt người cho là động vật của bên ngoài, chính chấp nhận cho là lý đương nhiên, đây là vị [thánh hiền] kia nói? Hoặc có một bộ [sách] kia chỗ ghi chép?

Không cần nói nhân loại giết súc sanh ăn thịt, để bổ ích cho chính mình, chính là nước này cùng nước kia đánh nhau, đánh qua đánh lại kẻ thắng lợi đem nhân dân của nước bại trận tàn sát, hiếp dâm, đánh đập, lăng nhục, tất cả thủ đoạn đều đem ra sử dụng cùng cực, thường làm thế nào để cho mọi người xem. Tức là khiến đối với nhân dân của nước mình bảo hộ hết mình, nhưng không khỏi phân biệt là không đồng hương, nếu là đồng hương thì phải giúp đỡ, không đồng hương thì lại đày đi xa. Trong đồng hương, lại phân chia là không bạn hữu, nếu bằng hữu thì chiếu cố, không bằng hữu thì không chiếu cố. Nơi trong gia đình cũng phân biệt cha mẹ, anh em, tử muội, chồng vợ, con trai con gái, nếu kẻ chí thú cùng mình tương hợp, lại tương thân tương ái, kẻ ý kiến cùng mình trái ngược nhau, thì lại mắt nhìn hướng khác. Người thân trong nhà cùng mình lại so sánh nhau, sau cùng lại cho mình là quan trọng. Người cùng nhân gian, thân thể tên chữ hoàn toàn giống nhau, quan

điểm cảm thọ cũng không sai biệt, còn có như thế này so bì thân sơ thân cận cách li, hà huống súc sanh đối với người ngoài? Nho Gia có nói: [Chỗ mình không muốn, chớ thí cho người.] Tự mình muốn cầu mạnh khỏe sống lâu, lại khiến sanh vật khác ốm gầy chết yếu, đây cũng là lý nhân quả có thể ăn khớp? Mạnh Tử cũng nói: [Cha nó giết người, người cũng giết cha nó, anh nó giết người, người cũng giết anh nó.] Không cần cho sanh vật cùng người không giống nhau, chúng nó không gặp cùng người trả ân hay báo thù, kỳ thật trong sách đã ghi sự việc súc sanh báo thù xem thấy rất nhiều! Súc sanh dù cho đời nay không thể báo thù, rồi cũng báo thù trong đời sau hoặc nhiều đời sau nữa, lý nhân quả thường làm sao mảy mai không có thích hợp?

Nhân loại chỉ biết tự mình hưởng lạc, không nghĩ đến loại khác bị tai họa, không nhường những sanh vật trên núi đao, dưới chảo dầu, cố tâm giết mổ bụng, rút ruột, lấy gan chúng nó, rồi đến khi mình bị báo ứng, lại kêu trời trách đất, nói đau không chịu được. Kinh nói, tất cả chúng sanh đều bình đẳng, phàm kẻ có tâm đều sẽ thành Phật. Giết hại heo ngựa bò dê, cũng giống như tàn sát anh em tử muội của chính mình nào có sai biệt? Nếu hơi có chút tâm từ bi, ai nỡ tàn sát sanh linh? Không chỉ nói đích thân mình giết, hoặc thấy người khác giết còn sợ bị tội treo ngược. Nhà để mổ giết có bảng treo trước cửa và một miếng thẻ bài bố cáo rằng: [Phàm người có thần kinh suy nhược xin đừng đến đây.] Những người sát sanh hại mạng, tâm họ rất hung ác.

Ta dạy những nhân sĩ khi thấy những sự việc sát sanh tâm rất sợ hãi như đứt ruột và thống khổ đến nỗi khóc nước mắt chảy dài không dứt! Nhân đây đích thân ra tay vô duyên đại từ, cùng khởi tâm bình đẳng đại bi, cần xin những thiện nam tín nữ nào, hoan hỷ tùy duyên trợ giúp, gieo trồng giống phước, tích cực phóng sanh để giải cứu các chúng sanh sống nơi sông nước, nơi mây trời, nơi đất liền hiện

thân bị ngục tù, khiến chúng nó bay cao chạy xa, biển rộng tha hồ bơi lội. đều được chỗ ở, đều được mạng sống, cũng nhờ đây tâm chúng ta cảm thấy hứng thú biểu lộ một điểm đồng tình đối với khổ nạn của chúng sanh.

4.- Trì Trai Cùng Ăn Rau Cải Có Không Giống Nhau Những Gì.-

Vài năm trước đây, có chồng vợ thường trì trai nhiều năm, một ký giả hỏi có phải ông bà thường trì trai nhiều năm? Hai ông bà đáp: [Hai người tôi thường ăn trai, mà không phải là thường trì trai.] Nhân vì hai ông bà tin Phật nhiều năm, đương nhiên

biết đạo trì trai là sau giờ Ngọ (sau 12 giờ trưa) không ăn cơm, còn ăn trai là không ăn thịt chúng sanh, đây là hai ông bà trả lời cho ký giả. Ký giả rất quý trọng nhưng hoang mang không hiểu rõ.

Đại Thừa Phật Giáo truyền vào Trung Quốc về sau, lại đem chữ trai truyền vào không cho ăn thịt chúng sanh, vì thế [Từ Uyên] giải thích là:

[Ăn rau cải gọi là ăn trai], [Chư Tăng ăn cơm gọi là ăn trai], [Trai phạn cho chư Tăng gọi là trai tăng]. Phật giáo Trung Quốc rất sớm cũng đem [Trì Trai] cùng [Ăn Trai] thông dụng lẫn nhau. Thí dụ, chùa Phật có Trai Phạn, Trai Đường, Trai Chung, Trai Thất (nhà trai), Trai Hội, Vô Giá Trai Hội (hội trai không che giấu), Thiên Tăng Trai (ngàn Tăng trai), Vạn Nhân Trai, Tam Nguyên Trai (ba năm trai), Lục Trai Nhật (sáu ngày trai), Thập Trai Nhật (mười ngày trai), Tam Trường Trai Nguyệt (trường trai ba tháng) vân vân. Những danh xưng đây gọi đều là dùng chữ Trai làm đại biểu ăn rau cải, nếu tận lực phân chia, chữ Trai có thể giải thích là không ăn thịt bao gồm không ăn quá 12 giờ trưa, gọi là không ăn quá giờ Ngọ, mà ăn rau cải tức là nói chung chung không ăn thịt chúng sanh mà thôi.

Do ta thấy giáo pháp nói không cần phải ăn rau cải để khoẻ mạnh mà chính là cần phải trì trai, kỳ thật tại Trung Quốc có một nhóm người ở trong ký ức của họ đều nhận cho ăn rau cải chính là ăn trai, thứ quan niệm đây tại Trung Quốc đã lưu hành hơn ngàn năm.

Chữ Trai cổ nhân đọc âm là tề, nghĩa là như nhau. “Lễ Ký” nói: [Tán tề bảy ngày, chí tề ba ngày.] (Tán Tề là nghỉ ngơi trai giới; Chí Tề là tận lực trai giới). Như quả, cố chấp không sửa đổi, nhất định theo Ấn Độ sau giờ Ngọ không ăn cơm gọi là ăn trai, mà không thể dùng rau cải ở nơi Trung Quốc; lại cần phải đem chữ trai đọc theo cổ âm thành chữ [tề]. Một chữ Trai Tự Điển giải thích: [Trai giới cũng là tôn kính.], tức là ý cẩn thận phụng sự. “Mạnh Tử” trong Luy Lô nói: [Trai giới tằm gột.] Thời Tần Triều có đại nghi lễ tế trời cúng thần, cần yếu phải tằm gột thay y, ăn rau cải không uống rượu. “Kinh Dịch” có nói: [Tẩy tâm gọi là tề, phòng ngừa tội lỗi tai họa gọi là giới.] Tức tề cái tâm, yên tĩnh ý nghĩ của tư tưởng, giống như người đời nhàn rỗi cùng với vợ con, cũng gọi là trai. Giới là cấm tội lỗi của thân miệng ý, nên gọi là tề giới. “Lễ Ký” cũng nói: [Tề giới dùng để bố cáo quỷ thần.] Trước khi tế lễ trước hết phải nghỉ ngơi trai giới bảy ngày, tận lực trai giới ba ngày, chọn đây biểu thị cung kính phụng sự quỷ thần. Ấn Độ cổ xưa tế lễ quỷ thần, cũng cần [trai

giới tẩm gội], mà mỗi cách 15 ngày long trọng phụng hành nghi thức tụng kinh sám hối. Phật giáo ta cũng có [Bố Tát], tức là tập hợp đại chúng thuyết

giới, đoạn trừ các ác hạnh, tăng trưởng các pháp lành. Nghi lễ trai bốn là thanh tịnh, phòng ngừa các tà vật, đình chỉ ham muốn, tai không nghe âm nhạc, miệng không nói loạn ngữ, tâm không nghĩ ngợi quàng xiên, thân không làm xằng làm bậy, tức là bảo tồn hảo tâm, nói hảo ngữ, hành hảo sự. Về sau Phật giáo Ấn Độ đem [Trai] chuyển thành [Thời]. “Tát Bà Đa Luận” nói: [Từ sớm đến giữa ngày người đời cho sự việc tốt tươi nên ăn cơm, gọi là Thời Cơm. Từ giữa ngày đến sau nửa đêm, là họ Yến gặp nhau nô đùa gọi là thời giải trí, tỳ kheo du hành có chỗ bị xúc phạm, nên gọi là phi thời.] Giờ thìn sáng sớm là chư Thiên ăn, giữa trưa giờ ngọ là Phật ăn, mặt trời ngả về tây (buổi chiều) là súc sanh ăn, trời sắp tối là quỷ thần ăn. Nhân vì tỳ kheo học Phật cho nên ăn trong ngày, đây gọi là thực thời. Kẻ thọ trì Bát Quan Trai Giới chỉ ăn một ngày một đêm, theo ngày nay sáng sớm đến sáng ngày mai sẽ xuất hiện (phong tục gọi là trời mới rạng sáng), tức là công đức viên mãn, chớ không phải giảm giới.

Trai hội, sáng sớm do Nam Triều Triệu Đại Nhà Tống khai mở đầu tiên, đến Tề Triều Vĩnh Minh tám năm, Tề Võ Đế có bệnh nhiều tháng không giảm, phát nguyện quy y Tam Bảo, sắc lệnh ở trong Diên Xương Điện, bảy ngày cúng cơm cho chư tăng và chư thánh hiền. Nhà trai trang nghiêm tuyệt đỉnh, bụi trần nhẹ nhất cũng không động, văn võ bá quan, năm phẩm trở lên, thanh quan bảy phẩm trở lên, đều tụ tập hành hương, cúng dường tăng bốn ngàn người. Quan địa phương cùng tư nhân thiết trai, trước sau cũng số, gần một ngàn người, đều là kiến lập trai đàn hành đạo, hết sức chân thành lễ sám. Chỗ y phục vật dụng của Trẫm (Danh xưng của vua), đều thí xả, mong mỗi nạn ba đường, nhân đây được giải thoát.] Nơi nhà trai cúng dường gồm có năm trăm tăng, sánh bằng tạo một Phật tượng cao quý.

Trung Quốc đề xướng ăn rau cải không ăn thịt, do Lương Võ Đế có công lớn đề xướng, Đại Thông Nguyên Niên, Võ Đế trai tăng đến số năm vạn người. Thời đại Tùy Đường cấm mổ giết và ăn rau cải, quan địa phương cũng xem trọng. Tùy Văn Đế nhơn chúc thọ tổ chức sanh nhật ngày mười ba tháng sáu năm thứ ba, sắc lệnh nhân dân toàn quốc cấm ăn thịt và cấm sát hại để chúc thọ. Võ Đức Đường Cao Tổ

ngày 4 tháng 20 chánh năm thứ 2, sắc lệnh thiên hạ cấm giết và ăn trai. Đường Trung Tông tháng giêng năm đầu Cảnh Long cấm mổ sể. Đường Duệ Tông năm Cảnh Vân thứ hai, tháng hai cấm mổ sể. Đường Huyền Tông Khai Nguyên tháng 2

năm thứ 3, ngày 28 tháng 3 năm 18, tháng giêng năm 19, ngày 12 tháng 10 năm 22; mỗi năm tháng giêng, tháng 7, tháng 10 cấm sát sanh toàn quốc, nhân dân ăn rau cải và cấm mổ xẻ. Đường Võ Hậu thiên thọ ba năm bốn tháng cấm sát sanh. Như Ý năm đầu tháng năm cấm mổ xẻ. Thánh Lịch năm đầu tháng năm cấm mổ xẻ, những thứ cấm mổ xẻ đây thẳng đến năm đầu tháng mười hai còn chưa giải trừ, sau đó nhân Đại Thần Thôi Dung nhiều lần siêng năng can gián vua, bắt đầu năm 12 tháng về sau vua cho phép bỏ lệnh cấm. Ăn rau cải và cấm mổ sẻ một ngày, là ngày đản sanh của chư Phật và Bồ Tát, hoặc sáu ngày trai, mười ngày trai, hoặc trường trai một năm ba tháng, ba năm trai, ngày khai quốc, hoặc ngày kỵ Hoàng Hậu Hoàng Đế giá băng, sanh nhật, sanh bệnh tiêu tai, cầu mưa tế trời, trùng dương, thanh minh, hoặc siêu độ quân dân tử vong trong chiến loạn, đều ra lệnh xây dựng trai hội hoặc cấm mổ sẻ, không phải chỉ không giết bò ngựa heo dê, chính là cầm thú bay trên không, thủy tộc cá tôm vân vân, đều liệt kê ngăn cấm.

Phật giáo nam truyền xem trọng đối với quá giờ Ngọ không ăn phi thường, mà tuyệt đối không ăn thịt, ngược lại, Phật giáo bắc truyền đối với quá giờ Ngọ không ăn đều không xem trọng, nhưng xem trọng đối với không ăn thịt. Nếu so sánh hai thứ công đức, rốt cuộc ai được nhiều, bốn nhân nhiều lần thưởng vì người mà giảng thuyết, công đức không ăn thịt, cần yếu công đức quá giờ Ngọ không ăn cơm, tuy nhiên như đây giải thích: đầu tiên chưa thấy kinh truyện của Ấn Độ, năm gần đây xem Giới Kinh, chung cuộc thấy đến cổ đức có nói: [Ngày nay nhiều rau cải, không tiết kiệm ăn chiều, đây tuy không phải trai, nhưng thù thắng hơn ăn máu huyết.] Đây chứng minh bình thời chỗ giảng không trái Thánh Ngôn Lượng.

IV.- PHẬT GIÁO VÀ TIỀN ĐỒ CÙNG XÃ HỘI.-

1.- PHẬT GIÁO CÙNG VẬN MẠNG VÀ TIỀN ĐỒ.-

Ngày nay đệ tử Phật giáo, xuất gia cùng tại gia, hai phái có nhiệm vụ cần yếu bắt đầu gánh vác: (1) Một là tự lợi, tất nhiên phải nương theo vạn duyên, chuyên tâm nhất ý, tinh nghiêm giới luật, khổ tu một lần. (2) Hai là lợi tha, tất nhiên cần phải nghĩ ra các thứ phương châm mới, làm thế nào mới có thể khiến người đời tiếp nhận chân lý của Phật giáo độc nhất vô nhị. Kinh nói: [Lợi sanh làm sự nghiệp, hồng pháp là việc nhà.] Đây là chúng đệ tử của Phật, cần phải quan tâm và gánh vác.

Người đọc qua Phật giáo sử đều biết Phật giáo thời đại Tùy Đường là thời đại Phật Giáo Trung Quốc hoàng kim, [Hòa Thượng tại thủ đô là quan ra ngoài thủ đô.]

Chính là đương thời Hòa Thượng rất tôn nghiêm có thể tiếp nhận Thánh chỉ đến Quan tôn nghiêm của dân gian đối diện nhau đều có mặt mũi. Hòa Thượng nguyên nhân tại sao? Nguyên vì tăng lữ lúc bấy giờ tài học xuất sắc, đạo đức cao siêu là chủ yếu nhân tố đối ngoại, tánh tình hòa bình, chí hướng kiên định, tăng lữ Phật giáo chuyên tâm ý chí thi thố khử ác tu thiện, đích thực có thể tôn xưng là mô phạm của trời người. Cho nên mỗi khi pháp sư đang thuyết pháp, không xa ngàn dặm đến để nghe pháp của sư, đường xe, đường tàu, đường ngựa, đường máy bay, đến ngồi không chiếu để nghe pháp, bố trí chỗ ngồi rất long trọng, khiến người thấy một lần sanh tâm cung kính. Lúc bấy giờ người nghe kinh rất nhiều, nhân vì chúng họ tập quán tiết kiệm, cho nên sinh hoạt an định, mỗi ngày ngoài công tác, không có kẻ bất lương nào khác hấp dẫn, chỉ có trên tinh thần

mong mỗi an ủi thăm hỏi. Ngày nay không thế, nhân tâm không như thời xưa, thói đời ngày càng xuống thấp, dục vọng vô cùng, có một tướng hai, có ba tướng bốn, nơi trong một ngày hưởng thụ và tiêu pha, muốn bao nhiêu chỉ một tháng chi tiêu ngang nhau, nhân đây hình thành số nhập không bằng số xuất, sinh hoạt khó khăn, hoang mang lo sợ suốt ngày, không thể an ổn được. Do đây có thể biết, người xưa ở trên tinh thần, càng tìm cầu lại càng khoái lạc, ngày nay trên vật chất càng tìm cầu lại càng đau khổ, cho nên gần đây có số người uống thuốc độc tự tử, đâm đầu xuống biển, treo cổ tự sát, không ngày nào không có, nhân vì vật chất có hạn, nhưng dục vọng không chừng mực. Kinh nói: [Người biết đủ, tuy nằm trên đất, cũng là an lạc. Người không biết đủ, tuy ở thiên đường, cũng chẳng vừa ý.] Nhân đây thân là đệ tử Phật môn, như quả ở cá nhân trong thời đại nước chảy ngược, muốn dùng Phật pháp phổ độ chúng sanh trong thời này ở chỗ này, mà nhất định thành công không thất bại, nhưng nếu dùng phương thức hóa đạo của người cổ xưa ngồi thuyết pháp trên đại tòa, e sợ không dễ tiếp dẫn bọn này, chúng nó suốt ngày say sưa nơi rượu thịt tài sắc làm khổ não chúng sanh. Chúng ta nhất định cần tìm một phương pháp khác, thử lay phương châm mới, mở rộng Phật giáo thâm nhập vào dân gian, khiến trên trí thức, dưới chúng người ngu đều có thể tiếp nhận được nước pháp của Phật giáo để tẩy sạch bóng, dần dần đạt đến cứu cánh bỉ ngạn, mới là ra tay thi hành tùy cơ ứng biến tốt nhất.

Bản thân Phật giáo lực lượng tương đương lớn mạnh, chỉ nguyên nhân mỗi người tự mình làm cải cách, cho nên lực lượng dần dần tan rã. Giả sử chúng ta có thể nắm lấy ý chí đồng đạo hợp lại, đoàn kết nhất trí, sức của chúng ta không phải chỉ có thể kiến thiết một tòa bệnh viện Phật giáo, hay 10 tòa, 20 tòa cũng không thành vấn đề. Chỗ gọi: [Đoàn kết chính là lực lượng.] Như quả, chúng ta sao lại không nghĩ

biện pháp cứu vãn, nếu không một ngày nào đó, chúng ta bị thời đại đào thải, e sợ khó có chỗ để đứng. Muốn khiến Phật giáo hiển vinh và hưng thịnh, đầu tiên cần yếu lãnh đạo phải có phương pháp, lực lượng cần tập trung, hữu nghị hợp tác, nỗ lực hoàn hảo, như thế tóm lược đề cử một số đầu mối như dưới đây: [Là đối nội,

chúng ta đầu tiên cần nhiều tăng già có biện tài giáo dục, tận lực bồi dưỡng nhân tài, phải biết Phật giáo thịnh suy cùng không, hoàn toàn dựa vào tăng tài nắm vững vận mạng. Chỗ gọi: [Người có thể hoằng đạo, không phải đạo hoằng người.] Tăng tài hưng thịnh tức Phật giáo hưng thịnh, tăng tài suy nhược tức Phật giáo suy đồi, do đây xem thấy, Phật giáo có nhiều tăng tài như nước bằng phẳng không cao thấp, phi thường, trọng yếu.

Thứ đến, nhu yếu ở chỗ phân công cho hợp lý để hợp tác, nên cần có tổ chức tu hành và tổ chức hoằng pháp. Trong tổ chức tu hành, thiết lập chỗ có chuyên môn niệm Phật và tham thiền, ý nguyện tu Tịnh Độ, tức có nhà chuyên niệm Phật vãng sanh, ý nguyện tu tham thiền, thiết lập nhà vãng lai để tuyển chọn thiền sinh đủ khả năng thành Phật. Trong tổ chức hoằng pháp, phải thiết lập trung tâm thư viện để nghiên cứu diễn giảng, để nghiên cứu văn hóa giáo dục, kinh sách vân vân. Phần tổ chức nghiên cứu diễn giảng, phụ trách giảng kinh thuyết pháp và thảo luận Phật pháp. Phần tổ chức văn hóa giáo dục, phụ trách xuất bản và biên dịch kinh thư, tạp chí và sách báo. Phần tổ chức kinh sách, phụ trách giao tiếp thí chủ, ứng phó siêu độ vong linh, cầu phước sống lâu.

Ngoài ra, chúng ta lại chú ý, Phật giáo không riêng chỉ chú trọng nội dung, lại cần chú trọng xem sự biểu hiện bên ngoài, như quả, chúng ta ra vào đi đi lại lại chỉ chú ý nội dung, mà không chú ý biểu hiện ra ngoài, mặc dù khỏi bị người khinh miệt và đàm tiếu. Có rất nhiều người tu khổ hạnh, vẫn nhận cho là nhân sĩ Phật giáo cần chú trọng thực tế, không cần quan trọng xem sự biểu hiện bên ngoài, chỉ cần xem sự đập phá và buông bỏ đó mới chính là có thể đạt đến tự do giải thoát, Biểu hiện bên ngoài là mặt giả, làm trò hề, căn bản không dùng đến. Sở dĩ chúng nó y phục rách rưới bẩn thỉu không chịu được, ra vào cử động hình dáng giống như tăng tế điên. Còn một thứ nơi trong phi trường quốc tế, từng thấy có một Phật môn đồng đạo, mặc áo lót dài sau lưng có hình hoa sen, chân thì đi dép, tay xách dù bằng lông da xuất hiện, đi lúc lắc qua lúc lắc lại nhiều lần, khiến cho người chung quanh nhìn chăm chú. Thứ ăn mặc đây, khiến người không dám

gần, cho nên dù có mất đi người gương mẫu hòa nhã của đệ tử Phật môn. Ngoài đây đều có rất nhiều đồng đạo ra đường phố không mặc áo dài, chỉ mặc áo ngắn xuất hiện, tuy nhiên tôi trải qua ba lần khuyên giải, cũng là uống công vô ích. Phải biết áo dài chính Phật môn ngày nay chế để mặc, để lễ, mặc áo dài chính là đại biểu thân phận của tăng nhân, người đời gọi chúng ta là Hòa Thượng, là người xuất gia, sư phụ, đại sư, hoặc pháp sư vân vân, chính là nhân vì người chúng ta đầy đủ mười oai nghi, mà hoàn toàn được tôn trọng, mà mặc áo dài hoặc đại bào chính là tốt là người xuất gia nên có để đại biểu tánh của ngoại quán. Như quả chúng ta bãi bỏ áo dài, mặc áo ngắn xuất hiện, đầu tròn chân không, so cùng người thế tục không khác. Thử xem lục quân, thủy quân, cảnh sát, hướng đạo sinh, giáo sư, học sinh, bác sĩ, hộ sanh, trưởng nhà ga, người bán vé, cha cố, nữ tu vân vân, khiến người một lần thấy liền có thể biết thân phận của họ, đương nhiên cũng là hoàn toàn nhờ vào đồng phục tạo cho dấu hiệu của bọn chúng. Do đây có thể thấy, nhân sĩ Phật giáo chúng ta đối với đồng phục là trọng yếu, cũng không thể liệt vào hạng người ngoài. Nhân vì tăng nhân là đại biểu cho Phật giáo, như quả một người có chỗ sơ hở có thể ảnh hưởng sự tôn nghiêm của đoàn thể Phật giáo, cho nên mỗi người có trách nhiệm tương đương trọng đại.

Hai là đối ngoại, chúng ta cần yếu xây dựng nhiều công tác phước lợi cho xã hội. Nhân vì thời đại hiện tại không giống thời đại cổ xưa, hoàn cảnh cũng biến đổi, quả như chúng ta quen với một mùi vị nếp củ, liền đóng cửa khép nhà, lánh đời ẩn tu, đương nhiên cũng là một điều kiện khó tiếp nhận công việc quý trọng không thể từ chối. Nếu rút lui cùng nhân sĩ xã hội tách rời, khoảng cách càng xa, không khỏi hình thành cách xa quá lâu của thời gian của họ và chúng ta, do cách xa mà sẽ bị ngộ nhận, cho nhân sĩ Phật giáo là trốn trách nhiệm hiện thực, là ký sanh trùng của xã hội, không chịu cày ruộng mà vẫn ăn, không đi dệt vải mà vẫn có mặc, liền bị người đời châm biếm là kẻ vô ích vân vân, khiến người đời chán ghét và lánh xa, không khả năng tiếp thọ hóa độ và hướng dẫn của Phật giáo, vào nơi đường chánh.

Nhân đây chúng ta đối ngoại, tất nhiên phải phát động rộng sâu phước lợi và văn hóa giáo dục, do xuất thế mà nhập thế, bỏ sinh hoạt rừng núi, đi sâu vào dân gian. Thí dụ như, thiết lập trường học, viện y khoa, viện dưỡng lão, viện cô nhi, chỗ gửi trẻ, chỗ phát thuốc, đoàn thể giáo dục vân vân. Cùng tiếp cận người đời nhiều lần, lợi dụng thứ phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sanh. Như quả, nơi tại đây ở chỗ này, bỏ phương thức mới này không dùng nữa, chỉ ngồi để mất dịp may, mặc tình Phật pháp hoang phế.

May mắn, tại đây thời mạt pháp nhưng có cao tăng hoằng tuyên đại thừa, kiên định phò trì Phật pháp yếu nhược. Đại sư Bảo Hiền tức là một vị có công phu học vấn cùng đạo đức, chính là xuất hiện một hạng người lãnh đạo, người ngày nay kính phục tán thán không thôi. Lão nhân tuy nhiên tuổi gần bảy mươi, nhưng tư tưởng mới khác lạ hơn người, không rơi vào lối khách sáo, cùng đệ tử thanh niên tương ứng, chuyện trò vui vẻ, đều không có thái độ cũ kỹ, dung hòa kia và đây, già và trẻ hòa thành một khối. Lão nhân có khả năng đem ánh sáng hòa hợp với trần thế, khéo dùng tứ nhiếp pháp nào, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, phương tiện huyền xảo giáo hóa chúng sanh, có thể dùng pháp Bồ Tát pháp, thực hành Bồ Tát đạo, thật là hóa thân của Bồ Tát. Đệ tử của ngài hơn một trăm, mỗi lần sáng chiều đều tụ hội nơi một nhà, gió mưa không thay đổi, sắp xếp diễn tập kịch nói, ca xướng, bình luận, tọa đàm, thảo luận Phật pháp vân vân, khiến nhóm thanh niên vui vẻ quá mức và mỗi buổi tối thảo luận thật có ý nghĩa. Cơ hội đây cống hiến hương thơm nguồn vui tiêm nhiễm, mỗi ngày tiêm nhiễm lần lần giẫm đạp lên đường mòn, vào cửa Phật giáo tích lũy qua ngày tháng, cảm niệm từ bi hỷ xả tự nhiên sản sanh. Không đưa đến người vô kỷ luật, sa vào phóng dăng nơi chỗ bất lương, lâm vào đường sai lầm, đọa lạc vào đường thất vọng. Công bố liên tiếp nhiều năm suốt mùa đông trong Nhà Giả Đại Hội, cử hành đại kể chuyện gồm kịch tuồng có liên quan đến cố sự nhân quả thiện ác của hiếu tử hiền tôn trong thời đại cổ xưa. Nội dung nhiều màu sắc rực rỡ, nhiều nét đẹp hiện bày, biểu diễn sinh động khác thường, khiến trong hội trường, số người đến xem cả ngàn, đều tận tình xin gia nhập, hoan hỷ đến nỗi quên mình, thật có thể tạo được yếu chỉ giải

trí nơi vạn Phật pháp, khiến người nhân đây đoạn ác tu thiện, công đức thật tại không thể nghĩ lường, duy nhất vào trong phước điền tám Thức, vĩnh viễn làm hạt giống đạo, sanh sản đời đời không thể tiêu diệt, một ngày căn lành thành thực, tự nhiên xuất hiện ra đời, chứng thành quả Phật. Hướng chi người trong nó rất nhiều thượng căn lợi trí, độc cảnh sanh tâm, đã trải qua phát đại nguyện, độ tận chúng sanh, mới chịu chứng quả bồ đề, Do đây có thể thấy, trên bề mặt tạo ra kịch hát, diễn tuồng kể chuyện, thực tế xem thấy chính là người đích thân giảng thuyết pháp, mười phương đồng tụ hội, mỗi người đều học vô vi, công đức đâu có thể lường được?

Sau cùng, kỳ vọng nhân sĩ Phật giáo chúng ta, nhất trí đoàn kết thật tốt, cộng đồng hợp tác, đem tâm lý riêng tư của mình, hoàn toàn triển khai, mỗi ngày không luận tâm tư cùng nguyện vọng, nên đem vận mạng và tiền đồ Phật giáo làm tiền đề thảo luận, nhu yếu của chúng ta cần dùng phương pháp gì, mới có thể thúc đẩy Phật giáo

phát dương quang đại, giúp cho người người có thể lìa khổ được vui, đây là đệ tử Phật môn chúng ta, cần phải quan tâm chú ý và làm tròn trách nhiệm.

2.- Phật Giáo Chọn Công Thức Mẫu Nhiệm Gì?

Lúc Thế Tôn còn trụ thế, Phật giáo hòa hợp như nước với sữa, thuần chất là một vị, đều không có phân chia bộ phái riêng biệt. Phật Đà viên tịch hơn một trăm năm sau, chúng đệ tử liền phát khởi phân tranh, chia rẽ thành Thượng Tọa Bộ cùng Đại Chúng Bộ. Thượng Tọa Bộ là chủ nghĩa bảo thủ, phái bảo thủ đa số là các trưởng lão đại đức tỳ kheo, chỉ là tiến bộ chậm chạp phi thường; nhưng cũng sáng lập nhiều bộ phái mới đều là các tỳ kheo tuổi thiếu niên, tráng niên, anh tuấn (anh tuấn, tài năng nơi người), lại phát triển tiến nhanh phi thường. Đây chính là nhân vì thời đại luôn luôn biến đổi, chỗ ở của các tỳ kheo ấy cũng gặp hoàn cảnh có khi bất đồng, các đại gia đều có thể thích ứng với hoàn cảnh, tâm bệnh thì có pháp dược. Như quả, nhưng kiến thức cũ xưa, bảo thủ thành luật lệ, mỗi khi thành luật lệ không chịu thay đổi, không hỏi xã hội chuyển biến như thế

nào, nhất nhất cứ làm theo ý kiến của mình, cho nên Phật giáo của thời đại này sẽ bị loại bỏ.

Phật giáo từ thời Hán Minh Đế truyền vào Trung Quốc, đến thời đại Tam Quốc phát dương quang đại, đến thời đại Tùy Đường là thời triều đại thịnh vượng; từ đời Tống trở về sau, Phật giáo tuy nhiên lần lần suy, nhưng có thể đứng vững không nghiêng ngã, nhân vì Phật giáo Trung Quốc ngoại trừ Tam Võ Nhất Tông diệt Phật, (Theo Phật Học Tự Điển của Đoàn Trung Còn ghi: Tam Võ (vũ) là ba vua bên Tàu:

1, Vua Thái Tổ nhà Bắc Ngụy, thế kỷ thứ năm, thứ sáu,

2, Vua Võ Đế nhà Châu, thế kỷ thứ sáu,

3, Vua Võ Tông nhà Đường thế kỷ thứ chín.

4, Vua Thế Tông đời Hậu Chu, tức Bắc Chu (955 ức chế Phật Giáo

Gọi chung là Pháp Nạn Tam Võ, Nhất Tông chi ách)

Quân Vương trải qua các triều đại, không ai không tôn sùng và bảo hộ, tu bổ chùa am kính trọng chúng tăng cùng hoàng pháp lợi sanh, cũng đa số đều do triều đình phụ trách, tất cả ăn mặc, nơi ở và sinh hoạt toàn bộ không cần bận tâm.

Nhưng từ tây nguyên năm 1911, quân phiệt tranh quyền, đều tự lập chánh quyền, cố sức mở rộng thế lực, cốt yếu tiêu diệt đối phương, thế là dẫn đến nội chiến. Do nội chiến không dứt, lực lượng quốc gia ngày càng phân tán, mà Nhật Bản sớm có giả tâm, liền có thể thừa cơ, nhân lúc ngày 07.07.1937, phát động phong trào chiến tranh chống Nhật, Nhật Bản cử đại binh tấn công các nơi Bắc Kinh cùng Thiên Tân vân vân, tình hình quốc gia thúc đẩy đi đến càng ngày càng nghiêm trọng, cho nên trong thời này nội bộ mới hợp tác trở lại, chung nhau kháng Nhật. Đến năm 1945, Nhật Bản đầu hàng, sau khi chiến tranh thắng lợi, tình thế chia rẽ, Trung Quốc rốt cuộc chưa có thống nhất trở lại.

Từ năm 1911, đương lúc nhân vật chấp chánh, suốt ngày chinh đông phạt tây, làm sao có thời gian nhìn lại Phật giáo? [Không vợ để có con

cháu] mỗi nơi chỉ cần nương tựa nơi chính mình. Trở về trước [nương nhờ cha mẹ] trở thành tập quán, hiện tại toàn bộ cần nương tựa nơi chính mình, cho nên trở tay không kịp, còn nhân sĩ Phật giáo, lại phân chia đạo tràng, mỗi người đi một nẻo, đường ai nấy đi, đều thật hành những việc giống như một mâm cát rời, không có phương pháp thu xếp, trông nó lại có rỗng rần hỗn tạp, người rất xấu không thể xây dựng, thối nát đầy ung nhọt, đây là Phật giáo hoàn toàn bị rơi xuống ngàn trượng.

Phật Thích Ca nếu như hiện tại sanh tại Trung Quốc, tác phong cùng chế độ, giới luật cùng tư tưởng, lễ nghi cùng trang phục vân vân đều nhất định không giống nhau. Như trong luật chế tỳ kheo nửa tháng chỉ tắm một lần, nếu tắm quá thì phạm giới, và giới cấm không đặng đứng đại tiểu tiện vân vân; tại Trung Quốc không có pháp nào thực hành được, phương diện trang phục so cùng Ấn Độ có khác. Phật Thích Ca ngày thường thuyết pháp đều là ứng cơ bố thí giáo pháp, nhân tùy tình thế mà đưa vào có lợi cho mình, đều không phải cố chấp không biết biến đổi để thông suốt. Ngài đã có thể thích ứng căn cơ của người thế nào mà thuyết pháp, có thể thấy tất nhiên thường vào lòng tùy phong tục đem ánh sáng hòa đồng với trần thế, Ngài tuyệt đối không tiếp những cái mới lạ lập vị, lại không tiếp những hạng cố thủ thành kiến. Trong luật có nói: [Nhân thời chế nghi, nhân chỗ chế nghi], tức là ý đây vậy.

Nho Phật Đạo ba tông giáo ở Trung Quốc một mặt hướng về có quốc vương sùng kính cùng ủng hộ, cho nên hơn hai ngàn năm trở lại, các đại gia công nhận nước ta có ba đại tông giáo. Từ năm 1949 trở về sau, Đạo Giáo cùng Nho Giáo tại quốc ngoại cũng tổ cáo chứng tỏ hình thức, chỉ có Phật giáo ở trên đời vẫn như xưa hào quang chiếu sáng vạn trượng, so với Thiên Chúa Giáo, Cơ Đốc Giáo, Hồi Giáo, đều xưng là bốn đại tông giáo trên thế giới. Phải biết Hồi Giáo có chánh phủ A Lạp Bá bảo hộ; Thiên Chúa Giáo, Cơ Đốc Giáo có chánh phủ Anh, Mỹ cùng La Mã công nhận cho phép; Phật Giáo Tiểu Thừa tại Tích Lan, Thái Quốc cũng có chánh phủ hộ trì; Phật Giáo Đại Thừa tại Nhật Bản, tại Hàn Quốc cũng có chánh phủ trợ giúp; Phật Giáo Trung

Quốc chúng ta trải qua lịch sử số hơn mười năm rồi bị suy yếu bỏ quên, Lúc bấy giờ quốc gia trực tiếp tình thế hỗn loạn, chánh phủ đối với Tông giáo cũng không chiếu cố, nghĩ đến kỹ càng, bốn chúng đệ tử chúng ta, cần phải tỉnh ngộ, vì Phật giáo mà ra sức, cùng nhau hợp tác, tự cường không dứt, nguyên vì Phật giáo hiện nay chỉ tìm chỗ an thân lập mạng!

Tác giả cho là, tại đây thời đại khoa học phát đạt cùng văn minh vật chất, cần suy nghĩ phát dương Phật giáo, nối tiếp huệ mạng của Phật, trước hết cần nhiều sáng kiến một số sự nghiệp có lợi ích cho xã hội, các sự nghiệp như trường học cùng viện dưỡng lão, sở nhi đồng yếu kém trí nhớ cùng viện y dược vân vân, và những bộ máy tổ chức từ thiện: (1) Một là đối với xã hội có giúp ích, chánh phủ và dân gian đối với Phật giáo ta tất nhiên có hảo cảm; (2) Hai là cung cấp trực tiếp thu nhận rất nhiều Phật giáo đồ tại gia vào giáo dục công tác, thời gian tiếp nhận người ngoài không phải Phật giáo đồ đối với Phật giáo phát sanh hứng thú. Bằng không, không những không thể hấp dẫn không phải tín đồ Phật giáo tiến vào Phật môn. Lại có cha mẹ của gia đình Phật giáo, nghĩ chung con trai con gái và chính mình tín ngưỡng Phật giáo giống nhau. Một bộ phận Phật giáo đồ của chúng ta đối với nhiệm vụ sự việc từ thiện xã hội đây, không chỉ không có ra sức thúc đẩy, ngược lại, khi thấy đến có người không nhận khổ nhọc bỏ đi không làm, từ chối ra sức phản đối, Phật giáo làm sao có thể phát huy quang đại?

Chúng ta không những đối với trường học nhà thuốc vân vân cần yếu nỗ lực lại bỏ đi không làm, chính là xã hội bất kỳ tất cả đang lúc có công việc sinh hoạt lợi ích, đều nên dốc hết sức lực để tham dự, nhân vì cần độ làm sao một loại chúng sanh, đến tham gia làm sao một loại chuyên môn Kinh nói: [Nên dùng thân nào để độ chúng sanh, liền hiện thân đó để mà thuyết pháp.] Tỳ kheo Trung Quốc chúng ta

ngoại trừ thọ giới Tiểu Thừa, nhưng cần yếu thọ giới Bồ Tát Đại Thừa (Giới Bồ Tát gồm có 10 giới trọng, 48 giới khinh), phát tâm bồ đề, hành Bồ Tát đạo. Phương pháp hành Bồ Tát đạo không ra ngoài tu (Lục Độ gồm có:

- 1.]- Bố Thí trừ tham lam, keo lận,
- 2.]- Trì Giới trừ tà ác,
- 3.]- Nhẫn Nhục trừ sân khước,
- 4.]- Tinh Tấn trừ giải đãi,
- 5.]- Thiền Định trừ tán loạn,
- 6.]- Trí Huệ trừ ngu si.)

hành Tứ Nhiếp Pháp (Tứ Nhiếp Pháp gồm có:

- 1.]- Bố Thí Nhiếp: hễ chúng sanh ưa tài vật thì mình cho tài vật; ưa pháp lý thì mình cho pháp lý.
- 2.]- Ái Ngữ Nhiếp: tùy căn tánh của chúng sanh mà nói cho khéo để ủy dụ họ.
- 3.]- Lợi Hạnh Nhiếp: làm việc lành bằng thân, khẩu, ý mà giúp ích cho chúng sanh.
- 4.]- Đồng Sự Nhiếp: dùng pháp nhân mà thấy căn tánh của chúng sanh, bèn tùy sở thích của họ mà phân hình thị hiện ra, đặng làm chung công việc với họ, giúp đỡ họ cho họ thân ái với mình mà độ họ).

Kỳ thực Lục Độ Tứ Nhiếp Pháp mỗi từ mỗi câu có khác, nghĩa lý của nó không có sai biệt nhiều. Như Lục Độ cùng Tứ Nhiếp Pháp có hai loại Bố Thí giống nhau, Trì giới trong Lục Độ, Giới có Chỉ Trì cùng Tác Trì; Chỉ Trì của người Tiểu Thừa, nghĩa của nó tức là không hứa làm, hứa mà làm thì phạm giới; Tác Trì của Đại Thừa, nghĩa của nó là nhất định cần làm, không làm chính là hoàn toàn phạm giới. Nhưng người Đại Thừa, tác trì có ý nghĩa tích cực; vừa đúng chính là chỉ trì của người Tiểu Thừa có tiến bộ một bậc, nhân đây không thể cho chỉ trì của người Tiểu Thừa không phải ý kiến tác trì của người Đại Thừa, nhân vì giới Đại Thừa cùng giới Tiểu Thừa, đều hướng về xưng [bất cộng học giới] (Học giới không h

Pháp nhất định cần trì giới cùng tực hành nhẫn nhục, dũng mãnh tinh tấn, đầy đủ định lực và có trí huệ phương tiện thiện xảo, do đây có thể biết, Tứ Nhiếp cùng Lục Độ là đồng thể nhưng khác tên.

Trong Tứ Nhiếp Pháp đầu tiên cần hành Bồ Thí Nhiếp, Bồ Tát muốn hóa độ chúng sanh, tất nhiên Trước hết phải dùng Tài Pháp Bồ Thí Nhiếp làm lợi ích cho chúng sanh. Chỗ gọi: [Trước do muốn dẫn dắt, sau khiến vào Phật trí.] Thứ đến là Ái Ngữ Nhiếp, Bồ Tát tùy thuận căn tánh của chúng sanh trải qua thường dùng lời nói dịu dàng an ủi chúng sanh. Ba là Lợi Hành Nhiếp, Bồ Tát phát khởi ba nghiệp thân miệng ý, đều cần khiến chúng sanh đạt được lợi ích. Bốn là Đồng Sự Nhiếp, Bồ Tát cần đem sự hiểu biết hòa đồng với thế gian, chúng sanh làm công tác gì Bồ Tát cũng tùy thuận làm công tác đó, khiến họ được lợi ích, tâm họ sanh hoan hỷ. Bồ Tát phát tâm bồ đề, tất nhiên nhất định phải dùng bốn thứ này làm phương châm nhiếp hóa chúng sanh.

Đại sư Lục Tổ nói: [Phật pháp tại thế gian, không lìa thế gian để được giác ngộ, lìa thế gian tìm bồ đề, đúng như cầu sừng thỏ.] Cho nên Phật giáo đồ nhất định phải đầu tư vào xã hội, tích cực với nhân sanh, nỗ lực với sự nghiệp. Một phương diện làm tốt mẫu mực, còn phương diện khác, rộng độ chúng sanh, tùy duyên độ chúng, ra khỏi ba cõi, lìa khổ được an lạc.

3.- Luận Sự Lợi Hại Của Dùng Nghi Thức Phật Giáo Kết Hôn.

Phật giáo cử hành lễ nghi kết hôn, cũng là một hoạt động hợp lý của xã hội, so cùng Tứ Nhiếp Pháp của Bồ Tát đều không trái ngược nhau. Trừ xuất gia làm tăng ni, nam nữ thế tục không ai không nam hôn nữ thú, sanh trai nuôi gái, đây là thường pháp của thế gian, đều công nhận là hỷ sự.

Giả như có Phật giáo đồ thỉnh tăng ni chủ trì lễ nghi kết hôn, ta nên cần phải mãn nguyện cho họ. Chỗ gọi: [Chưa thành Phật đạo, trước kết nhân duyên.] Huống hồ trong giới Tiểu Thừa đều không có văn

minh bạch chỉ ra tỳ kheo không nên chủ trì lễ nghi kết hôn, tuy nhiên trong Luật Tứ Phần có nói không cho làm mô giới, nhưng làm sao là chỉ tỳ kheo không đặng [đem ý của nam nói với nữ, đem ý của nữ nói với nam, khiến họ thành hôn sự, hoặc làm mở rộng thông sự.] Tăng ni chủ trì một hôn sự, đều không phải làm môi giới cho người kia, khiến họ được thành hôn, chỉ chẳng qua là thay thế làm Phật sự tại một nhà mà thôi. Việc hôn phối đại đa số do hai người tự mình quyết định, bất cứ nhân

sĩ nào cũng không thể tham dự cùng góp ý kiến, ngay chính làm cha mẹ cũng không thể sắp đặt và bình phẩm, hà huống người ngoài cuộc? Nhân đây, người chủ hôn cùng người môi giới không thể đề xướng cùng thảo luận cho nhau.

Có thứ luận thuyết nói: [Dâm là căn bản sanh tử, anh kia cùng cô ta kết hợp chính là thứ nhân của sanh tử, tỳ kheo hoàn toàn vì giải thoát sanh tử không nên tham dự sự việc này, để khỏi tì vết dơ bẩn thanh tịnh.] Cho đến, tín đồ Phật giáo người làm lễ kết hôn chúc phước, thỉnh người xuất gia tụng kinh lễ sám, cũng nên nhất quyết cự tuyệt. Nhân vì kết hôn là [căn bản sanh tử] đúng vậy! Tỳ kheo thì không nên tham dự. Đồng thời, tăng không nên thấy nữ nhân, ni cũng không thể thấy nam nhân, nhân vì anh ta cùng cô ta đều là người đã đời kết hôn, nếu gặp ảnh hưởng tăng ni thanh tịnh! Do đây suy rộng ra, ăn mặc ở, sinh hoạt, đều do bọn anh ta và cô ta bao biện, cần nên ẩn cư thâm sơn hang hốc tuyệt giao, mặc võ cây, ăn gốc cỏ, tránh khỏi người đời phát sanh quan hệ gắn bó! Nhưng mà theo khả năng tạo được chỗ giai đoạn đây, tu đến địa vị tối cao, cũng chẳng qua là chứng đến quả A La Hán của Tiểu Thừa. Chỗ gọi: [Xem ba cõi như chuồng ngục, thấy sanh tử như oan gia.] Cần yếu nghĩ đến thành Phật, đó là không có khả năng. Nhân vì thành Phật, nhu yếu hành Bồ Tát Đạo, thường cùng chúng sanh ở gần nhau, cần yếu là [không chán sanh tử, không vui niết bàn]. Suốt ngày độ sanh, cõi vô sanh có thể vượt qua, lý đây nên tu pháp môn [Tam Muội Như Huyền], mới có thể hy vọng thành Phật.

Du Già Bồ Tát Giới nói, Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh, tuy nhiên tạo ác nghiệp của Thất Chi nơi thân, miệng, ý, cũng không gọi là phạm

giới, ngược lại mà có thể sanh nhiều công đức. (Thất Chi gọi cho đủ là Thất Giác Chi [Saptapodhyanga (scr.) Bảy phần giác ngộ gồm có: [1] Niệm giác phần, [2] Trạch pháp giác phần, [3] Tinh tấn giác phần, [4] Hỷ giác phần, [5] Trừ giác phần, [6] Định giác phần, [7] Xả giác phần.]) Do đây có thể thấy, nếu là người độc thân hành thiện, chuyên làm lợi ích tính toán, còn cần yếu cùng với đời thì thoát khỏi mọi sự việc, suốt năm không hỏi thế sự. Người phát tâm bồ đề thì cần hành Bồ Tát Đạo, làm lợi ích cho chúng sanh, thì không thể cùng người cầu thả giống nhau. Người kia dẫn Kinh hỏi rằng: [Tự mình chưa độ, sao có thể độ người?] Tôi dẫn kinh đáp: [Tự mình chưa độ có thể độ người, đó là Bồ Tát phát tâm] nói chung, người thủ cựu chủ trương tự lợi, người canh tân chủ trương lợi tha. Tôi dùng người tuổi đã cao, nên cần chú trọng phương diện tự lợi, người thanh thiếu niên, nên cần chú trọng phương diện lợi tha, hai hạng người đều không thể thiếu khuyết, hợp lại thì song

hỷ, tách ra thì lưỡng thương, kia đây nếu có thể cầm tay hỗ trợ lẫn nhau, thì tiền đồ Phật giáo không thể hạn cuộc lưỡng được.

Thật tại, cử hành hôn lễ Phật giáo, đây là một việc, đối với độ sanh có sự trợ giúp rất lớn. Đầu tiên nó cần quy y Tam Bảo, cả nhà tụng kinh, sau đó vì họ mà thuyết pháp, ở nhà hiếu thuận cha mẹ, ra ngoài tôn kính sư trưởng, tu lục độ, hành tứ nhiếp pháp, đề xướng việc gì chồng vợ cùng nhau thảo luận, chỗ an lạc cùng nhau hòa hợp, điều cần yếu cùng nhau phát thệ, hộ trì Tam Bảo, trong vô hình khiến chúng nó tin nguyện lực thâm sâu, nơi Tứ Tất Đàn thuộc nơi Thế Giới Tất Đàn, khiến sanh hoan hỷ. (Tứ Tất Đàn, theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn, Tất Đàn, tiếng Phạn là Siddharta, nghĩa là thành tựu, thành tựu cho tất cả, thành tựu cho chúng sanh. Tứ Tất Đàn là bốn thứ Tất Đàn, gồm có:

[1]- Thế giới tất đàn, Phật tùy thuận chúng sanh giả lập danh xưng như nhân ngã vân vân, nói ra những pháp thế gian khiến họ nghe sanh tâm hoan hỷ.

[2]- Các vị nhân tất đàn, nghĩa là tất đàn cho tất cả những kẻ làm người, Phật tùy cơ thuyết pháp khiến họ phát khởi tín tâm, nuôi lớn thiện căn.

[3]- Đối trị tất đàn, Phật dùng vô số Pháp dược để đối trị tâm bệnh cho chúng sanh dứt mọi sự tà ác.

[4]- Đệ nhất nghĩa tất đàn. Thấy cơ duyên thuận thực, Phật thuyết thật tướng của các pháp khiến họ chứng chơn)

Đồng thời tại hôn lễ có các giới nhân sĩ tụ tập một nhà lắng nghe kinh pháp, có thể khiến đại chúng [một khi vào nhĩ căn, vĩnh viễn thành hạt giống đạo]. “Kinh Pháp Hoa” nói: [Hoặc chỉ chấp tay, chính đưa hai tay lên, hoặc cúi đầu thấp xuống một chút, đều có thể thành đạo Phật.] Mà lại, người đến tham gia kết hôn khi diễn lễ, đa phần không phải tín đồ Phật giáo, hoặc theo Phật giáo nhưng chưa qua Phật môn, mượn cơ duyên lễ kết hôn, có thể thấy Phật nghe pháp, đã đem đến giống Phật, dùng nghi thức kết hôn của Phật giáo có gì không tốt?

Lại nói, cử hành nghi thức kết hôn Phật giáo, chính là đề xướng phóng sanh từ bi, người dùng nghi thức Phật giáo cử hành lễ kết hôn, đãi khách tất nhiên dùng rau cải đại diện thịt cá, như thế thì có thể tránh khỏi sát hại rất nhiều sanh mạng, không

phải chỉ khiến chú rể cùng cô dâu không tạo nghiệp ác, mà lại còn cứu ngàn vạn sanh linh. Do đây thấy được, cử hành nghi thức kết hôn theo Phật giáo, thực là việc có ích mà lại không có hại.

Thứ đến, tại Trung Quốc, Phật Giáo Đồ Thư Quán sau khi long trọng cử hành lễ kết hôn theo nghi lễ Phật giáo, các giới nhân sĩ trong xã hội cùng toà báo, và điện tín không ai không hoan hỷ cùng xưng tụng, chỉ có tôn giáo thiểu số thuộc phái thủ cựu tất nhiên nghị luận xôn xao, giả như nếu dùng quan điểm xuất phát thành việc của mỹ nhân, cũng như dùng những sự việc đây được xem là mục đích để độ chúng sanh, những người kia tự nhiên được tiêu trừ thành kiến. Không

nên chọn tư tưởng của cổ nhân, đem so sánh tác phong của người nay để phê bình.

Sau cùng ta dạy tứ chúng đệ tử quẳng thiên kiến cá nhân, đại gia hợp mưu hợp sức, phát tâm bồ đề, cần có tinh thần dù khó khăn đến mấy cũng không nản chí, không từ khó nhọc, rộng độ hữu tình. Có chỗ nói: [Không vì thân mình mà cầu an lạc, chỉ nguyện chúng sanh đặng lìa khổ.] Nếu có tấm lòng như thế này, thì Phật giáo không hưng mà tự hưng, không thịnh mà tự thịnh!

4.- Tông Giáo Đối Với Xã Hội Đã Cống Hiến.

Chúng ta như quả đã kỳ vọng lời nguyện, phong điều vũ thuận, ngũ cốc phong vinh, chiến họa tiêu trừ, an cư lạc nghiệp, trên hết cần nghĩa vụ, tất nhiên phải đặt định quan niệm cơ bản đạo đức thực tiễn của người đời. Giả như chúng ta có thể nắm lấy chú trọng nhân cách, thực tế hoàn toàn có phẩm tánh của quan niệm và tốt đẹp nơi đạo đức cao thâm sùng kính, tự nhiên không gặp mà làm không phải làm xấu bậy, còn làm ra các thứ ác hạnh là có hại cho xã hội. Chỉ có thứ quan niệm đạo đức thì mới đứng vững, có loại tông giáo tín ngưỡng nơi thần thánh, đối với họ thì không dễ góp sức.

Nhân vì Tông Giáo là lòng nhân ái cứu đời, bản chất của họ là đại công vô tư, vì người quên mình, nó ưu lo trước hết là ưu lo của thiên hạ, tinh thần vui sau cái vui của thiên hạ, dùng thời gian tịnh hóa xã hội. Người đời nếu như chịu Tông Giáo giáo dục, tích lũy năm tháng, lần lần chuyển hóa đen tối, cảm thọ pháp lợi ích, ở trong bất tri bất giác, liền có thể chuyển ác hướng thiện. Có quan niệm đạo đức Tông Giáo thì tâm của họ tự nhiên có thể trở nên chân chánh, tâm chánh thì thân tu, thân tu thì gia tề, gia tề thì trị quốc, trị quốc thì thiên hạ thái bình. Như quả, một quốc gia như thế, vạn nước thịnh hành, người thì cùng người cùng nhau an lạc, nước

cùng nước thân nhau, thế thì lo làm sao quốc gia không thái bình, nhơn dân không an lạc? Thế giới hòa bình, không cầu mà tự đến!

Có cho là sanh mạng của con người, do vật chất tạo thành, hiện tượng tinh thần không ngoài tác dụng của vật chất, nhân đây duy vật là cầu, nhận cho đạo đức là có mặt giả, cùng ăn, mặc, ở, sinh hoạt, làm sao giúp ích. Ảnh hưởng chỗ đến, nhân loại bỏ tâm chọn vật, biến thành thế giới điên cuồng. Nhưng mà vật chất có hạn, dục vọng vô cùng, cho nên sớm chiều lo được lo mất, càng mong cầu càng khổ. Nếu có thể kịp thời giác ngộ đạo lý cầu nhiều thì khổ nhiều, hồi tâm chuyển ý, dục vọng dừng lại, ngay lúc đó liền giác ngộ khinh an tự tại. Nhan Hồi đệ tử của Khổng Tử, con người chỉ có một giỏ đựng cơm, một bầu rượu, ở trong am nhỏ hẹp, ông không chịu ai lo, mà người ta từ chối cái vui không thay đổi của ông, đây tức là thí dụ cái tốt của ông. Cổ nhân có nói: [Người tri túc, tuy nằm trên đất, cũng cho là an lạc, người không tri túc, tuy ở chỗ thiên đường, cũng không vừa ý.] Đây cũng tức là ý nghĩ của tinh thần sinh hoạt trọng nơi hưởng thụ vật chất.

Có người chỉ thấy thân thể có hình tướng, không nhìn thấy tinh thần vô hình, nhưng thân thể lại sẽ dùng gì? Thân thể có hình tướng chung cuộc biến hoại, tri giác thì vô hình, từ xưa cho đến nay không bao giờ bị biến hoại. Có hoại tức có sanh diệt, không biến tức thường trụ. Người không đạt chân đế trong đây, mỗi khi nhìn thấy bên trong tu dưỡng thì lên án cho là tiêu cực, mà kẻ thù khi thấy tín ngưỡng tông giáo, lại nói là mê tín. Thật thì người không tông giáo tín ngưỡng cùng quan niệm đạo đức, do nơi trên không sợ thiên thần, dưới không sợ thần đất, lại không sợ phụ mẫu sư trưởng, rất bướng bỉnh dễ khiến phạm tội gian xảo tổn hại, nhưng không bao giờ quan tâm; cho đến nếu sinh hoạt quần áo mục nát, xa xỉ dâm loạn, về sau ảnh hưởng lẫn nhau, đối với xã hội tức tạo thành tổn hại rất lớn.

Nhân sĩ tông giáo, dùng tinh thần tìm cho mình và người các thứ công tác từ thiện phước lợi, là có mắt cả thấy đều thấy. Bởi vì bất cứ nhân sĩ tông giáo chân chánh, đều nuôi tâm nguyện [không vì thân mình mà cầu an lạc, chỉ nguyện cho chúng sanh đặng lia khổ], dùng giáo giới [các điều ác chớ làm, các điều thiện nên làm], tự thi hành hóa độ người khác, do một đến mười, từ trăm đến ngàn, cho đến

dẫn đạo vô số chúng sanh, đều như thế tín thọ phụng hành. Nhân đây, do tinh thần làm thiện rất vui, đã hoàn thành đề cử thiện.

Kỷ luật nhân sĩ tông giáo rất thâm nghiêm, đôi khi cùng với giáo điều gặp phải mâu thuẫn, tất nhiên cầu thành sám hối, nhân đây suốt ngày tích cực nhận chân đối đãi sinh hoạt, ngăn ngừa lỗi lầm đề phòng sai trái. Đối với người thì thường trung thực với lão thành, vì hoài bảo từ bi. Chúng nó đa số hay khiêm nhường, nhân ái, nhẫn nại cùng trung thành phục vụ xã hội. Chánh phủ có giám sát nơi đây, chỗ thường cho vay mượn, khích lệ nhân sĩ tông giáo hiệp lực giải quyết những khổ nạn của dân thành phố, mở rộng học hiệu và cơ cấu từ thiện, để bày tỏ mục bảo trì.

Ngoài đây, nhân sĩ tông giáo nơi cảm thọ cũng giống người đời đi đường mòn vào nhà, thanh và trước dễ phân, không bị ngăn ngại, dù cho có những sự việc như, khốn nạn, thống khổ, sầu não, quyết không bị đánh đập lòng ngực giậm chân tại chỗ, kêu trời trách đất, nguyên nhân chúng nó đã không giải ngộ được nghèo túng đi qua của nhân sanh, đây chính là nhân trước quả sau của nghèo giàu sang hèn, tất cả đều do tự làm tự chịu, đều không phải tiền tài cùng thế lực chỗ có thể tiêu diệt, hoặc do xảo kế cùng xảo trá có thể tránh né. Cố nhiên ngàn quân thêm thân, vạn tiền khoét tâm, cũng không gặp rồi trách đây quả kia, hờn trời oán người, chỉ có tùy duyên cam tâm thừa nhận. Có chỗ nói: [Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, lại không tạo tai ương mới.] Phải biết thân của ta bị hoạn nạn là do tâm ta làm chủ, giả như thật có thể tâm bình khí hòa, khí ngưng tĩnh lặng dứt, thông dong không loạn, sanh lý cùng tâm lý, tự nhiên buông xả không ngưng trệ, huyết điều khí vận, tất cả hoạn nạn trong ngoài, nhất định dần dần trở thành không tồn tại.

Cho nên, không bảo đảm các thứ lý luận của các tông giáo là phủ nhận không hợp lý, cho đến đời vị lai nào, quỷ thần, nhân quả, thiên đường, địa ngục, là phủ nhận không có, chỉ cần có người không sợ khổ nạn, hoằng đạo mở rộng, khiến cho vô số người y giáo phụng hành, dám nói đối với quốc gia xã hội, có trăm lợi mà không

hại chỉ có một. Ngược lại, nếu người không tông giáo tín ngưỡng, như mất đôi mắt, đọa vào hầm hố rớt vào thông hào, lâm vào mê đồ, thiên tai nhân họa sẽ không biết thông đến đâu để ngừng!

5.- Quan Niệm Đối Với Thanh Thiếu Niên Phạm Tội.-

Nho Gia có nói: [Vật có gốc ngọn, sự có thì chung, biết chỗ trước sau, thì gần đạo vậy.] Ý nghĩ đây là nói, người đối với các thứ sự vật, cần nên biết đạo trước sau, phàm là có căn bản cần nên làm trước, ngọn cây cần nên làm sau, đây là đạo lý chân chánh của người làm việc. Gần đây nơi Hương Cảng các thứ hành động tội ác

nào, trộm cắp, ăn cướp, mưu tài, hại mạng vân vân, cơ hồ không ngày nào không có, kỳ thực đây không lỗi ở nơi ngọn cây, là kết quả. Như quả chúng ta không tìm hiểu căn nguyên của nó, để giải quyết tận gốc, chỉ ở trên chi tiết, kêu gọi thỉnh cầu, xông vào hành động diệt tội, tất cả ở nơi biện pháp không triệt để, mặc dù thu nhận hiệu quả. Tôi cho là phương pháp căn bản trị nước trừ bạo an dân, cần phải có bao nhiêu thứ để dàn xếp:

1]- Giáo Dục Gia Đình.-

Gần đây khoa học phát đạt, vật chất văn minh, đại gia sinh hoạt đề cao, hưởng thụ nhu cầu phú quý, ăn mặc ở sinh hoạt tuy đã đầy đủ, nhưng ước vọng quá cao lại tiến thêm một bước, lấy nó hết sức so bì, dùng nó như bùn cát. Một sớm, khi thu không đủ chi, sợ khiến chồng vợ đồng lòng tìm cầu chức nghiệp, xuất ngoại công tác. Do đó nam nữ trẻ nhỏ sớm mất gia đình giáo dục, chúng nó trước đó còn có cơ hội tiếp nhận học hiệu giáo dục, sau đó chúng nó bất hạnh biến làm lang thang đầu phố, như đây chúng nó rất dễ bị cám dỗ làm ác, hoặc sa vào vực sâu tội lỗi.

Sự thành bại cùng thiện ác, đều không phải chủ định trời sanh, Nho Học cần phải học tập tích lũy trải qua năm tháng mới có thành đạt. “Tam Tự Kinh” nói: [Nhân chi sơ, tánh bản thiện, tánh tương cận, tập tương viễn.] (Con người mới sanh, bản tánh vốn hiền lành, khi lớn lên

bản tánh thân cận với mọi người chung quanh, bị huập tập ô nhiễm bản tánh hiền lành kia sẽ bị lia xa). Lại nói: [Ngọc bất trác, bất thành khí, nhân bất học, bất tri lý.] (Ngọc không mài giũa, không thành đồ dùng, người không học không biết chân lý.) Mạnh Tử cũng nói: [Ly lâu chi minh, công du chi xảo, bất dĩ quy cự, bất năng thành phương viên.] (Tạm dịch: lia ánh sáng đời sẽ bị đen tối dần, khéo làm công việc chung, nếu không dùng khuôn phép, không thể nào thành hình vuông tròn.) Một người không luận trời giao phó lương thiện thế nào, như quả, chỗ nơi gặp một hoàn cảnh ác liệt, liền bị lôi cuốn biến thành người xấu, hãy xem Mạnh Mẫu đời nhà ba lần, con của bà mới đặng thành Hiền, do đây khiến nên biết, nam nữ trẻ nhỏ, làm phận cha mẹ, phần lớn phải có trách nhiệm. Nguyên nhân nam nữ trẻ nhỏ về sau, đến trước mười sáu tuổi, phần lớn thời gian là tiếp xúc thẳng cha mẹ, không luận ăn cơm mặc áo, nói năng cử chỉ, ra vào đi lại, đón khách khứa đãi bạn bè, chúng nó đều là hưởng về cha mẹ học tập, giả sử cha mẹ nhất cử nhất động, hơi có chút sai lầm, nam nữ trẻ nhỏ chúng nó chịu xơ xác, người gần mực thì đen. Người làm cha mẹ tức là giáo sư của gia đình, cần mỗi nơi cấp dưỡng làm gương cho tốt

lành, thân giáo khẩu giáo, đều hành động không trái lẽ. Chính là thường cùng nam nữ trẻ nhỏ qua lại bạn bè hoặc tôi tớ, cũng cần thận trọng chọn lựa, không nên giao du quan hệ những hạng này, khi chưa có thể chớ khinh thường. Như quả nam nữ trẻ nhỏ ham thích hoặc nhu cầu bất lương, làm cha mẹ cần nên chọn lựa cùng cự tuyệt, không cần theo Tiểu Kiều (Tiểu Kiều là người yêu của Tào Tháo) sanh nuôi dưỡng thói quen, khiến chúng nó dưỡng thành tu do phóng túng làm liều, tôn sùng xa xỉ trở thành tập quán xấu ác. Thời kỳ nhi đồng, lại chờ từ một cây nhỏ, nó trưởng thành cây lớn sai lầm là đem tĩa nhánh lá của nó khiến nó bị tật khớp. Thì đây cũng thế, chúng nó lúc thời đồng nhiên, nếu có thể trực tiếp uốn nắn thì thích hợp hơn, sẽ trở thành tập quán lương thiện hoàn hảo, sau khi thành người, tất nhiên có thể phụng sự việc công, nhờ đó phẩm giá được tôn vinh.

2]- Học Hiệu Đào Tạo.

[Vạn kiểu đều xuống phẩm giá, chỉ có đọc sách là cao quý]. Đây là người Trung Quốc quan niệm gần đây. Nhi đồng vào năm học, đại bộ phận học về quốc gia, đều có pháp lệ quy định, phận làm cha mẹ tất nhiên phải đưa nó vào học hiệu tự học, khiến nó nơi phẩm đức, học thức, tài năng và các phương diện khác, đều có thể đạt đến kiện toàn đều phát triển. Thời kỳ nhi đồng, ngoại trừ cùng cha mẹ giao tiếp bên ngoài tối đa, thế thì giáo sư học hiệu, giả sử giáo sư chớ xem thường chỉ đạo đức dục học sanh, không thể đem thân giáo thị uy, hoặc chuyên dùng chức nghiệp mưu sinh đây của mình để giáo dục, thì học sanh không được học đến chỗ có phẩm đức lương thiện. Hàn Dũ nói: [Thầy của đồng tử kia, trao truyền sách vở. Mà ông tập chúng nó đọc câu, không phải tôi gọi là xe chở đạo cho chúng nó, giải thích nghi hoặc cho chúng nó. Đọc câu mà không biết, nghi hoặc mà không giải, nghi hoặc sư làm sao, nghi hoặc sư không làm sao, tiểu học mà thiếu sót lớn, tôi chưa thấy ông ta sáng suốt.] Đây nói tình hình đương thời là như thế, hướng chi ngày nay phong cách ngày càng đi xuống, lại khó dùng bút mực nào miêu tả thuật lại chân tướng của nó. Là do học sanh phô trương phóng túng của thời kỳ hạ thấp, không chịu kỷ luật, thậm chí liên kết băng đảng, tạo ra hành vi phạm luật, đây là do giáo dục thất sách.

Cần suy nghĩ học sanh tạo được lễ nghĩa liêm sỉ, tình trạng học hạnh có hạng bao gồm ưu điểm, là người dạy tất nhiên phải có bốn phận ân cần khéo léo dẫn dụ, người dạy dễ tinh thần không chán, ra vào đi và về, đều nên dùng thân làm gương. Khổng Tử nói: [Thân nó ngay thẳng, không khiến mà nó vẫn làm, thân nó không ngay thẳng, dù khiến mà nó không theo.] Cổ Đức nói: [Trên có người tốt, dưới có

người tận lực làm theo.] Lão sư nếu có thể thường xuyên dùng đức dục truyền bá học sanh, dù cho học sanh có hành vi bất lương, cũng có thể cảm hóa nó cải tà quy chánh, hà huống, học sanh phẩm hạnh tánh lương thiện, càng có thể lập chí, cố gắng lợi lên. Giả sử có học hiệu, đều dùng đức dục làm đại tiền đề, vấn đề phạm tội của thanh thiếu niên, cũng có thể dùng tiêu dứt nơi vô hình.

3]- Nếp Sống Của Xã Hội.-

Chúng ta cần nghĩ đạt đến thành quả thay đổi phong tục, đầu tiên nên hướng về những tác phẩm như điện ảnh, truyền hình, báo chí, đặc san vân vân. Nguyên nhân, trong điện ảnh cùng truyền hình thường xuyên chiếu phát ra qua ống kính nào nạn cướp của chém giết, đấu đá, khiêu dâm, tẩm máu vân vân. Báo chí cùng tạp chí vân vân, cũng là tranh thủ nhu cầu thị trường, gặp có người giết cha hại mẹ, anh trai em gái loạn luân, cướp giựt ngân hàng, khiêu dâm đấu tranh vân vân, mới nghe tội ác, liền đáng viết nhiều, đáng giới thiệu nhiều, đều nêu lên cho mới lạ, để tranh thủ đọc giả xem chúng cập nhật. Thế này về sau nghe nhiều lần quen tai quen mắt, đối với người có ảnh hưởng bất lương rất sâu sắc nguy hiểm. Ngược lại, phạm có vui lành thêm tốt, người dẫn đạo hướng thiện mới nghe điều tốt, lại khinh thường miêu tả những điều vô nghĩa, tuyên truyền kết quả chưa rõ rệt, chắc chắn là người ngày nay nắm cổ tay mà than thở.

Phải biết thiên tánh của con người vốn không phải thuộc nơi thiện hoặc ác, nhưng là theo tính duyên có thể biến làm người thiện, theo nhiễm duyên liền có thể biến làm người ác. Có chỗ gọi: [Giao tiếp với người tốt thành quân tử, giao tiếp với tiểu nhân rước lấy họa ương.] Điện ảnh cùng báo chí vân vân, là ác duyên nịnh hót thô tục, luôn luôn tạo cho người nghe quen tai nhìn quen mắt, lâu ngày, hạt giống ác tiềm tàng nơi trong biển não, một ngày nào đó gặp thấy ác duyên, liền chiếu hình đáng thật, đây chính là tiểu nhân giao tiếp nhau nào có sai khác đâu!

Đề cử thí dụ để chứng minh, Nhật Báo Tinh Đảo ghi rằng: nơi Hương Cảng có một thanh niên nhân xem sách dâm về cám dỗ em gái thực tập, kết quả em gái có thai. Lại nữa các báo của Mỹ Quốc có ghi rằng: Chiến sĩ Ba Lan liền có sáu thanh niên ép buộc một thiếu phụ, đem dầu khí tươi lên mình của thiếu phụ, sau đó dùng lửa thiêu đốt, đem thiếu phụ đang sống thiêu chết. Lại có dùng hai chương trình côn đồ đánh người đến chết, cho đến tạc bom đạn cho nổ giết hết các thứ hành động ác. Về sau trải qua cảnh sát điều tra kết quả, nguyên do các hành động tội ác đây, là từ truyền hình trong trường học tạo nên,

cho nên có thể biết, nếp sống xã hội ngày càng không chính đáng, thật có loại do nơi truyền hình và nghề nghiệp báo chí gây ra. Hiện nay chỉ có cách trừ tập nhiễm cũ, phải biết cây mới đứng còn sợ gió, chỉ có một phép tắc chính là phòng ngừa thanh thiếu niên phạm pháp.

4]- Chế Độ Chánh Trị.-

Nơi Hương Cảng hành động bạo lực hằng ngày gia tăng, đương cuộc chấp pháp quá khinh thường, đó cũng là một nhân tố. Mỗi khi có những kẻ làm bậy nào cướp giựt mưu sát phạm thượng làm tội rất nghiêm trọng, nhưng kết quả chỉ vào giáo đạo chỗ chịu trông nom dạy bảo, hoặc kết án vào ngục ngắn hạn. Tốt nhất, chúng nó là thanh thiếu niên phạm pháp tuổi ở mười sáu trở xuống, chỉ đưa đến viện cảm hóa để cảm hóa vài tháng là xong việc. Như thế một lần nó cướp giựt cũng vẫn vô tội, tôi giết người cũng vẫn vô tội, do đây cách giáo dục thanh thiếu niên phóng túng không kỷ cương.

Hoặc có người cho là phạm tội đã trải qua thành hình, lại dùng hình phạt nghiêm khắc như thế, cũng không cứu giúp nơi hình sự, nếu nương nơi thuyết pháp đây, đâu không là hình phạt nhẹ cũng thuộc về thừa thải, pháp luật cũng cần phải toàn bộ thủ tiêu luôn. Sự thật không phải như thế, như có trẻ nhỏ vô tri gây rối loạn, nguy hiểm cho phẩm vật, nó nhẹ thì cha mẹ trách nhiệm, còn có thể sửa đổi vào đường chính. Hà huống người thành niên hiểu biết giàu nghèo, nó có thể không sợ pháp luật hình phạt nghiêm trọng hay sao? Do đây đối với những kẻ phạm pháp có bản án trọng tội cướp của giết người, không luận thiếu niên cùng người thành niên, cần phải nhất luật dùng trọng hình, trị loạn thế, dùng trọng hình, tốt nhất dùng răn bảo chỉ dạy. Hiện nay họa loạn ngày càng rộng sâu, ngược lại nên yên lặng mà chấp pháp, xã hội trật tự gần đây gần như tan vỡ, rất có thể lo ngại.

5]- Ảnh Hưởng Tư Tưởng.-

Có người cho là hiện tại nhân loại chạy theo hướng thời đại văn minh cùng tiến bộ, và thời kỳ đề xướng quan niệm [vật chất] , nhận cho là bản chất của vũ trụ chính là thật có, không thừa nhận có sự tồn tại ngoài vật chất đây, chính là sự tác dụng trên tinh thần, cũng xem là do vật chất sanh ra. Do là nhất trí suy đoán thuyết pháp [Vô Thần Luận], học thuyết nhận cho là linh hồn , đời sau, thiên đường, địa ngục vân vân, đều là ma túy, rượu có chất động làm say mê con người, làm trở ngại cho sự tiến bộ của loài người, nhân đây sự thật xóa bỏ nhân quả báo ứng giống như bóng

theo hình. Quan niệm nhân quả báo ứng dĩ nhiên không có bút mực nào có thể xóa bỏ tiêu mất, tức là không sợ trời không sợ đất, cũng không sợ cha mẹ và pháp luật, như thế lại có thể làm xằng bậy. Còn lại chủ trương nhân loại bình đẳng, thấy người hưởng thọ áo gấm ăn ngon, tự mình cũng cần áo đẹp tơ lụa ăn cả trăm vị, do đó tự mình nỗ lực mong cho sánh kịp, chính không chọn thủ đoạn, mà lại dùng gian xảo phạm pháp, liền đạt đến mục đích dục vọng, nhân đây dẫn đến tội ác tày trời, khiến người bó tay không còn kế sách.

Tông giáo chính là nhân của cứu đời, đường lối duy nhất dẫn người chuyển ác hướng thiện, thí dụ như Ngũ Luân Bát Đức của Nho Giáo, Ngũ Giới Thập Thiện của Phật Giáo; Yên Tĩnh Đạm Bạc của Đạo Giáo, Mười Răn Hối Cải của Cơ Đốc Giáo; đây đều là mục tiêu lớn nhất dạy người các điều ác chớ làm, các điều thiện vâng làm. Giả sử đại gia đi tìm Tông Giáo nào phổ cập nơi xã hội, đem quan niệm đạo đức của Tông Giáo, thường xuyên truyền bá nơi trung tâm của con người, khiến chúng nó biến đổi thấm dần, lâu năm lâu ngày, chung cuộc gặp cơ hội biến thành dân thành phố lương thiện, phẩm đức ưu điểm cùng tuân theo pháp luật. Do nơi Tông Giáo có thể trị chúng nó bằng cách phòng ngừa trước tai họa, bỏ khuyết chánh trị không được đầy đủ, cho nên Tông Giáo đối với xã hội là có ích mà không có hại. Nhân đây không luận đời sau, linh hồn, thiên đường, địa ngục vân vân, phủ nhận có chúng nó sự thật, đại gia nếu có thể nhất trí đi tìm Tông Giáo tín ngưỡng, tưởng đến lẽ tất nhiên đức dày có thể chở phước đức cùng thuận hòa dẫn đến an tường.

6]- Cảm Tưởng Bốn Phép Tắc.-

a,- Học Viện Mới Mở Chúng Sanh Có Lợi Ích.-

Thư Viện Phật Giáo ở Hương Cảng, chính là Tăng Già Liên Hiệp Hội Phật Giáo Hương Cảng, do Hội Trưởng Pháp Sư Tảo Trần cùng bạn đồng sự vân vân xây dựng. Nhân Pháp Sư giám sát nơi đây lúc này bất ngờ thấy chỗ trống, cho nên tập họp nhân sĩ đồng đạo họp lại, theo thừa kế tông chỉ của chánh phủ mở rộng văn hóa giáo dục, khoản trống đó dư sức cho nên không để lại, trừ tính sắp xếp, học giả Tỉ Thăng cố hiến giúp đây có cơ hội bồi bổ. Hợp nhau lại dùng Ngã Phật từ bi trực tiếp giáo đạo nhiều học tử (Học Trò), hiểu rõ tà chánh, phân biệt thiện ác, một ngày tốt nghiệp phục vụ xã hội, không dẫn đến trôi theo làn sóng, lâm vào đường sai lầm, các công bằng đều nêu lên đây, thực khiến người nay dẫn đến kính phục và tán dương.

Cho nên, Viện Trưởng Viện Giáo Dục, Tiên Sanh Bạch Chí Trung, vốn tự xuất thân từ nho gia, bác học nghe rộng, tài đức kiêm toàn, đối với học viên toàn trường, đều quý trọng hết sức, có thể làm trong sạch chung rất tốt đáng hỗ trợ, hiện nay thân Bồ Tát, thừa nguyện tái sanh trở lại, để hành Bồ Tát đạo. Giả sử pháp sư các nơi có thuyết pháp giảng kinh, hoặc viết kinh Phật kết duyên, không ai không bận rộn phái đi để tuyên truyền, tận lực mà thực hiện, đã khiến các nhân sĩ Phật giáo ta khâm phục vạn phần. Mục đích của Bạch Quân Tử Bi cùng Phật giáo không trao đổi ý kiến mà hợp, mỗi lần vào trường giảng sách, phần nhiều dùng nhân nghĩa đạo đức ân cần khẩn thiết khéo dụ, dẫn dắt các học sinh đi con đường chánh, học sinh tiếp nhận lợi ích không cạn vậy.

b,- Chí Thành Khẩn Thiết. Một Mảnh Lòng Tốt.-

Giáo thọ nọ giảng Tuân Tử Thiên Luận Thiên [Nhật nguyệt thực mà cầu nó, hạn hán rồi có mây, dự đoán dấu hiệu rồi sau đó mới quyết định đại sự, không phải cho là cầu cũng được, dùng văn cũng được. Vì

thế quân tử dùng văn, mà trăm họ dùng thần, dùng văn thì tốt, dùng thần thì xấu vậy.] Quan hệ nơi nghĩa [văn trang sức] họ dẫn một đoạn sự việc gần đây nêu lên: [Tại Hương Cảng chỗ nọ có ma quỷ, thỉnh người làm pháp siêu độ, thân sĩ Thái Bình kia là thủ trưởng láng giềng, cũng đến trên Hương Cảng, nhưng chúng nó không bao giờ tin quỷ thần, dù cho đốt hương đưng võ cả đầu cũng chẳng qua là “Văn trang sức” mà thôi.] Vị giáo thọ đây chỗ thấy chưa khỏi có nghiêng một bên, lập luận cũng thiếu chính xác, Chu Tử tuổi già, tự hối hận lời nói xưa của ông đã không phải, còn thuyết an tâm của Tuân Tử có thể chứng minh ông có hoàn toàn không? Đây là luận của [văn trang sức] chẳng qua Tuân Tử là một người sáng lập, không thể nhân một người như ông bảo đảm thấy đúng, lại người dù yếu dù mạnh cái thấy đều hoàn toàn giống nhau. Mà Tuân Tử vốn là người nho gia chánh thống, chịu học thuyết của Khổng Tử. Cho nên Hàn Vũ nói: [Tuân Tử bảo vệ chánh nghĩa, biện luận thì to tát] Hư hại không biết, Khổng Tử nói: [Cúng tế như hiện tại, cúng thần như thần tại, nhờ đức của quỷ thần.] Cảnh kia nói: [đó cũng là dùng văn]. Đây là học thuyết của Khổng Tử có khác nhau xa.

Thế như Thủ Trưởng Thanh Sĩ, không thể nhân đây mà không có tín ngưỡng, bằng không đặt điều [văn trang sức]. Như quả chúng nó trở thành trọng nhân nghĩa giảng đạo đức, nhân dân ái mộ, cùng dân đồng nghiệp, thấy người hoạn nạn, tất nhiên có thể hùng dũng qua thẳng trực tiếp trước mắt, dùng tinh thần đại vô úy cứu vãn khổ

nạn cho chúng nó. Chính nhân nơi đây, dân thành phố bị hoạn nạn nơi quý, chúng nó tụt đến đốt hương khẩn cầu cho đến đưng vỡ cả đầu, chí thành cầu đảo, mà chúng nó chỉ cầu riêng một người trừ khử hoạn nạn, mà các người khác chỉ đem một mảnh nhiệt tình, thật tại có giá trị khiến người ta kính phục. Người tôi đâu có thể xác nhận đối trá của chúng nó có biểu hiện không thực tế, giả nhân giả nghĩa, giả danh thánh hiền, đây chỉ là [văn trang sức] mà thôi!

c,- Pháp Môn Niệm Phật. Chỉ Ác Dẫn Thiện.-

Giảng đến pháp môn niệm Phật của Phật giáo, có người đề cử một lão Thái bà niệm Phật làm thí dụ, nói bà đó một bên chửi mắng người, một bên niệm Phật, niệm kiểu đó dù có niệm đến đâu cũng vô dụng. Lời nói đây không lầm, niệm Phật không nên chửi mắng người, có thể là người xưa nay niệm Phật, khi gần mạng chung, tự biết giờ đã đến, thần thông diệu dụng, tùy tâm chỗ muốn đến, vì biết không thể thắng số; khi đã chết, vị giáo thọ đây cầm một cây bút lau chùi thân người chết, lại đặc biệt đề xuất một hạng người ngu phu ngu thi đến tiếp tay, như quả dẫn dụng thành ngữ ả ác dương thiện, đến quá nhiều không phù hợp. Người niệm Phật không nên chửi mắng người là có lý, mà người chửi mắng người không nên niệm Phật chính là không có đạo lý, nếu như không niệm Phật có thể chửi mắng người. Phật pháp mục đích thâm sâu, tạm thời không luận theo thế gian để xem lợi hại, một vị Lão Thái Bà ngu si, nơi trong khi chửi mắng người thường mà còn biết niệm Phật, người đây cũng không dễ gì làm được, tâm niệm Phật hằng ngày huân tập lâu ngày có thể chuyển ác thành thiện, chuyển biến chỉ còn niệm Phật không còn chửi mắng người, dần dần có thể với lấy vạn duyên buông xuống, tịnh niệm tương tục không ngăn ngại, tâm trí tiêu diêu tự tại. Niệm Phật lại có thể mạnh khỏe sống lâu, nhân vì một người già biết bao là tai điếc mắt mờ, đi bộ già yếu lụ khụ, làm việc không còn sức, đứng yên khổ nạn buồn bã, như quả không tin niệm Phật, tất nhiên chơi với chim sẻ, xem điện ảnh, nhảy đầm, đánh bạc vân vân, cho là tiêu khiển, nhân vì một số đây đối với người già có hại mà không có lợi, tiêu hao tinh thần, lãng phí tiền bạc. Mà người niệm Phật, mặc dù không thể hiểu rõ lý giải tông chỉ Phật giáo là vật gì, chỉ dùng thế đế mà nói, cũng không có giúp ích lớn,

Người viết cho là các vị giáo thọ, nên giúp đỡ tuyên dương Phật giáo nơi đây, mặc dù không tạo được mục đích, nhưng cũng không cần bình luận lung tung về pháp môn tu trì của Phật giáo, nhân vì người ngoài cửa nghị luận những việc trong cửa, mỗi khi mở miệng đều sai lầm, động niệm tức là thừa thải. Giáo thọ sử học gia là

Trần Dần Khác nói rằng, họ có ba sự kiện không giám bình luận, (1) Người thương mãi tiền sử danh tiếng chấn động, sử liệu không hoàn toàn, không

phương pháp nghiên cứu khảo sát chân tướng của thời đại đó, rất khó tìm biết. (2) Sử cận đại ngàn đầu mỗi vạn khởi đầu, lộn xộn rối bời như tơ vò, không dễ gì minh bạch hiểu rõ quan hệ chốt cửa của nó. (3) Phật học rộng lớn như khói biển, bao la không bờ mé, không phải khổ tâm một mình chỉ nghiên cứu được một phần nhỏ, tất nhiên phải lưu lại cho học trò mầm non như tấm gương sáng tiếp nối trợ giúp.

d,- Đốt Hương Lễ Phật. Chỉ Sanh Thiện Niệm.-

Hiện tại nhường cho tôi, tôi lại đơn giản giới thiệu một số đại nghĩa của đốt hương cùng lạy Phật. Nguyên liệu hương vốn là bột cây, nhân có một số hương bằng điện, chúng ta chính dùng hương để kính Phật. Trước kia tại Ấn Độ, khi Phật đà thuyết pháp, đa số dùng hương nguyên liệu đốt cháy để đuổi sâu bọ, để giúp thanh tịnh đạo tràng. Mà ngã Phật chính bốn đại vốn không, năm uẩn không có, không có chấp kể năng thọ người sở thọ, chúng ta phàm phu dùng cuộn cỏ cây và dùng hương điện cúng Phật có lợi ích như thế nào? Mua hương cúng Phật, đây không phải là nhiều, phải biết, tất cả vạn sự vạn vật trong thế gian, nói chung không thể thoát ly nguyên lý [pháp không thể tự phát khởi riêng một mình, phải dựa vào cảnh mới sanh] Người tôi mượn một nhánh hương hoa kính Phật, chẳng qua là để dẫn phát trong tâm tôi thể hiện thiện chân thật căn bản mà thôi. Lễ Phật cũng vậy, tượng Phật nguyên là nặn đắp bằng đất chạm khắc bằng cây, người tôi lễ Phật, đâu phải lạy nơi nguyên liệu đất bùn nặn đắp cây chạm khắc? Giống như trong mười người có chín người có thể không đạt được lý này. Phải biết, tâm cảnh không phải một không phải hai, pháp tùy nơi tâm chuyển biến, tâm tùy nơi cảnh thay đổi, hai đây lẫn nhau làm nhân quả, không vượt qua nhau, lia tâm thiện ác, cảnh không thiện ác, cảnh đã không thiện ác thì tâm cũng không thiện ác. Thí dụ như đem đất cùng cây nặn đắp và chạm khắc thành chó và mèo, người thấy có thể sanh khởi ý niệm thưởng thức ngắm nghía; tái tạo nữ nhi diện mạo đẹp, người thấy có thể sanh khởi ý niệm hoan hỷ; tạo thành ngư đầu mã diện, tiểu quý phán quan, thập điện minh vương, người thấy có thể sanh khởi hoảng sợ; tạo thành tượng Phật Bồ Tát

trang nghiêm nơi từ đường, người thấy có thể sanh khởi niệm lành; đất và cây tuy giống nhau đều là nguyên liệu, nhưng nặn đắp và chạm khắc thành hình có khác nhau, cho nên tâm thiện ác cũng tùy theo đó sanh khởi. Như quả nói một hạng ngu phu ngu phụ xem đến tượng đất hình cây tượng như có thần thực tại, mà không biết

phần tử xem đến đều là bùn cây, cho nên tại đây không có chỗ tâm thiện ác sanh khởi. Tôi nói thật, đây không phải chấm dứt đâu, còn nữa, hoa xuân nở đều nhau cùng với lá thu tàn tạ, hai cảnh sắc như thế hiện tại trước mắt, chúng ta có thể không mừng, mà cũng không buồn. Do đây lại biết, tâm thiện ác tất nhiên theo cảnh mà sanh, nếu liả cảnh thiện ác, tất nhiên tâm thiện ác không theo cảnh để sanh khởi. Sở dĩ người tôi đem đất và cây nặn đắp chạp khắc thành thiện cảnh, không phải khiến người mượn đây sanh khởi tâm thiện tâm ác, có thiện tâm tất nhiên có thiện báo. Chỉ có người tôi một niệm tâm tánh mới là nguồn nước của thiện ác, căn bản của khổ lạc. Dụng tâm chánh thì tất cả sự vật đều biến thành thiện, dùng tâm bất chánh thì tất cả sự vật đều biến thành ác. Vật ở ngoài tâm vốn không có thiện ác, nhân vì tâm chuyển vật nên biến thành thiện ác. “Kinh Lăng Nghiêm” nói: [Tâm tự nắm lấy tự tâm, không phải huyễn biến thành pháp huyễn.] tức là đạo lý đây vậy.

Nói chung lại, người tâm thiện, nước hạn hán chưa đến phải đói, trời lạnh rét không thể khiến người bệnh tật, yêu quái không thể khiến người hung dữ. Người tâm ác, nước hạn hán chưa đến mà đói, trời lạnh rét chưa xấu mà bệnh, yêu quái chưa sanh mà hung dữ vậy.

V.- ĐÀM LUẬN VỀ TĂNG GIÀ.-

1.- TĂNG GIÀ ẢNH HƯỞNG CHẠY THEO KINH SÁM

ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO.-

Đối với Phật giáo vấn đề cải tiến cùng thịnh suy, tôi sớm có tâm bệnh cảm hoài! Tịnh tọa nghĩ sâu lo lắng tinh tế, tăng già là người có đôi mắt thiên nhãn, đêm dài sáng như đèn, như con mối sanh của cha mẹ, thuyền từ qua biển khổ, từ chối người thân dứt bỏ tình yêu, vì người quên mình, công danh phú quý xem như phân đất, vinh nhục đặng mất lạnh nhạt như nước chảy, suốt ngày sinh hoạt, trà thô cơm lạt, áo cà sa ngăn lạnh, cử chỉ biểu tượng thân luật, thân tâm ít dục, cho hoàng pháp là nghĩa vụ, lợi sanh là sự nghiệp. Dùng lý mà suy tính đó, có thể gọi hạng người cao quý, người đời cung kính cùng xưng tụng; nhưng sự thật lại trái ngược, dân thị trấn và hương thôn, xem nhẹ khinh miệt, mỉa mai chê cười, mạ lỵ. Tìm tận gốc rễ, sự việc tất nhiên có nguyên nhân.

Nơi Hương đảo Phật giáo năm 1949 về trước, có thể gọi suy tàn cực độ. Tăng chúng xuất gia giống như đuôi phụng sừng nai, tén đồ thế tục, thừa thớt như sao buổi sáng cùng không khí buồn tẻ, nay người thấy nghe đều đau tâm thương tiếc.

Phương châm cứu cánh là gì có thể cứu vãn số phận xấu ác của chỗ này lúc này? Tôi cho là đều không phải sức một người có thể vận động, nhu cầu đại chúng đồng đạo hiệp lực, đồng thuyền chung giúp, đầu tiên củng cố nội bộ làm căn bản. Củng cố nội bộ như thế nào, đây là một vấn đề rất phức tạp. Nói chung lại, phàm là bị người khinh miệt, mỉa mai chê cười, mạ lỵ, phải nên nhất luật khử trừ; phàm là được người tán thán cùng kính ngưỡng, cần nên bắt đầu chấn hưng. Phật đà đầu tiên chế luật, không phải tránh người mỉa mai hiềm ghét. Nhân vì tỳ kheo ra vào qua lại cùng chúng bất đồng, vạn con mắt nhìn theo, vạn bàn tay chỉ chỗ, một tăng mất hạnh kiểm, vạn tăng bị nhục, một tăng cao đức, vạn tăng tăng quang, do đây xem lại, trách nhiệm của tăng trọng yếu biết bao!

Có người cho là phá trừ buông xuống, làm một vị tăng, vâu du bốn phương, tự tại biết bao. Về mặt không cần nghiêm chỉnh, cử chỉ không cần hạn chế, mặc chửi mặc họ chửi, nói xấu mặc họ nói xấu. Kỳ thật không phải vậy, Phật đà để lại lời dạy, ba ngàn oai nghi, tám vạn hạnh vi tế, chính là cần yếu mô phạm tốt của tăng già chúng ta. Cần nghĩ người tôn trọng ta, đầu tiên mình phải tôn trọng chính mình, đây mới là phương châm tối trọng yếu củng cố nội bộ.

Lúc này tôi có sơn môn đồng đạo, hoan hỷ mang theo mấy vị mắt không biết Lão Thái Bà, tự cho là tiền hô hậu ủng, nhận người tôn trọng, kỳ thật hoàn toàn ngược lại, giúp người chỉ là dùng vật để tụ họp được tốt. Hoặc có Ni Sư hoan hỷ mang theo ấu nhi đồng nữ đi lêu lổng trên đường phố, đấ

ý vui mừng chứa chan, kỳ thật, bị người đời phê bình, thân tuy xuất gia, tâm chưa thoát tục; người xuất gia chánh nhân là rất sợ ràng buộc gia đình, nay lại bị lôi kéo. Tôi cho là thứ hành vi đây cần nên khai trừ mới được.

Đến đây lợi cùng hại có quan hệ chạy theo kinh sám. Kinh là Phật nói, sám là Tổ sáng lập, đen trắng đều biết, kinh sám vốn trước kia là phương tiện, người phàm tu đạo, tuyệt đối không thể ly khai kinh sám, nếu lìa kinh sám, có thể tu mù luyện quáng, lạc vào đường lầm. Nhưng người hôm nay nơi trên kinh sám lại thêm chữ [chạy theo], liền trở thành kinh sám chạy theo; ngày nay gia đình bôn ba căng thẳng chạy ngược chạy xuôi, ngày mai chạy theo nương vào nhà Lý, thậm chí một

ngày hai nhà, suốt ngày bận rộn quên ăn quên ngủ. Chạy theo kinh sám cố nhiên đối với người chỗ lợi ích không nhỏ, có thể nói chỗ hại cũng rất lớn. Đa số người xuất gia cho là, tỳ kheo ăn mặc áo dài, không tạo sanh ý, không làm nghi lễ thành viên, không người cúng dường, không tạo người cung kính, thế thì sinh hoạt như thế nào? Đồng thời Phật tổ từng nói, lễ Phật một lạy, tội diệt hà sa, tụng kinh một câu, trí huệ như biển, tôi người xuất gia, làm công tác này, một mặt kiếm tiền để duy trì sinh hoạt, một mặt làm người âm dương lưỡng lợi, đâu không là công việc nhất cử lưỡng lợi hay sao? Không làm, tụng kinh lễ sám có đại công đức, có thể là hôm nay mở bày minh lý, được nhiều chóng mặt choáng váng, khí trên không tiếp được khí dưới, thì làm sao có tinh thần cùng thời gian đi tu học để giảng thuyết và viết sách? Luật chế: [Năm hạ trở về trước, chuyên cần tinh thông giới luật, năm hạ về sau thì mới nghe giảng dạy và tham thiền.] Người tôi đối với vấn đề này thì không có đặt nền móng, đã không tu, lại không học, thì làm sao có thể độ phần tử trí thức xã hội. Không làm, kinh sám Phật tinh thâm rộng lớn, không phản đối người hàng phục hạng thấp trong xã hội! Người tôi vốn không học vấn, lại không

tu trì, suốt ngày tự hội làm lễ quy y, làm theo kinh sám, thức nghĩ người ai gặp xem cũng đăng phát khởi tâm tôn kính!

Oán giận không được có người nói, lạng lẽ nguyện xin cơm, không nguyện làm hòa thượng. Nhân đây không chỉ không nguyện xuất gia, thậm chí thanh thiếu niên đã không xuất gia, cũng cần hoàn tục, thanh niên tăng bốn tướng chưa không (Bốn tướng của kẻ chấp tướng trạng chưa rõ chân giả gồm có: Ngữ Tướng [tướng miệng], nhân tướng [tướng người], chúng sanh tướng [tướng chúng sanh], thọ giả tướng [tướng thọ mạng dài hoặc ngắn], thực tại không dễ nhận chịu các thứ đối xử hà khắc. Mà giả lại cần người xuất gia, để làm rất nhiều công phu, như quả, học sư chuyên làm nam mô, nhưng không như ở ngoài đời thường thấy công tác phương tiện nuôi miệng được lợi rất nhiều, xin đưa một thứ đây hà tất phải xuất gia làm chi cho nhiều?

Xin giải thích trở lại, kinh sám là cây cầu để độ người, là phương tiện thiện xảo để độ người, cũng cần yếu tụng kinh sám, nhưng cần cải biến tác phong. Nếu có tín sĩ thỉnh tụng kinh, rất tốt cần tín sĩ tự niệm, công đức giống nhau. Như quả không pháp tìm cầu giải thoát, có thể cho phép nơi Phật đường vì người thỉnh cầu tổ chức lễ tụng, để cầu nguyện cho họ, không hạn chế số người, có thể một vị sư hay hai vị sư, không cần thỉnh xa, lao sư động chúng. Chỗ gọi: [Thà động ngàn nước sông, không động tâm người có đạo.] Hà hướng gặp gió thổi làm lay động mưa rơi, vả lại

cái khổ là có xe lại bắt buộc xếp hàng. Tăng Bảo là người tiêu biểu thầy của trời người, là pháp thân cha mẹ của chúng sanh, thọ nhận thuyên xe đây lao tâm chính đốn, đi làm xa xôi theo số 10 dặm (500 thước), người tôi nêu ra đây, nơi tâm làm sao an được?

Tâm khinh mạng, không những không công, ngược lại có lỗi lầm, cho nên tốt nhất không cần người ngoài tụng. Không luận tụng kinh lễ sám, cư sĩ tất nhiên phải tham gia, toàn Phật sự nơi Phật đường, chỉ phạm vi một câu chuông, vật phẩm tùy phần cúng dường, quyết không nói số mục của vật giá. Như quả thỉnh sư về nhà nên gạn hỏi chịu trách nhiệm, có sanh chuyện hàng xóm, họp lại khước từ. Phạm Phật đường nhỏ chật hẹp, trừ mỗi ngày ngoài công phu, không tổ chức đại pháp hội, [1] một là chỗ chật hẹp không thể dung chứa nhiều người, [2] nhiều người sẽ hỗn loạn, tâm không dễ định. Nếu là chùa viện quy mô tầm cỡ to lớn hùng vĩ, trong một năm không làm trở ngại, nên tổ chức một hoặc hai lần đại pháp hội, đàn tràng cần yếu phải chỉnh tề trang nghiêm, nghi thức long trọng, pháp sư cần oai nghi thiệnhộ, tâm tất nhiên chí thành, pháp sự không cầu thả, nghiêm túc yên tịnh vắng lặng, khiến người một lần thấy sanh tâm cung kính, chũng tử thiệnhộ căn vào trong phước điền tám Thức. Nhưng mà đại pháp hội cũng không nên tổ chức nhiều lần, tổ chức nhiều lần dễ sanh chán nản, tâm không chí thành, uổng phí vô công, hoang phí thời gian, không như không làm.

Tăng tôi thời gian bình thường, nên cần tu giới, định, huệ, diệt dứt tham sân si. Lại nên dùng giới định huệ tam vô lậu học làm nguyên tắc, tự lợi lợi tha làm căn bản. Tự lợi tức tu, lợi tha tức học. Tu trì chính là tự được thọ dụng, cũng có thể dùng thân gương mẫu, khiến người mộ đức, thọ đại cảm động, phát tâm xuất gia. Học vấn chính là dùng nơi tùy cơ ứng biến, nếu bác học nghe rộng, thường có trước tác để độ chúng sanh, người nay tín ngưỡng, hy vọng nghe tiếng quy thuận. Đại sư Ấn Quang có [Gia Ngôn Lục], sau khi xem qua, có nhiều

người phát tâm niệm Phật. Còn sau khi xem qua [Lai Quả Thiên Sư Thiên Thất Khai Thị Lục], có nhiều người phát tâm tu tập tham thiền.

Thứ đến, giáo viên Phật Giáo Học Hiệu rất thiếu, tôi từng đem tinh thần và thời gian của tôi đuổi theo kinh sám, sử dụng tại trên phương diện giáo dục. Giả sử người tôi đem đại sư Tải Tì Lô Mạo chuyển làm giáo thọ đại học, đem Dịch Mộc Ngư làm trợ thủ và chuyển làm giáo sư trung học, đem Đả Sanh Đàng làm tùy thủ và làm giáo viên tiểu học, trở lại xem thấy Phật giáo bộ mặt như thế nào? Lại có,

toàn bộ học hiệu Phật giáo đều có khóa trình, nên do tăng ni đảm nhiệm phụ trách. Nhân vì người Phật giáo đều đồng nhau, mục đích sáng lập học hiệu Phật giáo, chính là khiến người các điều ác chớ làm, các điều thiện phụng hành. Danh xưng trên đã là học hiệu Phật giáo, đương nhiên khóa trình học Phật là trọng điểm của các khoa, đây mới là danh xưng phù hợp sự thực của nó, như học hiệu của Thiên Chủ Giáo, Thánh Kinh khảo thí tất nhiên phải hợp cách, mới có thể lên lớp. Nhưng Phật học cũng không thể độc lập hoằng truyền yếu chỉ của mình, phải nhờ cậy lương sư chỉ đạo, mới có thể lưỡng toàn tốt đẹp. Nếu như tùy tiện thỉnh một người tầm thường, tự họ đối với nghĩa kinh còn không hiểu rõ, như thế làm sao đi dạy người; tự mình ăn thịt, như thế làm sao có thể dạy người ăn rau cải. Thử nghĩ tôi dạy người trung bình, tốn phí hết tâm lực, xây dựng rất nhiều học hiệu Phật giáo, mà kết quả không thể đạt đến giáo sư lương hảo có thể đi chỉ đạo, tuy thu hoạch hiệu quả định kỳ dự trù, rất đủ để người nay quá an ủi. Tôi dạy nhân sĩ, tất nhiên phải nhận chân mời thỉnh một số tăng ni phẩm học kiêm ưu làm giáo sư học Phật, mới không

mất mục tiêu thành lập học hiệu Phật giáo. Một là dùng thân làm gương mẫu, thực có thể tạo đến công phu tự hành hóa tha. Hai là từ trong biển tánh lưu xuất nước pháp, trừ khử rửa sạch học tử trở thành trên ngàn vạn người, khiến chúng nó ngày tháng nội kết, lần lần manh nha, chung cuộc có một ngày gặp kết quả hoa khai.

Lại nữa, một tăng gương mẫu ra vào học hiệu làm thầy, đại biểu cho tất cả tỳ kheo đều là thầy. Hôm nay đề cử Học Hiệu Phổ Hiền Phật Giáo làm thí dụ, ngay lúc đầu Học Hiệu Phổ Hiền đây do Trung Hoa Phật Học Nghiên Cứu Hội đã sáng lập đã hai năm, tôi mới đến dạy, chúng học tử rất nhiều, kinh ngạc lấy làm lạ không biết đây là người gì, hô lên là hòa thượng sư cô, ngờ nghêch mà giáo viên làm thỉnh cũng không lên tiếng, giống như trách nhiệm của hòa thượng đến tụng kinh cho người chết, ngày nay học hiệu làm việc như thế nào? Trên sự thật, họ quá dở không hiểu, nhân vì tăng tôi không đủ thán vào trường, thầy sanh tôi căn nguyên ghét bọn trẻ không biết học hiệu là do người xuất gia sáng lập. Ngược lại, sau đó tôi đến học hiệu Phật giáo học hai năm, trên dưới thấy tôi đều chào [Pháp sư buổi sáng] cùng xưng hô [Chào pháp sư tạm biệt buổi tối]. Đối với tôi là như thế, thấy đến người xuất gia khác cũng giống nhau. Do đây có thể thấy, như quả tăng ni đảm trách khóa trình Phật giáo, nhất định vượt hơn người thế tục trăm vạn lần. Nhân đây bút giả cực lực đề xướng người chủ sự học hiệu, tất nhiên phải mời thỉnh tăng ni đảm nhiệm giáo sư Phật học làm việc gấp. (1) Một là người xuất gia có thể tự ăn

theo sức của mình, thường ngày chỗ nhu cầu không nhất thiết nhờ người khác phục vụ. Có người nói: [Người đến không cầu phẩm vật sẽ

tự cao.] Nổi bật nhất, tại đây là thời đại đều thay đổi, có giáo học làm chức nghiệp có thể khỏi bị người chê bai nghi ngờ cho là không làm mà ăn, không dệt mà mặc. (2) Dùng giáo dục bắt tay hoàng dương chánh pháp, khiến hàng đàn học tử được đến tai mắt thấm nhuần hương thơm vui mừng, thật có lợi ích lớn. (3) Người xuất gia ra vào qua lại, hoàn toàn là để xây dựng cơ cấu văn hóa giáo dục, không luận gia trưởng cùng học sanh, xã hội cùng thứ dân, ai dám chế nhạo? Như thế, sao buồn Phật giáo không phát triển tiến bộ, tự viện không người trụ trì! Sao buồn, xuất gia về sau không sinh hoạt nên không có chi phí tiêu dùng! Tất cả quanh co, thuyên thuận theo dòng nước, không động mà hóa, buông tay mà trị, không cần cải cách, Phật giáo tự nhiên phát dương quang đại, ba nguyên nhân trên đây đều có thể phổ độ chúng sanh vậy!

Trên đây tuy nhiên, phí tổn rất nhiều thời gian, thành bài không rành mạch, có thể tốn công sức nhưng không được khen, cũng có thể giúp đại gia chỉ làm mà không hứng thú, thậm chí chấp ngã dù làm công đức cũng có tội, Nhưng điểm phát xuất của ngã, thuần nhân trong tâm cảm đến đáng tiếc cùng bi thương mà viết thành sách. Đương thời dân chợ đối với người xuất gia Phật giáo cảm tưởng sai lầm, thực tại bút mực khó hình dung. Tục Ngữ nói: [Cây tất nhiên mục nát trước, mà sau đó trùng sanh]. Quả như không chỉnh đốn nội bộ, mà lại tu chỉnh tận cùng bên ngoài, là không thể đề cao danh dự Phật giáo được. Bút mực tôi tuy cùn, mà nghĩa thì nặng thì chân thật, hy vọng có người thâm ân, hiểu biết giúp tôi sửa sai, thì văn vụng về của tôi có thể bổ túc cho không lỗi nhỏ.

2.- ĐỐI VỚI TĂNG GIÀ ĐỔI MỚI LÀ

VẤN ĐỀ CÓ CẢM NGHĨ.-

Hôm đó Lão Pháp Sư Bạch Thánh tín nhiệm liên tiếp phát biểu công khai hai ba lần, đối với vấn đề cải cách chế độ tăng bảo kéo dài thời gian, trưng cầu Hoa Tăng trưởng lão đại đức nêu ra cung cấp ý kiến quý báu, gom góp ý kiến sâu rộng lợi ích, cộng đồng trao đổi, đây là một hiện tượng trưng cầu tốt nhất của việc chấn hưng Phật giáo.

Phật giáo thanh suy, tăng tôi có trách nhiệm rất lớn. Nếu dĩ nhiên Phật pháp suy đồi, sau này không người kế thừa, sự việc không phải nhỏ, tăng tôi không phải triệt

để đi nghiên cứu tìm ra biện pháp không thể giải quyết. Nó kết cuộc hỏng việc chịu bó tay, cứu cánh tại sao? Đây là một vấn đề, tôi đề nghị tăng già nên mỗi tháng tụ hội một lần tại một tăng đường, kiểm thảo chế độ Phật giáo hiện tại giai đoạn ưu điểm cùng khuyết điểm, nếu có ưu điểm thì nên nỗ lực tranh lên thượng nguồn, nếu như khuyết điểm thì cố nhiên cần cải chánh. Kỳ thực, nêu lên đây cùng Phật chế không mưu tính mà hợp, quá khứ ở đại lục tông lâm mỗi nửa tháng [bố tát] một lần, tức là kiểm điểm ý nghĩ; hiện tại Phật pháp sử dĩ không thể hưng thịnh cùng không thể dẫn đạo tuân thủ Phật chế cũng có quan hệ.

1]- Đại Sư Thái Hư. Cách Mạng Canh Tân Đi Trước.

Vấn đề Tăng Hoa có quan hệ, Pháp Sư Nguyên Huệ nói: [Đại Sư Thái Hư hiểu sâu thời đại hủ bại, biết rõ kiện toàn tăng đoàn cùng không, thực sự đủ biết vấn đề thịnh suy có

ảnh hưởng đến chính thể Phật giáo, vì thế Đại Sư riêng phần khởi tinh thần nên không sợ, suốt đời nỗ lực ngoài giáo dục tăng già, lại hết sức đề xướng cùng chỉnh lý chế độ tăng già. Có thể quý trọng Đại Sư Thái Hư dù cho hết cuộc đời cũng không thể thực hiện kế hoạch lý tưởng chỉnh lý tăng chế, đây thì không kìa, nhân vì thiếu hệ thống tổ chức tăng đoàn thúc đẩy, cho nên mặc dù có kế hoạch chỉnh lý của tăng chế, nhưng cũng không thể thực thi.] Nguyên Công đánh giá nói có lý. Nhưng tôi cho là phạm sự việc khởi đầu đều khó, do nơi nước ta chế độ tăng già, khởi đầu từ sáu triều đại đến ngày nay, ước tính có một ngàn tám trăm năm bảo thủ lưu truyền, một hôm cần đem tập quán thời đại cũ thúc đẩy trở thành thời đại mới, nói đâu có dễ. Thời Thái Hư ngài là một vị đại đức cao tăng danh tiếng hiển hách; nhưng tất cả tăng già tư tưởng cổ xưa già nua bảo thủ đen tối trở thành quy củ, nơi số trong mười vạn tăng, chỉ có Đại Sư Thái Hư người dũng mãnh ra tay, muốn đem chế độ tăng già canh tân, thực là một người đối diện cùng vạn người, sợ không thể chống đối vượt qua được? Đương thời nam bắc phương có số vạn tăng bè bạn trách Đại Sư Thái Hư là hòa thượng chánh trị! Ma vương xuống thế! May sao Phật giáo lấy từ bi làm bản hoài, không thì, không nói một Thái Hư, chính là mười Thái Hư cũng oán trách cho là người hoạt động chánh trị.

Chỗ người cùng biết, thời đại Thanh mạt, Lương Nhậm Công cùng sư Khang đều cho là chờ tới Hoàng Đế Thanh Đức Tông mới [canh tân], cuối cùng biện pháp thất bại, hai người chạy ra nước ngoài, nếu chậm một bước, thì đầu tiên bị giết. Đồng thời phái canh tân dùng một số

ước ngoài vì nước mình trang bị trên đường rầy xe lửa, kết quả trăm họ cho là phá hoại phong thủy, xôn xao đem tháo dỡ, do đây lại biết, không chỉ Phật giáo phái thủ cựu cũng bị như thế, nhân sĩ xã hội cũng không ai không như thế. Đương thời triều đại Nhà Thanh không cầm quyền chỉ trông cậy vào Lương Nhậm Công, nhưng Lương Nhậm Công bị phần tử Trung Quốc phá hoại, sau khi Dân Quốc thành lập, Lương Nhậm Công được bầu chức vụ Tổng Trưởng Tăng Nhậm Ty Pháp và còn chức vụ cần yếu khác nữa. Như Khang Thị không vong mạng ở nước ngoài, tất nhiên cũng được bổ nhiệm chức vụ vô nghi. Hai người Lương Nhậm Công và Khang Thị đã như thế, Đại Sư Thái Hư làm sao không được như thế, có điều Đại Sư thị tịch vào chiều năm hai mươi, tất nhiên [Canh tân chế độ tăng già] có thể thực hiện, nhưng đương thời các miệng thì khác mà lại đồng âm cho nên gọi Đại Sư Thái Hư là ma vương xuống trần thế, ngược lại hiện tại ai cũng gọi Thái Hư là Bồ Tát, do đây có thể thấy, Đại Sư Thái Hư nhân quang của người rộng xa, không phải giống như người tầm thường có thể minh bạch được. Phải biết nước tôi địa dư rộng lớn, nhân khẩu cũng nhiều, chùa viện lớn nhỏ số vạn cơ sở, tăng lữ số mười vạn chúng, các nơi còn phong ba, lại nữa các nơi không đồng nhau, thực là trăm công nghìn việc, Đại Sư Thái Hư ngoài tự tu, nhưng cần giao tiếp bốn phương tám hướng, làm sao rảnh rang để thực hiện chuyên môn chi tiết chỉnh lý chế độ tăng già, cho nên trong ba bài, có một bài gọi là [Đại cương kiện toàn tăng già], mà lại cũng là đơn độc một mình, thì sao có thể tận thiện tận mỹ được, Đại Sư Thái Hư chỗ xây dựng [chế độ tăng già] mà tổ chức không tinh mật, cho nên sự việc tất nhiên thất bại khó tránh.

2]- Tăng Bảo Tiếp Tục Kéo Dài.-

Pháp sư Bảo Hiền cho là duy nhất trong Phật giáo dòng phái thạch trụ, có đôi mắt sáng ngời, ăn nói như gió phát khởi, oai nghi đầy đủ trang nghiêm, Phật Nho tinh thông, văn hay chữ tốt, khiến người thấy đến không ai không phát khởi cung kính, giống như một Tôn Hoạt La Hán. Công Thị nói: [Thiên Chủ Cơ Đốc Giáo, có hai giáo đồ thanh niên nam nữ, chí khí bị treo trên thập tự giá rất là phổ biến, đều cảm đến đặc biệt oai phong cùng quang vinh, chỉ có tượng Phật bằng giấy bị treo lên tường hoặc tay cầm tràng hạt mà tuyệt đối không có treo người, thế mà cũng khiến cho con người khởi tâm phân biệt.] Lại nói: [Như quả, chúng ta trực tiếp xây dựng Phật Giáo Thanh Niên Vận Động, được thành tích xuất sắc, số mười năm sau thanh niên Phật giáo tất nhiên có thể treo tượng Phật tay lần chuỗi niệm Phật.] Chúng ta là nhân sĩ Phật giáo muốn nghĩ đến có người sau kế thừa, nên đặc biệt chú ý một điểm nói trên. Bảo Công xuất khẩu thành chương, lời nói trên đây có lý, vì mọi sự

tại người, tôi nói thực ra có thể sức mạnh lớn ủng hộ thanh niên Phật giáo hoạt động khương lạc, ngày sau tất nhiên có thể đến kết thúc chuẩn bị kỳ hiệu quả.

Nói đến sáng lập Phật Giáo Thanh Niên Vận Động, Bảo Công có thể gọi ông là trước sông mở không khí, đương thời cần phải phát khởi lạc quyên, các giới không ai không hết lòng tán trợ, có thể quý trọng ở chỗ trước kia gặp trước sau mưu tính chưa từng thành hình. Lúc bấy giờ, bút giả khuyến khích Bảo Công cần nên tiết kiệm, đương nhiên dùng tích trữ tiền của vàng bạc mưu tính tìm chỗ địa điểm là quan trọng, sau khi gặp chỗ mưu tính thành công, mới có thể ăn mừng phóng

khoáng, Bảo Công không cho là như vậy, chấp nhận tự thân xuống nhà bếp, biểu quả sống tốt nhất, mới có thể hấp dẫn thanh thiếu niên, kỳ thật đây chưa phải là hết mình; như Hiệp Hội Thanh Niên Phật Giáo, phân ra mỗi tuần lễ tại Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán hoạt động một lần, đều không chi tiêu ăn uống, nơi tuần lễ thứ năm, buổi chiều tại Thư Quán cử hành Hội Niệm Phật, sự ăn uống chia đều khoản tiền tụ họp và tự nấu ăn, thế mà thường thường cũng có bảy tám hay mười người tham gia? Tôi cho là nên cố gắng công cụ giải trí, mục đích hướng dẫn thanh thiếu niên học tập Phật pháp, nghiên cứu chân lý của vũ trụ nhân sanh, không nên thiên trọng nơi trên giải trí, như quả thiên trọng nơi giải trí, lại mất đi ý nghĩa học tập. Nơi mỗi tháng hoặc mỗi tuần lễ, phát khởi việc cử hành một thứ học Phật ngồi giảng, hoặc niệm Phật hoặc bái sám, hoặc tĩnh tọa hoặc tham thiền, như thế mới có bầu không khí của hội Phật Giáo Thanh Niên.

3]- Hoa Tăng Cách Mạng Đổi Mới. Buộc Phải Hành Động.-

Hương Cảng Phật Giáo Hiệp Hội, Hội Trưởng là Pháp Sư Giác Quang, chuẩn bị sớm liền biết sau này không người kế thừa, đây là một vấn đề lớn rất nghiêm trọng, nhân vì Phật là lương y, pháp là diệu dược, tăng là người xem hộ. Phật là người xem bệnh như thế nào, chỉ mở phương thuốc, quan hệ nơi phương diện điều phục, nhu cầu tăng lữ hoàn toàn phụ trách. Nếu như chế độ không thích nghi căn cơ, Phật pháp tuy nhiên đối với người có lợi ích, nếu không có tăng già điều trị, thì ai có thể biết được Phật pháp? Phật pháp mà không biết thì làm sao có thể nương nơi pháp mà tu hành. “Kinh Hoa Nghiêm” nói: [Dụ như trong đêm có bảo châu, không đèn có

thể thấy, Phật pháp không người nói, mặc dù có huệ mà không thể hiểu rõ.] Cho nên Hội Trưởng Giác Công quả quyết nói rằng: [Hoa tăng canh tân bắt buộc phải

làm, đại hạnh không tín lợi hại, riêng Hương Cảng, nơi tòa án chỗ nêu ra các tội hình, quả như không có thu hoạch thì tòa án cho thông qua, nơi Hương Cảng cũng cần đi tìm thực thi.] Do đây mấy câu nói chứng minh, Giác Công dự thảo thi hành đại nguyện của Bồ Tát Địa Tạng, đại nguyện của Thực Hành Bồ Tát Phổ Hiền, đã có hạnh nguyện, tất nhiên sẽ làm nên nhiều việc to tát.

Nào ngờ in ra chưa đến một tháng, tin tức rất tốt lại còn tùy theo tác phẩm in ra, nghe Pháp Sư Quả Thông nói, nơi trong Đại Tự Sơn Đông Dũng La Hán, dự định thiết lập một [Tăng Học Viện] Số người không hạn chế nhiều hay ít, số học tăng trình độ phải được ngang nhau và tùy tình hình mời thỉnh giáo sư. Thứ hai là tin tức rất tốt và lại còn nữa, hội Phật giáo phát khởi chuẩn bị xây dựng [Cơ Sở Phật Giáo Thanh Thiếu Niên Khang Lạc.] Cơ Sở này đã được Thủ Phủ Hương Cảng phát cấp bằng công nhận phần đất công hơn năm vạn thước, dùng làm địa điểm kiến lập cơ sở, thực là một phần kêu gọi lên cao, hiệu quả nhanh chóng, Đây hoạt động rầm rộ trực tiếp truyền đến nhân sĩ giáo thọ của tôi để duyệt xét, từ nay về sau Phật giáo Hương Cảng tại đây tất nhiên chỉ có một lần gây dựng mà thôi, đối với vấn đề Hoa Tăng canh tân, cũng có thể tha thiết mong chờ.

4]- Bồi Dưỡng Hoa Tăng.-

Hội Trưởng Tăng Già Hiệp Hội là Pháp Sư Tảo Trần, đối với vấn đề bồi dưỡng Hoa Tăng, cũng đề xuất ba biện pháp giải quyết: (1) Một là vấn đề kinh phí. Ngài chủ trương nên tổ chức một ban chấp hành, ký hợp đồng biện pháp trừ bị và gom góp kinh phí, cơ quan đây tất nhiên phải độc lập, tuyệt đối không thuộc nơi bất cứ chỗ có đạo tràng nào, dùng phương thức hội nghị hành sử quyền lực, bảo đảm trách nhiệm phần chi thu cùng đảm nhiệm phần khoản tiền chi thu. (2) Vấn đề hoàn cảnh. Bồi dưỡng tăng thanh niên, tất nhiên cần yếu có sở trường độc lập, xa lìa hoàn cảnh náo nhiệt. (3) Ba là vấn đề tuyển lựa người. Phàm là một người sư thầy cần tuyển lựa gồm đủ phẩm hạnh học lực, không được đảm nhiệm kiêm chức vụ sự việc khác, đã là chuyên tâm phục vụ Phật giáo, thì hội mới giúp cho lương bổng thích hợp, để giải quyết vấn đề ăn mặc ở, nhờ đó Phật giáo hoàn toàn mới có nhân tài, hội và ông tất nhiên có thể giải quyết dễ dàng. Chỗ nói : [Quân tử không nói, nói tất nhiên có trong tâm.] Người tôi nếu có thể giải quyết sẽ công bố ba điều kiện thực hành, sẽ đem lại tăng tài tất nhiên hưng thịnh.

5]- Trước Có Hội Nghị. Sau Cần Quyết Định Thực Hành.-

Pháp Công từ Đài Loan đến, tôi tuy không nghe ngài giảng, đọc sách của ngài liền biết ngài là một vị cao tăng, biết lượng tính cao xa, tông chỉ các học thuyết đều thông. Ngài nói: [Nghe hội đã có bốn thứ điều kiện, một hội, hai nghị, ba quyết, bốn hành. Nhưng ngài vân vân mỗi sau khi cử hành đại hội Hoa Tăng, chỉ có hội nghị, mà không có quyết hành.] Lại nói; [Cần nghị đại hội Hoa Tăng phát sanh tác dụng canh tân, tất nhiên phải nỗ lực hợp tác, trước hết tiêu trừ ngã

kiến....., lại đến duy nhất lần lượt tự ngã kiểm thảo, có ưu điểm nên nỗ lực tiến lên, có khuyết điểm nên triệt để cải cách.] Lại nói: [Phật giáo không là không tiền, mà là không khéo dùng nó, kim tiền như nước, có thể chở ghe, cũng có thể lật úp ghe.] Pháp Công cách chức lúc hư bại, có thể gọi là một mũi kim thấy máu, dừng cảm nói không sợ. Nhiệt tình hộ giáo pháp, người ngày nay có cảm kích chỉ biết ngưỡng cao lên núi.

6]- Giới Luật Không Nên Đơn Giản Hóa.-

Canh tân tăng chế, có Pháp Sư Mổ chủ trương đơn giản hóa các điều khoản của giới luật. Ngài nói: [Mỗi tỳ kheo tăng, tất nhiên phải cần giữ 250 điều khoản giới luật của Phật chế, mới là tỳ kheo thanh tịnh, không thì phạm giới, có mất tư cách của tỳ kheo, thì cần giải bỏ cà sa hoàn tục, đây là khi Phật còn tại thế chế độ nghiêm khắc đối với các tỳ kheo. Mà ngày nay khoa học ngày càng tiến bộ, tư tưởng nhân loại ngày mới tháng khác diễn biến không ngừng, giờ này chỗ này hãy hợp lại để thực hành, giống như không thích hợp, cần yếu nên đơn giản hóa.] Nhưng tôi không dám cầu thả đồng ý, nhân vì Phật có giáo huấn rõ ràng: [Khi Phật còn tại thế, lấy Phật làm thầy, Phật sau khi diệt độ, lấy giới luật làm thầy.] Có giới thì xưng là tỳ kheo, không giới cùng người thế tục đâu có khác? Giới tiếng Phạn gọi là [Thi La], Trung Hoa gọi là [thanh lương], nghĩa là trong sạch và tươi mát; do ba nghiệp thân miệng ý của người tôi, dụ như lò lửa, suốt ngày bị thiêu đốt, không được tự tại, nhờ có giới thì có thể ngăn tội ác phòng sai lầm, có thể khiến tam độc nghiệp hỏa đình chỉ

ngay lập tức, mà đặng thanh lương. Tiểu Thừa thì có bảy thứ giới Biệt Giải Thoát, có thể thọ trì một phẩm giới, tức là đặng một thứ giải thoát, nếu thọ trì toàn bộ tức là đặng đại giải thoát, như thọ trì phần nhỏ, tức đặng giải thoát phần nhỏ, nếu một phần cũng không thể thọ trì thì như con tầm làm tổ kén, tự buộc tự trói, tội nó tự mang, cùng người không dứt. Cho đến nói có tỳ kheo mất tư cách, thì cần giải y cà sa hoàn tục, hiện tại hội Phật giáo các nơi đều không có quyền lực, dù có tỳ kheo

phạm giới cũng không người can dự, không giống như tông lâm đại lục, có phạm thanh quy, thì bị trục xuất ra khỏi sơn môn. Như nói có giới điều không thích dùng nơi hiện tại, như [giới không cho tích trữ vàng bạc châu báu], [giới chỗ lạ không lia ba y], [giới quá giờ Ngọ không được ăn], [giới nửa tháng bố tát một lần] vân vân, có nhiên có rất nhiều người làm mà không đến, cũng có rất nhiều người kiên trì giữ gìn, như quả chúng ta đem cất bỏ, không cần, vô hình chung tự không thể giữ gìn, cũng không hứa biệt nhân giữ, nghĩa là không gởi dục, như thế không chỉ không công, mà ngược lại có lỗi. Kỳ thật, giới luật tỳ kheo tuy có 250 điều, đại bộ phận là hộ trì [năm điều đại giới]. Năm điều đại giới của Phật giáo, cùng với năm thường của Nho gia có chỗ tựa hồ gần rất nhiều, năm giới đây cùng năm thường, không luận xưa nay trong ngoài, thời nào chỗ nào, không thể thích dùng sao? Tôi nghĩ quyết không có lý này, có thể nói xưa nay không thể biến đổi, chỗ khu vực không thể dời, do đây có thể biết đạo, tất cả chế độ đều có thể cải biến, chỉ giới luật của Phật không nên khinh dễ đổi thay. Phải biết một sự việc chế giới luật chỉ có Phật là một người chế giới luật, A La Hán, Bồ Tát còn chưa dám nhúng tay vào, huống chi phàm phu nơi biết nhiều của chúng ta, đâu dám tùy ý thay

đổi, như quả ông cải đổi tôi cũng cải đổi, sẽ sau này không biết theo chỗ nào và bỏ chỗ nào, giới của Phật sao không biến, nếu có biến gọi là thật? Hiện giờ giống như tín đồ chỗ gọi cung kính người xuất gia cho là tăng bảo, cũng xem hiện tại người xuất gia có giới, có đức hạnh cao quý, thấy tướng liền sanh tín tâm, như quả không giới cùng người thế tục nào khác, đã mất tăng cách, người sao có thể kính tăng được, đã không kính tăng thì không người để quy y Tam Bảo, đã không người để quy y Tam Bảo, thì không tín đồ Phật giáo, đã không tín đồ Phật giáo, thì cũng không người xuất gia, đã không người xuất gia, thì Phật pháp cũng không thể tồn tại. Tam Bảo làm sao không diệt vong? Cổ Đức nói: [Giới là cội gốc vô thượng Bồ đề, nên phải nhất tâm trì tịnh giới.] Cho nên đối với giới luật của Phật, tôi nhìn nhận cho nên cần phải bảo trì không biến đổi làm trọng.

7]- Y Phục Của Tăng Đồi Đi.

Không Trở Lại Trang Nghiêm Cùng Phân Biệt.-

Đến vấn đề y phục của tăng, Pháp Sư Mổ nói: [Hình tròn cổ vuông áo dài không là Phật chế, không nhất định phải ghi vào.] Tương phản là Phật chế, chúng ta nhất định cần mặc; Phật chế ba y không lia thân, chúng ta có tuân mệnh không? Nhân vì chính Trung Quốc tình hình không giống nhau, cho nên cổ đức sắp xếp hình thức

chuyển biến, không phải làm pháp sự thì có thể dùng áo lót, áo dài, thay thế Phật y, đến nay vấn đề này tương truyền hơn ngàn năm nay cũng không sai trái. Chúng ta dạy có bốn thứ khuyên răn thanh tịnh minh bạch, bốn thứ đó như: [Người tu đạo nếu không đoạn bốn thứ sát đạo tâm vọng, dù được diệu ngộ, cũng như nấu cát

thành cơm, cho dù tải qua trần lao, cũng không được chín, sanh tử luân hồi, vĩnh viễn không ra khỏi.] Do đó có thể biết chúng ta quyết định không hề xướng kết hôn, bốn thứ luật nghi chúng ta không thể không bảo trì. Nếu không so với thế tục không khác, rất dễ nhiễm ô ác tập.

Đến nơi người xuất gia ở hải ngoại không có mang áo dài, do nơi chỗ kia khí trời rất nóng, đại gia nhằm phương tiện, quyết không thể cho đây là hợp lý. Phải biết mỗi một hành động đều có đồng phục của mỗi một hành động, như quả, không mang quần áo cảnh sát làm sao người ta biết là cảnh sát? Không mang y phục học sinh làm sao người ta biết là học sinh? Giả sử không mang y phục hòa thượng làm sao người ta biết là hòa thượng? Ai nấy đều biết, Tần Quốc đến chỗ hòa thượng, lại không ông ấy thân mang áo cà sa đến? Nhân đây chúng ta cho là nhan sắc cùng thứ hình thức có thể canh tân, quyết không nên đem tăng phục cải làm trang phục đời Đường hoặc trang phục theo kiểu tây phương.

Vấn đề nhan sắc quan hệ nơi trang phục của tăng lữ, cũng không phải thường trọng yếu, thời xưa sinh hoạt đơn giản, trang phục cũng đơn giản, tăng tôi mang áo hoại sắc, người không cho là lạ. Nhưng ngày nay hoàn cảnh có khác, nhưng nếu mang y bá nạp, một miếng xám, một miếng đen, không phải thường nên khó xem, có phần khó hợp với phong tục. Bồ Tát dự thảo dùng tứ nhiếp pháp để hóa độ chúng sanh, mà nay cách nhau rất xa, thế nào có thể dùng thế gian thành tựu khiến sanh hoan hỷ hay sao? Tôi cho là nhan sắc cần phải nhất luật, thí dụ như tỳ kheo mang màu cổ đồng thối, nhưng hai vị hội trưởng có thể mang màu vàng, khiến người một khi thấy, liền biết

là lãnh tụ. Tỳ kheo ni nhất luật mang màu xám nhạt. Như thế ra vào đều thường trang nghiêm, khiến người một khi thấy liền biết tăng ni mới là có biệt. Chỗ gọi là: [Phật pháp không phá tướng thế gian.] Trong luật Phật chế tăng phục sức cùng người thế tục có khác, chính vì tăng phục sức có khác, tự nhiên không buông lung. Giả sử bỏ phục sức của tăng, có thể bệnh tật xuất hiện cả trăm lần, nhân đây áo dài tất nhiên không nên cải bỏ. Năm gần đây Phật Giáo Thanh Niên Hiệp Hội, nơi mỗi tuần, năm giờ chiều, mượn Đờ Thư Quán cử hành lễ niệm Phật hội, rất nhiều thanh

niên chưa từng mang áo dài, có thể cảm giác bất an, tôi đặc biệt gửi những thanh niên đó đến người bạn ở Đài Loan, gửi đến một tập cung ứng giá rẻ, về sau bọn chúng đều mang áo tràng niệm Phật, rất cảm giác, xem chính tề rất đẹp, tâm sanh hoan hỷ, do đây có thể thấy, áo dài cùng áo tràng đều là tốt đẹp không biến.

8]- Thiết Lập Học Viện Tăng Già. Tích Cực Huấn Luyện.-

Như chỗ biết khắp cả, hiện thời người xuất gia, không luận nam nữ, chỉ có thể tìm sư phụ riêng biệt nhờ sư phụ thâm làm đồ đệ. Cô không luận dưới mắt có nhiều ít tăng ni, hiện nay đều có người kính ngưỡng học vấn cùng đạo đức, nhưng người xuất gia chỉ có thể y chỉ một người sư phụ, nhân đây, rất nhiều vấn đề lại tùy theo đó phát sanh, sư phụ không thể chỉ dạy kinh giáo? Sư phụ không thể cấp dưỡng cho đệ tử hoàn cảnh tu hành? Sư phụ không thể đem thân giáo chỉ bày phạm hạnh? Sư phụ không thể dùng chánh tri kiến truyền đạo cho nó? Thế là, phải chăng giống như sự việc đầu tiên cần cho nó, nên lý do Hương Cảng Phật Giáo

oặc hai Hội hợp nhau xây dựng một Phật Học Viện, tại Hương Cảng đã thu nhận đồ chúng chín đồ chúng tăng ni, cho nên xem nó thế học đã vượt qua, đủ điều kiện vào [Phật Học Viện], kế tiếp trải qua kiểm tra tiêu chuẩn thì cho chọn vào chương trình dạy cho cơ bản tri thức cùng oai nghi của Phật giáo, thời gian một năm; sau đó giảng kinh tập luật, thời gian hai năm. Người mới xuất gia, trải qua giáo dục ba năm, chỉ định nó đối với giáo nghĩa cùng lễ nghi khuôn phép đều có nhận thức rành mạch, dù rằng tất nhiên chưa đủ khả năng làm biểu tượng giáo sư, nhưng cũng không mất làm một đệ tử Như Lai. Giáo dục kỳ hạn đã viên mãn, các người có thể trở về các chùa của mình, tùy sư phụ định đặt. Như có chí hoằng pháp, có thể do sư phụ của ông, hoặc do đoàn thể hai hội tin tưởng tài trợ tiền bạc, thâm tín đồ như thế, không phải sư phụ hao tổn tinh thần giáo thọ, người mới xuất gia cũng có thể dùng học tập cùng tu hành để an tâm, sắp xếp như thế, tin tưởng đương nhiên có thể cố động kích lệ không ít thanh thiếu niên nam nữ, bỏ tục xuất gia, tự lợi lợi tha.

9]- Xuất Gia Đoàn Kỳ. Đào Tạo Cương Cường Mới.-

Vấn đề Hoa Tăng tiếp toán tác giả Dương cư sĩ nói rằng: [Đến vấn đề xuất gia Đoàn Kỳ, có thể không giải quyết vấn đề người tiếp theo sau? Đương nhiên không thể hoàn toàn dựa vào xuất gia Đoàn Kỳ cho là có thể giải quyết vấn đề, nhưng tôi cho là xuất gia đoàn kỳ cũng là phương pháp duy nhất giải quyết không người kế thừa về sau. Người xuất gia đoàn kỳ, nơi trong bảy ngày không thể ăn thịt uống

rượu, dâm dục cờ bạc, cần nên lúc nào miệng cũng thường niệm Phật A Di Đà, tai nghe Phật pháp, mắt xem tăng lữ, thân lễ Tam Bảo, tâm tư

duy trì giới định huệ, đã trải qua đến đặng ngăn ác hành thiện có hiệu nghiệm. Hà huống tiến lên thừa tiếp thọ 10 giới Sa Di và 6 giới trọng cùng 28 giới khinh của Bồ Tát? Sau bảy ngày mặc dù chưa xả giới hoàn tục, chỉ chừng tử bồ đề của giới đã vào trong tám thức phước điền, lúc nào cũng ràng buộc thân tâm, chính đây là pháp luật vô hình, để dùng sau này như gặp việc người phóng hỏa giết tất nhiên có thể nghĩ phát khởi tự thân đã từng trải qua ra khỏi nhà để thọ giới, cùng người chưa ra khỏi nhà mà thọ giới, ở trên tư tưởng, tuyệt đối có chỗ không giống nhau. Phật gọi: [Thí dụ như một vị cõi trời Tứ Thiên mãn kiếp xuống trần gian vào trong bậc A La Hán, nếu như có một người mãn trăm tuổi, phát tâm cung kính cúng dường trở thành La Hán; các La Hán đây, nào y phục, ăn uống, thuốc thang, ngọa cụ, cho đến trước khi vào Niết Bàn, lại khởi tâm xây tháp tu sửa đền miếu, chỗ đặng công đức không bằng người xuất gia thọ giới trong một ngày một đêm.] Chỉ một ngày một đêm còn thâm hoạch công đức được như thế, hà huống bảy ngày bảy đêm chỗ đặng công đức, đâu có lường được? Lại nữa, hà huống do nơi hội Tăng Già Không Tiền Sáng đề cử vận động xuất gia đoản kỳ, các báo đăng tải cùng điện đài phát biểu bằng phát thanh, bằng điện ảnh trải khắp ngàn chợ, dân cảm niệm phát khởi xuất gia, tuy nhiên hiện thời còn chưa khả năng đạt đến nguyện vọng xuất gia luôn, nhưng hạt giống xuất gia trở thành chủng tử, ngày sau như nghiên cứu kinh giáo thâm sâu, không luận đời nay hoặc đời sau, chỉ cần gặp được nhân duyên xuất gia, thân tâm buông xả, bỏ tục xuất gia. Hà huống đã có 45 lần xuất gia đoản kỳ, kết quả biến thành xuất gia trường kỳ, có thể nói đề cử đây không là vấn đề gợi ý? Nhân đây ta cho là hội Tăng Già phát khởi một năm

một lần vận động độ người xuất gia đoản kỳ, nhất định có lợi ích thù thắng, chỗ được công đức không thể nghĩ bàn.

3.-TĂNG GIÀ LÀ KHÔNG TIÊU CỰC.-

Thường nghe người nói: [Nhân sĩ Phật giáo không luận giảng kinh thuyết pháp, hoặc khi cùng người nói chuyện, không đàm luận về không, chính là giảng về khổ, thực tại tôi ngày nay không cố ý nghe! Như thế người đời nay theo hướng con đường bi quan tiêu cực, làm sao đối với thế sự nhân tâm lại có bổ ích gì?] Chưa từng nghiên cứu qua người lý luận Phật giáo, ngộ nhận và trách cứ những lời không thể tưởng tượng đến được.

Trên sự thật, Phật giáo đã không tiêu cực, lại không bi quan, ngã Phật còn không lạc quan, sao lại bi quan? Tất cả sự việc trong thế gian, đều tương đối. Ngã Phật không có lạc quan cùng bi quan, có thể nêu một thí dụ làm bằng chứng: Phật sau khi thành đạo, độ vô lượng người, Lục Sư Ngoại Đạo, ganh ghét thâm sâu, do đó họ dạy tín đồ nữ của họ dùng cỏ che thân, mỗi ngày lần lần kiến bụng lớn, sau đó lấy ống cây che thân tình trạng lâm sản, mọi người đều thấy, hỏi nó duyên cớ gì, nó đáp: [Tôi trước kia cùng sa môn qua lại nói ra vẻ sợ hãi, cho nên mới có chữa như thế này.] Sau khi ngoại đạo nghe, giả vờ giận dữ la lớn, thế là mang theo đồ đệ nữ, họp lại trước giảng đường của Phật. Lúc bấy giờ Phật cùng đại chúng chính nơi giảng đường thuyết pháp, ngoại đạo đối trước Phật cao tiếng nói rằng: [Sa môn Cù Đàm yêu nữ đây của tôi, phạm giới dâm dục, cho nên nay có mang.] Nhưng Phật

ngồi uy nghi không động, nếu không có việc gì, quyết không bi quan. Do nơi tạo tặc tâm hư vọng, tinh thần của nữ đây khẩn trương, hơn nữa bố trí còn thiếu chưa tinh tế, bỗng nhiên ống cây che thân rơi xuống đất, tại hội trường đại chúng thấy là nguy tạo, liền phát lên cười lớn. Lúc ấy đại chúng dị khẩu đồngm thanh tán thán Phật kệ rằng: [Thân Phật sáng rực rỡ như núi vàng, thanh tịnh không cùng loại ngang nhau, công đức viên mãn màu nhiệm cũng như núi cao, cho nên ta cúi đầu đánh lễ đấng Vua Núi.] Đại chúng tuy nhiên ca tụng Phật như thế, Phật cũng không cảm giác hoan hỷ, nhân vì Phật Đà đã trải qua đạt đến đại giải thoát, cho nên các cảnh giới khổ lạc, sớm đã đặt thân ngoài sự việc, sao lại bi quan cùng lạc quan?

Kinh Phật có nói: [Thiền duyệt nhi thực, pháp hỷ sung mãn.] (Thiền vui thích làm món ăn. Pháp vui mừng được tràn đầy), Người tu đạo tâm không ham thích, thường dùng thiền duyệt pháp hỷ làm món ăn, xuất thế gian ăn có năm thứ:

(1)- Niệm Thực. Người tu Thánh đạo, thường bảo trì chánh niệm, tâm chánh sanh lạc.

(2)- Pháp Hỷ Thực. Thọ pháp lạc của Phật, trợ giúp chúng tử đạo tăng trưởng, tâm sanh hoan hỷ.

(3)- Thiền Duyệt Thực. Nhân đặng định lực, nuôi lớn huệ mạng, đạo phẩm viên minh, tâm thường hỷ lạc.

(4)- Nguyện Thực. Không xả phạm hạnh nuôi lớn thiện căn, tùy

nguyện được thành tựu, lời nguyện được viên mãn, tâm sanh an lạc.

(5)- Giải Thoát Thực. Lìa khỏi các nghiệp trói buộc, nơi các pháp Được tự tại, nên sanh khoái lạc.

Biểu hiện trên mặt xem thấy, Phật giáo đồ tợ hồ có thể nói không khoái lạc, nhân vì chúng nó chủ trương thanh tâm ít dục, thà đạm bạc mà thanh tịnh, cũng chính nhân vì người đời thấy đến nhân sĩ Phật giáo không cầu danh, không mưu lợi, sẽ được cùng mất, đặt các phép tắc ra ngoài, lại vì chúng nó dùng quán từ bi. Như quả nói Phật giáo là tiêu cực, Bồ tát Địa Tạng lại không gặp nói: [Độ tận chúng sanh, mới chứng quả Bồ Đề, địa ngục chưa hết, thề không thành Phật.] Thật tại giảng, không luận tông giáo nào, hoặc đoàn thể nào, thậm chí cá nhân nào, giả sử người đó đơn độc một mặt có tiêu cực, mà một mặt riêng có tích cực, cá nhân đây, hoặc đoàn thể đây, quyết định không có biện pháp ở thế gian này.

Đề cử thí dụ có người ở đền thờ của một tòa nhà lớn, trang nghiêm phi thường, cảnh chung quanh thanh tịnh, cảnh sắc tĩnh mịch xinh đẹp, tại đây một tăng lữ xuất gia ẩn cư, có lúc hoặc giảng kinh có lúc hoặc ngồi thiền. Chỗ gọi là: [Không vui cũng không lo, tùy duyên vượt qua xuân thu.] Thứ sinh hoạt tự tại thanh tịnh nhàn rỗi đây, ngày nay chúng nó sanh khởi hứng thú ngưỡng mộ không thể so sánh. Sau chúng nó kết quả đạt được thời gian chu đáo, liền chuyển đến Phật đường mở để ở. Ở ban đầu trước hai ngày vẫn còn thừa nhận vui

thích, đến ngày thứ ba liền giác ngộ có một số kiên nhẫn cẩn thận, vừa mới qua một tuần lễ, tất cả khiêu nại không ở, quyết định thúc dục lớn tiếng cần về nhà. Người hỏi cơ sao, họ đáp: [Chúng tôi ở nhà bên trong thường xem truyền hình, nghe âm nhạc, có lúc cùng bạn bè nói chuyện trên trời dưới đất sinh hoạt đã thành thói quen, ai dự tính đến đây, có mắt như không thấy, có tai từ chối không nghe, mặt đối với hư không và núi non, một vùng yên tĩnh, tình cảnh như thế, cảm nhận được sâu sắc tình trạng vắng vẻ tịch mịch đáng sợ.] Có thể thấy sinh hoạt thanh tịnh, đều không phải dễ vượt qua.

Người xuất gia ở lâu vùng quê ngoài thành, họ rất không biết phiền muộn là gì? Nhân vì các vị ấy riêng có một mặt tích cực. Không giống như người ở hoàn cảnh tại trong thành phố đây, không biết tìm kiếm một số công tác như thế nào, suốt

ngày tìm không có bất cứ sự việc gì để làm, chỉ có một số Phật giáo đồ bận rộn công việc nên từ chối không có thời gian cắt tóc cùng cắt móng tay. Họ vào buổi chiều lúc mười giờ nghỉ dưỡng, giữa đêm thức giấc, chính cần yếu đứng dậy chịu khó, lúc buồn ngủ thì ngủ trở lại, gần sáng bốn giờ ra khỏi giường, tụng thời khóa sáng, sau đó ăn cháo sáng hoặc lễ bái Phật, hoặc tụng kinh, hoặc niệm Phật, hoặc tham thiền, nói chung, mục tiêu ở nơi giải thoát sanh tử, vượt khỏi ba cõi. Tất nhiên phải dũng mãnh tinh tấn, nhưng mà suốt ngày không có dư thời gian. Chỗ gọi: [Thân này không hưởng về để vượt qua, thân này lại chờ đời nào để vượt qua.] Do nơi tinh thần có chỗ ký thác, cho nên lìa nhà vào ở thâm sơn mười năm, cũng không giác ngộ yên lặng. Phật giáo đồ ở núi, còn không thể nói các vị ấy là tiêu cực; còn những vị sống ở khu chợ, bận rộn công việc, nào phát động xây

dựng giáo dục, văn hóa, viện thuốc, viện an lão, viện nuôi trẻ nhỏ, giảng kinh thuyết pháp, độ người hành thập thiện, dùng lợi sanh làm sự nghiệp, người hoằng pháp là nhiệm vụ, có thể nói các vị ấy có phải là tiêu cực không?

Tuy nhiên có thiếu số người, nên thực hiện Phật sự siêu độ, cũng nhân nhu cầu của Phật giáo đồ, họ nghĩ rằng cống hiến công đức tụng kinh, khiến người thân quyến thuộc, tiêu tai ách nạn, tăng phước tăng thọ. Khiến không phải Phật giáo đồ, do ở nhà tai họa thay phiên lần lượt phát sanh, hoặc quỷ tác oai tác quái, khiến người sùng bái. Như quả năm nọ chánh phủ vận chuyển các con ngựa trường đua vì cho chỗ đó có ma, cũng lúc đó có thỉnh các cao tăng đến trước tụng kinh, vì họ giải oan cởi bỏ trói buộc, mặc dù chưa có thể chuyển hóa hết tính ngang ngược làm cho phước lành an hòa, do đây xem đến, nên thực hiện tăng đoàn, dù rằng đối với người đời cũng có không ai không đại bổ ích.

Người thế tục tuyệt đại đa số cần nam hôn nữ thú, sanh nam dục nữ, sợ không được lợi mình mà đi phá thai, mưu cầu sinh kế, mà không cần tích đức, ăn mặc ở sinh hoạt lại thành vấn đề. Nhưng đối với ăn chay niệm Phật, tĩnh tọa tham thiền, giải thoát sanh tử, đó chính là không cảm hứng xuất hiện hoàn toàn, tự hồ không có rảnh việc, vì bận rộn xem điện ảnh cùng đánh giầy gay cho chim sẻ để tiêu khiển. Nói chung lại, tích cực của bọn họ là ở phương diện vật chất, còn ở phương diện tu tâm dưỡng tánh, nhất định là tiêu cực.

Người xuất gia đã không cần nam hôn nữ thú, đương nhiên chính không sanh trai dưỡng gái, hoàn toàn không gia đình

không lên luy ở rể, cho nên gọi: [Một bát cơm của ngàn nhà, thân cô độc đi vạn dặm.] Lại nói: [Thấy đến sơn môn chính là nhà.] Ăn ở không thành vấn đề, áo mặc bá nạp, đi thì chỉ đi bộ, ăn mặc ở đều tự giải quyết, thử hỏi lại cần ai giúp đỡ? Là ai là người ưu sầu? Nhân đây không cần đi tìm cầu tích đức bằng vật chất, nên mới bị ngộ nhận cho là tiêu cực.

Người xuất gia chỉ cần ra khỏi nhà ba cõi, cần yếu dứt sanh thoát tử, bắt đầu thực hành thực tế không phải dễ, do nơi chấp ngã nhân từ vô thỉ đến nay, thất tình lục dục. Trước hết Thất Tình:

(Thất tình là bảy tình cảm: [1] Hỷ, nghĩa là vui mừng; [2] Nộ, nghĩa là tức giận; [3] Ai, nghĩa là đau đớn; [4] cụ, nghĩa là sợ sệt; [5] Ái, nghĩa là yêu đương; [6] Ố, nghĩa là ganh ghét; [7] Dục, nghĩa là ham muốn.)

Lục dục, (Lục dục, nghĩa là sáu sự ham muốn của con người, gồm có: [1] Sắc Dục: Thấy sắc đẹp của kẻ nam người nữ sanh tâm ham muốn; [2] Hình Mạo Dục: Thấy hình tướng tao nhã lịch thiệp của nam hay nữ liền sanh tâm ham muốn; [3] Oai Nghi Tư Thái Dục: thấy dáng điệu phong thái lịch thiệp của nam nữ liền sanh tâm ham muốn; [4] Ngôn Ngữ Âm Thanh Dục: thấy nghe người ta nói khéo léo ngọt ngào êm dịu hoặc nghe ca hát tiếng thanh nhã đem lòng ham muốn say đắm; [5] Tế Hột Dục: Thấy da thịt mịn màng trơn tru của nam nữ sanh lòng ham muốn say đắm; [6] Nhân Tướng Dục: thấy tướng trạng đẹp đẽ đáng yêu của nam nữ sanh lòng ham muốn say đắm).

Thất Tình Lục dục trở thành tập khí đã ăn sâu, đều không phải một sớm một chiều có thể đoạn trừ, tuy khó đoạn trừ cũng cần đoạn trừ, giống như kẻ thù của một người cùng vạn người. Chỗ gọi: [Khó thực hành, nhưng phải thực hành, khó nhẫn nhục nhưng phải nhẫn nhục.] Nói dứt sanh tử, nói đâu dễ dàng, đạo tâm hơi có không kiên nhẫn, liền đọa vào hầm ngũ dục. Người xuất gia ngoại trừ nghiêm túc giữ gìn 250 giới của Tiểu Thừa, ngoài ra giữ 10 giới trọng 48 giới khinh của Đại Thừa, lại còn có ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, như quả không tích cực thọ trì, thì dứt sanh thoát tử thì nhà người không có dự phần. Cổ Đức nói: [Xuất gia chính là công việc của đại trượng phu, không phải đem việc tương đối chỗ có thể làm.] tức là nghĩa đây vậy.

Người đời thường hoan hỷ nói người xuất gia thường có bệnh tật, trên sự thật, tăng lữ chính là người phạm phu học rộng, thực tại học tập trực tiếp thánh hiền, học

nhieu ít thì tính toán nhiều ít, đều ở tiểu nhi mới vào con đường học hành, trạm phát khởi bước đến, nhất định gặp nghiêng về từ đông đến tây, có ai đảm bảo chứng minh chúng nó không bị bệnh tật, giả sử đích thực học đến khi không bệnh tật, đó chính là thành người thánh. Đại sư Lục Tổ Huệ Năng nói: [Nếu người tu đạo chân chánh, không thấy lỗi thế gian, nếu thấy người khác không lỗi, tự mình không lỗi là sai lầm.] Ý nghĩ là nói, thấy lỗi người khác, tức là mình lỗi, nếu cần làm người học thức chân chánh, nên lúc ấy thường kiểm thảo chính mình mới đúng.

Người xuất gia cũng phân hai bộ phận, một phận người ở tại thâm sơn cổ miếu, miệt mài khổ tu hoặc ngồi nhập định

tham thiền, hoặc tụng kinh niệm Phật, như thế không thể nói chúng nó là yếm thế tiêu cực. Tỷ như một số người chuyên đọc sách, đầu tiên cần bồi đắp và tăng cường học vấn cho chính mình, sẽ đến một ngày sau khi học thành tài, mới có thể phục vụ cho xã hội. Người xuất gia cũng là như thế, trụ ở thâm sơn khổ tu, một ngày khi có chỗ thành tựu chính cần xuống núi hoằng pháp lợi sanh. Đề cử thí dụ chính có một Pháp Sư Thánh ở Hương Cảng, Pháp sư Diệu Liên, ở Đoài Loan có Pháp sư Ấn Thuận, Pháp sư Thánh Nghiêm, hồi còn trẻ đều ở thâm sơn bế quan khổ tu nhiều năm, hiện nay đã xuống núi, thâm nhập vào xã hội, giảng kinh thuyết pháp, chính thật tiến [Lợi sanh làm sự nghiệp, hoằng pháp làm nghĩa vụ] Đích thực là sự nghiệp của Bồ Tát.

Riêng có một bộ phận người xuất gia tinh thông Phật pháp, không trụ thâm sơn khổ tu, trước hết phát nguyện hóa độ chúng sanh. Kinh Phật có nói: [Tự mình chưa độ, làm sao có thể độ người, đây là phát tâm Bồ Tát.] Nhân đây sáng lập cơ sở giáo dục, phát huy y viện, phát dương văn hóa, kiến lập viện dưỡng lão, diễn giảng Phật pháp, độ người thọ trì ngũ giới, tu thập thiện, tịnh hóa xã hội, thay đổi phong tục tập quán, đề xướng tịnh độ nhân gian, suốt ngày bận rộn không thể giao lưu. Cụ thể như Pháp sư Tảo Trần sáng lập rất nhiều học hiệu Phật giáo, chùa Diệu Pháp trong 20 năm gần đây tổ chức thọ Bát Quan Trai Giới, đây đều là do năng lực của Pháp sư Tảo Trần, nhân vì chùa Diệu Pháp chính là một tay của Pháp sư sáng lập, các vị thấy đến chùa Diệu Pháp kiêu rất rộng lớn, có thể tưởng tượng đến khí phách của Pháp sư Tảo Trần vĩ đại như thế nào; còn Pháp sư Khả Tích đã trải qua cay đắng khổ sở liên lụy đến, nếu

rần ở đây trong mười năm có thể sáng tạo rất nhiều sự nghiệp, sự phát triển của Phật giáo Hương Cảng, đương nhiên không chỉ ở đây mà thôi, khả năng hưng thịnh vượt xa hơn hiện tại.

Cần yếu hoằng dương Phật pháp đúng là bọn thất phu chúng ta có trách nhiệm, từ thành công của Pháp sư Tảo Trần, ta có thể tin chắc, chỉ cần có sức đại nguyện, đại tài trí, nhất định có thể đem Phật giáo Hương Cảng phát khởi chấn hưng trở lại, đệ tử Tam Bảo, có thể không phát nguyện, có thể không phấn đấu, chỉ nỗ lực cầu tiến lên được không?

HỌC PHẬT VĂN TẬP VI

I.- PHẬT BỒ TÁT CÙNG CHÚNH SANH.

D).- PHẬT THÍCH CA MÂU NI CÙNG MẪU CHỐT TẮM PHẬT.-

Thái Tử Tất Đạt Đa khi đản sanh cùng quần chúng không giống nhau, ngài giáng thế từ sườn bên hữu của mẫu thân Ma Da Phu Nhân, thân thể sanh ra đặng nhan sắc tợ vàng kim, thân có đầy 32 thứ hảo tướng, phóng ra ánh sáng to lớn, hình vĩ như bảo sơn. Đều không giống như các con cháu dân thường, Thái Tử Tất Đạt Đa, không phải chỉ không khóc, khi sanh ra tự đi bảy bước, tai mắt chỉ lên trời, tai trái chỉ xuống đất, lớn tiếng nói: [Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn.] Mười phương ba đời cũng không thể so sánh, đương nhiên là người bậc thầy vô thượng của trời người.

Khi thái tử sanh, người đời có các thứ cát tường hy hữu, thí dụ như, bầu trời quang đặng vạn dặm, đại địa chấn động, trăm hoa đua nở, thiên thần bảo vệ, đại địa khí tượng sung mãn nào là hòa bình, từ bi cát tường, mừng vui vân vân, lúc đấy có Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi các Thiên, đều đem 12 thứ nước hương thơm và các thứ danh hoa, từ hư không rải xuống, tắm rửa tẩy trần Thái Tử, gồm có cung nữ vẻ đẹp bưng bồn vàng tắm thái tử, cho đến dùng hương hoa danh quý thoa lên mình thái tử; theo sau đó có các thứ ca hát thanh nhã theo nhịp điệu đàn sáo, ngay lúc đó, vô lượng nhân thiên ủng hộ hai bên, hân hoan khuyến khích, thiên thần địa thần, ở cõi

trên dưới, đều nhiệt liệt chúc thọ Thái Tử Tất Đạt Đa giáng sanh ngày lành cảnh đẹp. Do đây các thứ triệu chứng, có thể thấy Thái Tử Tất Đạt Đa đều không phải là thân của một vị phàm nhân, mà chính là một vị Đại Thánh giáng thế đầu đội trời

chân đạp đất, mục đích là cần thiết lập khắp thuyền từ lục độ, cứu thoát khổ não của vô lượng chúng sanh.

Sau khi Phật diệt độ, nhân vì tín đồ Phật giáo cần kỷ niệm ngày Đản Sanh của Đức Phật, dùng biểu tượng ngưỡng vọng cùng tôn kính đối với Phật đà, nguyện mây từ của ngài biến khắp ba ngàn thế giới, nước bi rộng lợi tất cả hữu tình, cho nên mỗi năm đến ngày đầu 8 tháng 4 âm lịch, hoặc ngày 15 tháng 4 dương lịch, tín đồ toàn thế giới, tất nhiên có lần lượt long trọng tổ chức nghi lễ tắm Phật.

Tín đồ nước tôi mỗi năm cử hành nghi thức tắm Phật, hoàn toàn dùng bồn trong sạch và thanh khiết, trước hết để trên bàn cúng. Cũng có chỗ dùng các bó hoa tươi cắm thành cung điện theo kiểu nhà nhỏ, đem tượng Phật để tắm an trí chính giữa trong bồn đặt giữa cung điện. Kế đến rải hoa thơm trong bồn để tắm Phật. Người ăn chay thanh tịnh y phục chỉnh tề tập trung tụng kinh trì chú, niệm đến câu [Ngã kim quán dục chư Như Lai, tịnh trí trang nghiêm công đức tụ, ngũ trước chúng sanh linh lý cấu, đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân], đại chúng sắp xếp theo thứ tự ra khỏi vị trí, đến trước tượng Thái Tử lại xuống một lễ, quỳ xuống, kiền thành phụng đàn hương một biện, cắm vào trong lư hương nhỏ, sau đó cầm lấy muỗng canh tắm hai lần hai cánh tay của Thái Tử, tiếp theo lạy Phật một lễ rồi trở về vị trí. Đương nhiên các vị sau khi hành lễ xong, đại chúng nhất tề quỳ xuống hiến cúng, liền đem cơm cúng Phật mỗi mỗi bưng chén cơm cúng Phật đưa lên

ngang trán trên đầu, mặc niệm quán tưởng, cúng dường thập phương thường trụ Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Tức là đem Tam Đức (Tam Đức gồm có:

a)- Pháp Thân Đức, tức là Pháp Thân, làn bản thể của Phật, trong

người của mình có pháp tánh thường trụ chẳng diệt;

b)- Bát Nhã Đức, tức là trí huệ, nghĩa là cái Pháp Tướng chân thật

giác ngộ trọn vẹn;

c)- Giải Thoát Đức, nghĩa là công đức xa lìa mọi sự trói buộc, rất được tự tại.

Trong ba đức trên gồm có bất đức Niết Bàn: Thường, Lạc, Ngã,

Tịnh).

Lục Vị (Lục Vị nghĩa sáu mùi vị, gồm có: [1] khổ: đắng, [2] toan:

chua, [3] cam: ngọt, [4] tân: cay, [5] hàm: mặn, [6] đạm:

lạt.)

mỗi mỗi truyền đến trên mâm cúng Phật, đại chúng lại cao tiếng xưng niệm danh hiệu các đức Phật và các Bồ Tát, mỗi một tiếng Phật đánh một tiếng chuông, pháp sự hoàn mãn, đại chúng lễ bái từ biệt Phật trở về nhà chính.

Đến nơi vấn đề Phật Đản, nên dùng thống nhất nơi thế giới làm nguyên tắc, do vì nơi khi Phật còn tại thế, Ấ Độ có khoảng mười quốc gia, chỗ sửa chữa năm tháng đều không giống nhau, lịch sử hỗn độn phi thường, như thế kết cuộc ở ngày nào tháng nào, không pháp khảo chứng, dĩ nhiên đã

như thế, không luận sửa chữa nhất định ngày nào tháng nào, đều không quan hệ lớn lao.

Mặc dù Phật giáo đồ Nam Bắc Truyền không có truyền thừa thống nhất, nhưng thời gian ngày Phật Đản của Nam Truyền Bắc Truyền khoảng cách khác nhau không xa, Phật Đản của Nam Truyền là ngày 15 tháng 4, Phật Đản của Bắc Truyền là ngày 8 tháng 4, mọi người đều công nhận không xa nhau bảy ngày mà thôi. Tuy nhiên ngày Phật Đản của Nam Bắc Truyền theo trên tập quán không thể thống nhất, chỉ là tín đồ của Tiểu Thừa của Đại Thừa, đối nơi đây là ngày tháng của một vị thánh nhân vĩ đại ra đời, điều kiện thời hạn định trước, chuẩn bị đến giờ khánh chúc, long trọng cử hành nghi thức tẩm Phật, để biểu hiện cảm niệm Phật Đà hoàng tâm bi nguyện tế thế độ nhân.

2)- Quan Thế Âm Bồ Tát Thành Đạo.-

Nước ta phụ nữ và nhi đồng đều biết, ngày 19 tháng 6 âm lịch là ngày kỷ niệm thành đạo của Bồ Tát Quán Thế Âm. Kỳ thật, Bồ Tát Quán Thế Âm nơi vô lượng kiếp về trước sớm đã thành Phật, tên của Phật là [Chánh Pháp Minh Như Lai]. Đương thời đức Thích Ca còn tại thế, đệ tử còn tu khổ hạnh. Đến khi đức Thích Ca thị hiện thành Phật, Quán Âm lại là đệ tử Phật Thích Ca, chỗ này gọi là: [Phật xuất thế có ngàn Phật phò trì.] Chư Phật xuất thế, thị hiện thành Phật, giống như trên vũ đài diễn kịch nào là hóa trang thân nam, hóa trang thân nữ, biểu diễn cha hiền,

biểu diễn con hiếu, kỳ thật, đều là phương tiện thiện xảo, dẫn đạo chúng sanh đồng lên bỉ ngạn mà thôi.

Do nơi Quá Thế Âm Bồ Tát, bi nguyện hoằng thâm, tế độ những tâm khẩn thiết, cho nên [Ngàn chỗ khẩn cầu ngàn chỗ ứng, biển khổ thường tạo thuyền từ tế độ người.] Đối với người chỗ cần đến thân nam hoặc thân nữ để độ, liền hiện thân nam hoặc thân nữ vì chúng nó hoặc các cô mà thuyết pháp, nên dùng thân tướng giả, thân cư sĩ vân vân để độ, cũng hiện thân tướng giả, thân cư sĩ vân vân, vì chúng nó mà thuyết pháp, mục đích chỉ cầu đạt đến để độ tha hoặc các cô. Quán Âm Bồ Tát người đời đa phần đắp thành tượng nữ, có tên gọi là [Tống Tử Quán Âm] (Quán Âm tặng con cho), lại cũng gọi là [Quán Âm Nương Nương] (Hoàng Hậu Quán Âm), mọi người đều nhận cho Quán Âm là một vị Thần Nữ. Kỳ thật, Quán Âm thành Phật đã lâu, chính là do hóa thân mà thị hiện, cũng không giống như tượng ngài Văn Thù cùng Di Lặc là từ cha mẹ mà giáng sanh, đều không phải là nữ thần, mà lại Bồ Tát đã lâu chiếu thấy ngũ uẩn đều không, là không thấy có tướng nam nữ.

Có như trong “Kinh Duy Ma”, Xá Lợi Phất hỏi Thiên Nữ rằng: [Nhà người do vì không chuyển thân nữ?] Thiên Nữ đáp: [Tôi từ mười hai năm trở lại, cầu tướng nữ nhân, hoàn toàn không thể được, nên làm sao chuyển? Thí dụ như huyễn sư hóa làm huyễn nữ, nếu có người hỏi, do vì không chuyển thân nữ, là người vì hỏi không đúng lúc?] Xá Lợi Phất nói: [Không vậy, huyễn không định tướng, đương nhiên chuyên làm gì.] Tức thời Thiên Nữ dùng sức thần thông, biến Xá Lợi Phất khiến thành Thiên Nữ, thân Xá Lợi Phất đã bị biến hóa như thế, mà lại hỏi: [Lý do gì không chuyển thân nữ?]. Xá Lợi Phất dùng tướng Thiên Nữ mà đáp: [Tôi nay không biết vì sao chuyển biến thành thân nữ?] Nghĩa đây tức là thuyết minh, kia đây tuy hiện có tướng nam nữ, không nên chấp nói là có

nam có nữ, Quán Thế Âm Bồ Tát, tùy nam hiện nam, tùy nữ hiện nữ, lại cũng như thế, không có định tướng.

Cứu cánh Quán Thế Âm là tu phương pháp gì mà được ngộ đạo? Phật Thích Ca chưa từng đề cập đến ngày tháng năm sanh của Bồ Tát, căn cứ nơi Bồ Tát tự mình tường thuật là từ nơi vô lượng kiếp về trước, tại cổ Phật Quán Thế Âm giáng trần, tu theo tiếng tư duy mà đặng thành đạo. Đầu tiên do cửa lỗ tai hạ thủ khởi tu, hồi quang phản chiếu, tâm quang tập trung vào trong, có thể xem nghe người cứu cánh là ai? Chỗ nghe đã có động tịnh sanh diệt, tánh nghe tự không có lay động, do đây đủ chứng minh, có lay động tức có sanh diệt, không lay động tức không sanh diệt.

Người đời không rõ tánh có thể nghe, vốn không sanh diệt, chỉ biết thịnh trần của chỗ nghe, là có là không, che mất chân tâm, nhận vật cho là mình, vật sanh ngã cũng theo đó mà sanh, vật diệt ngã cũng theo đó mà diệt, cho nên không thể trốn ra khỏi sanh tử luân hồi.

Quán Thế Âm Bồ Tát đều không thấy biết của phàm phu, vì bụi trần phóng nhanh theo động tịnh sanh diệt vân vân, Mà đây chính là tánh nghe nội quán, từ cạn đến sâu, từng bước đạt được vào dòng ra ngoài chỗ quay lưng lại bụi trần, hòa hợp nơi giác ngộ, khiến hai tướng động tịnh bỗng nhiên không sanh, đến đây bụi trần sở nghe dĩ nhiên đã tịch tịnh, căn nguyên năng nghe cũng tùy theo đó tiêu diệt, căn trần đã diệt, năng sở đều tiêu. Do đây gắng công thực hành, đem trí năng giác cùng cảnh sở giác, cả hai đều hoàn toàn không có. Chẳng qua, có lý của năng không cùng sở không, đều thuộc pháp ái, không đặt tự tại, do vì lại đem năng không cùng sở không cũng cần cả hai đều không. Tổng kết, do trên

động diệt tịnh sanh, tịnh diệt căn sanh, căn diệt giác sanh, giác diệt không sanh, không diệt diệt sanh, đều có sanh diệt tồn tại, đây thuộc vi tế, cho nên nơi sau cùng đem sanh diệt cũng cần giải trừ, mới có thể đạt đến cứu cánh tịch diệt hiện tiền, đặt đại thọ dụng. Tịch diệt chính là từ vô thủy đến nay, vốn tự không sanh, cũng chưa từng diệt. Quán Âm đến đây đích thân thấy bản lai diện mục, đạt đến chân tâm thường trụ. Cho nên gọi là [Thành Đạo].

Quán Thế Âm sau khi thành đạo, tức là chỗ năng chứng ở trên cùng chư Phật trong mười phương không có hai và không khác nhau, ở dưới cùng bi ngưỡng của tất cả chúng sanh chỗ đạt được đều đồng thể. Chính vì nhân duyên đây, phàm người đời có thân thì bị khổ nạn, ngưỡng cầu thương xót san bằng khổ nạn, Bồ Tát Quán Thế Âm, liền bố thí thần lực vô úy, vì chúng nó san bằng tất cả khổ nạn. Cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm, tại Trung Quốc sự tích Quán Thế Âm thường thị hiện cứu khổ tế độ người đời, từ xưa đến nay, đều thấy các sử ghi lại, hoặc do miệng lưu truyền, khắp nơi đều thế, không sao kể xiết. Mọi người biết đạo đều nghe danh hiệu cao thượng chính là [Nam Mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quảng Đại Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát]. Bồ Tát dĩ nhiên đã có cầu đều có ứng nghiệm, không cảm thì không thông, chúng ta tức thời nên thường xưng niệm, lễ bái, cung kính, cúng dường, nhất định gặp trong vô hình được linh cảm đến Bồ Tát bằng cách cảm ứng hiển bày hoặc cảm ứng sâu xa, đều được lợi ích, tùy theo chỗ nguyện mà được thành tựu.

3)- Phật Dược Sư Cùng Chúng Sanh.-

Ngày 30 - tháng 9 - âm lịch là ngày lành Thánh Đản của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, mọi người đối với Thánh Đản Phật Thích Ca Mâu Ni và Quán Âm đều nghe tưởng tận quen tai, nhưng đối với ngày lành Thánh Đản của Phật Dược Sư, tợ hồ so sánh xa lạ. Kỳ thật, nguyện lực từ bi của Phật Dược Sư, đối với chúng ta có ai không được lợi ích lớn, nếu chúng ta mù quáng không biết đến, đâu không là phụ lòng bi nguyện hoằng thâm của Như Lai?

Phật Dược Sư lại gọi là Phật Đại Y Vương, nhân vì Phật có thể trị liệu tất cả thân tâm tật bệnh của tất cả chúng sanh, Phật cũng do đây được danh hiệu này. Chúng ta đã biết đạo, đều biết thế giới ta bà có Phật Thích Ca, thế giới cực lạc phương tây có Phật A Di Đà, mà thế giới tịnh lưu ly phương đông có Phật Dược Sư. Bên trái bên phải của Phật Thích Ca có hai thị giả là Ca Diếp và A Nan; Phật A Di Đà thì có Quán Âm cùng Đại Thế Chí phụ tá; bên trái bên phải của Phật Dược Sư thì có hai Bồ Tát Nhật Quang cùng Nguyệt Quang phụ tá.

Nguồn gốc của đức Phật Dược Sư, chính do Văn Thù Sư Lợi hướng về đức Phật Dược Sư thỉnh hỏi, đức Phật ở dưới gốc cây Dược Âm, vì đại chúng nói ra nhân địa cùng quả chứng của đức Phật Dược Sư, trải qua về sau người bắt đầu kết tập thành một bộ “Kinh Dược Sư”. Nội dung kinh Dược Sư, đại ý là nói, do từ đây hướng về phương đông trải qua mười hằng hà sa số cõi Phật, có thế giới gọi là Tịnh Lưu Ly, nước này có Phật hiệu là [Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai]. Phật khi đầu tiên hành đạo Bồ Tát, phát 12 lời đại nguyện lược thuật như dưới đây:

1)- Nguyện khi thành Phật, tự độ và độ tha đều hiện đủ 32 tướng

cùng 80 vẻ đẹp.

2)- Nguyện tự độ và độ tha hiện thân thể như lưu ly, ánh sáng nội

ngoại thấu triệt như mặt trời mặt trăng.

3)- Nguyện tự mình chỗ có trí huệ đạt được khéo dùng phương tiện xảo giáo hóa chúng sanh, khiến người người thấu hoạch tất cả

lượng thực tràn đầy nhà kho.

4)- Nguyên người tu tà đạo, khiến họ đều quay về chánh đạo, nếu kẻ tu tập tiểu thừa, cũng khiến họ quay về đại thừa.

5)- Nguyên người tu phạm hạnh, đều khiến họ không bị phá giới, nếu họ đã bị phạm, được nghe danh tôi, lại được thanh tịnh, không đọa vào ác đạo.

6)- Nguyên người đời thân bị xấu xí hoặc các căn không đầy đủ, nghe đến tên tôi các căn đầy đủ trở lại, hình tướng đoan chánh.

7)- Nguyên người đời nếu sanh các thứ ác bệnh hoặc bần cùng khốn khổ, tai nghe một lần tên tôi, các bệnh liền đặng tiêu trừ, thân tâm an lạc.

8)- Nguyên có người nữ muốn xả bỏ thân nữ, nghe đến tên tôi liền có thể chuyển nữ thành nam, đầy đủ tướng trượng phu.

9)- Nguyên chúng sanh muốn lìa khỏi ma chướng, nên tu tập lần lần các hạnh Bồ Tát.

10)- Nguyên người nếu gặp nạn tai ương, nghe đến tên tôi liền có thể bị hung ác hóa thành cát tường, gặp tai nạn liền được bình an.

11)- Nguyên người nếu bị đói khát bức bách, thân tâm chịu khổ, nghe đến tên tôi liền có thể đạt được lương thực màu nhiệm, lìa khỏi các khổ não.

12)- Nguyên người bần cùng không có áo để mặc, lạnh nóng bức não, nghe đến tên tôi, có thể đạt được y phục nhung gấm ấm đẹp.

Phật Dược Sư tại nhân địa của Ngài đã phát đại nguyện như thế, một ngày được thành Chánh Đẳng Giác, liền tất cả như nguyện, thế giới của ngài không có các khổ và ba đường ác, đại địa toàn là bảy báu tạo thành, người phạm sanh đến nước của ngài, liền có thể thấy Phật nghe pháp, một đời đạt đến thành Phật, trung gian vĩnh viễn không thối chuyển, cũng như thế giới cực lạc phương tây, công đức trang nghiêm, không có sai khác

Trong Kinh lại nói, nếu người tự giúp đỡ người khác giết hại, tạo các ác nghiệp, bị đọa vào ba đường ác, chịu đựng các thứ thống khổ. Nhưng như khi còn sanh tiền, từng nghe danh tự Phật Dược Sư, do nơi công đức nghe tên Phật, liền có thể thoát khỏi các khổ, đặng đại giải thoát.

Bi tâm đại nguyện của Phật Dược Sư, nơi nơi vì lợi sanh dựa vào sự mong muốn, đang ở trong định phóng quang nói thần chú. Nếu người lo nghĩ nhiều đầu đau nhức chân đau nhức, thân bệnh tâm bệnh, hoặc bệnh tật nào xấu xí ngu đần cùng mất mù tai điếc câm ngọng vân vân, nên tắm rửa súc miệng cho sạch, đem đồ ăn hoặc thuốc thang, hoặc nước trong sạch cúng nơi trước Phật Dược Sư, dùng đến tâm chí thành niệm chú Dược Sư 108 biến, hoặc tự ăn lấy hoặc giúp người khác uống, chỗ có bệnh khổ, tất nhiên có thể tiêu trừ. Trì chú Dược Sư cùng niệm danh hiệu Phật Dược Sư, có thể thâm hoạch công đức bất khả tư nghì, nếu có thể mỗi ngày tụng “Kinh Dược Sư” một biến, công đức lại không thể lường được.

Chúng ta đã biết công đức của Phật Dược Sư, tốt nhất là thời gian khánh đản của Phật Dược Sư, lại nên gia công thật hành niệm danh hiệu Phật, hoặc trì chú Dược Sư, hoặc tụng “Kinh Dược Sư”, một là phương diện tự mình tiêu tai sống lâu; hai là phương diện cảm tạ Phật Dược Sư, vì chúng ta phát ra 12 thứ hoằng nguyện, chúng ta nên khánh chúc thánh đản Phật Dược Sư, các giới thiện tín ở chùa Trăm Sơn nơi Hương Cảng, thường lễ bái “Dược Sư Bảo Sám” và tụng “Kinh Dược Sư” suốt bảy ngày, dùng công đức này cầu nguyện thế giới hòa bình, nhân dân an cư lạc nghiệp.

4)- Phật A Di Đà Cùng Thế Giới Cực Lạc.-

Có người hỏi: [Người chứng đặng sáu căn thanh tịnh cùng tứ đại đều không, đã không còn hỷ nộ ái ố dục, tại sao lại cầu sanh thế giới tây phương cực lạc?] Phải biết ngã Phật thị hiện dạy bảo, tuy có ngàn sai vạn biệt, không luận niệm Phật, tham thiền, tụng kinh, lễ sám, đều là khác đường mà cùng về một chỗ, chỉ đạt đến quả Phật làm mục đích. Mặc dù người đây theo lý đã chứng đặng lục căn thanh tịnh

cùng tứ đại đều không, nhưng cách chỗ Phật vẫn còn có 42 giai đoạn, nhu cầu thời khắc ra sức tự cường không dứt tranh thủ bờ lên.

Có như nhi đồng đi học, đọc sách từ trẻ thơ, nhưng chưa tiến tu đến tiểu học, trung học, đại học, trình độ trước vẫn còn xa, ngày sau mới lớn lên. Kẻ tu đạo cũng vậy, từ có tu niệm cho đến vô niệm, từ vô niệm tu đến không niệm mà niệm, do không niệm mà niệm, tiến lên mà chuyển thành đại dụng phồn thịnh hưng khởi, tiến thêm nữa từ đẳng giác cho đến diệu giác, tiếp theo cho đến cứu cánh quả Phật viên mãn. Kẻ tu đạo thời gian chưa đến cõi Phật cứu cánh viên mãn, liền chuyển sang cần cầu đến thế giới cực lạc phương tây, chỉ tu trì một pháp xưng danh niệm Phật, niệm mãi đến khi nào thành Phật mới thôi.

Do đây lại biết, tuy đặng sáu căn thanh tịnh cùng tứ đại giai không, nhưng cần xưng niệm A Di Đà Phật, cầu sanh thế giới cực lạc phương tây. Nhân vì cõi kia không có vướng mắc sanh già bệnh chết, thanh sắc tiền tài lợi danh không bị lôi cuốn mê hoặc, các bậc thượng thiện tụ hội một chỗ, tu đạo trợ

duyên thù thắng dị thường. Người nếu sanh đến cõi kia, không phải chỉ vĩnh cửu không đọa tam đồ, mà lại một đời có thể đạt đến vị Phật bồ xứ. Nhưng không phải trôi theo làn sóng, tùy ý niệm bao nhiêu tiếng Phật hiệu, kết cuộc không phải lao lực nhưng vẫn thu hoạch. Nhất định phải khó khăn đến mấy cũng không nản chí, miệt mài khổ tu chuyên chở một năm lẽ tám, do xưng danh niệm Phật mà được nhất tâm bất loạn, trời đất đều không, đến cảnh giới nhân ngã đều không, mới có thể có chỗ thành tựu.

Nguyên nhân con người đây nhân thiện nghiệp quả đồng nhau, cho nên sanh chung một chỗ, sao có ngăn ngại? Có như nhân loại trong thế gian, người nghèo cùng người nghèo vui mừng được ở chung một chỗ, người giàu cùng người giàu nguyện trụ một nơi, quân tử cùng mưu phước lợi, tiểu nhân đồng lợi làm bạn hữu, mỗi mỗi không lẫn lộn nhau. Người tôi đã dùng xưng niệm công phu, chứng đặng lục căn thanh tịnh cùng tứ đại đều không, đương nhiên người có thể chứng đặng sáu căn thanh tịnh cùng tứ đại đều không, chung ở thế giới tây phương cực lạc, đồng hưởng pháp lạc, lục thông tự tại, diệu dụng vô cùng, đặng đại giải thoát.

Phật nói thế giới có vô lượng vô biên, nhân loại nếu tạo ác nghiệp, tức sanh thế giới khổ não, nếu tạo thiện nghiệp, tức sanh thế giới cực lạc, nếu tạo không phải thiện không phải ác, tức sanh thế giới không khổ không vui, thiện ác đã có ngàn sai vạn

biệt, thế giới cũng có vạn sai ngàn biệt, nhân tâm không đồng, giống như mặt người, thế giới không đồng, giống như tâm người. Thế giới tuy có ngàn sai vạn biệt không giống nhau, chung quy không ra ngoài một niệm tâm của tôi,

nghĩa là dùng một niệm thiện tức thiên đường, một niệm ác tức địa ngục, một niệm tịnh tức thánh nhân, một niệm nhiễm tức phàm phu. Thế giới cực lạc phương tây, mặc dù cách xa mười vạn ức lộ trình, nếu người có thể dùng công phu xưng niệm, chứng đẳng lục căn thanh tịnh cùng tứ đại giai không, chúng ta trong cõi dơ bẩn năm trước ác thế, ngay lúc đó biến thành cõi an lạc thanh tịnh, cõi kia cõi đây không cách đầu sợi lông, sao phải bỏ gần cầu xa? Cổ Đức nói: [Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật không đi.] Quyết định sanh đây tức là chuyển phàm thành thánh, thật không đi đây tức là lập địa thành Phật, hai ý sanh đi kỳ thật chính là không phân biệt mà phân biệt, phân biệt mà không phân biệt. Do đây có thể thấy, kỳ thật cầu sanh thế giới cực lạc phương tây, cũng là đạt đến cảnh giới lục căn thanh tịnh cùng tứ đại giai không, người đạt đến lục căn thanh tịnh cùng tứ đại giai không, cũng tự có thể đạt đến cảnh giới màu nhiệm của thế giới cực lạc phương tây. Hiện tại nhân vì chưa có đạt đến quả Phật tuyệt đối viên mãn, cho nên cần xưng niệm Phật A Di Đà nơi thế giới cực lạc phương tây, khiến đoạn trừ nghiệp lực của vô minh phiền não, vào biển tánh của bình đẳng cứu cánh, mới là mục đích sau cùng của kẻ tu đạo.

5)- Nguyên Do Tiết Mục Vu Lan Bồn.-

Ngày 15 tháng 7 âm lịch là ngày Phật hoan hỷ, tục xưng tiết mục Vu Lan Bồn hoặc Vu Lan Thắng Hội. Ở Hương Cảng chín nơi cử hành lễ Vu Lan Thắng Hội, nhất là tập đoàn kiều bào Triều Châu cùng hàng xóm, đều có một lần tổ chức nghi thức trọng thể, tạo đại pháp hội, đốt áo thí thực, cúng dường cô hồn, ảnh hưởng vô cùng, liền khiến một nhóm dân chợ,

không ai không cho Vu Lan Bồn là tiết mục của quý. Kỳ thật, đại chúng đối với tiết mục Vu Lan Bồn đích thực chân chánh hợp nghĩa, đã vậy ngày càng chênh mảng. Do nơi không biết nguyên do của nó, tự nhiên khó dùng chiếu soi nguyên ý của nó để thật hành, đại chúng chỉ là căn cứ kiểu tranh vẽ hồ lô, không hỏi xanh vàng đỏ trắng.

Vu Lan Bồn nguyên là tiếng Ấn Độ, dịch thành tiếng Trung Hoa, ý nghĩa là [giải đảo huyền]. Là nói chúng sanh thọ khổ cực trọng, giống như đảo ngược, hiện tại có

người thiết lập pháp cứu khổ. Nước tôi cử hành lễ trai đàn Vu Lan Bồn, là mở đầu nơi Lương Vũ Đế Đại Đồng năm thứ tư, sau lần lần thành hành, một mực lưu truyền đến nay.

Cốt truyện tiết mục Vu Lan Bồn, nguyên xuất ra từ tôn giả Đại Mục Kiền Liên của Phật giáo. Mục Liên là một trong mười đại đệ tử lớn của đức Phật Thích Ca, ngài sau khi xuất gia tinh tấn tu đạo, không bao lâu liền chứng quả A La Hán, đạt được sáu pháp thần thông. Chỗ gọi thần thông là:

- 1)- Thần Túc Thông, biến hiện tự tại, qua lại không trở ngại,
- 2)- Thiên Nhãn Thông, thiên đường địa ngục đều thấy không trở ngại,
- 3)- Thiên Nhĩ Thông, xa gần nghe tiếng không trở ngại,
- 4)- Tha Tâm Thông: tâm niệm người khác, tất nhiên biết không trở ngại,
- 5)- Túc Mạng Thông, biết mình và người, tiền thân không trở ngại,
- 6)- Lậu Tận Thông, phiền não lậu tận, sanh tử không trở ngại.

Mục Liên sau khi tự xuất gia, chưa có thể biết vong mẫu sanh nơi xứ nào, nay đã đặng thần thông, liền dùng thiên nhãn quán trên 28 tầng trời, xem dưới 18 tầng địa ngục, tìm kiếm đến chỗ, kết quả đều không có chỗ nào gặp được, kế tiếp quán trở lại trong đường ngạ quỷ, thấy có vô số ngạ quỷ hình trạng quái lạ ở trong đó chịu khổ, nơi đây thời gian chỉ một sát na, Mục Liên bỗng nhiên phát hiện vong mẫu cũng ở trong đó, bụng bà như trống lớn, cổ họng nhỏ như lỗ kim, năm này qua năm khác, đói khát liên tiếp thúc ép. Mục Liên thấy mẹ mình tình trạng thâm thảm, vạn phần đau thương. Nơi đó lập tức dùng bình bát đựng đầy cơm, dùng thần túc thông, đến dâng cúng cho mẹ, sau khi mẹ đặng bát cơm, liền dùng tay trái che đậy bát cơm, sợ các quỷ khác giành ăn, tay mặt bóc ăn, do vì có thể quá đói. Không dự tính trước, mẹ ngài nguyên do sanh tiền san tham, liền đọa vào đường quỷ, tất phải thọ báo, cơm đến bên miệng, bỗng nhiên hóa thành than lửa. Mục Liên tuy thần thông lớn, cũng không thể làm sao, Mục Liên bi thảm khóc than, bàn hoàn hồi lâu, chung

cuộc không có phương pháp nào khác, liền chạy về chỗ Phật, đem sự tình đối trước Phật tường trình, thỉnh Phật thiết lập phương tiện, cứu vãng mẹ ngài.

Phật nói, mẹ ông tội căn rất nặng, sanh tiền không tin tam bảo, thường sát hại sanh mạng, không tin nhân quả, rộng tạo các tội, cho nên nay thọ báo, chỉ sức của một nhà ông, làm sao có thể cứu khỏi? Chỉ có một pháp, mượn sức oai thần của chúng tăng trong mười phương, mới có thể khiến bà

thoát ly thống khổ. Ý nói Phật đà tuy nhiên pháp lực không thể nghĩ bàn, cũng không thể trực tiếp cứu vãng mẹ ông, nhân vì Phật cũng không thể chuyển được định nghiệp. Tất nhiên phải đợi ngày 15 tháng 7, chúng tăng kết hạ an cư kết thúc, dùng món ăn quý trăm vị, hoặc giường nệm tọa cụ, cúng dường đại đức tăng trong mười phương. Nhờ tăng chúng đồng tâm hiệp lực, vì mẫu thân của ông phát nguyện hồi hướng, mới có thể đem mẫu thân của ông từ trong đường ngạ quỷ cứu ra khỏi liền được sanh thiên.

Kết hạ an cư là một pháp môn của Phật chế, tăng lữ xuất gia, nơi từ ngày 15 tháng 4 đến ngày 15 tháng 7, kết hạ an cư, không nhất định tùy chỗ thay đổi. Có vị nhập định ở trong núi, hoặc ngồi tĩnh tọa ở dưới gốc cây, có người tự lợi, chứng đặng quả A La Hán; có vị lợi tha, chúng sanh cũng có thể chuyển phàm thành thánh, đến ngày 15 tháng 7 này, đại chúng vân tập một chỗ, cộng đồng thật hành pháp tự tứ. Ở trong ba tháng đây, người nếu có phạm lỗi, theo người đề cử chỗ phạm, đối trước chúng phát lồ sám hối. Ngày đây phạm thánh đồng tụ hội, bậc thánh đã chứng quả thánh, kẻ phạm đã sau khi tự tứ, cũng đặng thanh tịnh, cho nên gọi là [ngày Phật hoan hỷ]. Nhân đây, nếu có người nơi ngày này thiết trai cúng dường tăng, có thể thu hoạch vô lượng công đức thù thắng. Kinh nói: [Nếu có người cúng dường những thứ tự tứ tăng đây, cha mẹ hiện thế lực thân quyến thuộc, đặng ra khỏi khổ ba đường, nên khi giải thoát, y thực tự nhiên. Cha mẹ của họ hiện tại phước lạc trăm năm. Nếu cha mẹ bảy đời của họ, đều có thể sanh thiên, tự tại hóa sanh].

Mục Liên nương nơi Phật đề nghị, xin được thực hiện sở nguyện. Người đời sau có thể nương theo tấm gương đây, cũng chọn nơi đây là ngày trai tăng; có người cho là tăng lữ xuất gia, tha phương cầu thực, đi xa tầm sư hỏi đạo, đây mới là không thuận hiếu đạo. Kỳ thật người đời chỉ chú ý trước mắc, cha mẹ còn tại thế chọn phụng sự cho là hiếu, cha mẹ quá vãng chọn lễ nghi an táng, đứng ra đây chỉ là tiểu hiếu mà thôi. Thật không biết cha mẹ hiện tại và cha mẹ quá khứ, nếu tạo ác nghiệp, tất nhiên bị đọa ác đạo, nên dùng phương pháp gì để cứu cha mẹ ra khỏi khổ nạn? Nếu

thật có thể dứt bỏ tình yêu, sớm vào Phật môn, tinh tấn tu đạo, trải qua một ngày ngàn thời, chứng đặng quả thánh, lúc đó không phải chỉ tự mình hoàn toàn giải thoát sanh tử, mà lại còn cha mẹ nhiều đời và trải qua nhiều kiếp oán thân, đều có thể cứu ra khỏi bể khổ được sanh lên cõi trời. Có như cốt truyện Mục Liên cứu mẹ, mới là đạt đến tông chỉ đạo hiếu chân chánh. [Còn sống phụng sự ái kính, đã chết phụng sự bi thương.] đây là tiểu hiếu của thế gian; [Một đứa con xuất gia, ông bà được lên trời.] đây mới là đại hiếu. Lại nói, chúng sanh sống chết tương tục, đều do tham ái làm căn bản, tham ái không dứt, ái không thể ly khai, thì thế gian, các cha mẹ con cháu nối tiếp nhau không dứt, không có kỳ hạn. Nếu chỉ có phụng sự cúng bái quỷ thần mà không biết hiếu đạo, thì lại không đủ tư cách nói đến Vu Lan Thắng Hội

II.- NÓI KHÁI QUÁT TÁM TÔNG PHẬT GIÁO TRUNG QUỐC.-

1.- Duyên Khởi Tám Tông.-

Thời gian Phật Đà còn tại thế thuyết pháp 49 năm, đàm luận kinh pháp hơn 300 hội. Sau khi Phật nhập diệt, do A Nan thuộc lòng nói ra pháp của Phật chỗ thuyết, Ưu Bà Ly thuộc lòng nói ra luật tạng, Phú Lô Na thuộc lòng nói ra luận tạng, Tôn Giả Ca Diếp nhiệm vụ chủ trì sự việc kết tập, gọi đó là Thượng Tọa Bộ. Ngoài đây, đại chúng phạm thánh tụ tập, thực hành riêng cũng thuộc lòng nói ra kinh tạng, luật tạng, luận tạng, tạp tạng, chú tạng, gọi là Đại Chúng Bộ. Thời gian này tuy phân hai bộ Thượng Tọa cùng Đại Chúng, nhưng đối với tông chỉ của Phật, đều thấy không khác, thời gian một trăm năm, các sư truyền thừa, hòa hợp như nước với sữa, thuần là một vị.

Từ Phật Đà diệt độ sau một trăm năm, các sư tranh chấp liên tục xuất hiện, thẳng đến thời gian bốn trăm năm, Đại Chúng Bộ thì phân thành chín phái, còn Thượng Tọa Bộ cũng phân thành 11 bộ phái.

Thời gian sau Thế Tôn diệt độ khoảng 5600 năm, có Mã Minh, Long Thọ, Long Trí, Đề Bà vân vân, các đại sư nói trên liên tục xuất thế, phát dương Đại Thừa Phật Giáo; ảnh hưởng Tiểu Thừa Phật Giáo lần lần suy vi; Đại Thừa liên hưng thịnh, đến sau Phật nhập diệt 1300 năm, Bà La Môn giáo hưng khởi, lại thêm tín đồ Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ, liên tục xâm nhập Ấn Độ sát hại Phật giáo, hủy diệt Phật giáo, nơi Ấn Độ Phật giáo hoàn toàn tiêu diệt.

Nơi Trung Quốc, thời Minh Đế Đông Hán, Phật giáo đã truyền vào. Từ sáu triều đại đến năm mạt Đường, phiên dịch kinh Phật phân làm ba thời kỳ, thời kỳ đầu do Phạm Tăng

dịch, thời kỳ giữa do Trung Hoa và Phạm Tăng phối hợp dịch, thời kỳ cuối do tăng Trung Quốc dịch. Trong ba thời kỳ này tại Trung Quốc Phật giáo Đại Thừa phát triển thành 13 tông phái; Phật giáo Tiểu Thừa có hai tông phái, tức là Câu Xá Tông cùng Thành Thật Tông; tại Trung Quốc Phật giáo Đại Thừa do Hỷ Ái phát dương, cho nên tông phái Tiểu Thừa, lần hồi ẩn dật, lúc đó tông phái Đại Thừa chính là căn bản của Phật giáo Trung Quốc. Về sau nhân Pháp Sư Huyền Trang dịch kinh ảnh hưởng, đến triều đại nhà Đường Phật giáo cộng phân thành tám tông phái lớn.

Đầu tiên Phật giáo Đại Thừa tại Ấn Độ cũng phân làm Không Tông cùng Hữu Tông, về sau Không Tông truyền vào Trung Thổ, do Pháp sư La Thập đời Diêu Tần thành lập Tam Luận Tông. Hỷ Ái đọc Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận có thể học tông này. Có tông truyền vào Trung Thổ, do Pháp Sư Huyền Trang thành lập Pháp Tướng Tông; Hỷ Ái đọc “Kinh Giải Thâm Mật”, “Du Già Sư Địa Luận”, có thể học tông này. Đời Đông Tấn Đại Sư Huệ Viễn thành lập Tịnh Độ Tông, Hỷ Ái đọc “Kinh A Di Đà”, “Kinh Vô Lượng Thọ”, có thể học tông này. Đời nhà Lương Đại Sư Đạt Ma thành lập Thiền Tông, Hỷ Ái đọc “Kinh Lăng Già”, “Kinh Kim Cang”, có thể học tông này. Đời nhà Tùy Đại Sư Trí Giả thành lập Thiên Đài Tông, Hỷ Ái đọc “Kinh Pháp Hoa”, “Luận Đại Trí Độ”, có thể học tông này. Đời nhà Đường Luật Sư Đạo Tuyên thành lập Luật Tông, Hỷ Ái đọc “Kinh Phạm Võng”, “Du Già Bồ Tát Giới”, có thể học tông này. Cũng đời nhà Đường Sư Hiền Thủ thành lập Hoa Nghiêm Tông, Hỷ Ái đọc “Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm”, có thể học tông này. Cũng đời Đường Thiện Vô Quý, Kim Cang Trí, Tam Tạng Ba

Hỷ Ái đọc “Kinh Đại Nhật”, “Kinh Kim Cang Đỉnh”, có thể học tông này. Riêng có Nhiếp Luận Tông, dung hợp vào Pháp Tướng Tông; Niết Bàn Tông dung hợp vào Thiên Thai Tông; Địa Luận Tông dung hợp vào Hoa Nghiêm Tông. Cho nên Đại Thừa Tông Phái Trung Thổ, chỉ có tám đại tông là Pháp Tướng, Tam Luận, Hoa Nghiêm, Thiên Đài, Luật, Tịnh, Luật, Mật. Chỗ gọi: [Phương tiện có nhiều cửa, chung quy không hai đường.]

Trong tám đại tông phái không giống nhau, có tông phái chú trọng hành trì, có tông phái chú trọng lý luận, có tông phái nương tự lực, có tông phái nương tha lực. Thiền

Tịnh Luật Mật là chú trọng hành trì; Tam Luận, Duy Thức là chú trọng lý luận; Thiên Đài, Hiền Thủ chú trọng cả hành trì và lý luận. Lại nữa, Tịnh Độ, Mật Tông, là nương nhờ tha lực; Tam Luận, Duy Thức, Thiên, Luật, bốn tông này là nương nhờ tự lực; còn Thiên Đài, Hiền Thủ thì nương nhờ hai lực tự và tha.

2.- Đại Ý Thiên Đài Tông.-

Thiên Thai Tông y cứ nơi núi mà đặt tên, thời nhà Tùy, Đại Sư Trí Giả, cư ngụ tại tỉnh chiết giang núi thiên đài, đề xướng giáo quán thiết lập một tông phái, đời sau gọi là Thiên Đài Tông, cũng gọi là Pháp Hoa Tông, do nơi tông này chọn “Kinh Pháp Hoa” làm tông chỉ.

Cao Tổ Đại Sĩ Long Thọ, sanh nơi Ấn Độ, xưa gọi là Nam Thiên Trúc, là thuộc giòng Bà La Môn, thiên tư thông minh, đến thời 20 tuổi thông đạt thiên văn, địa lý, và các đạo thuật. Đại Sĩ xuất gia, chín tuần liền đọc thông ba tạng, liền đi chu du các nước, chinh phục phá vỡ các đại luận sư nội ngoại đạo, đích

thân trước tác rất nhiều sách vở, được xưng là Thiên Bộ Luận Sư.

Nhị Tổ Bắc Tề Thiên Sư Huệ Văn, từng đọc “Đại Trí Độ Luận” văn của [chứng đắc ba trí thật tại trong nhất tâm], lại đọc “Trung Quán Luận”, Phẩm Tứ Đế: bài kệ nói rằng, [Nhân duyên chỗ sanh ra pháp, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa trung đạo], bỗng nhiên ngộ nhập diệu lý tức không, tức giả, tức trung đạo, mà lập ra pháp môn Nhất Tâm Tam Quán.

Tam Tổ Hồ Nam, Hoàn Dương Nam Nhạc Đại Sư Huệ Tư, năm 15 tuổi xuất gia thọ giới cụ túc, khi năm 20 tuổi tham bái Thiên sư Huệ Văn, trực tiếp thọ yếu chỉ tâm quán, trải qua 17 ngày, liền động tám súc (tức động, ngứa, nhẹ, nặng, lạnh, ấm, rít, trơn, vân vân tám thứ cảm súc), lại ngộ Pháp Hoa Tam Muội, sau từ đầu, nghĩa kinh chưa mở, cũng đều thông đạt.

Tổ thứ tư, Đại sư Trí Giả Thiên Đài, chỗ gọi là [Trí Giả], chính Tùy Dương Đế sắc phong. Đại sư lúc 18 tuổi, đến Đại sư Pháp Tự xuất gia, năm 12 tuổi thọ giới cụ túc. Năm 22 tuổi, Đại sư thân cận Đại sư Huệ Tư, Sư Huệ Tư một khi thấy Sư Trí Giả liền nói: [Ngày trước nơi Linh Sơn, đồng nghe Pháp Hoa, túc duyên chỗ tìm lại, ngày nay đến gặp vậy.] Do đây có thể biết, đủ có nguyên nhân phi phạm. Một ngày sư Trí Giả trì tụng “Kinh Pháp Hoa”, đến phẩm Dược Vương: [Chư Phật đồng tán dương nói câu , lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, là chân tinh tấn, là tên chân

pháp, cúng dường Như Lai.] Bỗng nhiên nhập định, thấy chung quanh Sư Huệ Tư, nơi Linh Sơn nghe pháp, sư Huệ Tư tán trợ trở lại nói: [Không phải ông không chứng, không

phải tôi không ai không biết, chỗ nhập định đây chính là Pháp Hoa Tam Muội Tiên Phương Tiệm vậy, mặc dù sư Trí Giả khiến dùng văn tự, ngàn ngàn vạn chứng, cũng không thể tranh cãi cùng sư Huệ Tư, trong lúc sư Huệ Tư đang thuyết pháp, sau cùng là đệ nhất nghĩa.]

Giáo quán của Tông này, đại ý có năm:

1/- Tam Đế Viên Dung. Tông này quán tất cả pháp, tức không, tức giả, tức trung. Tức trung, là lý chân đế, tất cả pháp đều tiêu tan; tức giả, là lý tục đế, thiết lập tất pháp; tức trung, là trung đế, nói chung tất cả pháp, tất cả pháp vốn không, chúng sanh mê lầm, chấp cho là thật, vọng sanh tri kiến, do đây không quán diệt sạch, để hoàn toàn là lý chân không, cho nên gọi là không đế. Lại do các pháp tuy là không, đều không thể được, do đây giả quán chiếu, thì năng để hoàn toàn là tánh chân thật của các pháp, thứ đến giống như giả, nên gọi là giả đế. Các pháp xưa nay không lia hai bên, không tức hai bên, do trong đây mà quán, thì các pháp hoàn toàn năng đế, không phải chân không phải tục, cũng tức chân tức tục, viên dung vô ngại, không thể nghĩ bàn, nên gọi là trung quán, đây chính là quán thứ ba. Lại nữa, một không tất cả đều không, trong giả đều không, một giả tất cả đều giả, trong không đều giả, một trung tất cả đều trung, không giả đều trung, đây chính là thông tướng tam quán. Lại nữa nơi trong một tâm niệm, ba quá đầy đủ, viên dung lẫn nhau đầy đủ, dung thông không ngăn ngại, đây chính là nhất tâm tam quán.

2/- Trăm Giới Ngàn Như. Tông này quán tất cả pháp, tức không, tức giả, tức trung, không phải chân không phải tục, không phải một không phải khác, đều là thật tướng, hoặc gọi là như, hoặc xưng là như thị, các pháp có mười như thị. Chỗ gọi là: như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác dụng, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mạt cứu cánh vân vân. Chỗ gọi là mười pháp giới: (1) giới địa ngục, (2) giới nạ quỷ, (3) giới súc sanh, (4) giới tu la, (5) giới nhân sanh, (6) giới thiên đường, (7) giới Thanh văn, (8) giới Duyên giác, (9) giới Bồ tát, (10) giới Phật đà. Nơi trong mười pháp giới, có 11 giới, trong 11 giới lại có đủ 10 giới, 10 giới đây lẫn nhau đầy đủ thành 100 giới. (chú ý: mười giới lẫn nhau đầy đủ nghĩa là: $10 \times 10 = 100$.)

Lại 100 giới đây, trong đó có 11 giới đầy đủ 10 như thị, 100 giới đầy đủ lẫn nhau chính thành 1000 như thị. (chú ý: $100 \times 100 = 1,000$)

3/- Một Niệm Ba Ngàn. Nơi trước trong một trăm pháp, đều có đầy đủ 3 thứ thế gian, tức là chúng sanh thế gian, quốc độ thế gian, ngũ ấm thế gian. Trong 3 thứ thế gian đây, lại có đầy đủ 1000 như thị, như thị nương nhau, mới thành 3000 thế gian, lại gọi là 3000 các pháp, gọi chung là tất cả pháp. 3000 các pháp đây, đầy đủ một tâm niệm, chính là đầy đủ pháp tánh, thể của nó viên dung màu nhiệm, gọi là lý đầy đủ 3000. Pháp tánh đây vốn đầy đủ 3000 các pháp, gặp duyên hiện khởi, các tướng giống như, gọi là Sự tạo ra 3000, Sự đầy cùng Lý, viên dung tức tướng, nghĩa là không phải một không phải hai, màu nhiệm không thể nghĩ bàn.

4/- Mười Thừa Quán Pháp. (1) Quán cảnh không nghĩ bàn. Là quán người tôi hiện tiền một tâm niệm, đầy đủ 3000 các pháp. (2) Phát tâm bồ đề chân chánh. Trước khi chưa chứng ngộ, dễ khởi tâm giải đãi, là dùng phát tâm trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. (3) Khéo léo an tâm, khéo léo phương tiện, an trụ nơi trong pháp tánh. (4) Phá tình chấp. Tức nương nơi nhất tâm tam quán, mà phá tam hoặc tình chấp, dung chiếu trung đạo, khiến đạt đến không và giả. (5) Biết đặng mất. Trước khi chưa ngộ nhập vô sanh, ông phải kiểm thảo đặng mất. (6) Phân phối thích hợp đạo phẩm. Nơi 37 phẩm trợ đạo, điều đình thích đáng. (7) Đối trị giúp đỡ mở bày. Tu quán không pháp mở bày và phát triển lý viên dung, tất nhiên phải mượn lực độ trợ giúp hành sự. (8) Biết thứ lớp phẩm vị. Như không biết thứ lớp phẩm vị, dễ suy tính chưa chứng đắc lại cho là đã chứng đắc. (9) Năng an nhẫn. Khi chưa vào năm phẩm vị, thuận nghịch cần dung thông kiên nhẫn. (10) Lìa pháp ái. Như chấp ngôi vị tương tự thập tính, hoặc được lực căn công dụng lẫn nhau, nếu lỗi ái chấp, liền bị rơi xuống tội đỉnh ái chấp.

5/- Sáu Tức Phật. (1) Lý Tức Phật. Là chỉ cho tất cả chúng sanh, tất nhiên đầy đủ Phật tánh, tánh và tướng thường trụ, một sắc một hương, không phải trung đạo, lý tánh tuy đủ, nhân thiếu giải thích hành trì, nên không pháp để chứng đắc. (2) Danh Tự Tức Phật. Hoặc theo tri thức, hoặc theo quyền kinh, nghe trên chỗ nói, một đạo của sự thật, giải thích thông đạt hoàn toàn, tất cả đều có thể thành Phật. (3) Quán Hành Tức Phật. Không chỉ hiểu biết trên danh tự, lại tiến theo y giáo phụng hành, chỗ thật hành như chỗ nói, chỗ nói như chỗ thật hành. (4) Tương Tự Tức Phật. Đặng ngôi vị sáu căn thanh

tịnh, đoạn trừ kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, bao gồm hàng phục hoặc vô minh, con mắt có thể thấy thấu suốt các cảnh 3000 thế giới, tai có thể nghe thấu suốt âm thanh 3000 thế giới, tuy chưa chứng thật, tức tương tự nơi chứng chân thật, đây cũng là ngôi vị thập tín. (5) Phần Chứng Tức Phạt. Huệ quán tăng gấp bội, phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân, từ sơ trụ đến đẳng giác, mỗi phần phá 41 bậc vô minh, mỗi phần thấy Phật tánh. (6) Cứu Cánh Tức Phạt. Đoạn trừ bậc thứ 42 phát hiện trí giác cứu cánh viên mãn, trí và đoạn hai đức viên mãn, nghĩa là không còn hoặc có thể đoạn, không còn lý có thể chứng, tức ngôi vị diệu giác thuộc quả cuối cùng của viên mãn cứu cánh.

[Tức] là chỉ cho nghĩa không hai, mà ở trên tu chứng có [sáu]. Như chỉ biết [tức] mà không biết [tất], có [sáu tất] (Sáu Tất là sáu hiểu biết tất cả), là thuộc chấp kiên cố về lý, chúng sanh và Phật nhất như, mê và ngộ không hai, thì dễ sanh tăng thượng mạn. Nếu chỉ biết [sáu] mà không biết tất [tức], thì dễ sanh tự ty mặc cảm, cho nên càng lập sáu tức dùng hiển bày thí chung của phàm thánh, mà đầu tiên và sau cùng của lý thể, đều không hai làm mục đích vậy.

3.- Đại Ý Hoa Nghiêm Tông.-

Tông này nương nơi “Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm” để kiến lập nghĩa lý của tông, nên gọi là Hoa Nghiêm Tông. Đến Đại Sư Hiền Thủ, học thuyết tông này mới hoàn bị, nên cũng gọi Hiền Thủ Tông. Dùng sáng tỏ pháp môn Pháp Giới Tự Tại Vô Ngại, nên cũng gọi là Pháp Giới Tông. Phật thành đạo 37 ngày, vì hai Đại Bồ Tát Văn Thù và

Phổ Hiền, nói pháp môn Nhất Thừa Tối Cao Thâm Sâu Viên Mãn, Nhị Thừa khả năng kém, không ai có thể lãnh hội để giải thích. Sau Phật diệt độ thời gian năm 5600 năm, có Bồ Tát Long Thọ người nước Nam Thiên Trúc, đến trong Long Cung thấy “Kinh Hoa Nghiêm” đây có ba bản, hai bản Hoa Nghiêm thượng và trung, không phải sức của phàm phu có thể hành trì, chính truyền tụng xuống bản kinh Hoa Nghiêm 10 vạn kệ tụng, trong đó có 48 phẩm, lưu truyền khắp thế giới.

Trong năm Nghĩa Hi đời Đông Tấn, có Phật Đà Bạt Đà La, bắt đầu dịch “Kinh Hoa Nghiêm”, thành 60 quyển, 34 phẩm, xưng là cựu kinh. Thử đến, khi Đường Võ Hậu, có Thật Xoa Nan Đà, dịch lại kinh này, thành 80 quyển, 42 phẩm, lại xưng là tân kinh. Kế đến trong năm Trinh Nguyên Đường Đức Tông, Tam Tạng Bát Nhã dịch riêng một phẩm Nhập Pháp Giới, thành 40 quyển.

Kinh này từ Phật Đà Bạt Đà La phiên dịch mang đến, kinh sớm được trình bày, nhưng còn chưa thành tông. Thời gian mãi đến đời Trần đời Tùy, Thiền sư Đỗ Thuận ở Chung Nam Sơn, giải thích tổng quát mục đích sâu xa khó hiểu của Hoa Nghiêm, sáng tác thành Pháp Giới Quán một quyển, lại sáng tác Chỉ Quán Ngũ Giáo một quyển, mới xác định được cơ sở của một tông, từ đó Thiền sư Đỗ Thuận trở thành Sơ Tổ của Tông Hoa Nghiêm Đông Thổ. Đỗ Thuận là đệ tử của Pháp sư Trí Nghiễm, Pháp sư Trí Nghiễm truyền thừa giáo nghĩa của Tông Hoa Nghiêm, tinh cần nghiên cứu Giáo Tướng, sáng tác năm quyển “Hoa Nghiêm Kinh Lược Sơ”, đồng thời sáng tác “Thập Huyền Môn”, “Lục Tướng Chương”, “Khổng Mục Chương” vân vân, và đem trình bày ý nghĩa của chúng, và ngài cũng là

Tổ Thứ Hai. Đến Tổ Thứ Ba là Đại sư Hiền Thủ, ngài sáng tác “Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký” 20 quyển, lại sáng tác “Hoa Nghiêm Khoa Giải”, “Hoa Nghiêm Thập Chung Chỉ Quán” vân vân, chú thích chương mục hơn 20 bộ, thành tựu giáo nghĩa của một tông, đệ tử tông môn số vạn người, độ lớn của bốn tông, đến đây hiển bày mới hoàn bị.

Tông này chọn Nhất Tâm Pháp Giới, Duyên Khởi Vô Tận, làm một học phái Huyền Tông của giáo quán. Chỗ gọi cộng lại bao gồm vạn hữu, tức là nhất tâm, nơi đây qua lại trên nhất tâm pháp giới không ngăn ngại, vô lượng sắc tâm sai biệt bỗng nhiên hiển hiện sáng tỏ, một và nhiều liền nương nhau, lớn và nhỏ dung thông lẫn nhau, lớp lớp vô tận, cũng như lưới châu của Trời Đế Thích biến khắp viên mãn, dung thông lẫn nhau, mà không ngăn ngại, đây gọi là pháp giới duyên khởi, cũng gọi là duyên khởi vô tận, tức là pháp giới vạn sự vạn pháp, hữu vi vô vi, sắc và tâm nương nơi chân chánh, quá khứ hiện tại vị lai, lẫn nhau làm năng lực duyên khởi, và chỗ duyên khởi. Do đây một pháp, duyên tất cả pháp, do tất cả pháp, duyên một pháp đây, dựa vào nhau giúp đỡ lẫn nhau, bảo dưỡng lẫn nhau dung hợp lẫn nhau, làm thành Nhất Đại Duyên Khởi.

Cộng lại bao gồm vạn hữu, tức là nhất tâm, tâm dung thông vạn hữu, liền thành 4 thứ pháp giới:

1/- Sự Pháp Giới, tất cả sai biệt, vô lượng sự tướng, đều có chia đều nhau, thí dụ như công cụ tù vàng sanh ra, thành các thứ hình, không hỗn tạp nhau.

2/- Lý Pháp Giới, thể lý bình đẳng, không tăng không giảm, là chỗ nương tựa củ sự tướng, gọi là pháp tánh, cũng gọi là chân như, thí dụ như các thứ vàng, tướng của nó tuy khác, thể của chúng nó thì một loại.

3/- Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới, sự do nắm lý mà thành, tức lý là sự; lý do sự mà hiển, tức sự là lý; tức dung thông lẫn nhau, chân như tức vạn pháp, vạn pháp tức chân như, chân như vạn pháp dung thông không ngăn ngại, thí dụ như vàng tức dụng cụ, dụng cụ tức vàng.

4/- Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới, các pháp nhiều như vi trần, bảo dưỡng lẫn nhau vô ngại, bảo dưỡng hình chất ngay lập tức, vào trong hình chất ngay lập tức, trùng trùng vô ngại, một vi trần một mảy lông, đầy đủ tất cả pháp, nêu lên một là thu nhận đầy đủ, đầy đủ tương ứng, thí dụ công cụ đồng nhất, dung thông ngay lập tức, đây chính là giáo nghĩa của Viên Giáo Sở Hiển.

Tông này thuyết minh tướng trạng pháp giới duyên khởi sự sự vô ngại, mà lập giáo nghĩa của sáu tướng viên dung. (1) Một là Tổng Tướng, trong một vi trần, hàm chứa vạn pháp, thí dụ như lầu phòng, dùng cốt sắt nước và bùn tổng hợp xây thành. (2) Hai là Biệt Tướng, tất cả vạn pháp, có sắc và tâm, lý và sự vãn vãn sai biệt, thí dụ như cốt sắt nước và bùn của lầu phòng đều khác nhau không đồng. (3) Ba là Đồng Tướng, vạn pháp tuy có sai biệt, có thể dung thông liền thành một thể, thí dụ như cốt sắt nước bùn hòa hợp lẫn nhau, xây thành lầu và phòng. (4) Bốn là Dị Tướng, các pháp tuy có thể dung thông liền thành một pháp, nhưng chưa mất tướng sai biệt của các pháp, thí dụ như cốt sắt, nước bùn, hình tướng,

công dụng mỗi mỗi không giống nhau. (5) Năm là Thành Tướng, các pháp sai biệt, do dung thông là nguyên nhân trở thành một thể, thí dụ như cốt sắt, nước, bùn, nội kết với nhau xây thành lầu phòng. (6) Sáu là Hoại Tướng, các pháp sai biệt, mặc dù có thể dung thông liền để thành một thể, bản chất các pháp chưa thường cải biến, thí dụ như lầu phòng tuy là một, nhưng cốt sắt, nước và bùn mỗi mỗi đều trụ nơi pháp của mình. Tất cả các pháp đều đầy đủ sáu tướng, tướng lẫn nhau đều sai biệt, lẫn nhau liền dung thông, sáu tướng đây không ra ngoài hai môn, tổng tướng, đồng tướng, thành tướng, là viên dung môn; biệt tướng, dị tướng, hoại tướng, là hành bố môn (Bố là phối bày ra); viên dung và hành bố, tức là tướng, vào trong tướng, dung thông không ngăn ngại.

Tông này dùng Pháp Giới Quán làm then chốt cần yếu môn quán của một Tông. Pháp quán này sơ lược có ba lớp: (1) Một là Chân Không Tuyệt Tướng Quán, quán bản tánh của các pháp tức là không, không đây không phải đoạn diệt, cũng không phải không của lìa khỏi sắc, tức có không cụ thể, không của cái không đây tức là không có tướng, nên gọi là chân không, nương nơi lý pháp giới mà thành lập pháp quán này. (2) Hai là lý sự vô ngại quán, trước chỉ quán chân không, đây thì quán sự tướng của các pháp, cùng lý chân như dung thông nhau rõ ràng, viên dung vô ngại, nên gọi là lý sự vô ngại quán, mà thành lập pháp quán này. (3) Ba là châu biến hàm dung quán, do quán thứ hai biết được lý sự tức dung thông, lại quán mỗi một pháp trần đồng đủ thể tánh chân như, vừa tiếp nhận nhau, vừa dung thông nhau, một và nhiều không ngăn ngại nh

trùng trùng không dứt, dung thông tự tại, lý hàm chứa vạn đức, như hư không kia, hàm chứa viên dung biến khắp, nên gọi là châu biến hàm dung quán, nương sự sự vô ngại pháp giới mà thành lập pháp quán này

4/- Đại Ý Thiên Tông.-

Tương truyền tông này là sau khi Phật Thích Ca thành đạo, thời gian 49 năm, nơi trên hội Niết Bàn, Phật liền cầm cành hoa thị chúng, đại chúng đều im lặng, chỉ có Đại Ca Diếp mở nét mặt mỉm cười. Phật liền tán thán Đại Ca Diếp nói: [Tôi có chánh pháp nhãn tạng, niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, nay phó chúc cho ông, ông khéo hộ trì.] Từ đây về sau, trải qua các triều đại, dùng tâm truyền tâm, khai thị ngộ nhập, tri kiến của Phật, không lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo lý. Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Tuy nói không lập văn tự, mà nơi văn tự Bát Nhã, cũng là chỗ không dùng, như tâm ấn Đạt Ma, trao pháp có “Kinh Lăng Nghiêm” bốn quyển, còn Hoàng Nhẫn thì đều hoàng truyền các như kinh Kim Cang, Duy Ma, Viên Giác vân vân. Nhưng đặc trọng tâm nơi tông thông, mà không ở nơi thuyết thông, chú trọng nơi chứng đạo, mà không ở nơi giáo đạo.

Tông này chỉ truyền pháp môn tâm ấn, từ Ma Ha Ca Diếp, truyền đến Tôn Giả A Nan, kéo dài truyền đến Đại Sư Đạt Ma, là Tổ thứ đời 28 nơi Ấn Độ. Đại Sư Bồ Đề Đạt Ma, sang đến đời nhà Lương ở Trung Thổ phổ phong là bảy năm, Đại Sư đến phía đông truyền pháp, là Sơ Tổ của Thiên Tông Trung Thổ. Lương Võ Đế nghe sư đến, nghênh đón đến Kim Lăng, hỏi vấn đề đạo, nhận thấy cơ duyên không thích hợp, sư liền từ

độ giang đến lạc dương, chỉ ở Tung Sơn Thiếu Lâm Tự, xây mặt vào vách tường chín năm, sau truyền tâm pháp cho Huệ Khả là Tổ thứ hai. Huệ Khả truyền tâm pháp cho Tăng Xán là Tổ thứ ba. Tăng Xán truyền pháp cho Đạo Tín là Tổ thứ tư. Đạo Tín truyền tâm pháp cho Hoàng Nhẫn là Tổ thứ năm. Hoàng Nhẫn truyền tâm pháp cho Huệ Năng là Tổ thứ sáu. Đại sư Huệ Năng truyền thừa y bát, du hành hóa đạo nơi phương nam, người đời gọi là Nam Thiên Tông. Đại sư Thần Tú cũng được truyền thừa giáo pháp nơi Tổ thứ năm, đi giáo hóa nơi phương bắc, người đời gọi là Bắc Thiên Tông. Nam Thiên Tông chủ trương đốn ngộ, Bắc Thiên Tông chủ trương tiệm tu, cho nên mới có danh xưng là Nam Đốn Bắc Tiệm.

Môn hạ của Đại sư Lục Tổ, kẻ đắc pháp gồm có 43 người, vì thế năm Tô thì truyền y bát, và sau đó, đối với Huệ Năng ngài nói: [Y bát là tranh chấp, ta ngưng lại chớ truyền, nếu truyền y bát đây, mạng ta như treo tơ tằm.] Sau đó, Tổ Huệ Năng thứ sáu chỉ truyền pháp mà không truyền y bát. Nơi trong các Tổ, tiếp hóa học nhân, đều có Gia Phong độc lập riêng biệt, nhân đây chính có năm nhà Thiên Phong:

1/- Thiên Phong Lâm Tế, điểm cốt yếu hàng đầu của Thiên Phong này to lớn và vững mạnh, như sét đánh gió to; phàm tăng có hỏi, liền đánh đòn cảnh cáo, hoặc bắt giữ vững chắc, làm cho mở ra vân vân.

2/- Thiên Phong Tào Động, phái này tiếp nhận hóa độ học nhân, bí ẩn kín đáo thuận lợi vững vàng liên tục, ân cần khẩn thiết không mệt mỏi, khiến đạo quân thần hòa hợp, nghiêng về chân chánh, trợ giúp lẫn nhau.

3/- Thiên Phong Ngụy Nguỡng, trợ giúp thầy xướng họa, sự lý đều thật hành, cha con một nhà, thể dụng song ảnh.

4/- Thiên Phong Vân Môn, cô đơn nguy hiểm tột đỉnh, gợn gàng minh bạch vui thích, không dùng nhiều ngôn ngữ, nửa lời hai câu, chứa chỉ thú vô hạn, rộng lớn vô tận.

5/- Thiên Phong Pháp Nhãn, chỗ đơn giản mà rõ ràng tựa hồ như cửa mây, chỗ bí ẩn kín đáo như Tào Động, ngôn ngữ tựa hồ bình thường, mà mỗi câu tựa chứa đựng điểm then chốt sắc bén.

Thiền Tông đây không nương tựa các thứ phương pháp như niệm Phật, xem kinh, tu sám, lễ bái, trì chú, đốt hương vân vân, chỉ dùng hồi quang phản chiếu, đơn đao vào thẳng, tham cứu thoại đầu, thoại đầu tuy có nhiều thứ không giống nhau, đều dùng

nhất tắc không ý vị lời nói, khiến người không dùng tư tưởng của ý thức, tĩnh lặng tham cứu một thứ khác lạ, hoặc tham cứu niệm Phật là ai? Kẻ kéo dài tử thi là ai? Sanh từ đâu đến, chết đi về đâu? Khi chết đi thiêu lại còn có [ngã] không? Trước khi cha mẹ chưa sanh bộ mặt nguyên là ai? Vạn pháp quy nhất, nhất quy chỗ nào? Bất tư nghi thiện, bất tư nghi ác cái nào là ngã? Hoàng Đế Thuận Trị nhà Thanh nói: [Chưa từng sanh ta ai là ngã, khi sanh ta ngã là ai, lớn lên thành người mới là ngã, hợp nhãn mờ không rõ là ai? Thâm nhập nghi tình, đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, không nghi không ngộ. Như nhà chỉ ở một người, mỗi ngày ra ngoài bán rau, khi trở về nghe trong nhà có người nói chuyện, tất nhiên họ tìm chỗ ở mình, lâu ngày không được gặp, một khi

tham cứu phá rách, xem thấy vạn hữu đều không, hợp lại lý không đây, hiểu sâu mà nói, hoàn toàn không đạt được. Ngày trước Thiền sư Khô Một, ban đêm ngồi thấy vị tăng cầm đèn bỗng nhiên khai ngộ, nói bài kệ rằng: [Cầm đèn lên lại là hỏa, trải kiếp vô minh chiếu phá, về trai đường thấy thánh tăng, cơ hồ đang đối diện lỗi lầm.] Sau khi ngộ lại biết: [Đêm đêm ôm mắt Phật, mỗi buổi lại cùng thức dậy, đứng ngồi xiềng xích theo nhau, nói năng im lặng chỉ ở chung.] Mười phương hư không, ở trong tâm ta, dụ như đám mây, điểm nhỏ ở trong bầu trời xanh, chiếu phá các pháp tướng ngũ uẩn, hư không phá tan thành đại địa hòa bình.

Ngộ thì có đốn ngộ và tiệm ngộ, có chỗ gọi là lý tức đốn ngộ, nương nơi ngộ hợp lại tiêu diệt chung, sự vật không phải trừ lập tức, nhân vì phải dứt theo thứ lớp, ngộ có phân làm ba loại: (1) Một là trước ngộ sau tu, tức là người phổ thông, đều phải sau khi ngộ liền khởi tâm tu hành, trì giới và nghiên cứu giáo lý, tức gọi là đốn ngộ tiệm tu. (2) Hai là trước tu sau ngộ, đây là thuận theo căn trí thấp kém, khiến họ trước trì giới tu định, trải qua năm tháng tích lũy nội kết, cũng có phần khai ngộ, nhưng không phải tông chỉ đây là cửa bản ý. (3) Ngộ tu đồng thời, đây là do căn đã có từ xưa nay mới thành thực, chỉ đợi đây phát sanh mới chứng quả, khi chưa ngộ, bị nghiệp hiện tại ngăn che, nên chưa có thể hiển lộ, và một khi xúc cảm liền ngộ, tức tất cả đầy đủ như Lục Tổ vân vân. Thứ người đây nhất định phải lợi căn thượng trí; còn thiên đời sau tất nhiên phải là hậu đốn ngộ, nhờ tiệm tu làm nguyên tắc. Lại nữa nhân ngộ mà tu, gọi là giải ngộ, nhân tu mà ngộ, gọi là chứng ngộ.

Tông này khai ngộ phân làm ba đoạn:

(1) Thứ nhất là Bản Tham, lại gọi là Sơ Quan, do tham cứu thoại đầu, dẫn xuất huệ vô lậu, do huệ vô lậu, sáng tỏ bản tâm của mình, thấy bản tánh của mình, gọi là sơ quan.

(2) Thứ hai là Trùng Quan, đã thấy tánh liền dùng huệ vô lậu, đối trị phiền não. Đến khi ẩn nắp xóa đi phiền não bên trong nội tâm, để phát khởi hiện hành, mới gọi là Trùng Quan.

(3) Thứ ba là Mạt Hậu Quan, dùng ẩn nắp xóa đi phiền não ở trên, còn dựa vào công dụng đối trị, nhằm để diệt tận phiền não cho được thanh tịnh, mặc cho khi vận chuyển vô công dụng, mới thấu triệt Mạt Hậu Nhất Quan. Chỗ gọi: [Đoạn trừ đạo ngôn ngữ, tâm đi đến chỗ diệt tận, ngay lập tức vượt qua Phật địa, tức Phật tức tâm, tức tâm tức Phật.]

Lại có 9 thứ đại thiên: (1) Tự Tánh Thiên, không hưởng ngoại để cầu, quán thật tướng các pháp. (2) Nhất Thiết Thiên, tất cả công đức của tự hành trì và hóa độ chúng sanh. (3) Nan Thiên, vì thiên đây thâm diệu khó tu. (4) Nhất Thiết Môn Thiên, tất cả thiên định đều do đây xuất hiện. (5) Thiên Nhân Thiên, chỗ cộng tu của chúng sanh đại thiện căn. (6) Nhất Thiết Hành Thiên, Đại Thừa hành pháp đều hàm nhiếp. (7) Trừ Não Thiên, công năng trừ diệt khổ não của chúng sanh. (8) Thủ Thế Tha Thế Lạc Thiên, công năng khiến chúng sanh tất đắc an lạc cả hai đời (hiện tại và vị lai). (9) Thanh Tịnh Thiên, hoặc và nghiệp đoạn trừ dứt hẳn, đắc tịnh báo đại bồ đề.

5/- Đại Ý Tịnh Độ Tông.-

Tông này chọn tín nguyện và hạnh ba thứ tư lương, cầu sanh thế giới cực lạc của Phật A Di Đà làm tông chỉ, nên xưng là Tịnh Độ Tông. Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật, nói “Kinh Vô Lượng Thọ”. Tại Vương Xá Thành, nói “Kinh Quán Vô Lượng Thọ”. Phật tại trong núi Kỳ Xà Quật nói “Kinh Vô Lượng Thọ”. Tại thành Vương Xá, Phật nói “Kinh Quán Vô Lượng Thọ”. Tại Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, Phật thuyết “Kinh A Di Đà”. Bồ Tát Thế Thân tạo “Vãng Sanh Luận”. Tông này chỗ nương tựa tạo ra ba kinh một luận. (1) “Kinh Vô Lượng Thọ” thuyết minh Phật A Di Đà, nhân vị hạnh nguyện và công đức quả thượng. (2) “Kinh Quán Vô Lượng Thọ” thuyết minh hạnh nghiệp của vãng sanh tịnh độ. (3) “Kinh A Di Đà”, chỉ bày trang nghiêm của cõi tịnh độ cùng lợi ích của chấp trì danh hiệu và chư Phật hộ niệm. “Vãng Sanh Luận”, thâm tiếp tổng hợp ba bộ kinh trên, chứng minh nghĩa

vãng sanh tịnh độ. Lại nữa, “Kinh Lăng Nghiêm”, ở chương [Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông]: thuyết minh [Nếu tâm chúng sanh, nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền hoặc kiếp sau, nhất định thấy Phật, đến Phật không xa, không nhờ phương tiện, tự đạt được tâm khai.] Lại có “Kinh Hoa Nghiêm”, Bồ Tát Phổ Hiền dùng mười Đại Nguyện Vương, khuyến tấn Thiện Tài, và các Đại Bồ Tát trong Hoa Nghiêm Hải Hội, 41 vị Đại Sĩ Pháp Thân, đồng hướng về Thế Giới Vãng Sanh Cực Lạc Phương Tây, dùng thời gian Phật Quả viên mãn. Nhân đem [Chương Niệm Phật Viên Thông] và [phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện] gia nhập trong ba kinh, trong đó có năm kinh một luận. Sau khi Phật diệt độ, Bồ Tát Mã Minh nơi trong “Khởi Tín Luận” Đại Lực đề xướng Pháp Môn Tịnh Độ, Bồ Tát Long Thọ trước tác [Thập Nhị Lẽ], [Dịch Hạnh Phẩm] vân vân; Bồ Tát Thế Thân sáng tác “Tịnh Độ Vãng Sanh Luận”, vân

vân. Ngoài đây còn có [Lược Luận An Lạc Tịnh Độ Nghĩa], lược thích [Kinh Vô Lượng Thọ], [Vãng Sanh Luận Chú] của Đàm Loan; [An Lạc tập] của Đạo Xước, [Quán Vô Lượng Thọ Kinh Số] của Thiện Đạo; [Tịnh Độ Thập Yếu] vân vân của Đại Sư Trí Hút. Những bài sơ trước thuật của lịch đại tổ sư trước tác không dưới hơn số ngàn quyển. Đại Sư Huệ Viễn đời Đông Tấn nơi Lư Sơn Đông Lâm Tự, cùng các đại đức và cư sĩ 123 người, chung nhau kết hợp thành Hội Liên Trì, chuyên niệm Phật sáu thời, cho nên Đại Sư Huệ Viễn trở thành Sơ Tổ của tông này.

Duyên khởi của pháp môn Tịnh Độ, căn cứ nơi “Kinh Vô Lượng Thọ” nói rằng, quá khứ lâu xa không thể nghĩ bàn, vô lượng số kiếp, có Phật xuất thế, gọi là Thế Tự Tại Vương Như Lai. Thời đó có Quốc Vương gọi là Nhiêu Vương, nghe Phật thuyết Pháp, tâm hoài niệm vui thích, tìm đến phát đạo tâm vô thượng, bỏ nước bỏ ngôi vua, đi làm tỳ kheo, hiệu là Pháp Tạng. Đến chỗ Thế Tự Tại Vương Như Lai, thỉnh vấn hạnh nguyện của các Phật Tịnh Độ. Thế Tự Tại Vương Như Lai, liền vì ông rộng nói 211 ức cõi Phật, thiện ác của nhân thiên, quốc độ to lớn tốt đẹp, thích ứng tâm nguyện của Pháp Tạng, tất cả đều hiện lên cùng thấy. Tỳ Kheo Pháp Tạng, liền nơi trước Phật suy nghĩ ghi nhớ tu tập chứng đắc Phật quốc trang nghiêm, đã thâm nhiếp tiếp nhận, liền phát 48 lời đại nguyện. Tỳ Keo Pháp Tạng thành Phật cho đến nay đã mười kiếp, hiện tại ở Tây Phương, đi đến đây trải qua mười vạn ức cõi Phật, thế giới cõi Phật đó, gọi là An Lạc, Phật hiệu là A Di Đà, nhờ nơi hào quang vô lượng của Phật đây được thọ mạng vô lượng, nên gọi là A Di Đà Phật, là Vô Lượng Quang Phật, hoặc Vô Lượng Thọ Phật.

Cần yếu muốn sanh Tây Phương, phải phát ba tâm: (1) Một là tâm chí thành, nghiệp thân miệng ý, chỗ tu hành cho giải thoát, tất nhiên phải trong ngoài tương ứng, chân thật vì cầu sanh tịnh độ, bên trong không đặng nghe danh lợi sanh tâm ham thích nuôi dưỡng, bên ngoài hiện tướng tinh tấn hiền lành. (2) Hai là thâm tâm, quyết định thâm tín A Di Đà Phật, thành tựu 48 lời nguyện, chuyên niệm danh hiệu Phật kia, quyết định được vãng sanh Thế Giới Cực Lạc. (3) Ba là Tâm phát nguyện hồi hướng, nay chỗ làm sanh tất cả thiện căn, thủy đều hồi hướng, nguyện sanh quốc độ kia.

Vãng sanh thế giới Cực Lạc, căn cứ nơi chỗ “Vãng Sanh Luận”, thuyết minh có năm thứ pháp môn niệm Phật: (1) Một là Lễ Bái Môn. Lễ tức là chuyên lạy Phật kia, lạy mãi cho đến khi nào chết, không lễ những chỗ tạp nhạp. Thân nghiệp chuyên chú đến nhất tâm, cung kính hiệp chưởng, hương hoa cúng dường, lễ bái Phật A Di Đà. (2) Tán Tán Môn. Khẩu nghiệp chấp trì danh hiệu, cộng thêm tán thán thân tướng quang minh và quốc độ trang nghiêm của Phật kia. (3) Tác Nguyện Môn. Dùng thanh tịnh ý nghiệp, ý niệm quốc độ Phật kia, nương nơi trang nghiêm chân chánh, và tất cả thân tướng quang minh của thánh chúng. (4) Quán Sát Môn. Quán sát quốc độ công đức trang nghiêm của Phật kia, công đức trang nghiêm của Phật A Di Đà và các Bồ Tát. (5) Hồi Hướng Môn. Tâm thường phát nguyện, dùng công đức của mình bố thí lợi ích cho tất cả chúng sanh trong pháp giới, đồng sanh về nước Cực Lạc, chứng ngôi vị bất thối, trở lại Ta Bà hóa độ các hữu tình.

Phương pháp niệm Phật có bốn thứ: (1) Một là Thật Tướng Niệm Phật, ngộ biết tâm bên trong không năng niệm, Phật ngoài không chỗ niệm, Phật tức là tâm, tâm tức là Phật, thông đạt do nơi tham thiền, đây là niệm Pháp Thân Phật. (2) Hai là Quán Tướng Niệm Phật. Như quán tướng mặt trời, quán tướng mặt trăng, quán tướng địa cầu, quán bảo thọ vân vân, mười sáu quán môn. (3) Ba là Quán Tượng Niệm Phật. Quán từ ao báu xuất hiện liên hoa, Phật A Di Đà buông tay xuống tiếp dẫn, bên tả là Bồ Tát Quán Thế Âm, trên đỉnh đầu có Phật; bên hữu là Bồ Tát Đại Thế Chí, trên đỉnh đầu có tịnh bình. (4) Bốn là Trì Danh Niệm Phật. Nhất tâm chuyên trì danh hiệu, trong 48 lời nguyện, nguyện thứ 18 nói: [Nói rằng tôi khi được thành Phật, chúng sanh trong mười phương, chí tâm tin vui, muốn sanh nước tôi, cho đến mười niệm, nếu không được sanh, thề không chánh giác.] Do đây có thể biết, được sanh cùng không, hoàn toàn bằng tín nguyện, phẩm vị cao thấp, hoàn toàn nhờ trì danh hiệu Phật, cho đến mười tiếng một trăm tiếng, đều được vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Cầu sanh thế giới cực lạc, có chánh và tạp ba hạnh trợ giúp, chuyên căn cứ nơi chỗ tu hành của “Tịnh Độ Kinh” gọi là Chánh Hạnh; ngoài ra tất cả vạn hạnh điều thiện, đều gọi là Tạp Hạnh. Trong Đại Kinh Tam Bối nói, một hướng về chuyên niệm “Vô Lượng Thọ Kinh” để niệm Phật, gọi là Chánh Hạnh, ngoài ra phát tâm xuất gia, tạo tượng xây tháp vân vân các điều thiện, cũng đều là Tạp Hạnh. Nay phân Chánh Hạnh làm năm, Tạp Hạnh cũng làm năm. (1) Một là Chuyên Tâm Niệm Ý, đọc tụng “Quán Kinh”, “A Di Đà Kinh”, “Vô Lượng Thọ Kinh”, gọi là Chánh Hạnh. Ngoài ra đọc tụng “Bát Nhã”, “Hoa

Nghiêm”, “Pháp Hoa” “Niết Bàn” các kinh, gọi là Tạp Hạnh. (2) Hai là chuyên chú tư tưởng, quán sát những điều nhớ nghĩ Tịnh Độ Cực Lạc Y Báo và Chánh Báo, công đức trang nghiêm, gọi là Chánh Hạnh. Ngoài ra nếu quán sát tịnh độ trong mười phương, hoặc quán sát chân như pháp tánh vân vân, gọi là Tạp Hạnh. (3) Ba là nhất tâm chuyên lễ Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật, gọi là Chánh Hạnh. Lễ bái các Phật Bồ Tát khác, hoặc các thiên thần quỷ vật vân vân, gọi là Tạp Hạnh. (4) Bốn là nhất tâm chuyên xưng danh hiệu A Di Đà Phật, gọi là Chánh Hạnh. Nếu xưng niệm các Phật và Bồ Tát khác, gọi là Tạp Hạnh. (5) Năm là nhất tâm tán thán cúng dường A Di Đà Phật, gọi là Chánh Hạnh. Nếu tán thán các đức Phật và Bồ Tát khác, gọi là Tạp Hạnh. Trong đây thứ 4 gọi là Chánh Hạnh, là chánh nghiệp của thuận theo bốn nguyện, ngoài bốn thứ Chánh Hạnh là trợ nghiệp. Như “Tứ Thiếp Sở” nói, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Di Đà, đi đứng ngồi nằm, không hỏi thời tiết, niệm niệm không nghỉ, gọi là nghiệp của Chánh Định. Nếu nương tựa nơi lễ tụng vân vân, gọi là Trợ Nghiệp. Nên xả tạp hạnh, quay về chánh hạnh, nơi trong chánh hạnh, liền tu trợ nghiệp, chuyên tu chánh nghiệp, liền xưng danh hiệu Phật, mong được vãng sanh, tức là pháp môn niệm Phật vãng sanh vậy

6/- Đại Ý Tam Luận Tông.

Tông này y cứ nơi Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận mà lập tông, giáo nghĩa của nó đại bộ phận y cứ nơi “Kinh Bát Nhã”, nên cũng gọi là Bát Nhã Tông, lại nữa chỗ hiển bày cứu cánh nghĩa không, nên cũng gọi là Đại Thừa Không Tông. Sa

Bồ Tát Long Thọ y cứ nơi Ma Ha Bát Nhã thiết lập luận cứ, hiển bày Trung Đạo của tất cả không chỗ chứng đắc, tạo thành Trung Luận. Nơi trong luận này, tuyển chọn tinh tế màu nhiệm của nó, lược thành 12 Quán Môn, mở bày Bát Nhã Chánh Quán, tạo thành 12 môn luận. Đề tử của Long Thọ là Luận Sư Đề Bà lại diễn giải

một trăm bài kệ trong đó có 20 phẩm, mục đích chánh là đả phá ngoại đạo, bao gồm phá chấp trong đạo, tạo thành Bách Luận.

Nơi Đông Tấn Diêu Tần Hoàng Thủy năm thứ ba, Pháp sư Tam Tạng Cưu Ma La Thập đến Trường An Trung Quốc, tận lực dịch Tam Luận, đây là Tổ đầu tiên của Tam Luận. Đệ tử của La Thập gồm ba ngàn người, trong đó có đệ tử đáng kể trên hết là mười người, được hiệu là Thập Môn Thập Triết. Trải qua năm đời truyền thừa, đến Đại sư Tùy Gia Tường, mới đem Tam Luận phát dương quang đại, cùng đồng thời với ông có Đại sư Minh Thắng nơi Bắc Địa hoằng truyền Tứ Luận. Ngoại trừ Tam Luận, thêm riêng “Đại Trí Độ Luận”.

Trung Luận, là đả phá tất cả hư vọng biên kiến tà kiến, mà hiển bày thật tướng trung đạo. Kỳ thật, thật tướng trung đạo, không phải trong không phải không trong, không có tên pháp tướng, vì chúng sanh cưỡng lại nói tên tướng, muốn khiến nhân đây mà ngộ vô danh, cho nên nói trung để hiển bày không trung. Trung Luận, cũng gọi là Trung Quán Luận, Trung gọi là đạo của mười phương ba đời các đức Phật Bồ Tát chỗ hành trì, cho nên trước hiểu rõ trung, sau đó mới nói trung đạo, nhằm phát sanh chánh quán của các đức Phật các Bồ Tát, nên cũng gọi là Trung Quán Luận.

Tông này dùng không không chỗ đắc làm giáo nghĩa, dùng hữu sở đắc làm vọng kiến. Trung Luận chính là đả phá Tiểu Thừa, bên phá ngoại đạo, để hiển bày nghĩa không của Đại Thừa. Bách Luận chính là đả phá ngoại đạo, bên đả phá tất cả, để hiển bày nghĩa không của Đại Thừa. Thập Nhị Môn Luận, là bao gồm đả phá Tiểu Thừa và ngoại đạo, để hiển bày nghĩa không sâu xa của Đại Thừa. [Tam Luận Huyền Nghĩa] nói: [Luận tuy có ba, nghĩa chỉ có hai biện pháp: một là phá tà, hai là hiển chánh.] Có thể thấy tông này, chỉ ở hai môn phá tà hiển chánh.

Phá tà nói lược có bốn: (1) Phá chấp của ngoại đạo cho là có thật ngã. (2) Phá chấp cho ngã là không, mà pháp là có của Tỳ Đàm Tông chủ trương. (3) Phá chấp không kiến cho là chánh lý của Thành Thật Tông. (4) Đả phá Đại Thừa ngã vào nơi thấy có chỗ chứng đắc. Như là không luận trong đạo, ngoài đạo, đại thừa, tiểu thừa, đều cho có chỗ chứng đắc, nói chung đều phá bỏ. Nói hiển chánh là, tất cả đều đả phá, không có chỗ chứng đắc, chỗ chứng đắc đã không, đạo ngôn ngữ cũng đều chấm dứt, chỗ hành động của tâm cũng đều chấm dứt, ngoài phá tà, đều không hiển chánh, chỗ phá tà, tức là hiển chánh.

Các Tông Đại Thừa và Tiểu Thừa phần nhiều thuyết minh Nhị Đế. [Trung Luận] nói rằng: [Các đức Phật thường nương nơi Nhị Đế, vì chúng sanh mà thuyết pháp.] “Đại Phẩm Bát Nhã Kinh” nói: [Bồ Tát trụ trong Nhị Đế, vì chúng sanh mà thuyết pháp.] Cho nên các kinh đều nói, Phật tùy thuận chúng sanh nên nói nơi Nhị Đế, tùy Phàm phu nói có Tục Đế, tùy Thánh chúng nói có Chân Đế. “Trung Luận Sớ” nói, có bốn lớp Nhị Đế. (1) Đầu tiên dùng Hữu làm Tục Đế, dùng Không làm

Chân Đế, đây là làm một lớp Nhị Đế. (2) Kế đến dùng Hữu và Không làm Tục Đế, dùng không phải Hữu và không phải Không làm Chân Đế, đây là hai Lớp hai Đế. (3) Ba dùng hai Lớp trước hai Đế sau làm Tục Đế, dùng không phải hai không phải không hai làm Chân Đế, đây là ba Lớp hai Đế. (4) Dùng ba Lớp trước làm Tục Đế, dứt nói năng tuyệt suy nghĩ làm Chân Đế, đây là bốn Lớp hai Đế.

Tông này, thành lập có Trung Đạo Bát Bất. Nhị Đế thâm nhiếp chung tất cả Phật pháp, nhưng Nhị Đế do Bát Bất làm chánh, không ngộ Bát Bất, tức là không biết Nhị Đế. Nên [Trung Luận] quyển đầu lại nói: [Không sanh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn, không một cũng không khác, không đến cũng không đi]. Sanh nếu có thật thì không nên dựa vào nhân duyên. Trước đã không sanh, sao lại có bị diệt, cho nên nói không sanh cũng không diệt. Đã dựa vào nhân duyên, cho nên không thường, đã không phải trước có, sao lại có bị đoạn, cho nên nói không thường cũng không đoạn. Một thân có tướng sai khác nên không đồng nhất, tuy có tướng sai khác, thân người chỉ có một thứ, nên nói không khác. Khi pháp không đến do đó không đến, động tác không đi do đó không đi, cho nên nói không đến cũng không đi.

Tông này, thành lập có bốn thứ Trung Đạo. Dùng Nhị Đế Bát Bất trên, là hiển bày Thật Tướng Trung Đạo. Từ phẩm nhân duyên, tìm cầu các pháp, có cũng không, không cũng không, có và không cũng không, không phải có và không phải không cũng không, đây gọi là thật tướng của các pháp.

Bốn thứ Trung Đạo: (1) Một là đối với Thiên Trung (Trong một bên), chỉ là đối trị học nhân của đại học và tiểu học, có bệnh thiên chấp không đoạn không thường, nên gọi là

Trung Đạo. (2) Hai là Tận Thiên Trung, do trên chỗ nói, bệnh thiên chấp nếu trừ, tức gọi là Trung Đạo. (3) Tuyệt Đãi Trung, căn bản đối trị bệnh thiên chấp, nói có Trung Đạo, bệnh thiên chấp đã trừ, Trung Đạo cũng không lập, không phải trung

không phải thiên, nên gọi là Tuyệt Đãi Trung. (4) Thành Giả Trung, chánh đạo chưa từng có và không, vì hóa độ chúng sanh, giả nói có và không, nên dùng có và không làm giả, không phải có không phải không làm trung, như trung đây, làm thành nơi giả, nên gọi là Thành Giả Trung. Có thể thấy, Tông này chỗ gọi Trung Đạo, không phải có không phải không, pháp vô tướng của không Trung Đạo không phải không Trung Đạo, để dẫn đạo cho chúng sanh, dùng lời truyền đạt Trung Đạo.

7/- Đại Ý Duy Thức Tông.-

Tông này có năm tên, (1) Một là Pháp Tướng Tông, là phân biệt thể tánh cùng tướng trạng của các pháp. (2) Hai là Duy Thức Tông, là truyết minh diệu lý của vạn pháp duy thức. (3) Ba là Phổ Vị Thừa Giáo Tông, giáo nghĩa Tông này xu hướng tất cả Thừa. (4) Bốn là Ứng Lý Viên Thật Tông, đây là lý chân thật viên mãn. (5) Năm là Từ Ân Tông, Sư Huyền Trang, Sư Khuy Cơ nơi chùa Từ Ân thành lập Tông này. Tông này căn cứ nơi 6 kinh 11 luận thành lập. Luận vũ trụ vạn hữu, tuy có vô lượng vô biên các pháp, quy nạp không ngoài năm ngôi vị một trăm pháp. Ngôi vị thứ nhất là Tâm, có tám Tâm Pháp, Ngôi vị thứ hai là Tâm Sở Hữu, tâm sở hữu có 51 pháp. Ngôi vị thứ ba là Sắc Pháp. Sắc Pháp có 11 pháp.

Ngôi vị thứ tư là Tâm Bất Tương Ứng Hành, Tâm này có 24 pháp. Ngôi vị thứ năm là Vô Vi, ngôi vị này có 6 pháp.

Hơn nữa, sẽ buộc nó lại, không ra ngoài mười chữ [Năm pháp ba tự tánh, tám thức hai vô ngã]. Năm pháp là: (1) Thứ nhất là Tướng, có hữu vi vô vi, hữu tình vô tình, các pháp trong ba cõi, đều có hình tướng sai biệt. (2) Thứ hai là Danh, nương nơi các tướng kia, thiết lập các thứ Danh, Tướng thì khả năng giải thích, Danh thì chỗ để giải thích. (3) Thứ ba là Phân Biệt, nơi danh và tướng ở trước, thức suy nghĩ dẫn đo phân biệt, danh và tướng là chỗ biết pháp, phân biệt là công năng biết tâm. (4) Thứ tư là Chánh Trí, quán sát danh và tướng, lẫn nhau làm khách, lìa hư vọng phân biệt, như lý mà biết. (5) Thứ năm là Như Như, chánh trí hợp lý, thể của các pháp đều giống nhau, thể biến khắp pháp giới, kia và đây đều là Như.

Tam Tự Tánh là (1) Thứ nhất là tánh mưu kế chấp trước biến khắp, chính là dùng vọng tình mưu tính danh tướng biến khắp, là có là không, hoặc sắc hoặc tâm, như thấy giây thừng lầm cho là con rắn, thật tình có mà lý thì không. (2) Thứ hai là Y Tha Khởi Tánh, các pháp theo các duyên để sanh, vốn không thể tánh, tuy không phải mê tình vọng tưởng, chỉ là pháp giả, như giây thừng do giây gai kết thành, thật

tướng thì có mà thể tánh thì không. (3) Thứ ba là Viên Thành Thật Tánh, xa lìa tất cả phân biệt nói năng, thật tánh các pháp thành tựu viên mãn, như giầy thăng thật tánh là giầy gai, chính tướng là không mà tánh là có, tình là không mà lý là có.

Tám Thức, tức là Thức A Lại Da thứ tám, Thức Mạt Na thứ bảy, Ý Thức thứ sáu cùng năm Thức trước. A Lại Da là tiếng

phạn, đây dịch là Tạng, có ba nghĩa là Năng Tạng, Sở Tạng, Chấp Tạng. Năng Tạng đây là Thức thứ tám, có khả năng hàm chứa bảy Thức trước và tất cả chủng tử, như kho chứa có thể chứa bảo vật. Sở Tạng đây, bảy Thức trước có thể huân tập thành chủng tử, dùng Thức thứ tám làm chỗ dung chứa, như kho chứa dùng dung chứa bảo vật. Chấp Tạng đây, Thức thứ bảy chấp chủng tử đây làm ngã, như vàng bạc vân vân, khiến người bảo trì kiên cố. Thức thứ bảy còn gọi là Truyệt Tống Thức, bên trong chấp Thức thứ tám làm ngã. Bên ngoài dùng Thức thứ sáu làm ngã dụng, dùng thông cả bên trong và bên ngoài, nên gọi là Truyền Tống Thức. Thức thứ bảy này có bốn hoặc: (1) Ngã Si, si mê lý vô ngã, luôn luôn chấp làm ngã. (2) Ngã Kiến, kiến đây tức là chấp, không phải ngã chấp cho là ngã. (3) Ngã Ái, do đắm trước tham ái cái ngã, không chịu lìa bỏ. (4) Ngã Mạn, ngạo mạn với người khác, tâm tự đề cao. Do bốn thứ phiền não đây, vì thế không thể ra khỏi nạn sanh tử. Thức thứ sáu thông đồng ba tánh thiện ác và vô ký, tất cả thiện ác, Ý Thức là dẫn đầu, Ý Thức thiện thì thân và miệng đều thiện, Ý Thức ác thì thân và miệng đều tà, công thì nó đứng đầu, tội thì nó đầu sỏ. Năm Thức trước, tức là Nhân Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, năm Thức này cùng Thức thứ tám đồng là tánh vô ký, chỉ phân biệt rõ hiện tại, mặc cho vận dụng chứng cảnh, không mang theo danh ngôn, nương nơi căn mà hiển bày, Nhân căn biến khác, Nhân Thức cũng biến theo, cho nên năm Thức theo năm căn mà đặt tên.

Hai vô ngã, một là Nhân Vô Ngã, hai là Pháp Vô Ngã. Nhân Vô Ngã đây, Ngã có nghĩa là chủ thể cùng tự tại, như thế nào hữu tình qua lại trong các cõi mà không có chủ thể thì không đặng tự tại hay sao? Cho nên phạm phu nơi tự thân và

tha thân, chấp cho là nhân có ngã và pháp có ngã; chỉ là các chúng sanh hữu tình đều do năm uẩn tạo thành, nơi đây tìm ngã hoàn toàn không thể được, nên gọi là Nhân Vô Ngã. Pháp Vô Ngã đây, các pháp thể của chúng tuy sử dụng và duy trì tự tánh, có thể phát sanh giải bày vật chất, mà không có tánh thù thắng, chân thật tự tại để sử dụng, vả lại các pháp ngũ uẩn, chấp cho là có thật tự thể, có thể tự duy trì thật pháp, mà các pháp đều do các duyên giả hiện, nơi đây tìm cầu thật pháp để có

thể duy trì tự thể, hoàn toàn không thể được, nên gọi là Pháp Vô Ngã. Tuy nhiên, Ngã và pháp đã không phải có thật, vì sao Phật nói các thánh giáo, cũng có các thứ ngã của các đức Phật và các Bồ Tát vân vân, các thứ pháp như ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới vân vân, chúng tùy theo tình cảm giả lập, đều không có nghĩa chân thật.

8/- Đại Ý Mật Tông.-

Tông đây dùng trong ba mật, Khẩu Mật Chân Ngôn lập Tông, nên gọi là Mật Tông, cũng gọi là Chân Ngôn Tông. Chân Ngôn đây, chân ngữ, như ngữ, bất vọng, tiếng không khác, Ma Ha Tỳ Lô Giá Na Phật, Mật Tông xưng là Đại Nhật Như Lai, nơi Cung Pháp Giới tự thọ pháp lạc, hằng thường diễn thuyết, đây là Giáo Mật Chân Ngôn. Thượng thủ là Bồ Tát Kim Cang Tát Đỏa, liền kết tập thành “Đại Nhật Kinh”, “Kim Cang Đảnh Kinh” gồm mười vạn bài tụng, đưa vào nơi tháp bằng sắt ở Nam Thiên Trúc. Đến sau Phật nhập diệt thời gian sáu trăm năm, Bồ Tát Long Thọ mở tháp sắt, đích thân đánh lễ Kim Cang Tát Đỏa, kế thừa tiếp nhận đại pháp, lại truyền cùng

đệ tử là Long Trí, Long Trí gồm truyền hai bộ Đại Pháp cho Thiện Vô Quý và Kim Cang Trí.

Thiện Vô Quý nơi Đường Huyền Tông khai nguyên năm thứ tư, nơi Trường An dịch Kim Cang Đảnh Hư Không Tạng Cầu Văn Trì Pháp. Năm 13 dịch thành “Đại Nhật Kinh” bảy quyển, liền mở Quán Đảnh Mạn Trà La, mà thọ pháp nơi Nhất Hạnh A Xà Lê, đây là Mật Giáo đầu tiên truyền đến Trung Hoa. Thiền sư Nhất Hạnh bút thọ Đại Nhật Kinh”, ghi lại bí nghĩa của kinh, làm thành “Đại Nhật Kinh Sớ” 20 quyển. Lại tạo Nghĩa Thích 14 quyển, tạo Yếu Điển của Mật Giáo.

Tam Tạng Kim Cang Trí, nơi năm khai nguyên thứ tám, đều cùng đệ tử của Kim Cang Trí là Tam Tạng Bất Không đồng đến Trường An khai đàn Quán Đảnh, hoằng truyền rất hưng thịnh. Về sau Kim Cang Trí nhập diệt, Tam Tạng Bất Không lại trở về Ấn Độ, hơn nữa ông ta mang theo kinh sách vân vân hơn 500 bộ, đến năm Thiên Bảo năm thứ năm Bất Không trở lại nhà Đường, hoằng truyền Mật Giáo rộng lớn, Bất Không cùng Thiện Vô Quý, Kim Cang Trí, đều xưng là Khai Nguyên Tam Đại Sĩ.

Đệ tử đặc pháp của Tam Tạng Bất Không gồm có năm vị như: Hàm Quang, Huệ Lãng, Đàm Trinh, Giác Siêu, Huệ Quả vân vân. Mà Đại Sư Huệ Quả là nhà bác

học thâm huệ, lại truyền pháp nơi Nghĩa Tháo, Không Hải vân vân gồm 16 người. Không Hải là người Nhật Bản, học pháp xong trở về nước, hoằng thâm nghĩa rộng lớn, đến nay Bác Trì, Bất Tuyệt xưng là Đông Mật.

Tông này lấy đương thể của pháp giới vạn hữu, tức là Đại Nhật Như Lai, Đại Nhật Như Lai đây, đầy đủ hai đức lý và trí,

mà do vàng và thai tạng hai bộ Mạn Trà La để biểu hiện nó. Thai Tạng Giới Mạn Trà La, biểu hiện đầy đủ lý của tánh, chúng sanh vốn có đức tánh, thâm nhiếp quảng lý hàm chứa tất cả công đức của Như Lai, mà chưa từng hiển hiện, như bào thai của người mẹ thâm nhiếp và tàng trữ hài nhi, nên gọi là Thai Tạng Giới. Kim Cang Giới Mạn Trà La, biểu hiện trí của sự tu hành hiển lộ, trí huệ của Như Lai, có thể, vì có thể phá trừ các hoặc chướng, mà chứng lý của thật tướng, kiên cố sắc bén, có như kim cương, nên gọi là Kim Cang Giới. Lý tiêu biểu bình đẳng, trí tiêu biểu sai biệt, Lý là vốn có thật, nên phối hợp với Bản Giác. Trí là do tu mà phát sanh, nên phối hợp với Thi Giác. Thai Tạng Giới là nhân, nơi trong Lục Đại Lục Đại gồm có: Đất, Nước, Gió, Lửa, Nước, Thức) dùng Ngũ Đại trước. Kim Cang Giới là quả, nơi trong Lục Đại, thì dùng Thức Đại. Lại nữa hai bộ Mạn Trà La đây, mặc dù có hai, thực tế thì không có hai, pháp môn có sai biệt, mà thể thì không phân biệt.

Mật Tông còn dùng lục đại làm Thế Đại, Lục Đại gồm có sáu đại duyên khởi là, địa, thủy, hỏa, phong, không, thức, mỗi mỗi đều biến khắp pháp giới, làm bản thể của tất cả pháp, gọi Lục Đại Thế Đại. Không luận Thế Xuất Thế Gian, vạn sự vạn vật, Không, không phải duyên khởi lục đại. Tất cả chúng sanh, từ đầu đến chân, do trong và ngoài cũng đều là do lục đại đây tạo thành. Cho nên tất cả pháp, không lìa khỏi lục đại. Pháp tánh của lục đại, biến khắp pháp giới, tất cả pháp tánh, đều là Đại Nhật Như Lai, Đại Nhật Như biến khắp pháp giới. Sáu đại của Thân Phật, cùng sáu đại của chúng sanh, cho đến sáu đại của tất cả pháp, không ngăn cách không sai biệt.

Tông này chỗ lập Tướng Đại trong ba đại, tức là bốn thứ Mạn Trà La của ba đại, Tam, Pháp, Yết, chính là trên bản thể của sáu đại, chỗ hiện tướng trạng của sai biệt. Các thứ tướng hảo của các đức Phật và Bồ Tát, làm Đại Mạn Trà La. Chỗ hành trì gồm có đồ vật, dao, kiếm, linh, chày vồ vân vân, dùng tiêu biểu cho kẻ thế nguyện đối với các bậc tôn kính, làm Tam Muội Da Mạn Trà La. Như chủng tử chân ngôn, dùng đại biểu phù hiệu của các bậc tôn kính, làm Pháp Mạn Trà La. Động tác oai nghi vân vân của các bậc tôn kính, làm Yết Ma Mạn Trà La. Hơn hết,

từ chúng sanh cho đến nơi Phật, tất nhiên đều hiện tướng đầy đủ của bốn Mạn Trà La này, mỗi mỗi hàm chứa công đức của bảo tướng. Như Lai cũng đầy đủ bốn Mạn Trà La của chúng sanh, chúng sanh cũng đầy đủ bốn Mạn Trà La của Như Lai, chúng sanh và Phật giống nhau như một, liên quan lẫn nhau với người.

Tam Mật tác dụng, biến khắp pháp giới, thuộc nơi Dụng Đại. Tam Mật đây, một là Thân Mật, hai là Ngữ Mật, ba là Ý Mật. Pháp Phật ba mật, sâu xa vi tế, Đẳng Giác Thập Địa, không thể thấy nghe, nên gọi là Mật, Như Lai nhân vì ba Mật, mà có thể thành tựu công đức thanh tịnh, thể tướng pháp giới, làm cho nó thành Thân Mật, tất cả âm thanh, làm cho nó thành Ngữ Mật, công dụng biến khắp Thức Đại, làm cho nó thành Ý Mật.

Người thực hành Tông này, dựa vào năng lực công đức quán tưởng bốn Tôn, đem ý nghiệp của tự mình, chuyển thành Ý Mật của Như Lai, dựa vào năng lực công đức của kết thủ ấn, đem thân nghiệp của tự mình, chuyển thành Thân Mật của Như Lai, dựa vào năng lực công đức của trì chú, đem Khẩu Nghiệp củ

Vừa vào sự tác dụng gia trì của Tam Mật, tất cả chúng sanh, đều đặng thành Phật, tất cả quốc độ, có thể thành Tịnh Độ.

Tông này chủ trương thân liền thành Phật, tất cả chúng sanh trực tiếp thể nghiệm Thể của sáu đại, thể nghiệm Tướng của tứ mạn, thể nghiệm Dụng của tam mật. Mỗi mỗi vốn có đầy đủ đức tánh của Như Lai, thân sẽ là giác ngộ ngôi vị của Đại Nhật Như Lai, nhưng vì vô minh phiền não chỗ ngăn che, không tự giác ngộ. Nếu người tàng trữ chân ngôn mật, tay bắt ấn tương hợp, miệng đọc chân ngôn, tâm trụ tam ma địa, tam mật gia trì tương ứng, không động cha mẹ chỗ sanh phàm thân, đốn chứng thể nghiệm ngôi vị Đại Nhật Phật, là vì giáo nghĩa của Tông này thân liền thành Phật.

Nghĩa thân liền thành Phật, có ba thứ lý đủ, gia trì, hiển đắc. (1) Một là Lý Đủ Thành Phật đây, tức là sáu đại thân tâm của chúng sanh, vốn đầy đủ tánh đức của lý trí Như Lai, chúng sanh cùng Phật đồng một tánh lý, đây tức là lý đầy đủ thành Phật. (2) Hai là Gia Trì Thành Phật, tức là do gia trì tam mật, thành tựu diệu hạnh của thân liền thành Phật, khai mở hiển bày quả đức bản giác của chúng sanh, đây tức là gia trì thành Phật. (3) Ba là hiển bày đặng thành Phật đây, tức là do diệu hạnh thành tựu của tam mật, chứng vào diệu quả vô thượng, vốn đầy đủ vạn đức lý trí, đến đây hoàn toàn khai mở hiển bày, đây tức là hiển bày đặng thành

Chân ngôn hành đây, nên quán các pháp từ nhân duyên sanh không có tự tánh, do nơi tập luyện quán lâu năm, đặng các thứ pháp chứng nghiệm hiện tiền, cho đến chư Phật hải hội vô lượng trang nghiêm. Nếu sanh tâm dựa vào ngã mạn, lúc đó ma được tiện lợi, hoặc thối thất tam muội, hoặc đọa

vào cảnh ma, đương lúc thâm tu một câu mười duyên sanh làm trợ giúp hành trì, các pháp như huyễn, xa lìa ma chướng. Câu mười duyên sanh đây, (1) Huyễn, huyễn sư chỗ tạo ra các thứ sắc tượng. (2) Lửa Mặt Trời, đầu xuân đồng bằng bát ngát, không gian bụi trần hòa hợp, hiện tại tự như tướng nước. (4) Ảnh, dụ như ảnh tượng trong gương. (5) Hải Thị Hận Lô, do không khí phản xạ, cổ nhân cho là không khí của thủy tộc pun ra, (Ảnh giả ảo tưởng do ánh sáng soi vào biển cả rọi lên không, tạo ra muôn hình vạn trạng rực rỡ giống như nhà cửa cung điện). Nên gọi là Hận Lô. (6) Hưởng, trong thâm sơn cùng cốc, do tiếng chuyển động. (7) Thủy Nguyệt, trong nước chỗ hiện bóng mặt trăng. (8) Phù Bào, là bọt nước nổi trên mặt nước. (9) Không Hoa, do mắt bị bệnh thấy trong hư không có hoa. (10) Toàn Hỏa Luân, cầm ngọn lửa xoay tròn trong không, phát sanh hiện tượng vòng lửa. Vạn hạnh phương tiện, đều mượn câu mười duyên sanh đây, tịnh trừ tâm cấu, phá tất cả tình chấp, đạt đến diệu quán bất sanh bất diệt vậy.

9/- Đại Ý Luật Tông.-

Phật Đà thành đạo ở thời kỳ đầu, đều không chế giới, chỉ có huấn thị [Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo] (Các điều ác chớ làm, các điều thiện vâng làm, tự tịnh ý của mình, là lời giáo huấn của các đức Phật). Thẳng đến khi năm thứ năm, có một tỳ kheo bị mẹ bắt buộc hoàn tục cưới vợ, nhân đó, Phật giáo giới luật liên tục được chế định.

Căn cứ nơi sự truyền thừa chỗ nói, thời gian Phật nhập diệt một trăm năm, do Ca Diếp truyền cho A Nan, lại truyền Mạt

Điền Địa, Thương Na Hòa Tu, Ưu Bà Quạt Đa, năm sư kế thừa nhau, như bình nước chảy nhanh, đều không chi nhánh. Nơi Ưu Bà Quạt Đa trở xuống, có năm vị đệ tử, đối với nội dung luật tạng, đều tự giữ lại và bỏ đi không giống nhau, liền phân thành 5 bộ luật, cho đến 20 bộ. Năm bộ luật đây, (1) Đàm Vô Đức Bộ. Đây gọi là Pháp Mật, tức Luật Tứ Phần, nơi trong luật tạng của Thượng Tọa Bộ, tụ tập thành văn, theo truyền thuyết ngăn cấm, tức là một phần, như là Tứ Độ, một bộ Phương Tụ. Phần thứ ba 20 quyển, tức Tỳ Kheo Giới. (2) Một trăm năm mươi điều. Phần

thứ hai 15 quyển, tức là Tỳ Kheo Ni Giới, 348 điều. Phần thứ ba 14 quyển, tức là quy tắc an cư tự tứ vân vân. Phần thứ tư 11 quyển, tức là phòng xá, thọ y, các thứ tạp pháp của diệt tránh. Hai là Tát Bà Đa Bộ. Đây gọi là Nhất Thế Hữu Bộ, tức là Thập Tụng Luật. (3) Di Sa Tắc Bộ. Đây gọi là Bất Trước Hữu Vô Quán, tức là Ngũ Phần Luật. (4) Ca Diếp Di Bộ. Đây gọi là Trùng Không Quán, tức đặng giải thoát. (5) Bà Thô Phú La Bộ. Đây gọi là Trước Hữu Hạnh, chưa truyền vào Trung Thổ, dùng trên đều thuộc Tiểu Thừa.

Trung Quốc có giới luật, đầu tiên nơi thời Tam Quốc, Tào Ngụy Gia Bình năm thứ hai, do Đàm Ma Ca La Tôn Giả người Trung Thiên Trúc, nơi Bạch Mã Tự ở Lạc Dương, dịch Tứ Phần Luật Yết Ma Pháp, liền thỉnh phạm tăng lập Yết Ma Pháp, truyền thọ giới tỳ kheo, Trung Quốc có tỳ kheo đầu tiên. Trải qua 550 năm, từ Phật Đà Da Xá, Trúc Phật Niệm Tôn Giả, sau khi dịch Tứ Phần Luật, cổ đức trước thuật có 20 nhà. Tứ Phần Luật hoàng dương khởi đầu nơi Ngụy năm thứ nhất Luật Sư Pháp Thông, truyền xuống trải qua hơn mười năm, đến Luật Sư Đạo Tuyên, gồm thông ba tạng, chuyên nghiên cứu Tỳ Ni, sáng tác “Giới Bản Số”, “Yết Ma Số”, “Hành Sự Sao”, ba đại

bộ và “Xả Tỳ Ni Nghĩa Sao”, “Tỳ Kheo Ni Sao”, gồm xưng là Ngũ Đại Bộ. Ngài Đạo Tuyên dùng Duy Thức Học, dung thông Đại Tiểu Thừa, thành lập Diệu Giới Nhất Thừa Viên Đốn, cho nên Tông này dùng Luật Sư Đạo Tuyên làm Cao Tổ. Nhân Tông này trụ nơi núi Chung Nam, người đời sau xưng là Nam Sơn Tông. Lại dùng Tứ Phần Luật làm Tông, nên cũng xưng là Tứ Phần Luật Tông.

Luật có ba tên: (1) Tỳ Ni, đây dịch là luật, tội có nhẹ có nặng, căn cứ nơi pháp mà phán định, phạm cùng không phạm, không phải luật không phân định, cho nên xưng là Tỳ Ni. (2) Thi La, đây dịch là giới, cũng gọi là thanh lương, ba nghiệp như lửa, thiêu đốt đức hạnh của con người, nếu thọ tịnh giới, giới có thể phòng ngừa phi pháp, nên gọi là thanh lương. (3) Ba La Đề Mộc Xoa, đây dịch là Biệt Giải Thoát, nếu thọ trì sao gọi là chủng giới, tức đặng hạt giống giải thoát, cũng gọi là xứ xứ giải thoát, nên gọi là Biệt Giải Thoát.

Giới có giới tại gia cùng giới xuất gia, giới tại gia có bốn thứ: (1) Tam Quy Giới, (2) Ngũ Giới, (3) Bát Quan Trai Giới, (4) Bồ Tát Giới. Giới Xuất Gia có năm thứ: (1) Giới Sa Di và Sa Di Ni, (2) Giới Thức Xoa Ma Na. (3) Giới Tỳ Kheo. (4) Giới Tỳ Kheo Ni. (5) Giới Bồ Tát. Cộng có bảy chúng đệ tử Phật, tính có tỳ kheo, tỳ kheo ni, sa di, sa di ni, thức xoa ma na ni, ưu bà tắc và ưu bà di vân vân.

Lại nữa, giới Tiểu Thừa cùng giới Đại Thừa. Giới Tiểu Thừa đây, tức là năm giới, tám giới, mười giới, cụ túc giới. Tất cả giới, đều có bốn khoa: một là giới pháp, hai là giới thể, ba là giới hành, bốn là giới tướng. Giới Pháp đây, Như Lai chế giới pháp. Giới Thể đây, theo sư thọ giới, lãnh nạp giới thể, phòng lỗi ngăn ác, không phải sắc không phải

tâm. Giới Hành đây, đã phát giới thể, tùy khả năng giữ gìn, vận dụng thân miệng ý, tu tạo thiện nghiệp. Giới Tướng đây, trì giới được đức hạnh duyên dáng ngoại hình rực rỡ, tướng của nó là người mẫu mực khuôn phép, Cổ Đức nói: [Thánh nhân chế tên giáo pháp, tiếp nhận pháp thành nghiệp gọi là thể, nương nơi thể hộ trì gọi là hành, là hành thì có nghi thức gọi là tướng.]

Lại nữa, thế gian giới cùng xuất thế giới. Thế gian giới tức năm giới, tám giới. Xuất thế gian giới, thập giới, cụ túc giới. Giới có hai thứ: Một là Chỉ Trì Giới. Hai là Tác Trì Giới. Chỉ Trì Giới đây, chỉ là ngăn cấm, không làm các điều ác, giới thể trước kia trong sạch, thuận theo chỗ thọ căn bản gọi là chỉ trì. Tác trì đây, tác là tạo tác, sách tấn khích lệ ba nghiệp, tạo tác các điều lành, tu tập giới hạnh, có điều lành phát khởi hộ trì, nên gọi là tác trì. Tiểu Thừa Giới đây, phần nhiều là chỉ trì, nên chưa thọ giới đây, không được thấy nghe, dễ sanh khinh mạn, vì sợ sẽ thành chướng ngại. Đại Thừa giới có Tam Tự Tịnh Giới, 1/- Nhiếp Luật Nghi Giới, 2/- Nhiếp Thiện Pháp Giới, 3/- Nhiếp Chúng Sanh Giới. Đại Thừa Giới đây, phần nhiều là Tác Trì, không luận nam nữ, thọ cùng chưa thọ, đều có thể hoan hỷ nghe, vì là hạt giống thiện căn.

Lại nữa, sát đạo dâm vọng đều thuộc về tánh giới, tội của chúng rất nặng. Còn uống rượu giới, tránh đời bàn luận dèm pha, gọi là già giới, tội của nó còn nhẹ.

Lại nữa, thân đoạn tất cả điều ác, gọi là luật nghi giới, tâm đoạn tất cả ác, gọi là định cộng giới, tu đến tứ thiền, trong thân tự sanh, phòng tội ngăn ác. Không còn để đoạn, gọi là đạo cộng giới, Thánh giả ba thừa, thấy đạo tu đạo, trí huệ vô lậu phát sanh, trong tâm tự tại, phòng lỗi ngăn ác.

Đại Thừa Bồ Tát Giới Bốn, cộng chung có sáu thứ: 1/- Bồ Tát Anh Lạc Giới Bốn, có mười giới trọng, không có giới khinh. 2/- Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bốn, có mười giới trọng, 48 giới khinh. 3/- Du Già Bồ Tát Giới Bốn, có 4 giới trọng, 43 giới khinh. Ba thứ giới đây, xuất gia tại gia đều có thể đồng thọ. 4/- Bồ Tát Địa Trì Kinh Giới Bốn, có 4 giới trọng, 43 giới khinh. 5/- Bồ Tát Thiện Giới Kinh Bốn, có 8 giới

trọng, 46 giới khinh, hai thứ giới đây, chỉ người xuất gia mới thọ. 6/- Bồ Tát Ưu Bà Tắc Kinh Giới Bản, có 6 giới trọng, 28 giới khinh, giới đây chỉ người tại gia mới thọ.

Thọ Bồ Tát Giới có hai thứ tánh chất: 1/- Đốn Thọ, tuy chư từng thọ bảy chúng giới, cũng có thể đơn độc thọ Bồ Tát Giới. 2/- Tiệm Thọ, trước phải thọ tam quy ngũ giới, sau đó mới thọ Bồ Tát Giới.

Giới có khinh và trọng, mỗi tên căn bản gọi không giống nhau, “Anh Lạc Kinh” gọi 10 giới trọng, gọi là 10 điều không không thể sám hối. “Kinh Phạm Võng” gọi là 10 Ba La Di, Du Già Giới Bản gọi là 4 Tha Thắng Xứ. “Kinh Ưu Bà Tắc” gọi là 6 Trọng Pháp. Dùng Khinh Giới lại nói “Kinh Phạm Võng” gọi là Khinh Cấu Tội. “Kinh Ưu Bà Tắc” gọi là Thất Ý Tội.

Chúng sanh vô lượng, hư không vô biên, giới thiện giống nhau như thế, cũng không chia đều nhau, Giới Đại Thừa dùng 3 Tụ Tịnh Giới, thâm nhiếp không cùng tận, tụ nghĩa là tổng nhiếp. (1) Nhiếp Chúng Sanh Giới, rộng độ tất cả chúng sanh, không chúng sanh nào không độ, tức là [Chúng sanh vô biên thế nguyện độ.] (2) Nhiếp Luật Nghi Giới, mà tất nhiên đoạn trừ tất cả điều ác, không điều ác nào mà không đoạn trừ, tức là [Phiền não vô tận thế nguyện đoạn]. (3) Nhiếp Thiện Pháp Giới, mà khắp tu tất điều thiện, không điều thiện nào

không tu, tức là [Pháp môn vô lượng thế nguyện học]. (4) Phật Đạo Vô Thượng Thế Nguyện Thành.] Trên đây Bồ Tát chỗ cần phát nguyện [Tứ Hoàng Thế Nguyện.]

Hết

Dịch xong ngày 20. 9. 2021

Chùa Bảo Phước

Trung tâm phiên dịch và trước tác

Thích Thắng Hoan